



Kính biểu

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG
(1946 - 2010)



Chức vụ

TS HỒI

BẢNG BỘ XÃ HUỠNG THƯỢNG

(1978 - 2010)

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐỒNG HỖ

BAN CHỈ ĐẠO NGHIÊN CỨU, BIÊN SOẠN:

1- NGUYỄN TRỌNG HÙNG, Ủy viên Ban Thường vụ.
Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Hỷ

Trưởng ban.

2- DƯƠNG TRỌNG VĂN
Bí thư Đảng ủy xã Huống Thượng

Phó Ban Chỉ đạo.

3- PHẠM ĐỨC NGUYỄN, Phó Bí thư Đảng ủy.
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Huống Thượng

Ủy viên.

4- DƯƠNG XUÂN VIỄN, Ủy viên Ban Thường vụ.
Thường trực Đảng ủy xã Huống Thượng

Ủy viên.

3- LỤC THỊ HÀ UYÊN

Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Hỷ

Ủy viên.

TỔ BIÊN SOẠN:

1- Kỹ sư: NGUYỄN NGỌC LÂM,

Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu;

Bí thư Chi bộ xóm Cây

Tổ trưởng.

Biên soạn chương I, chương II, chương III và Phần Phụ lục.

2- LÊ HỮU HÙNG,

Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu;

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Hướng Thượng

Tổ viên.

Biên soạn chương IV, chương V và Phần Kết luận.

BIÊN TẬP:

NGUYỄN NGỌC LÂM.

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

DƯƠNG TRỌNG VĂN

ĐỌC SOÁT BẢN IN:

NGUYỄN NGỌC LÂM

VŨ THANH KHÔI

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

Lời giới thiệu

Chi bộ Đồng Tiến, tiền thân của Đảng bộ xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên ra đời sau cách mạng tháng Tám năm 1945. Hơn 60 năm lãnh đạo nhân dân trong xã chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quê hương là trang sử hào hùng đáng trân trọng của Đảng bộ.

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TU ngày 31 tháng 12 năm 2002, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên về việc biên soạn Lịch sử Đảng bộ các cấp, các ngành trong tỉnh. Ngày 19 tháng 3 năm 2008, Đảng uỷ xã Huống Thượng (khóa XVII) ra Nghị quyết số 18-NQ/ĐU “Về việc tổ chức sưu tầm tổng hợp, biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng từ ngày thành lập đến nay”. Tiếp theo, ngày 05 tháng 3 năm 2009, Đảng uỷ xã ra Quyết định số 12-QĐ/ĐU “Thành lập tổ sưu tầm, tổng hợp và biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng” gồm 2 đồng chí. Sau một thời gian tập trung sưu tầm, tìm hiểu, tra cứu từ các trung tâm lưu trữ, được sự giúp đỡ của cơ quan chuyên môn, các nhân chứng,... Những tài liệu, chứng cứ ban đầu đủ yếu tố để biên soạn được cuốn Lịch sử Đảng bộ xã.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Ban Thường vụ Huyện uỷ Đồng Hỷ (khóa XXII) ra Quyết định số 373-QĐ/HU “Về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ”. Đến ngày 13 tháng 9 năm 2010, Ban Thường vụ Huyện uỷ (khóa XXIII) ra Quyết định số 22-QĐ/HU “về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng”.

Sau hơn 2 năm sưu tầm từ các nguồn thông tin, tài liệu, tư liệu với sự giúp đỡ cung cấp nhiệt tình của các tập thể và cá nhân. Cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng 1946-2010” đã hoàn thành.

Cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng” ra đời giữa lúc Đảng bộ và nhân dân trong xã cùng với nhân dân cả nước đang thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, đẩy mạnh công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước. Mỗi cán bộ đảng viên và nhân dân đang ra sức “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cũng là một dịp để cho mỗi người có cơ sở nghiên cứu tìm hiểu về một thời vẻ vang của cha ông ngay trên mảnh đất quê hương.

Để đảm bảo khách quan trung thực cho cuốn lịch sử, Đảng uỷ đã tổ chức các buổi hội thảo và gửi bản dự thảo xin ý kiến đóng góp của các đồng chí từng là người trong cuộc, các đồng chí làm chuyên môn lịch sử và Phòng Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo, Tỉnh uỷ Thái Nguyên với tư cách là cơ quan chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn và giám định các tư liệu. Tuy chưa thật sự đầy đủ nhưng

cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng 1946-2010” đã trình bày có hệ thống hơn 60 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ từ khi Chi bộ Đảng (tiền thân của Đảng bộ) ra đời.

Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng (1946-2010) là những trang oanh liệt được viết bằng mồ hôi, xương máu của các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Những con người dũng cảm, sẵn sàng hy sinh cống hiến cho sự nghiệp cao cả của Đảng, của nhân dân, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng ở địa phương ở từng giai đoạn lịch sử. Những tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của những người con trung hiếu của Tổ quốc, của nhân dân không thể nào viết hết trên những trang giấy nhỏ. Xin ghi tạc vào tâm khảm, với tất cả lòng thành kính và biết ơn của thế hệ hôm nay với các thế hệ cha ông đã quên mình làm nên lịch sử vẻ vang của quê nhà.

Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng bộ là để cho mỗi người chúng ta kế thừa và phát huy sức mạnh vĩ đại của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ngay trên mảnh đất quê hương. Để hiểu thêm được các thế hệ đi trước đã sống, chiến đấu và xây dựng quê hương, cho chúng ta có Tổ quốc Việt Nam đàng hoàng tươi đẹp như ngày hôm nay. Giúp cho mỗi người lao động, học tập, rèn luyện tốt hơn trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện, xứng đáng là những người cộng sản chân chính trong thời đại Hồ Chí Minh.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Trong quá trình chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ, Ban Chỉ đạo và Tổ biên soạn luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ có hiệu quả của Ban Thường vụ Huyện uỷ Đồng Hỷ, Phòng Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ, các đồng chí cán bộ lão thành...; sự giúp đỡ của Tiến sĩ sử học Nguyễn Xuân Minh, Cử nhân Vũ Thanh Khôi, Cử nhân Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Thắng, Thạc sĩ Lê Quang Sơn, nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Khánh...

Mặc dù trong quá trình nghiên cứu và biên soạn, Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn đã có nhiều cố gắng khách quan, công tâm, vô tư, nhưng chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót thậm chí có sai sót nhầm lẫn. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc.

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Chi bộ xã Đồng Tiến (tiền thân của Đảng bộ xã Huống Thượng 14/4/1946-14/4/2011). Đảng uỷ trân trọng giới thiệu cuốn **“Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng 1946-2010”** với cán bộ đảng viên, nhân dân trong xã cùng bạn đọc gần xa.

T/M Đảng uỷ xã Huống Thượng

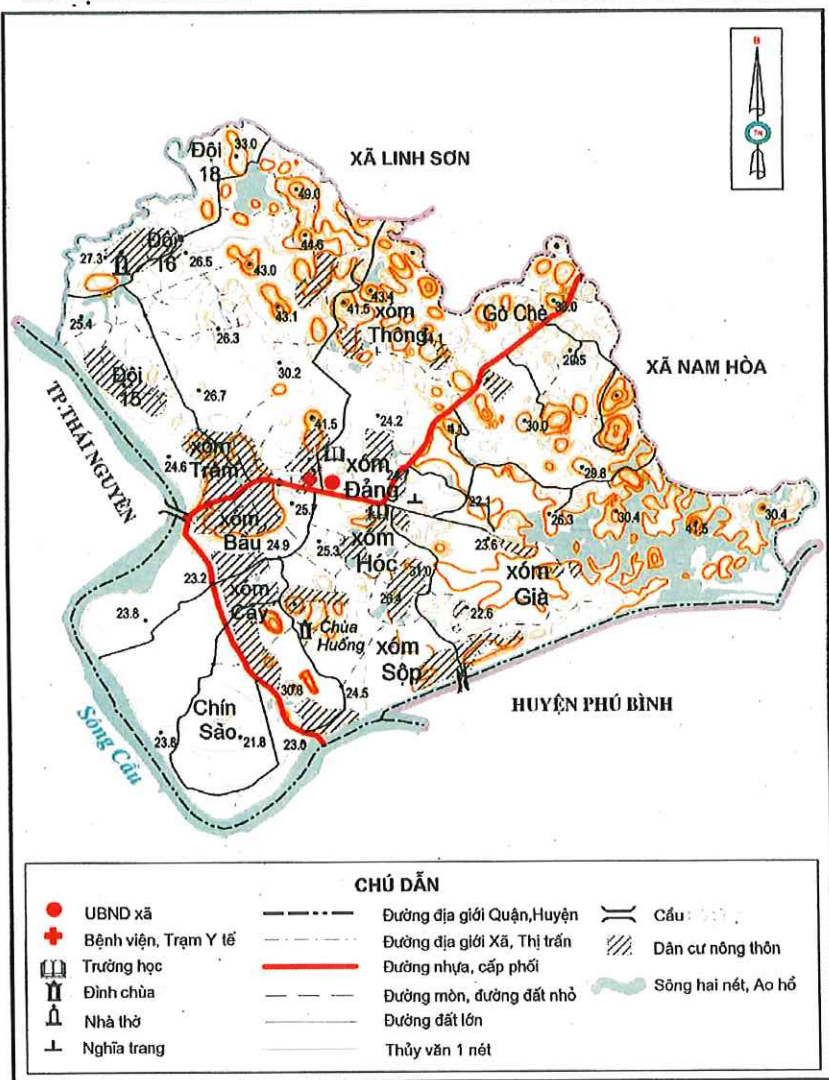
Bí thư

DƯƠNG TRỌNG VĂN

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ HUỐNG THƯỢNG

HUYỆN ĐỒNG HỖ

TỈNH THÁI NGUYÊN



TỶ LỆ: 1/35 000



Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ-XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG TRONG SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC, GIỮ NƯỚC

1- Điều kiện tự nhiên và địa lý hành chính

Xã Huống Thượng nằm ở vùng tây-nam huyện Đông Hy¹, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 3 km về phía đông; phía bắc giáp với xã Linh Sơn; phía đông giáp xã Nam Hòa; phía nam giáp với xã Đồng Liên¹ và phường Cam Giá; phía tây giáp với phường Túc Duyên và phường Gia Sàng². Từ điểm cực Bắc của xã ở chân phía bắc đồi Yên Ngựa (tức gò Ông Đậu) thuộc xóm Huống Trung đến cực Nam của xã tại đoạn vòng sông Cầu ở soi Cam xóm Cây (đối diện với Trạm Bơm 1 của Khu Gang Thép) dài 3.750 mét. Từ điểm cực Đông của xã (đoạn bờ sông Ngòi Chẹo³ tại chân đồi Ông Toàn-tức điểm cao 30,4

¹ Xã Đồng Liên thuộc huyện Phú Bình.

² Các phường Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá đều thuộc thành phố Thái Nguyên

³ Nhân dân địa phương vẫn gọi là suối Ngòi Chẹo, nhưng trên bản đồ đều ghi là sông Ngòi Chẹo. Để thống nhất cách gọi và tiện cho việc tra cứu với bản đồ, Tổ biên soạn vẫn ghi là sông Ngòi Chẹo.

ở bắc soi Đồng Lĩnh) đến điểm cực Tây của xã tại cửa Ngòi Giăng chảy ra sông Cầu, dài 4.390 mét; đường nối vuông góc cực Đông-Tây dài 4.080 mét⁴. Đường thuận tiện nhất đi từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến trụ sở Ủy ban nhân dân huyện tại thị trấn Chùa Hang phải qua thành phố Thái Nguyên có chiều dài 7 km.

Xã Huống Thượng hiện nay gồm 10 xóm là xóm Bầu, xóm Cậy, xóm Đảng, xóm Già, xóm Gò Chè, xóm Huống Trung, xóm Hóc, xóm Sộp, xóm Thông và xóm Trám.

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 819,9 ha; bao gồm 576,8 ha diện tích đất nông lâm nghiệp (trong đó đất trồng lúa có 385,13 ha); 217,52 ha đất phi nông nghiệp; 25,57 ha đất chưa sử dụng. Đất đai xã Huống Thượng chia làm 2 loại chính: Loại thứ nhất là đất đồi gò chiếm 26% tổng diện tích tự nhiên⁵, tầng đất tương đối dày, thành phần cơ giới thịt nhẹ đến trung bình, nghèo dinh dưỡng, chủ yếu ở các xóm Gò Chè, xóm Thông, xóm Sộp, phía bắc xóm Già giáp xóm Đảng và một phần xóm Huống Trung, được nhân dân sử dụng làm nhà ở, trồng cây ăn quả và một số loại cây lâu năm khác. Loại thứ 2 là đất ruộng do tích tụ phù sa của Sông Cầu và các sông suối khác; đất có tầng dày, màu xám đen, hàm lượng mùn và đạm ở mức khá cao, hàm lượng lân và kali ở mức

⁴ Số liệu do Địa chính thuộc UBND xã Huống Thượng cung cấp 2009.

⁵ Số liệu của Địa chính xã Huống Thượng năm 2010.

trung bình đến khá; tập trung ở các xóm Huống Trung, xóm Già, xóm Bầu, xóm Trám và xóm Cậy. Loại đất này rất thích hợp với các loại cây lương thực và cây hoa màu.

Địa hình Huống Thượng không bằng phẳng, toàn xã có khoảng 100 quả đồi, gò đất xen vào những cánh đồng và khu dân cư có độ cao trung bình 20 mét so với mặt nước biển, nghiêng dần từ Bắc đến Nam. Nổi lên một số ngọn đồi cao như gò chùa Kim Hoa ở giữa xã, gò chùa Nóng (xóm Cậy) núi Tiếm, Ba Chân, Quán Đậu, Cây Ngà (thuộc xóm Già), Ba Xã, Ba Chân, Má Hoàn (thuộc xóm Thông), Ao Sen (xóm Sộp)... Bên bờ tả ngạn sông Cầu là cánh đồng soi bãi tương đối bằng phẳng phù sa màu mỡ, bị đồi Bầu Trám nhô ra đến bờ sông chia cắt thành 2 phần. Phần phía Bắc là khu soi Đồng Hoảng, soi Mận, soi Đình, ngược lên soi Giăng⁶ xóm Ngọc Lâm thuộc xã Linh Sơn. Phần phía Nam là đồng bãi từ soi Nổi, soi Ba Tua, soi Ngựa, soi Thác Làng, soi Cam, soi Thác Hét và bị chặn lại ở đồi Miếu Bơi. Cả 2 phần đồng đất này đều được tích tụ bởi phù sa sông Cầu nên có độ màu mỡ cao, rất phù hợp cho việc trồng màu.

Xung quanh xã Huống Thượng có Sông Cầu, sông Ngòi Chẹo, ngòi Giăng và sông Đào; về cơ bản các sông ngòi này đã tạo thành ranh giới tự nhiên với các xã lân

⁶ Tại soi Giăng có gần 20 mẫu đất thuộc xóm Huống Trung, xã Huống Thượng quản lý.

cận. Bên trong xã, có các dòng suối nhỏ (hoặc các ngòi nước nhỏ) như Ngòi Đất từ Chà Lâu xóm Già chảy ra sông Ngòi Chẹo; ngòi từ Chằm xóm Trám chảy giữa đôi Bàu Trám và Đồng Hoảng ra Sông Cầu; ngòi từ Dộc Bàu qua Cầu Trâu chảy ra Bến Tràng; ngòi từ Cây Si xóm Cây qua Cửa Chặng hợp với Ngòi Muốc chảy ra Thác Hét. Trong xã còn có hệ thống đầm chứa nước ở các xóm Cây, xóm Già và các hồ ao ở xóm Thông, Huống Trung, Gò Chè, xóm Trám... góp phần dự trữ một lượng nước quan trọng cho sản xuất nông nghiệp. Đến nay chưa có nghiên cứu khảo sát, cũng như chưa có đánh giá nào cụ thể, về nguồn nước ngầm trên địa bàn xã.

Vùng đất Huống Thượng đã hình thành từ xa xưa, cùng với tổ tiên dựng nước mấy ngàn năm. Tên Huống Thượng có chính thức từ bao giờ cũng chưa có tài liệu nào xác định được rõ ràng. Theo một số nhà nghiên cứu, chữ Huống có thể là cách phát âm chệch đi của chữ Huồng trong Hán tự cổ, có nghĩa là con Thuồng Luồng, là một loài rắn ở dưới nước. Khi chưa có tôn giáo, mỗi tộc người thường lấy một con vật nào đó làm linh vật cho bộ tộc mình để cầu mong được che chở, may mắn, tốt đẹp... Vùng đất dọc sông Cầu trong đó có Huống Thượng thường thấy có tục thờ các con rắn lớn trong các đình, chùa, miếu nên có thể nói rắn là con vật linh thiêng được nhân dân tôn thờ.

Theo sách “Các tổng, trấn, xã danh bị lãm” biên soạn từ năm 1810 đến 1813, dưới triều vua Gia Long, được viện Hán-Nôm đặt lại là “Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ-Tĩnh trở ra)” thì xã Huống Thượng thuộc tổng Huống Thượng, huyện Động Hỷ⁷, phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Tổng Huống Thượng khi ấy gồm có 5 xã phường là xã Huống Thượng, xã Linh Nham, xã Đồng Bẩm, xã Phổ Lý và phường Thủy Cơ bên Huống Thượng.

Theo truyền khẩu, xã Huống Thượng đã có nhiều lần điều chỉnh ranh giới, nhưng từ đầu thế kỷ XIX trở về trước không có được những ghi chép đầy đủ rõ ràng. Năm 1910 chính quyền cắt một phần xã Huống Thượng và một phần xã Linh Nham ra để thành lập thêm một xã mới, đặt tên là Huống Trung. Như vậy, đến đầu thế kỷ XX tổng Huống Thượng gồm có 6 xã phường, nhưng diện tích của tổng vẫn được giữ nguyên như khi chưa có xã Huống Trung.

Năm 1922, chính quyền lại điều chỉnh lại địa giới, đổi tên và đặt thêm các xã mới ở Bắc Kỳ. Tổng Huống Thượng khi này có 10 xã là Huống Thượng, Huống Trung, Linh

⁷ Theo sách địa chí Thái Nguyên, tên huyện Động Hỷ được đặt từ thời Trần. Đến năm Quang Thuận thứ 7 (1456) dưới triều vua Lê Thánh Tông, Động Hỷ trực thuộc phủ Phú Bình, là một trong 3 phủ thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên. Chưa xác định được năm đổi tên huyện Động Hỷ thành Đồng Hỷ.

Nham, Đồng Bẩm, Đồng Giang, Khe Mo, Phố Lý, Vân Hán, Hoà Khê và Nam Ký⁸.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, ranh giới xã Huống Thượng cũng được các chính quyền đương thời điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Ở phía bắc, xưa kia xã Huống Thượng ngăn cách với xã Linh Nham bởi Ngòi Giăng từ bờ sông Cầu đến xóm Nam Sơn, tiếp theo là một đoạn địa giới nối đến suối Ngòi Con⁹. Khi thành lập Khu tự trị Việt Bắc¹⁰, địa giới xã lại được điều chỉnh để có hiện trạng như hiện nay: phía bắc xã Huống Thượng tiếp giáp với xã Linh Sơn và xóm Đầm Cỏ (tên cũ gọi là ấp Đồng Cỏ thuộc xã Nam Hòa).

Ở phía đông, xưa kia ranh giới giữa xã Huống Thượng với xã Linh Nham là suối Ngòi Con và với xã Nam Ký là sông Ngòi Chèo. Ngòi Con là dòng suối nhỏ, xuất phát từ phía tây xóm Thanh Chử, chảy theo hướng

⁸ Theo sách Tên làng xã và địa chí Bắc Kỳ năm 1925 của Ngô Vi Liên; NXB Văn hoá-Thông tin Hà Nội 1999. Xã Huống Thượng gồm có 7 thôn Xuân Lạp, Khẩu, Đàng, Cậy, Bàu, Giăng, Hóc. Xã Huống Trung có xóm Huống Trung và Làng Tây. Xã Linh Nham có xóm Thanh Chử, xóm Ao Lang, Làng Thông, Làng Tây.

⁹ Theo đồng chí Cao Văn Thung: khi đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã Đồng Tiến 8/1954 thì Ngòi Con vẫn thuộc xã Đồng Tiến (riêng đất soi Én của cụ Đội Bang đến gần bờ sông Ngòi Chèo).

¹⁰ Khu Tự trị Việt Bắc thành lập theo Sắc lệnh số 268SL, ngày 01/7/1956 của Chủ tịch nước. Ngày 10/8/1956 chính thức đi vào làm việc (theo sách Việt Nam những sự kiện lịch sử 1945-1975, trang 160).

tây-nam đổ nước vào Ngòi Chèo. Sông Ngòi Chèo xuất phát từ núi Thịnh Đức thuộc xóm Thịnh Đức xã Văn Hán, chảy qua Hoà Khê, Mỹ Lập qua Trại Gai, Trại Cả, Na Chanh qua thác Đá Chằng¹¹ gặp sông Cầu tại vực Mủ. Hiện nay, ranh giới phía đông của xã Huống Thượng tiếp giáp với xóm Đầm Diên (Đầm Diềm) và xóm Đầm Ninh¹² (Đầm Linh) thuộc xã Nam Hòa.

Ở phía nam, xã Huống Thượng tiếp giáp với 2 xã là Đồng Liên và xã Cam Giá; xưa kia ranh giới của xã Huống Thượng với xã Đồng Liên là sông Ngòi Chèo từ thác Đá Chằng trở xuống; với xã Cam Giá là sông Cầu từ trên thác Hét xuôi xuống gặp Ngòi Chèo. Nơi sông Ngòi Chèo và sông Cầu hợp dòng tạo thành một vực sâu được gọi là vực Mủ (còn gọi là vực La Đà), vực có hang ngầm vào trong lòng gò Hội, được gọi là Hang Vua¹³. Vùng đất nằm kẹp ở phía trên giữa 2 dòng sông gặp nhau là cánh đồng Na Kháo đất đai màu mỡ và khu dân cư được gọi là xóm Ghềnh. Năm 1922, chính quyền bảo hộ Pháp cho đào

¹¹ Đá Chằng là tên gọi cũ, khi người Pháp xây đập họ phát âm theo tiếng Pháp chữ H là âm câm nên đọc là Dacang, nên được đọc Việt hoá là Đá Gân

¹² Đầm Cỏ, Đầm Diên và Đầm Ninh là tên các xóm ghi tại trang 934 trong sách Địa chí Thái Nguyên.

¹³ Hang Vua theo truyền thuyết cụ Hậu là nơi ở của Vua Thủy Tề. Hang ở ngầm dưới nước từ vực Mủ (tức vực La Đà) dẫn vào trong lòng gò Hội, hang nổi tiếng bởi độ sâu và hiểm trở, chỉ có rất ít người bơi lội rất giỏi và dũng cảm mới lặn được từ vực vào trong hang.

sông Máng, thường gọi là sông Đào cắt đôi xóm Ghềnh và chia phần đất phía tả ngạn sông Cầu của xã thành 2 phần Bắc và Nam; ở phía nam chỉ còn một phần xóm Ghềnh và cánh đồng Na Kháo rộng hơn 100 mẫu. Ông Nguyễn Ngọc Tâm (còn gọi là Giáo Tâm¹⁴) người xã Đồng Liên, huyện Phú Bình, mua 60 mẫu đất của Huống Thượng rồi chiêu mộ dân phu để lập đồn điền¹⁵. Những phu đồn điền Giáo Tâm ở quần tụ với nhau lập ra ấp Đồng Tâm, rồi sau này gọi là xóm Đồng Tâm. Là chủ sở hữu số ruộng đất do chính quyền Huống Thượng quản lý, ông Tâm vẫn phải nộp thuế và tham gia các hoạt động chung của nhân dân xã Huống Thượng. Đến cuối năm 1953, khi chuẩn bị giảm tô thì xóm Đồng Tâm cắt về thuộc xã Đồng Liên; từ đó sông Đào trở thành ranh giới phía nam của xã Huống Thượng với xã Đồng Liên; nhưng vẫn còn gần 40 mẫu ruộng thuộc sở hữu của nhân dân xóm Sộp, xã Huống Thượng trên lãnh thổ huyện Phú Bình.

Ở phía tây, sông Cầu là ranh giới tự nhiên giữa Huống Thượng với phường Túc Duyên (Tục Duyên) và

¹⁴ Theo các cụ cao niên kể lại: Ông Nguyễn Ngọc Tâm là cháu ông Ala, một trong số những người đầu xây dựng Thác Huống. Sau này ông Tâm làm phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Phú Bình.

¹⁵ Gọi là “Đồn điền ông Giáo Tâm”

phường Gia Sàng thuộc thành phố Thái Nguyên. Từ xa xưa, ở từng đoạn sông Cầu còn có các tên gọi khác nhau là sông Nguyệt Đức, sông Phú Lương, sông Đồng Mỗ, sông Như Nguyệt, sông Khau Túc¹⁶. Từ khu vực Linh Sơn trở xuống, sông có dòng chảy theo hướng tây bắc-đông nam chia xã thành 2 nửa; phần lớn xã nằm ở bên tả ngạn như hiện nay, chỉ có một xóm Giáng là nằm phía hữu ngạn. Sông Cầu luôn là ranh giới phía tây của xã Huống Thượng với tổng Túc Duyên¹⁷; theo truyền khẩu cứ mỗi lần sông Cầu đổi dòng, địa giới xã lại được điều chỉnh sau đó ít lâu. Lần đổi dòng gần đây nhất vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhưng địa giới lại chưa được điều chỉnh,¹⁸ nên ở phía hữu ngạn sông Cầu còn lại xóm Giáng vẫn thuộc xã Huống Thượng; sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, xóm Giáng được đổi tên thành xóm Quảng Tiến. Trong

¹⁶ Các tên gọi sông Cầu: sông Nguyệt Đức để phân biệt với Thiên Đức (sông Đuống); sông Lương hay sông Phú Lương chảy qua phủ Phú Lương bao gồm Thái Nguyên và huyện Đa Phúc; sông Đồng Mỗ (qua bến Tuấn Đồng Mỗ); Như Nguyệt là tên đoạn sông chảy qua từ làng Như Nguyệt đến núi Khau Túc (Bắc Ninh); đoạn sông từ núi Khau Túc (nay gọi là núi Pháo Đài Bắc Ninh) chảy về Lục Đầu Giang được gọi là sông Khau Túc. Sông Cầu gặp sông Công (Giã giang hay sông Dã) tại ngã ba Vát; gặp sông Bình Lỗ (Cà Lỗ) tại Tam Giang tức ngã ba Xà.

¹⁷ Tổng Túc Duyên (Tục Duyên) có các xã bên sông cầu là Đồng Mỗ, Túc Duyên và Lưu Xá (khi xưa chưa có xã Gia Sàng)

¹⁸ Còn để lại dấu tích lòng sông ở ngòi Múc ra Núi Tien và dấu tích của đầu của 3 nhánh sông ở Túc Duyên cũng được gọi là Tam Giang. Để phân biệt với Tam Giang còn lại là nói về nơi gặp nhau giữa sông Cầu và sông Cà Lỗ-tức là Ngã ba Xà.

kháng chiến chống Pháp, xóm Quảng Tiến thuộc thôn Huống Thượng, là một trong 2 thôn của xã Đồng Tiến (thôn Linh Nham, thôn Huống Thượng). Đến cuối năm 1953, khi chuẩn bị thực hiện chính sách giảm tô¹⁹, xóm Quảng Tiến đã được cắt khỏi xã Đồng Tiến, sáp nhập vào xã Túc Duyên (lúc đó vẫn thuộc huyện Đồng Hỷ) và được đổi tên là xóm Túc Tiến.

Sông Cầu chảy xuôi về Phú Bình, có độ dốc khá lớn nên có nhiều ghềnh thác; khi chưa có đập Thác Huống chỉ riêng ở Huống Thượng đã có các thác lớn như thác Sóc Ốc²⁰, thác Mận, thác Bến Tràng, thác Làng, thác Hét, thác Ghềnh Chảo (tức thác Huống).

Như vậy, từ năm 1922 đến năm 1953, xã Huống Thượng bị sông Cầu và sông Đào chia cắt làm 3 vùng; vùng 1 là xã Huống Thượng hiện nay, nằm trong phạm vi phía đông sông Cầu, phía tây sông Ngòi Chèo, phía nam Ngòi Giăng và phía bắc sông Đào; vùng 2: là khu vực nằm kẹp giữa 3 con sông là sông Cầu, sông Ngòi Chèo và sông Đào (là xóm Đồng Tâm hiện nay); vùng 3: là phần đất xóm Giăng ở phía tây sông Cầu.

¹⁹ Giảm tô bắt đầu từ ngày 20/12/1953, kết thúc ngày 25/01/1954. Chia xã diễn ra khi chuẩn bị thực hiện chính sách giảm tô, nhưng chưa tìm thấy tài liệu nào nói về ngày tháng chia xã.

²⁰ Thác chảy rất mạnh nên truyền khẩu câu “Chảy như Sóc Ốc”

2- Dân cư - xã hội

Về dân cư

Theo tổng điều tra dân số ngày 01 tháng 4 năm 2009, toàn xã có 1.465 hộ và 5.470 người, chủ yếu là dân tộc Kinh, chỉ có một số rất ít người các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Hoa...và Khơ Me (Khmer) làm dâu, ở rải rác trong các xóm. Xã có 2 tôn giáo là đạo Phật và đạo Công giáo; người theo đạo Phật có 1.281 hộ, 4.772 khẩu, chiếm 86,32 % dân số; người theo đạo Công giáo có 184 hộ, 748 khẩu, chiếm 13,68 % dân số²¹.

Xưa kia Thái Nguyên nằm trong vùng ki-mi (tức là đất phen dầu của đất nước) triều đình chưa quản lý được nên giao cho thổ tù bản địa trông coi và cống nạp. Huống Thượng nói riêng và cả huyện Đồng Hỷ do phiên thần là người dân tộc họ Ma nối đời cai quản ăn lộc và nộp cống sản vật cho triều đình. Đến nay các cánh đồng ở địa phương vẫn mang tên gọi từ xa xưa của người Tày như Na Cát (xóm Cậy), Na Thánh, Na Non, Na Mui (xóm Thông), Na Kháo (Đồng Tâm), Na Ướt (xóm Bầu), Na Mướng (xóm Hóc), Na To (xóm Đảng), Na Dạt (Huống Trung), Na Căng, Na Máng, Na Lải (xóm Già), Na Mây (xóm Gò Chè)...

²¹ Số liệu do UBND xã Huống Thượng cung cấp 2009. Về tôn giáo, cần nói rõ hơn: một số hộ tuy chưa đi quy nhưng khi cúng tổ tiên họ đều bắt đầu bằng “Nam mô a di đà Phật” nên ghi là đạo Phật cũng không sai.

Từ thế kỷ XVI, nhà Mạc đã chiếm giữ và xây dựng Thái Nguyên thành căn cứ để chống lại triều đình Lê-Trịnh, gọi là chiến tranh Nam-Bắc triều. Quan quân nhà Mạc đã xây đồn đắp lũy ở Đồng Mỗ, Núi Tiện (núi Triện), Núi Voi, Lưu Xá...Nhân dân cực khổ vì binh đao, lại phải nộp tô, nộp thuế, đi lính, phu phen tạp dịch xây thành đắp lũy liên miên, để phục vụ cho họ tranh giành quyền cai trị. Những biến cố đó, làm cho đời sống người dân trở nên cực khổ, đói nghèo, sinh mạng luôn bị đe dọa, nên đa số bỏ đất đai, nhà cửa, đền chùa chạy sâu vào rừng, để lại đất Huống Thượng vốn đã thừa thớt dân cư lại càng ít người hơn nữa. Sau khi chiến tranh Nam-Bắc triều kết thúc, dư đảng nhà Mạc thất thủ hoàn toàn (năm 1745), Thái Nguyên không còn là nơi trăn mạc, cuộc sống yên bình trở lại, các dòng họ người Kinh dần dần về định cư lập nghiệp, các chòm xóm dần trở nên đông đúc. Đến thế kỷ XX, ở Huống Thượng chỉ có duy nhất một dân tộc Kinh²² với vài dòng họ lớn như họ Trần (xóm Sộp), họ Dương Trọng

²² Có ý kiến cho rằng đầu thế kỷ XX ở xã Huống Thượng và xã Huống Trung vẫn có người dân tộc thiểu số. Để 2 xã chỉ thuần dân tộc Kinh; công sứ Thái Nguyên giai đoạn từ tháng 4/1913 đến tháng 9/1917 là Đắc lơ (Darles- dân ta thường gọi là Xứ Đắc-là người tàn ác nhất nhóm “tứ hung” ở Đông Dương), đã cho đuổi hết người dân tộc ít người đi; một số người phải thay họ và đổi thành dân tộc Kinh để được ở lại đất Huống. Tuy nhiên tổ biên soạn chưa tìm thấy tài liệu nào nói đến việc đuổi người dân tộc thiểu số. Khi ấy chỉ độ tàn ác của nhóm “tứ hung” bằng câu: “nhất Đắc (Darles), nhì Ke (Ecker), tam Be (De Galambert), tứ Bít (Bride)”

(xóm Cây), họ Dương (xóm Thông). Dòng họ về định cư sớm nhất, đến nay mới được 10 đến 11 đời, tức là cách đây khoảng 250 năm.

Huống Thượng xưa là nơi rừng rậm hoang vu, có rất nhiều muông thú quý, và cũng rất nhiều thú dữ. Những giai thoại, truyền thuyết về hổ gắn liền với các địa danh như cổng Kênh, Gò Vả, Ao Hùm (Hùng), Cự Sọ, Đồng Hoảng.... Đêm đêm hổ còn vào tận trong xóm, rình bắt lợn, gà, trâu, bò của nhân dân²³... Để chế ngự thiên nhiên, chống lại thú dữ, người dân ở thành từng chòm, từng xóm nhỏ. Quanh xóm được rào bằng vầu hoặc nửa cao vót nhọn, có cổng xóm, cổng làng đóng kín, mỗi nhà lại cũng có rào, có cổng chắc chắn. Theo thống kê, đến những năm 20 của thế kỷ XX; ngoài 7 thôn làng chính thức thuộc xã, lại có các xóm nhỏ nằm trong các thôn như Cây, Nêu, Sộp, Ghênh, Già, Khẩu,

²³ Năm 1912 trong một lần đi săn, từ trên đỉnh gò Vả, ông Vũ Ngọc Cư thấy ở bên kia đồi Muốc có 3 mẹ con hổ đang đùa rỡ với nhau-vùng đất ấy bây giờ vẫn gọi là dãy ông Năng-cách chỗ ông đứng khoảng hơn 100 mét theo đường chim bay. Ông giương súng kíp bắn thẳng vào chỗ 3 con hổ, giật mình hổ mẹ chạy trước, 2 hổ con chạy sau sang Na Cát. Đến đêm, thấy có những tiếng cọ vào tường nhà khác lạ, ông nạp đạn vào súng kíp và nhẹ nhàng mở cửa ra ngoài, tiếng động im. Ông giương súng bắn chỉ thiên một phát, một con hổ giật mình găm lên nhảy vọt qua hàng rào ra ngoài. Sáng hôm sau ông ra kiểm tra, thấy trên đỉnh rào nửa vẫn còn túm lông hổ bị dính lại. Chuyện ông Cư bị hổ theo trả thù vẫn được lưu truyền đến ngày nay.

Hóc, Dây, Me, Đính, Phách, Bầu, Trám, Giáng, Mận,..., mỗi xóm chỉ độ năm, bảy đến trên dưới mười nóc nhà.

Xã Huống Trung được thành lập vào năm 1910, khi đó có độ trên ba chục hộ tập trung chủ yếu ở xóm Mận, xóm Tây²⁴, xóm Ba Nhà, phần còn lại là đất hoang không có người ở. Dần dần các hộ từ xóm Mận di chuyển lên và xóm phía trên như xóm Tây, xóm Mái... chuyển xuống mà trở nên đông dần lên. Đến những năm 20 của thế kỷ XX một số hộ theo đạo Công giáo²⁵ từ Thái Bình, Nam Định... đi phu đào sông Máng, đi làm ăn hoặc do đời sống khó khăn, phải theo Đỗ Đình Đạo, Đỗ Đình Thông, Đỗ Đình Tiến lên Thái Nguyên làm phu đồn điền, lập ra xóm Oánh²⁶, xóm Thái Ninh²⁷, rồi một số gia đình lấy Huống Trung làm quê hương mới. Một số hộ khác từ Bắc Ninh,

²⁴ Do một người Tây lập ra nên gọi là xóm Tây hoặc làng Tây (xưa nhân dân ta quen gọi người châu Âu là người Tây), làng Tây nay gọi là xóm Ngọc Lâm. Có ý kiến cho rằng làng Tây được lập từ trước khi lập xã Huống Trung và khi đó vẫn thuộc xã Huống Thượng.

²⁵ Các hộ Công giáo đầu tiên đến Huống Trung như Đỗ Văn Nung (Trùm Cạn), Phạm Viết Băng (Trùm Tơ), Nguyễn Văn Nghĩa (Lý Xuân) đều vào khoảng năm 1922 đến 1923. Nhưng trong sách Đồng Khánh Dư địa chí (làm từ 1886 đến 1888) lại ghi xã “Huống Thượng có người theo đạo Thiên Chúa gián tông”.

²⁶ Gọi theo tên Thác Oánh chảy sát bên xóm này, còn gọi là xóm Thác Oánh hoặc Hương Oánh.

²⁷ Bà con di cư đặt tên xóm Thái Ninh để nhớ về quê hương Thái Ninh tỉnh Thái Bình. Đỗ Đình Thông và Đỗ Đình Tiến là 2 anh em ruột người ở xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đến Thái Nguyên lập đồn điền (trong đó có đồn điền Thác Oánh) rất cần nhân lực nên phải mộ phu.

Bắc Giang ngược sông Cầu, thấy đất đai màu mỡ thì dừng lại định cư lập nghiệp. Xã Huống Trung tồn tại 35 năm và trải qua 7 đời lý trưởng²⁸ thì Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng sáp nhập Huống Trung với các xã trong tổng thành đại xã Đồng Tiến²⁹.

Về xã hội

Năm 1813, ly sở tỉnh Thái Nguyên chuyển từ xã Bình Kỳ-huyện Thiên Phúc³⁰- xứ Kinh Bắc về thành Thái Nguyên ở xã Đồng Mô³¹ thuộc huyện Đồng Hỷ, lúc đó ly sở huyện Đồng Hỷ đang đặt ở xã Nhâm Quang³².

Xã Huống Thượng cách tỉnh thành Thái Nguyên khoảng 3 km, nằm bên bờ sông Cầu thuận tiện về giao thông đường thủy, là vùng đất đai màu mỡ, mật độ dân cư khá đông, có tiềm năng để phát triển về các mặt. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) nhà Nguyễn thực hiện chế độ

²⁸ 7 người làm Lý trưởng xã Huống Trung là các ông Nguyễn Văn Tro (tức Dương Văn Trục), Nguyễn Văn Lượng, Đỗ Văn Chan, Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Văn Nghĩa, Dương Văn Hà và Nguyễn Văn Thông.

²⁹ Theo Hồ sơ Chính trị xã Đồng Tiến lập ngày 15/10/1968.

³⁰ Sau là huyện Đa Phúc và nay là huyện Sóc Sơn thuộc Thành phố Hà Nội.

³¹ Thành Thái Nguyên do nhà Mạc xây dựng vào niên hiệu Vĩnh Tộ (1619-1628) tại Đồng Mô (sau gọi là phường Đồng Hoà, nay là khu vực từ phố Cột Cờ phường Trưng Vương đến xóm Chùa phường Túc Duyên).

³² Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, nhưng cũng chưa rõ xã Nhâm Quang bây giờ là địa điểm nào.

lưu quan³³, lý sở của huyện Đồng Hỷ được chuyển từ xã Nhâm Quang về Huống Thượng³⁴. Theo quy định của triều đình Minh Mệnh thì lý sở huyện phải đắp thành, “thành đất phủ huyện đều cao 5 thước, dưới rộng 5 thước, trên rộng 3 thước... 4 mặt thành mỗi mặt dài 150 thước; trước sau thành đều mở mỗi mặt một cửa, cửa xây bằng gạch, cánh cửa bằng gỗ, cửa đằng trước khắc 5 chữ “Mở phủ huyện lý sở”, thép bạc sơn đen; công đường phủ huyện đều 3 gian 2 chái lợp ngói, 2 viên (quan huyện) thì chia thành tả đường và hữu đường, 1 viên thì nhà làm vào giữa, 2 bên trước công đường, mỗi bên làm một nhà tranh, mỗi cái 3 gian 2 chái, bên tả bên hữu ngoảnh lại với nhau, một bên làm thư phòng nha lại, một bên làm trại lính lệ”³⁵. Dinh quan huyện được xây dựng tại xóm Hóc³⁶ theo đúng quy định của triều đình, nhưng do những năm từ 1870 đến 1890 “huyện lý bị phỉ quấy

³³ Lưu quan là bố trí các quan lại người Kinh ở các nơi khác đến xen kẽ cùng các quan lại là thổ tù bản địa để “ràng buộc gìn giữ lẫn nhau” như khẩu dụ của vua Minh Mệnh.

³⁴ Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ và sách Địa chí Thái Nguyên tr.191. Ban đầu lý sở của Huyện đặt tại xóm Hóc một thời gian dài. Ngày nay còn dấu tích mà nhân dân vẫn gọi là gò Hội Đồng, cổng Sở và vài dòng họ là con cháu những người làm việc tại lý sở huyện, ở lại sinh cơ lập nghiệp còn giữ được gia phả hoặc truyền khẩu.

³⁵ Sách Địa chí Thái Nguyên trang 189 (trích từ Đại Nam thực lục tập 1, tr.821 và tr.1002).

³⁶ Tại khu đất được gọi là gò Hội đồng, ở khu nhà ông Lê Quang Trà.

hiều đốt phá nên phải chuyển³⁷ ra xóm Cây³⁸, khoảng cuối thế kỷ XIX, lại chuyển lên xóm Bầu³⁹.

Từ khi thực dân Pháp thiết lập được chế độ cai trị ở Thái Nguyên, chúng đã thi hành nhiều biện pháp và thủ đoạn vơ vét bóc lột tinh vi. Khi Ê-si-na (Alfred Echinard) về làm công sứ Thái Nguyên⁴⁰, ông ta cho áp dụng triệt để chính sách “tiểu đồn điền”⁴¹. Chính sách này đã tạo ra việc tích cực khai hoang, làm tăng nhanh diện tích đất canh tác, nhưng cũng đồng nghĩa với những ruộng đất tốt đều do các chủ đồn điền chiếm giữ rồi thuê mướn lao động, phát canh thu tô. Ở Huống Thượng, hầu hết ruộng đất tốt đều do các nhà giàu có như Nguyễn Khắc Phan, Giáo Bình và Nhất Nùng ở thị xã Thái Nguyên chiếm giữ, phát canh thu tô. Còn lại 90% người nông dân lao động thật sự, chỉ có một phần rất nhỏ ruộng đất, không đủ nuôi sống gia đình và bản thân nên lại phải đi làm thuê, làm rē

³⁷ Tờ tàu của Tỉnh thân Thái Nguyên trong sách Đồng Khánh dư địa chí (sách làm từ năm 1886 đến 1888), trùng khớp với việc việc dư đảng Cờ Vàng đốt Đình Thượng và Đền Rấn năm 1882.

³⁸ Tại khu đất nhà ông Tạ Đức Tuấn xóm Cây.

³⁹ Tại khu vực đất nhà ông Nguyễn Ngọc Tuyết, xóm Bầu.

⁴⁰ Giai đoạn từ 01/1929-3/1941

⁴¹ Nội dung của chính sách “tiểu đồn điền” là cấp cho mỗi người có khả năng đứng tên làm chủ một diện tích đất rộng chừng 15 héc ta để chiêu mộ phu khai khẩn lập đồn điền.

cho các chủ ruộng đất. Một trong những người giàu có, đặt dấu ấn của chính sách “Tiểu đồn điền” tại Huống Thượng là ông Đặng Mạnh Ái (tức Nghị Ái), ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, ông đã lập ra ở làng Huống khu đồn điền trồng trầu và trồng chè dùng cho xuất khẩu. Không dừng lại ở “Tiểu đồn điền”, ông bỏ tiền ra mua quyền khai khẩn đất, chiêu tập dân nghèo ở các nơi về làm đồn điền và lập ra ấp Hoàng Gia⁴² từ khu vực Đầm Ninh trở vào đến Na Chanh. Ông đã xây dựng khu nhà nghỉ khang trang tại xóm Khẩu, xây dựng chùa Hoàng Gia⁴³ vừa để nghỉ ngơi vừa để làm nơi thu thuế, thu tô và giải quyết nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng chủ yếu cho nhân dân trong đồn điền. Vùng đất là đồn điền trồng chè khi xưa, từ năm 1975 được đặt tên cho thôn thứ 10 của Huống Thượng là xóm Gò Chè⁴⁴.

⁴² Thôn (ấp) Hoàng Gia, nay đã được chia làm 3 thôn mới là Đầm Cỏ, Đầm Diên và Đầm Ninh. Đa số nhân dân các thôn này ở theo nhóm hoặc họ, mỗi nhóm đều có chung một gốc quê do cùng đến Thái Nguyên làm đồn điền. Còn tại Huống Thượng, Đặng Mạnh Ái có hơn 300 mẫu ruộng cho phát canh thu tô.

⁴³ Theo sách “Tên làng xã và địa chí các tỉnh Bắc Kỳ năm 1925” của Ngô Vi Liên, NXB Văn hoá Thông tin - Hà Nội năm 1999; khi đó xã Nam Kỳ (Nam Ky) chỉ có 2 thôn là Na Quán và Làng Dão.

⁴⁴ Trước năm 1975 chưa có xóm Gò Chè mà chỉ có vùng Gò Chè thuộc xóm Đảng.

Là xã được đặt làm trung tâm của huyện Đồng Hỷ mấy chục năm⁴⁵, lại có được cái thế trên bến dưới thuyền mà cha ông thường gọi là “nhất cận thị, nhị cận giang” nên có điều kiện hơn để phát triển kinh tế. Nhân dân các nơi dồn về huyện làm ăn, buôn bán làm cho mật độ dân số ngày một cao hơn, khu cổng huyện, chợ huyện khi xưa sầm uất, dưới sông thuyền bè của phường Thủy Cơ mang hàng hoá giao thương xuôi ngược với các vùng. Thời bấy giờ Huống Thượng là nơi làm ăn buôn bán tập nập đông đúc, kinh tế khá phát triển. Đến đầu thế kỷ XX huyện lỵ Đồng Hỷ mới chuyển về xã Đồng Mỗ

Về giao thông, thủy lợi

Điều kiện tự nhiên đã đặt xã Huống Thượng vào khu vực hầu như cả bốn phía đều bị ngăn cách với các xã bạn bởi sông, suối, đồi. Bên trong xã, cơ sở hạ tầng giao thông kém nên việc chuyên chở hàng hoá khó khăn không thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hoá xã hội.

⁴⁵ Lỵ sở huyện Đồng Hỷ ở xã Huống Thượng từ 1835 đến đầu thế kỷ XX (theo sách Địa chí Thái Nguyên trang 933). Chưa thấy tài liệu nào cho biết năm lỵ sở huyện Đồng Hỷ chuyển về Đồng Mỗ. Chỉ có một số thông tin như: Ngày 27/2/Quý Mão (1903) có một toán người đến xóm Hóc giết cụ Nguyễn Văn Ai; khi đó vợ cụ Ai mang thai bà Vườn được 6 tháng (bà Vườn sinh năm 1903). Khi vụ việc xảy ra, gia đình chạy lên xóm Bầu báo quan, quan huyện cho mấy chú lính lệ mang súng xuống đến dốc Vườn Gò; khi ấy quân cướp đã đi qua Đá Chàng, họ nổ vài phát súng lấy lệ rồi quay về. Ngày 28/01 âm/1911 trên đường đi mua trâu, cụ Dương Văn Cẩn ghé qua huyện thăm con trai là Dương Văn Lũy làm lính lệ tại dinh quan huyện ở Đồng Mỗ; đến ngày 30/01 âm lịch, cụ Cẩn bị cướp giết hại.

Từ khi lỵ sở Đồng Hỷ chuyển về xã, Huống Thượng trở thành trung tâm của huyện nên đường sá giao thông được chú trọng phát triển hơn, nhưng thực tế vẫn còn rất khó khăn. Toàn xã có 3 tuyến đường chính. Đường thứ nhất đi từ tỉnh thành Thái Nguyên, qua xóm Giáng, bến đò Bầu Trám, đến lỵ sở huyện, qua cửa Đền Rấn, chùa Ó, thác Đá Chăng để về lỵ sở phủ Phú Bình (là cấp trên trực tiếp của huyện). Đường thứ hai, từ lỵ sở huyện qua xóm Đảng, Gò Chè, Nam Ký, Mỹ lập, Hoà Khê, đèo Nhâu, đèo Vang, sang Chàng (Tràng) Xá thuộc huyện Võ Nhai. Đường thứ ba, từ Bầu Trám men theo bờ sông Cầu lên Huống Trung qua cầu Tre (Ngòi Giăng) lên Linh Nham đến Bò Đái, Mo Na Khôn⁴⁶ qua đèo Khế, đến La Hiên, Lâu Thượng⁴⁷. Các con đường này được gọi là đường lớn nhưng cũng chỉ đi được xe ngựa, xe trâu. Ngoài ra, từ gò Hội Đồng và Văn Chỉ đi các xóm, các đình, các chùa đều là các con đường rất nhỏ, chủ yếu là men theo các bờ ruộng và bìa làng. Các con đường này chỉ để người đi bộ và ngựa thồ; một số đoạn đường có thể chở bằng xe quệt do trâu, bò, ngựa kéo. Các đoạn đường như Cổng Kênh, Cổng Đồng, Cầu Ván, Chằm, Dộc Nêu (xóm Cây), Gầu Giai, Cầu Quan, Chà Lâu, Cầu Ván, Ngòi Đất (xóm Già),

⁴⁶ Nay thuộc xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ.

⁴⁷ Khi xưa, xã Lâu Thượng là lỵ sở của huyện Võ Nhai, do có thời kỳ Tri huyện Đồng Hỷ kiêm nhiếp cả huyện Võ Nhai.

Đồng Quan (xóm Thông), Ao Rô (Huống Trung), Chằm (xóm Trám), Cầu Trâu (xóm Bầu)... mùa mưa lầy thụt, trâu bò đi qua phải ngoi ngóp trên những vũng bùn lầy hôi hám, còn người đi bộ thì liệu đường để vòng tránh.

Khi chưa có cầu phao và cầu treo, nhân dân Huống Thượng qua sông Cầu bằng 3 con đò, là đò Huống Trung (bây giờ là cầu Phao), đò Huống (gần cầu treo Bầu Trám), đò Thác Hét (xóm Cậy); khi có sông Máng nhân dân đi sang Đồng Tâm bằng đò sông Đào.

Khi người Pháp xây đập thủy nông trên thác Ghềnh Chảo và thác Đá Chăng gọi theo phát âm tiếng Pháp là đập Tác Cun⁴⁸ và đập Đá Gân. Hệ thống công trình thủy nông này có tổng chiều dài là 52,5 km sông máng, được khánh thành đợt một vào ngày 05 tháng 6 năm 1929 và khánh thành toàn bộ vào năm 1938. Đây là công trình thủy lợi quan trọng tưới tiêu cho một vùng rộng lớn ở Phú Bình, Bắc Giang, giải quyết cơ bản nạn hạn hán cho 28.000 ha đất nông nghiệp. Nhưng riêng xã Huống Thượng, do sông Cầu, sông Ngòi Chèo bị 2 con đập kiên cố chắn dòng, nước dâng lên làm ngập 102 mẫu ruộng không thể cấy lúa được. Từ đó đường đất Huống Thượng trở nên lầy lội, cứ hễ mưa to thì nước lại ngập

⁴⁸ Thác Ghềnh Chảo là tên nhân dân vẫn gọi, khi người Pháp đến họ gọi theo tên xã là Thác Huống, cũng theo cách phát âm tiếng Pháp, chữ H là âm câm nên gọi là Tácuông, dần dần được Việt hóa thành Tác Cun.

trắng đồng xóm Già, xóm Cậy và các thung lũng. Khi lũ to hơn nữa thì sẽ tạo ra dòng chảy lớn từ Ao Rô (Hống Trung) qua Đồng Quan xuống Gầu Giai, đầm xóm Già ra Đá Gân. Toàn xã bị nước lũ chia cắt làm 8 đến 10 khu vực, phương tiện đi lại khi ấy chỉ còn bằng thuyền, bè, mảng. Phần diện tích 102 mẫu thường xuyên ngập nước này được gọi theo từng khu vực nhỏ của đầm là Chà Lâu, Đầm Phú, Đầm Bộ sang đến Đầm Ninh thuộc xã Nam Hòa. Tên chính thức trên bản đồ là hồ Gò Chè, hoặc hồ Núi Cống.

3- Về văn hoá tín ngưỡng

Khi dân cư còn thưa thớt, cả làng Hống Thượng có một ngôi đình và một ngôi chùa chung. Đình chung của làng xây dựng trên quả đồi nhỏ, nên sau này được nhân dân gọi là Gò Đình. Đình thờ thần hoàng Cao Sơn và Quý Minh⁴⁹ là 2 vị thần có công đức với vùng đất Tượng Châu⁵⁰ kể từ đời Vua Hùng Duệ Vương. Đình cũng là nơi hội họp của các cụ ông để bàn bạc và quyết định những công việc của cả làng. Chùa chung của làng có tên gọi là Chùa Ó ở khu vực Đồng De (làng De).

⁴⁹ Cao Sơn và Quý Minh là 2 vị tướng có công giúp Phò mã Tản Viên Sơn Thánh đánh giặc giữ yên bờ cõi, được vua Hùng Duệ Vương phong thần sau khi 2 ngài hóa thân bất diệt. Cao Sơn tên húy là Cao Hiến và Quý Minh tên húy là Cao Dự, là 2 người con sinh đôi của Cao Sùng và Trương Thị Doan.

⁵⁰ Một tên gọi khác của vùng Thái Nguyên. Theo sách Địa chí Thái nguyên từ trang 1039-1043.

Về đình: Sau hơn 10 năm xâm lược nước ta, khi đã cơ bản thiết lập được chế độ cai trị ở Việt Nam, năm 1419, tổng binh Lý Bân tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thôn là “lý” và “giáp” theo mô hình của nhà Minh lúc bấy giờ⁵¹. Cứ 110 hộ thì thành một “lý”, do một Lý trưởng đứng đầu và cứ 10 hộ thì thành một “giáp” do một Giáp thủ đứng đầu. Thực hiện quy định này, Huống Thượng được chia làm 5 giáp là Xuân Lạp (còn gọi là Xã Cả), Đông Gia, Kim Đường, Hoà Úc và Linh Tùng. Khi dân số đông lên, mỗi giáp tương đương như một thôn hoặc làng; vì vậy cả xã có một ngôi đình không còn phù hợp nữa. Mỗi thôn, làng cần có nơi dùng cho hội họp sinh hoạt riêng, nên mỗi giáp lại xây dựng một ngôi đình hoặc tương đương như đình để các cụ ông trong giáp làm nơi sinh hoạt và tế lễ trời đất.

Các giáp Đông Gia, Xuân Lạp, Kim Đường⁵² trực tiếp kế thừa đình chung của làng đồng thời cùng tế lễ ở Đền Rắn nên còn được gọi chung là Đình Thượng. Cấu trúc, tổ chức vị trí, bề bặt chỗ ngồi của ba giáp này có phần đơn giản; ngoài ra mỗi giáp còn có một nhà gọi là “tảo xá” là nơi để các cụ sau khi tế lễ, họp bàn xong thì nghỉ ngơi ăn uống.

⁵¹ Theo Địa chí Thái Nguyên, trang 160.

⁵² Giáp Đông Gia nay thuộc đất nhà ông Phí Đăng Doanh; giáp Xuân Lạp còn gọi là Xã Cả ở dưới phía trước Đền Rắn khoảng trên 10 mét. Giáp Kim Đường nằm ở đường vào nhà ông Dương Văn Thi xóm Già.

Hai giáp còn lại là Hoà Úc và Linh Tùng do ở xa nên được xây dựng đình riêng để lễ vọng về Đình Thượng, vì vậy quy mô tổ chức của 2 giáp này theo đúng nghĩa là đình làng.

Đình Linh Tùng được xây dựng tại xóm Thông, ở khu đất xưa kia là rừng rậm, nhân dân vẫn quen gọi là rừng Thông; đình đã có 3 lần bị phá dỡ vì những lý do khác nhau. Lần đầu vào năm 1918, dân làng cho là tại hướng đình, nên có người làng đi làm “giặc”⁵³ để liên luy đến quê hương; vì vậy, làng đã phá dỡ toàn bộ đình để xây lại theo hướng khác, cách đất cũ khoảng 50 mét. Lần thứ 2 vào năm 1947, khi thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, ta đã phá hoại một phần đình. Năm 1950, đình Linh Tùng là nơi đặt xưởng Quân giới Đan Hoài, để sản xuất, sửa chữa vũ khí cung cấp cho bộ đội chiến đấu. Thời kỳ những năm 60 của thế kỷ XX do chủ trương chống mê tín dị đoan, hợp tác xã xóm Thông đã phá dỡ toàn bộ đình. Trong đợt tổng kiểm kê di tích văn hoá năm 1996 của tỉnh, đoàn khảo sát văn hoá của Bảo tàng Bắc Thái đã đưa đình vào diện “tư liệu hoá di tích”. Vì vậy năm 1999, nhân dân xóm Thông xây dựng lại đình Linh Tùng trên nền đất đã đặt đình lần thứ hai.

⁵³ Là nói về ông Dương Văn Luận tham gia Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, lúc bấy giờ do nhận thức và do tuyên truyền của Pháp, chúng gọi những người theo Đội Cấn là “giặc”.

Đình Hoà Úc xây dựng ngay phía trước chùa Phú Nông ở xóm Cây. Theo truyền thuyết đình thờ thần phụ và thân mẫu của thần Cao Sơn và Quý Minh⁵⁴, đình có tiền tế, hậu cung và một “tảo xá”. Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, đình là nơi họp bí mật của các cán bộ về xây dựng cơ sở cách mạng, phát động quần chúng kháng Nhật, chuẩn bị thành lập Mặt trận Việt Minh xã. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã phá hoại một phần đình cùng với chùa Phú Nông để thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Năm 1967, hợp tác xã nông nghiệp hợp nhất Nam Tiến dỡ toàn bộ đình Hoà Úc để lấy gạch làm nhà kho, xây cầu cống, thấy trong đình có hàng bát bửu sơn son thếp vàng và một hộp gỗ cũng sơn son thếp vàng, bên trong có 2 bức sắc phong của Vua Khải Định⁵⁵, nhân dân xóm Cây chuyển giao các đồ thờ này vào chùa Phú Nông để nhà sư Đàm Thị Hinh trông giữ hộ.

Về chùa: Tương đương với 5 đình giáp, thì ở mỗi giáp nhân dân đều xây dựng một ngôi chùa làm nơi cho các cụ bà đi lễ Phật.

⁵⁴ Theo truyền thuyết, thần phụ và thân mẫu của Cao Sơn-Quý Minh huý là Cao Sùng và Trương Thị Đoan được Vua Hùng Duệ Vương “Nhất phong Cao Sơn-Quý Minh đại vương thánh Phụ thánh Mẫu ngày 10/7 cùng ngày cùng tháng giỗ 2 vị”. Theo sách Địa chí Thái Nguyên tr. 1043.

⁵⁵ Đình Hoà Úc dỡ từ năm 1967, các cụ già trong xóm gửi 2 bức sắc phong này lại cho nhà sư Đàm Thị Hinh coi giữ. Còn Đền Rắn do trường phổ thông cấp I+II mới dỡ khoảng năm 1977-1978 thời kỳ 2 trường cấp I và cấp II chung và do nhà giáo Nguyễn Đình Thành làm Hiệu trưởng.

Chùa Ó ở khu vực Đồng De (làng De) theo truyền thuyết thì đây là ngôi chùa có từ xa xưa nhất ở Huống Thượng, khi dân cư còn ít, chùa là nơi lễ Phật chung của các cụ bà trong toàn xã. Đến khi dân số đông lên và được chia thành các giáp thì là chùa Ó là nơi sinh hoạt chính của các cụ bà ở giáp Đông Gia.

Chùa Ao Sen được xây dựng trên quả đồi thuộc xóm Sộp, dưới chân đồi có một ao trồng hoa sen, nên được nhân dân gọi luôn là chùa Ao Sen, đồng thời cũng gọi luôn quả đồi ấy là gò Ao Sen. Chùa Ao Sen là nơi dành cho các cụ bà giáp thuộc giáp Xuân Lạp đi lễ Phật.

Chùa làng Dậy thuộc đất xóm Đảng cũ, là nơi cho các cụ bà giáp Linh Tùng đi lễ Phật. Theo truyền khẩu, chùa bị quân Minh tàn phá đổ nát khi chúng sang xâm lược nước ta đầu thế kỷ XV, nên nhân dân còn gọi là chùa Đổ, chùa được xây dựng trên quả đồi sau này là đồi cây bạch đàn, phía sau chùa có ngôi Nghè nên còn được gọi chung là Chùa Nghè⁵⁶.

Chùa Kim Hoa còn có tên gọi khác từ xa xưa để lại là chùa Na Mạ ở giáp Kim Đường xây dựng trên quả đồi ở giữa xã, chủ yếu để nhân dân giáp Kim Đường thờ Phật. Hàng năm chùa có 3 ngày lễ chính là lễ Thượng Nguyên

⁵⁶ Theo truyền khẩu chùa này bị quân Minh phá khi chúng sang xâm lược nước ta thời kỳ đầu thế kỷ XV. Nay chỉ còn dấu tích gạch đá vỡ nền Bảo tàng Bắc Thái đưa vào tư liệu hoá di tích.

(15 tháng 01)⁵⁷, lễ Phật Đản (mồng 8 tháng 4) và lễ Tất Niên (30 tháng 12). Đầu thế kỷ XX chùa không có sư, chỉ có các ông từ như Tự Hiếu, Tự Đông, Tự Nghiệu, Tự Ứng thay nhau trông coi và tế lễ định kỳ vào ngày rằm, mồng một hàng tháng và các ngày lễ riêng của chùa. Khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chùa Kim Hoa là nơi làm lễ tuyên bố giải thể chính quyền phong kiến xã và tổng Huống Thượng. Sau đó chùa lại là nơi làm việc của Ủy ban Hành chính, rồi đến Ủy ban Kháng chiến-Hành chính và các ban, ngành đoàn thể xã Đồng Tiến trong kháng chiến chống Pháp và từ năm 1954 đến năm 1960. Năm 1947, thực hiện lệnh tiêu thổ kháng chiến của cấp trên, Ban Phá hoại của xã đã phá tam quan của chùa. Năm 1960, chùa Kim Hoa được các cụ trong Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã đồng ý phá đi để xây dựng trường học; từ đó toàn bộ khuôn viên phía trước của chùa là Trường phổ thông cấp I (nay là Trường Tiểu học của xã). Trong đợt khảo sát kiểm kê di tích ngày 26 tháng 5 năm 1996, Bảo tàng Bắc Thái đã đề nghị đưa chùa vào diện “Tư liệu hoá di tích”⁵⁸.

⁵⁷Điều 1 Hương ước xã Huống Thượng lập ngày 23/7/1942 ghi ngày 15/01 âm lịch là lễ Thượng Nguyên. Tổ biên soạn ghi nguyên văn theo Hương ước; ngày 15/01 âm lịch cũng còn gọi là tết Nguyên Tiêu.

⁵⁸ Tài liệu của Bảo tàng Bắc Thái (cũ) lưu giữ kết quả khảo sát ngày 26/5/1996 do giám đốc Đồng Khắc Thọ ký (Bản lưu tại UBND xã Huống Thượng).

Chùa Phú Nông (Chùa Nóng) ở giáp Hoà Úc (xóm Cậy). Chùa được xây dựng trên quả đồi có dáng chim Phượng Hoàng đang sải cánh bay về phía tây-nam. Theo khảo sát năm 1996 của Bảo tàng tỉnh Bắc Thái, chùa Phú Nông có từ thế kỷ thứ VI⁵⁹. Chưa có tài liệu nào ghi tên các nhà sư trụ trì chùa; cho đến giữa thế kỷ XX chùa không có sư chỉ có các ông từ thay nhau trông coi như Tự Sở, Tự Huyền. Trong chùa có các bức tượng cũ như Tam Thế, A-di-đà, Thích ca Mâu ni, Đức Ông, Nam Tào, Bắc Đẩu, A Nan, Ca Diếp, Văn Thù, Phả Hiền, Toà Cửu Long... một quả chuông đúc năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) và nhiều đồ thờ cổ khác. Năm 1949, nhà sư Đàm Thị Hinh⁶⁰ về trụ trì và củng cố xây dựng, nên chùa tồn tại và dần được tu bổ; đến năm 1996, chùa có nhà chính, nhà tổ, nhà thờ Bác Hồ, nhà tiếp khách. Những ngày lễ chính của chùa là tết Nguyên Tiêu (15 tháng 01), lễ Phật Đản (mồng 8 tháng 4), lễ Vu Lan (15 tháng 7), lễ Tất Niên (mồng 8 tháng 12)⁶¹... Đi liền với chùa Phú Nông là Đình Hoà Úc ở ngay phía trước chùa; vì vậy ngày 27 tháng 5 năm 1996, chùa được đoàn khảo sát của Bảo

⁵⁹ Tài liệu của Bảo Tàng Bắc Thái (cũ). Tuy nhiên, niên đại của chùa cần được nghiên cứu làm rõ thêm.

⁶⁰ Tên của nhà sư khi về xã đăng ký tại hồ sơ của Công an địa phương là Sư thầy Đàm Thị Hinh; sau này lên Sư cụ rồi mới đến Ni trưởng Thích Đàm Hinh

⁶¹ Tên các ngày làm lễ riêng của các đình, chùa ghi trong Hương ước xã Huống Thượng ngày 23/7/1942.

tàng Bắc Thái đề nghị “cắm biển khoanh vùng bảo vệ di tích lịch sử văn hoá”⁶². Sau khi Ni trưởng Thích Đàm Hình chuyển đi trụ trì Chùa Hang (Đồng Hỷ), Đại đức Thích Thanh Thắng⁶³ kế nhiệm đã xây nhà Mẫu⁶⁴, nhà Tam Bảo và làm đường bê tông lên chùa. Ngày 07 tháng 9 năm 2008 (tức 08 tháng 8 năm Mậu Tý), tại lễ động thổ xây dựng nhà Tam Bảo và tượng A-di-đà⁶⁵, thấy xuất hiện tên chùa Long Vân trong bản bạch của Đại đức Thích Thanh Thắng. Ngày 04 tháng 02 năm 2010 (tức 21 tháng 12 năm Kỷ Sửu), Đại đức Thích Chúc Tiếp, giảng viên trường Trung cấp Phật học tỉnh Ninh Thuận được Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Thái Nguyên mời về trụ trì⁶⁶, đã

⁶² Tài liệu của Bảo Tàng Bắc Thái (đã dẫn trên)

⁶³ Ni trưởng Thích Đàm Hình nhận trụ trì Chùa Hang từ cuối thế kỷ XX, nhưng vẫn là trụ trì chùa Phú Nông. Đến 7/2002, Ni trưởng Thích Đàm Hình đưa Đại đức Thích Thanh Thắng về phụ giúp trông coi chùa Phú Nông. Từ năm 2005 Ni trưởng mới không về chùa Phú Nông nữa, Đại đức Thích Thanh Thắng kế nhiệm trông coi (không có bổ nhiệm trụ trì) đã tự đổi tên chùa Phú Nông thành chùa Long Vân. Năm 2007 Đại đức Thích Thanh Thắng chuyển đi trụ trì chùa Phố Hương thuộc thành phố Thái Nguyên, nhưng vẫn quản lý chùa Phú Nông, đến ngày 10/01/2010 mới có văn bản chính thức đề nghị được bàn giao chùa cho Đại đức Thích Chúc Tiếp.

⁶⁴ Năm 2010, nhà này được chuyển làm nhà khách, các đồ thờ tự được chuyển về nhà mẫu cũ.

⁶⁵ Được coi là bức tượng A-di-đà lớn nhất Thái Nguyên, tại thời điểm xây dựng.

⁶⁶ Đến ngày 29/12/2010, Ban trị sự Phật giáo tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 127/QĐ-BTS, do Đại đức Thích Nguyên Thành, Trưởng Ban trị sự Hội Phật giáo tỉnh ký, bổ nhiệm Đại đức Thích Chúc Tiếp trụ trì Phú Nông tự (gọi theo địa danh là chùa Huống; tên gọi chùa Nóng là do hậu cung của chùa giữ lửa, ngày đầu xuân, các Phật tử đến xin lộc, nhà sư trụ trì hoặc trưởng làng lấy lửa từ trong hậu cung ra tiếp vào đuốc của các gia đình, cầu mong cho các gia đình được may mắn).

tiến hành xây dựng và tu bổ, làm to đẹp tất cả các hạng mục của chùa... Địa phương kiến nghị bỏ không dùng tên chùa Long Vân, gọi theo tên cũ là Phú Nông tự (Chùa Huống).

Toàn xã có 2 ngôi nghề dùng làm nơi thờ cúng những người không có con hoặc không có con trai nối dõi, là nghề làng Dây và nghề làng Giáng. Nghề làng Dây đã bị quân Minh tàn phá khi chúng sang xâm lược nước ta cùng với chùa làng Dây, vì vậy nhân dân thường quen gọi ghép nghề làng Dây và chùa làng Dây là Chùa Nghè. Chùa Nghè cũng được Bảo tàng Bắc Thái (cũ) đưa vào diện "Tư liệu hoá di tích". Nghề làng Giáng còn tồn tại đến những năm 80 của thế kỷ XX, nhưng được chuyển thành nhà trẻ và mẫu giáo.

Đình Huống Trung: Khi xã Huống Trung được thành lập, tuy trong cùng một tổng, nhưng có chính quyền riêng, ranh giới địa giới làng xóm đã chia nên không thể sinh hoạt chung trong giáp như cũ nữa. Lý trưởng Nguyễn Văn Tro⁶⁷ (tức Dương Văn Trực), phó lý Nguyễn Văn Lượng cùng các hộ Nông Văn Vương; Nguyễn Văn Bến; Nguyễn Văn Khai; Nguyễn Văn Trạc; Nguyễn Văn Thi đã góp công, góp của xây dựng đình

⁶⁷ Làm lý trưởng từ 1910 đến 1915 và cũng là lý trưởng đầu tiên của xã Huống Trung.

Huống Trung và trồng cây đa tại đình làng vào khoảng năm 1910, còn lại chưa xây được chùa. Trong kháng chiến chống Pháp đình bị ta phá huỷ một phần để tiêu thổ kháng chiến, đến thời kỳ những năm từ 1960 đến 1970, hợp tác xã nông nghiệp Huống Trung lại phá dỡ hoàn toàn chỉ còn lại dấu tích. Năm 2009, nhân dân trong xóm đóng góp công sức và của cải để khôi phục lại đình và ngày 05 tháng 5 năm 2010, công việc phục hồi đình Huống Trung đã hoàn thành.

Nhà thờ họ đạo Huống Trung: Năm 1924, các hộ Công giáo đã đóng góp công của xây dựng nhà thờ họ đạo đơn sơ trên núi Bụt; ban đầu nhà thờ được bà con làm bằng cách trình tường đất nhưng cứ liên tục bị đổ, sau đó mới chuyển sang làm nhà bằng gỗ. Năm 1947, để tiêu thổ kháng chiến, ta đã phá hoại một phần tam quan nhà thờ. Đến năm 1952 nhà thờ được sửa chữa khôi phục lại và “năm 1964 nhà thờ xây lại bằng gạch, cao to rộng rãi”⁶⁸, tiếp theo lại được nhân dân tu bổ nên nhà thờ ngày một khang trang hơn.

Về đền thờ: Xã có một ngôi đền thờ người có công, gọi là Đền Rắn. Tương truyền, sau khi Dương Tự Minh qua đời, được các triều đại phong kiến Việt Nam ban sắc phong là “Thượng đẳng thần”⁶⁹ và xã Động Đạt được là

⁶⁸ Theo Hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến ngày 15/10/1968.

⁶⁹ Theo sách Địa chí Thái Nguyên, trang 1080.

nơi thờ tự chính của ông, lấy ngày 6 tháng Giêng làm ngày tổ chức lễ hội. Nhân dân các xã, tổng ở hai bên bờ sông Nguyệt Đức, “thượng Đu. Đuổm, hạ Lục Đầu”⁷⁰ nói chung, đều lập đền, miếu để thờ Ngài. Dân làng Huống Thượng quyết định thờ chung Ngài và “mẹ con Cụ Hậu” trong một ngôi đền, nên còn có tên đền Tứ Đại Vương⁷¹. Địa điểm được chọn làm nơi xây dựng đền(1) ở bên cạnh về phía tây đình làng⁷². Khi làm đền, làng tập trung vật liệu về một quả đồi nhỏ, những người xây dựng đều phải ở tập trung và ăn chay niệm Phật. Khi quân Minh sang xâm lược nước ta chúng phá huỷ đền, đình cùng các cơ sở tín ngưỡng tại xã. Đến thời nhà Mạc, đền(2) được xây dựng lại tại xóm Hóc và gắn với sự tích thần tích của làng⁷³. Năm 1882, trong một lần đến cướp bóc trong xã, dư đảng tàn quân Cờ Vàng đã đốt cháy một

⁷⁰ Còn có “Thượng Đu Đuổm, hạ Tam Giang” (Tam Giang là ngã ba Xà nơi sông Cầu gặp sông Cà Lồ)

⁷¹ Theo Thần tích làng Huống (bản viết lại của cụ Dương Trọng Lý cùng văn khấn tại các văn lễ hiện đang để trong tráp gỗ tại Đền) và các câu truyện truyền khẩu trong nhân dân về Sự tích làng và đền “Tứ đại Vương” đều có nội dung giống nhau, chỉ khác đôi chút về các chi tiết nhỏ. “Văn lễ” là cách gọi riêng các ngày lễ theo quy định từ xưa đến nay ở các đền, đình, chùa tại Huống Thượng.

⁷² Đền hiện nay là vị trí thứ 3; lần đầu ở Gò Đình; lần 2 ở xóm Hóc. Để phân biệt, tổ biên soạn quy ước đền ở Gò Đình là đền (1); ở xóm Hóc là đền (2); Đền hiện nay không ghi kèm số mà chỉ dùng Đình hoặc Đền.

⁷³ Tờ trình số 349/BTBT, ngày 10/11/1962, của Ty Văn hoá Thái Nguyên “Đề nghị xét công nhận các di tích lịch sử văn hoá danh lam thắng cảnh của tỉnh”. Bản lưu tại phòng số 1, hộp số 105, ĐVBQ 1132 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên)

phần đền(2) cùng với đình làng. Nhân dân trong xã lại di chuyển cả đình và đền vào rừng, và gọi khu rừng thiêng ấy là Rừng Đền. Đền xây dựng lại, có hướng nhìn thẳng về cây gạo La Đà ở bên kia Vực Mủ. Tại hai đầu đường đi vào và đi ra cách đền khoảng 100 mét có 2 tấm bia đá gọi là “Bia Hạ Mã”⁷⁴ quy định người đi đường qua cửa đền, đến bia phải xuống đi bộ qua khỏi khu vực bia mới được lên ngựa (hoặc kiệu, vông...) đi tiếp. Trước Cách mạng tháng Tám, đình đền là nơi họp bí mật của các đồng chí cán bộ Việt Minh về xây dựng cơ sở cách mạng ở giáp Đông Gia. Trong kháng chiến chống Pháp, đình đền là nơi đặt các lớp học sơ tán của Trường phổ thông Huống Thượng. Ngày 10 tháng 12 năm 1962, Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 1073/VX công nhận *Đền Rắn là Di tích lịch sử loại 1 của*

⁷⁴ Đền nổi tiếng linh thiêng với rất nhiều truyền thuyết huyền thoại thành kính xung quanh 2 tấm bia hạ mã này. Giai thoại được mọi người lưu truyền nhiều nhất là: “Khi chuyện đền thiêng đến tai viên quan mới về đứng đầu tỉnh, quan không tin mới tiền hô hậu ủng cưỡi voi ý định sẽ đi thẳng vào xem đền. Đến cây đa gần bia hạ mã (ở gần ngã tư xóm Hóc bây giờ) quan vẫn ngồi trên bành voi tiếp tục đi thẳng; con voi của quan tự nhiên quán vọt lên 1 cành đa trên cao, hai chân trước giơ lên miệng rống liên hồi. Thấy sự lạ, quan mới vội vàng rời bành xuống đất, làm lễ tế xin mãi voi mới nhả vòi ra, quan và tùy tùng vội rút về tỉnh”. Chuyện về bia hạ mã và Đền Rắn nhờ vậy lại càng linh thiêng hơn nữa.

*tnh*⁷⁵. Từ khi không quân Mỹ đánh phá Thái Nguyên (1965-1972), xung quanh đình đền lại tiếp tục là nơi đặt các lớp học sơ tán của Trường cấp II xã Đồng Tiến. Một phần do nhận thức chưa đầy đủ, một phần do tập trung cho nhiệm vụ chiến đấu, địa phương không có Ban quản lý di tích, không có người trông coi, nên một số tài sản quý đã bị lấy mất, đền hư hỏng xuống cấp nặng. Năm 1978, địa phương đã cho dỡ đền lấy gạch xây Trường tiểu học tại chùa Kim Hoa cũ. Năm 1990, Ni trưởng Thích Đàm Hình đã khôi phục lại đình đền, nhưng đã đặt cách vị trí cũ về hướng tây khoảng 10 mét và nhà chính của đình đền nhìn theo hướng nam thay cho hướng đông-nam trước kia. Trong đền đặt 4 pho tượng: là Thánh mẫu Thủy cung Long vương (Cụ Hậu); Bạch xà; Hắc xà và Cao Sơn Quý Minh Đại Vương; lại cho chuyển từ Chùa Huống lên 8 cây đao (bát bửu) đều bằng gỗ sơn son thếp vàng; 2 bản sắc phong của vua Khải Định năm thứ 2 (1917) và năm thứ 9 (1924); một lọng rước và một bài vị ghi “Cao Sơn Quý Minh Đại Vương”. Quanh đền còn 2 tấm bia từ đời Minh Mệnh (1820-1840) không còn nguyên vẹn, nên không dịch được hết nội dung. Lễ Đền Rắn được tổ chức định kỳ mỗi năm 4 lần vào các ngày mồng 7

⁷⁵ Do phó Chủ tịch Nguyễn Thế Đạt ký. Theo quyết định này Đền Rắn xếp di tích loại 1 cùng hạng với đền Đội Cấn, đền Đuồm, đình Phương Độ..., còn rừng Khuôn Mảnh và Núi Văn Núi Võ xếp di tích loại 2.

tháng 01 (khai xuân); 12 tháng 4 (vào hạ); mồng 7 tháng 7 (đô thủy, việc làng) và 12 tháng 11 (tất niên)⁷⁶, ngoài ra còn các ngày rằm, ngày tuần, tiết được nhân dân đến cúng bái, chăm sóc chu đáo.

Ở trung tâm xã có ngôi Văn Chỉ được xây dựng từ thời quân Minh sang xâm lược nước ta, là nơi thờ Khổng Tử và ghi các quy định thờ cúng, tín ngưỡng tại địa phương.

Thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XX, trong xã còn thành lập Hội Tư văn, gồm 10 cụ cao tuổi nhất có chức sắc, có quyền lực nhất xã, có học hành có bằng sắc và đã khao vọng đủ các lệ ngạch. Hội bầu một cụ trùm trưởng và một trùm phó; khi một cụ qua đời thì lại bổ sung cụ cao tuổi tiếp theo cho đủ số lượng. Hàng năm, cứ trung tuần mùa xuân, mùa thu; Hội sửa lễ chay, lễ mặn để tế Khổng Tử. Riêng ngày 04 tháng 4 âm lịch, là ngày làm lễ Hạ Điền để cầu mong cho mùa màng thuận lợi. Các bậc chức sắc trong xã tế lễ xong, người chủ tế và các quan viên cày một vài đường tượng trưng trước sự chứng kiến của đông đảo người dân trong xã. Tập tục này được các thế hệ con cháu

⁷⁶ Các ngày lễ của Đình và Đền trùng nhau. Tên các ngày lễ ghi trong Hương ước xã Huống Thượng 1942.

đời này nối đời kia thực hiện nghiêm túc, đến năm 1946 mới thôi không hoạt động nữa.

Khi quân Minh xâm lược Việt Nam, chúng thực hiện âm mưu phá hoại văn hoá, đồng hoá dân tộc ta với nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc. Ngày 26 tháng 6 năm 1407, vua nhà Minh là Minh Thành Tổ ra chỉ dụ cho Trương Phụ “một mảnh giấy, một nửa chữ cùng những bia khắc của nước ấy dựng lên, hễ thấy thì lập tức huỷ hoại hết”⁷⁷. Thực hiện lệnh này, chúng đã tàn phá, huỷ diệt rất nhiều công trình văn hoá của dân tộc Việt Nam. Tại Huống Thượng, chúng phá chùa Ó, chùa Ao Sen, chùa Làng Dây, đền thờ “Tứ Đại Vương” và đình chung của làng ở gò Đình. Đình và đền đến đời nhà Mạc mới được khôi phục lại; còn 3 ngôi chùa trên đã thành phế tích chỉ còn lại trong truyền khẩu của nhân dân; được Bảo tàng Thái Nguyên đưa vào “tư liệu hoá di tích”.

Huống Thượng cũng có những tục lệ đáng được lưu ý như khao hoàng giáp, ma chay, cưới xin... được quy định cụ thể trong hương ước của làng và được mọi người nghiêm túc thực hiện.

Xã Huống Thượng là một đơn vị hành chính nhỏ, nhưng có 1 ngôi đền thờ người có công với đất nước dân

⁷⁷ Trương Phụ là tướng nhà Minh, tổng chỉ huy cuộc tiến công xâm lược Việt Nam năm 1407 (theo tài liệu của Bảo tàng Lực lượng Vũ trang Việt Bắc-Quân Khu I).

tộc và quê hương, 5 ngôi chùa và 6 ngôi đình, 1 nhà thờ họ đạo Công giáo, 2 ngôi nghề và hàng chục miếu thổ công thổ thần⁷⁸ (mỗi miếu thường lại có một cây đa, một giếng khơi nước lúc nào cũng trong xanh) tại các xóm, các chòm dân. Các cơ sở tín ngưỡng hoạt động thường xuyên theo các lệ tục được quy định nghiêm ngặt trong khuôn khổ quy ước, hương ước của làng, của xã, của tổng. Chừng đó đã nói lên đây chính là vùng đất chuộng văn hoá, đậm chất nhân văn từ nhiều đời được truyền lại cho con cháu.

Huống Thượng xưa có hội đua thuyền trên Sông Cầu (Hội thi bơi chải). Vào ngày Đò Thuỷ⁷⁹ (07 tháng 7 âm lịch) thanh niên trai tráng từng giáp tập trung về Miếu Bơi⁸⁰, làm lễ tế Long vương Thuỷ thần trước khi thi đấu. Sau khi tế lễ, mỗi giáp có một chải (thuyền đua), mỗi chải có một người chấp lệnh đưa đội vào vị trí xuất phát. Các giáp lại tổ chức nhân dân hò reo cổ vũ cho đội nhà suốt hai bên bờ sông, làm cho không khí cuộc đua càng sôi nổi⁸¹. Đường đua từ Bến Bơi ngay dưới chân miếu,

⁷⁸ Trừ miếu Giếng Đảng thờ 2 liệt nữ (xem thêm ở chú thích 99), các miếu ở các giếng khác đều thờ người Tàu được cho là thần giếng có tên Ngô Văn Diên.

⁷⁹ Ngày 7/7 âm lịch được ghi “Đò Thuỷ” là ngày xã tổ chức hội đua thuyền hàng năm, đồng thời cũng là ngày “việc làng” được ghi trong Hương ước xã Huống Thượng lập năm 1942.

⁸⁰ Miếu bơi ở ranh giới xóm Sộp và xóm Cây, trên đất nhà bà Dương Anh Đàm.

⁸¹ Một nơi nhân dân đứng xem hội đua thuyền được đặt tên là Gò Hội ở bên kia vực La Đà.

xuôi qua thác Ghềnh Chảo, đến vực La Đà vòng lại, vượt thác Ghềnh Chảo lên Thác Hét vòng qua môm Cẩm Cờ⁸² và quay về Miếu Bơi kết thúc một vòng đua. Tùy theo quy định của hội, có thể thi một hay vài vòng như vậy hoặc đổi đường đua ngược lên phía bắc... Cũng có năm xảy ra tai nạn lật chải gây chết người nhưng không vì thế mà hội kém đi sự hấp dẫn. Đến khi người Pháp đào sông Máng, xây đập ngăn nước trên thác Ghềnh Chảo, hội thi bơi chải ở xã Huống Thượng mới thôi không tổ chức nữa.

Là xã đầu tổng nên hầu hết các vị Chánh tổng⁸³ đều là người Huống Thượng, lại là nơi từng có lỵ sở huyện ở và làm việc, là trung tâm văn hoá kinh tế của huyện Đồng Hỷ gần 100 năm. Nhân dân đến Huống Thượng làm ăn sinh sống, đa phần là những người cỏi mở năng động, dũng cảm, dám rời bỏ quê hương đi tìm miền đất mới, lại được gần các quan lại, là những người có kiến thức hơn, nên từ xưa xã đã có điều kiện phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực so với mặt bằng chung của xã hội đương thời.

⁸² Môm Cẩm Cờ đối diện với bến đò Thác Hét nơi cắm lá cờ để các thuyền đua đến gập lá cờ thì quay vòng lại; môm Cẩm Cờ nay đã bị sạt lở hết.

⁸³ Có 10 người làm Chánh tổng là: Nguyễn Văn Vĩnh (xóm Bấu), Dương Trọng Chiêu (xóm Cây), Đặng Đình Lâm (xóm Đảng), Dương Văn Bút (xóm Già), Nguyễn Văn Mùi (xóm Hóc); Ngô Văn Lắm (xóm Khẩu), Trần Văn Thành và Dương Quang Thành tức Trần Văn Thi (xóm Sộp), Dương Xuân Dục (xóm Thông), Nguyễn Văn Tuấn (xóm Trám).

Về giáo dục

Từ xa xưa, con em trong xã được cha mẹ quan tâm đầu tư cho học tập theo hình thức gia đình đón thầy về nuôi và dạy học tại nhà. Về sau các làng, các giáp thỏa thuận dành ra một số ruộng chung dùng để nuôi thầy dạy học. Thông thường mỗi xóm hoặc liên xóm có một thầy đồ được nhà giàu có đón về nuôi, để dạy con cháu trong nhà và trẻ em hàng xóm. Tuy nhiên, học sinh Huống Thượng chưa thấy có ai đỗ đạt cao, chỉ có cụ Nguyễn Văn Hạnh (xóm Hóc) thi hương tại trường Thành Chung-Nam Định⁸⁴ năm 1909 và vài ba người học trường Bưởi (Hà Nội) trở về quê chủ yếu làm nghề dạy học. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX toàn xã có 5 người làm nghề dạy học và quản lý giáo dục cấp tổng được gọi chức là “tổng sư”⁸⁵.

Năm 1922, nhân dân trong xã hợp sức cùng nhà nước bảo hộ xây dựng trường học Huống Thượng gồm 3 gian nhà ngói⁸⁶, có trần, cửa kính, cửa chớp trên nền đình cũ tại xóm Hóc, gọi là trường Tiểu học Pháp-Việt bán cấp.

⁸⁴ Đã được sức giấy báo đỗ về tỉnh để tổ chức đi đón, nhưng khi kiểm học kiểm tra cho là phạm huỷ nên lại bị đánh trượt.

⁸⁵ Đó là các cụ Tổng Đa (Nguyễn Văn Hạnh), Tổng Chúc (Nguyễn Văn Trung), Tổng Thụ (Dương Văn Kỳ), Tổng Lai (Lê Quang Lai), Tổng Tuất (Dương Văn Nhâm).

Khi xưa những người gọi chức “Tổng” gắn với tên gồm có: Phó Chánh tổng, Tổng đoàn (phụ trách quân sự của tổng) và Tổng sư (phụ trách công tác giáo dục của tổng). Vì vậy cần phải phân biệt rõ người có tên là tổng... làm chức vụ gì, để tránh nhầm lẫn.

⁸⁶ Trên nền đình và đền đã bị dư đảng quân Cờ Vàng đốt năm 1882.

Trường Tiểu học Pháp-Việt bán cấp Huống Thượng có các lớp đồng ấu a; đồng ấu b; lớp dự bị; lớp sơ đẳng. Tổng số học sinh của trường mỗi năm không quá 50 người, được học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp xen kẽ nhau (song ngữ) ở các buổi học hàng ngày. Người đầu tiên được điều về dạy ở trường Tiểu học Pháp-Việt xã Huống Thượng từ năm học 1922 đến năm 1925 là thầy giáo Thái, quê ở phố Hàng Vôi (Hà Nội). Các năm học từ 1925 đến 1928, do thầy giáo Đản quê ở Tiên Lữ-Hưng Yên dạy; tiếp theo từ năm học 1928 đến 1931, do thầy giáo Nguyễn Văn Cầu ở thị xã Thái Nguyên về thay cho thầy giáo Đản chuyển về quê. Các năm học từ 1931 đến 1934, do thầy giáo Lê Văn Xuân về dạy thay thầy giáo Cầu và từ năm học 1934-1935, thầy giáo Trần Văn Hảo ở xã Phù Liên (nay thuộc Thành Phố Thái Nguyên) về thay thầy giáo Xuân đổi đi nơi khác. Từ năm 1935 đến 1941, do mất mùa và lụt lội, phong trào học tập bị giảm sút nên trường đóng cửa. Những gia đình có điều kiện kinh tế thì cho con em theo học tại trường Tiểu học Pháp-Việt ở thị xã Thái Nguyên. Những gia đình kinh tế trung bình trở xuống muốn cho con em đi học, phải vào các lớp dạy tư ở các xóm do các hộ có kinh tế khá giả đón thầy hoặc tự mở lớp tại nhà như gia đình cụ Hùng Thế Hổ (xóm Bầu) và cụ Dương Văn Kỳ (xóm Khẩu) chỉ dạy chữ quốc ngữ; những học sinh theo học chữ Hán thì học tại gia đình cụ

Nguyễn Kim Bảo (xóm Trám) và cụ Dương Xuân Dục (xóm Thông). Năm 1938-1939, nhân dân trong xã cử anh Nguyễn Danh Bảng⁸⁷ ra thị xã Thái Nguyên học sư phạm, tốt nghiệp ra trường anh trở về xã dạy học; Trường tiểu học Pháp-Việt bán cấp dạy lại từ năm 1941 đến hết khoá học 1944-1945. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, do tập trung vào công tác bình dân học vụ nên thiếu giáo viên, trường phải tạm thời nghỉ học một năm.

4- Truyền thống yêu nước

Nhân dân xã Huống Thượng có truyền thống yêu nước nồng nàn, từ xưa đến nay mỗi lần Tổ quốc bị xâm lăng, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân làng Huống lại sát cánh cùng các tướng lĩnh của triều đình hoặc chính quyền góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Năm Bính Thìn 1076, quân Tống sang xâm lược Việt Nam, để tránh bị quân dân Đại Việt mai phục ở Chi Lăng. Quách Quỳ đã cử “Tu Kỷ dùng kỵ binh theo đường tắt vòng về phía Tây, qua Vạn Linh tiến xuống bờ bắc thượng lưu sông Cầu⁸⁸” đồng thời cử “phó tướng Triệu Tiết chỉ huy đạo kỵ binh (lực lượng khoảng 6-7 vạn bộ binh và vài nghìn kỵ binh) tiến công theo hướng Bằng Tường-Bình Gia-Vạn Nhai-Nhã Nam xuống bến Như

⁸⁷ Di bút của cố nhà giáo Dương Đức Nguyên (xóm Thông), đồng thời đồng chí Nguyễn Danh Bảng (Nguyễn Văn Bảng) cũng là một trong 7 đảng viên cộng sản đầu tiên của xã Huống Thượng.

⁸⁸ Theo sách Thân Cảnh Phúc trong cuộc kháng chiến chống quân Tống của Giáo sư Phan Huy Lê.

Nguyệt”⁸⁹. Đường tiến quân này của địch đi dọc theo bờ tả sông Cầu, trong đó có qua làng Huống, bị quân dân ta chặn đánh nhiều nơi, cuối cùng bị chặn đứng ở bờ sông Như Nguyệt. Ở tổng Huống Thượng (cũ) còn cánh đồng Mả Giặc thuộc xã Linh Sơn và đồng Voi Dày ở xóm Già, được truyền kể lại là dấu tích của dân làng Huống chống quân xâm lược nhà Tống.

Truyền thuyết về việc giúp Phò mã Dương Tự Minh chống giặc được thể hiện trong chuyện Cự Hậu. Truyền thuyết về Cự Hậu có đến vài dị bản, nhưng tập trung hơn cả là chuyện: “*Ở Xuân Lạp, có cô Hậu là người con gái đẹp người đẹp nết, giỏi cách làm ăn, luôn giúp đỡ bà con làng xóm khi gặp khó khăn. Cô được vua Thủy tề ở Hang Vua vực La Đà yêu mến lấy làm vợ nhưng không có con, nên được cho trở lại trần gian. Hàng ngày cô đi xới cỏ hái dâu ở Na Kháo đến tận bờ sông, bên kia sông là Gò Hội, trên gò có cây gạo La Đà cổ thụ, trong lòng gò có Hang Vua. Một ngày nọ cô nhặt được 2 quả trứng lạ, định bụng mang về làm thức ăn, nhưng cứ đến bữa lại quên, thế rồi từ 2 quả trứng nở ra 2 con rắn, một con đen và một con trắng. Sợ hãi cô mang quăng chúng xuống một cái giếng, nhưng khi vừa về đến nhà, rắn lại về theo. Hai con rắn lớn nhanh như thổi, cô đi đâu rắn đi theo đến đấy, làm dân làng sợ hãi xa lánh, cô đành phải mang ra*

⁸⁹ Trích ở chương Tổ tiên ta đánh giặc trong sách Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam.

thả ở vực La Đà thì chúng không theo về nữa. Hàng ngày cô đi làm ở bãi soi, 2 con rắn lại cùng cô bắt chuột, đuổi chim chóc, một lần xối cổ cô sơ ý cuốc đứt mẩu đuôi con đen. Để phân biệt chúng cô gọi con đứt đuôi là Cộc và con còn lại là Dài, chúng quấn quýt với cô, tình cảm như mẹ con, nên dân làng cứ gọi chung là “mẹ con Cô Hậu”. Hai con rắn to lớn và rất khoẻ, mỗi lần có việc qua sông, thì cô đứng mỗi chân lên lưng một con, để chúng cùng bơi đưa cô đi nhẹ nhàng trên mặt nước. Thấm thoát thời gian tuổi tác, cô Hậu trở thành bà Hậu, rồi cụ Hậu. Cụ Hậu luôn nhẹ nhàng truyền kinh nghiệm và dạy cách làm ăn cho mọi người, nên được dân làng yêu quý và kính trọng. Khi Phò mã Dương Tự Minh về Huống chống giặc, lại vào đúng dịp lũ lụt, các sông suối nước chảy cuốn cuộn làm tắc mọi đường đi lại. Tại cuộc họp ở Đình làng, Phò mã chủ tướng đứng ngồi không yên vì không thể nào đưa tin hiệp đồng với các cánh quân được. Phía sau cụ Hậu là Cộc và Dài quấn mình mỗi con trên một cột đình. Biết Phò mã đang gặp khó khăn, cụ Hậu nhận lời đi truyền lệnh của chủ tướng. Cộc và Dài liền rẽ nước lũ, đưa cụ Hậu mang mệnh lệnh của Phò mã kịp thời đến cho các cánh quân. Nhờ đó mà quân của Phò mã thắng lợi lớn, quê hương thanh bình trở lại.

Khi mất, cụ Hậu để lại toàn bộ gia sản cho dân làng và rất nhiều kinh nghiệm đã truyền dạy cho bà con từ trước. Khi đang đưa tang cụ thì trời đổ mưa rất to, dân

làng phải dừng lại ở giữa đường chờ cho trời tạnh. Nhưng nước dâng rất nhanh, chảy cuộn cuộn, cuốn quan tài cụ về vực La Đà. Khi nước rút, chỗ để quan tài cụ là một vùng nước sâu rộng chứa toàn cá Sộp. Tương truyền là do Vua Thủy tề ban tặng, trả ơn cho mảnh đất đã sinh ra, nuôi dưỡng vợ Ngài. Cụ được nhân dân làng Huống suy tôn là “Thánh Mẫu Thủy cung Long vương” và được dân làng quyết định thờ “mẹ con” cụ cùng với Thần hoàng Cao Sơn-Quý Minh, Dương Tự Minh⁹⁰. Tại xóm Sộp còn có một bia Văn Chỉ⁹¹ dùng để khắc ghi lại công đức của cụ Hậu. Giếng nước mà cụ mang 2 con rắn ra thả lúc đầu, sau này được gọi là giếng Quăng⁹². Vùng nước có nhiều cá Sộp được gọi là đồng Dạ Cá⁹³. Theo đó, truyền thuyết về tên các xóm trong xã đều có nguồn gốc xuất phát chung từ chuyện Cụ Hậu⁹⁴ và chuyện Cụ Hậu được coi là **Thần tích làng Huống**.

⁹⁰ Theo sách Địa chí Thái Nguyên tr.721 “Hai bên bờ sông Cầu từ Đu, Duổm đến Lục Đầu Giang có gần 300 nơi thờ tự Cao Sơn, Quý Minh, Dương Tự Minh. Trong tỉnh Thái Nguyên đã có 103 đền nghè thờ các Ngài”.

⁹¹ Bia Văn chỉ này ở gần một ngôi mộ được cho là “mộ của cụ Hậu”. Năm 1978, đội thủy lợi 202 do đồng chí Nguyễn Văn Thuận làm đội trưởng đã đào chạy mộ cụ cách mộ cũ khoảng 20 mét để làm đường từ xóm Sộp đi Bà Hà. Theo truyền thuyết thì có sự không trùng hợp vì quan tài cụ đã bị lũ cuốn đi; tổ biên soạn cứ ghi trung thực sự mâu thuẫn này.

⁹² Gần khu nhà ông Ngô Xuân Xu.

⁹³ Còn gọi là Chằm Dạ Cá ở giữa xóm Sộp và xóm Cây.

⁹⁴ Cốt câu chuyện gần giống cốt chuyện Huyền thoại đền Quán thuộc xã Kha Sơn, huyện Phú Bình; chỉ khác sự tích tên đất và tên các xóm là của Huống Thượng và một vài chi tiết khác.

Khi quân Minh sang xâm lược nước ta (từ 1407 đến 1418), ở Thái Nguyên nói chung và huyện Đồng Hỷ nói riêng có nghĩa quân Ông Lão và đội quân Áo Đỏ (Hồng Y) nổi lên kháng chiến chống giặc. Nghĩa quân lợi dụng núi rừng hiểm trở, liên tục tiến công làm cho chúng “không thể nào áp đặt được chế độ đô hộ lên đầu lên cổ nhân dân ta”⁹⁵. Cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nghĩa quân Ông Lão và nghĩa quân Áo Đỏ kéo dài nhiều năm đã khẳng định ý chí kiên cường không chịu khuất phục của nhân dân các dân tộc trong huyện trong tỉnh, trong đó có nhân dân Huống Thượng. Hiện nay, chưa tìm được tài liệu nào ghi chép những trận chiến đấu chống quân Minh của nghĩa quân Ông Lão và nghĩa quân Áo Đỏ có sự tham gia của nhân dân Huống Thượng, nhưng ở giữa một vùng đất là chiến trường thì sự đóng góp công sức, tài sản của nhân dân vào cuộc đấu tranh giữ nước là lẽ đương nhiên.

Việc tổ chức các “giáp” ở Việt Nam nói chung và Huống Thượng nói riêng, đã nói lên tính mềm dẻo “thần phục giả, tự chủ thật” để giữ được độc lập tự chủ của nhân dân ta trước quân xâm lược phương Bắc hùng mạnh. Tuy phải tổ chức hành chính thành các “giáp” dưới sức ép của quân xâm lược, nhưng tất cả các “giáp” đều không thấy có chức “giáp thủ” như quy định, mà thay

⁹⁵ Theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. tr.28 và Địa chí Thái Nguyên tr.165, tr.166.

vào đó là một tập thể các cụ có quyền quyết định việc làng. Mỗi giáp đều có 3 bàn (là bàn thượng, bàn trung, bàn hạ); mỗi bàn đều có 4 cụ, quyền cao nhất là các cụ ở bàn thượng rồi đến bàn trung, thấp nhất là bàn hạ.

Giữa thế kỷ XVIII, dư đảng nhà Mạc nổi lên ở Thái Nguyên chống lại triều đình, chúa Trịnh phải vất vả tập trung nhân tài vật lực để dẹp loạn. ở Huống Thượng có truyền thuyết về vị tướng chỉ huy đánh quân Mạc tại Đồng Trận được triều đình phong tước Quận công. Năm 1745, Chúa Trịnh cử Lưu thủ Văn Đình Úc lên Thái Nguyên dẹp loạn, ông tổ chức hành quân theo đường Úc Kỳ và đường sông Cầu từ Chã ⁹⁶ngược lên qua làng Huống. Tại Huống Thượng, Lưu thủ được Phiên thần sở tại giúp đỡ lập kế nghi binh, dụ quân Mạc đến khu vực cánh đồng bằng phẳng (nay gọi là Đồng Trận) để tiêu diệt. Chiến thắng Đồng Trận đã góp phần chấm dứt hoàn toàn các hoạt động quấy phá của tàn quân nhà Mạc.

Giữa thế kỷ XIX, ở Trung Quốc, cuộc khởi nghĩa nông dân do Hồng Tú Toàn lãnh đạo bị thất bại, hàng ngàn quân Thái Bình Thiên Quốc do Ngô Côn và Lưu Vĩnh

⁹⁶ Theo sách “Nghệ An ký” của Bùi Dương Lịch, Nhà xuất bản KHXH năm 1993 tại trang 371 quyển 1 và 2 “Năm 1745... Văn Đình Úc cùng Hoàng Ngũ Phúc chia quân làm 2 đường; một đường ngược sông Cầu qua đôn Úc Kỳ tiến lên Thái Nguyên...” phải qua làng Huống để đánh giặc ở Đồng Trận, nên được phiên thần ở đất Huống giúp đánh giặc. Theo các cụ cao tuổi truyền kể lại thì vị phiên thần này người ở xóm Cây và được cho là Ma Thế Lộc; tuy nhiên, tổ biên soạn chưa tìm được tài liệu để làm rõ truyền thuyết này.

Phúc cầm đầu chạy sang Việt Nam lánh nạn⁹⁷. Khi Ngô Côn chết, đội quân này bị chia rẽ và phân hoá thành các toán nhỏ, nhưng bản chất lục lâm thảo khấu của chúng không giảm mà còn tàn ác hơn. Toán quân do Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu được gọi là quân “Cờ Đen” đóng quân và hoạt động chủ yếu ở phía tây dãy Tam Đảo. Toán quân do Ngô Côn cầm đầu đóng từ Định Hoá về Phú Bình, Bắc Giang, Bắc Ninh còn gọi là quân “Cờ Vàng”. Quân “Cờ Đen”, “Cờ Vàng” hành xử như những toán cướp dã man tàn bạo, gây ra nhiều tội ác với nhân dân ta. Một bộ phận khá lớn trong đội quân này trú ngụ tại vùng rừng núi thuộc tổng Bảo Nang...; hàng đêm, chúng vào làng cướp của, bắt người kháo của, bắt và hãm hiếp phụ nữ... Chúng gây ra các vụ giết người, cướp bóc kéo dài từ các năm 1878 đến 1891; chứng tích còn để lại là cây thị bị đốt của gia đình ông Dương Trọng Xuân xóm Cậy. Tối ngày 28 tháng 5 (âm lịch) năm 1882, chúng cắt rào nửa, tràn vào xóm Cậy cướp của và giết người hết sức dã man. Tại nhà cụ Dương Trọng Chiêu, chúng chất rơm rạ đốt cháy người nấp sau các bó cây dựng quanh cây thị. Ở xóm

⁹⁷ Năm 1865 Hồng Tú Toàn chết, quân Thái Bình Thiên Quốc chạy sang Việt Nam lánh nạn nhưng lại ngang nhiên cướp bóc, đánh chiếm nơi này nơi khác. Ngày 13/7/1869 (tài liệu khác là 1870) Ngô Côn đánh chiếm thành Bắc Ninh đã bị Tổng đốc Ninh-Thái (Bắc Ninh-Thái Nguyên) là Bùi Tuấn dùng pháo bắn chết. Sau đó bị Bùi Tuấn cùng Ông Ích Khiêm và tướng nhà Thanh là Phùng Tử Tài truy quét, nhưng dư đảng của chúng vẫn lén lút hoạt động (Theo “Đại Nam chính biên liệt truyện” tập II, quyển 33 và “Gia phả họ Bùi” ở Liên Bạt-Hà Tây).

Hóc, chúng đốt phá Đình, Đền và dinh Quan Huyện⁹⁸ đồng thời bắt đi 2 người phụ nữ, mục đích đưa vào rừng làm vợ cho các tên chỉ huy. Đến giếng Đảng, 2 bà xin đi uống nước rồi ra hiệu cùng nhau lao đầu xuống giếng tự tử; bọn lính ở trên bờ không cứu mà dùng giáo đâm xuống cho đến khi 2 bà chết hẳn rồi bỏ đi. (Nhân dân xóm Đảng thương tiếc 2 bà lập miếu thờ, miếu ấy được gọi là “miếu 2 liệt nữ” ở gần nơi 2 bà tuấn tiết⁹⁹). Cứ đêm tối là chúng vào làng, xé rào đột nhập vào nhà, bắt người ra rừng, ra đòi tra tấn, khảo của rồi giết chết tại các địa điểm như Gò Ổi (Văn Chỉ), Gò Giũa (xóm Đảng)...; nhiều gia đình lâm vào cảnh đau thương tang tóc...; xóm làng đã nghèo khó lại thêm tiêu điều, xơ xác vì nạn cướp bóc do giặc Cờ Vàng gây ra. Để chống lại bọn giặc cướp, quan lại cùng nhân dân các xóm đoàn kết lại, một mặt tổ chức lực lượng tuần phòng chống giặc, một mặt tổ chức rào làng bằng cây nứa, cây vầu già ken dây, đỉnh đầu vát nhọn, trồng tre bảo vệ làng xóm và đã tiêu diệt được một số tên. Trước tinh thần đoàn kết và ý chí quyết tâm chiến đấu bảo vệ làng xóm của nhân dân, làm cho bọn giặc cướp tuy hung hãn cũng phải chùn bước không dám ngang nhiên lộng hành như trước; cùng với thời gian đã phân hoá đến chấm dứt được nạn giặc do dư đảng của tàn quân Cờ Vàng gây ra.

⁹⁸ Sau sự kiện này, dinh Quan Huyện Đồng Hỷ chuyển ra xóm Cây, ở vào đất nhà ông Tạ Đức Tuấn bây giờ.

⁹⁹ Miếu ở vào đất nhà ông Cao Văn Liên bây giờ

Trong khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, xã Huống Thượng có ông Dương Văn Luận tham gia chiến đấu cùng Đội Cấn và Đội Giá. Ông Dương Văn Luận đi lính nhưng lại mang tên của anh trai là Dương Văn Nghị đóng tại trại lính Khố xanh ở thị xã Thái Nguyên. Khi nghĩa quân làm chủ thị xã, giương cao ngọn cờ Ngũ tinh (5 sao), lập quốc hiệu Đại Hùng do Trịnh Văn Cấn làm Đại đô đốc Chánh tướng, Lương Ngọc Quyến làm quân sư, Đội Trường (Phạm Văn Trường) làm phó tướng. Đại đô đốc phong hàm sĩ quan cho 8 người chỉ huy 8 đơn vị nghĩa quân, ông Nghị được trao quân hàm Trung úy. Trong những người được đề bạt quân hàm sĩ quan, trước khi khởi nghĩa nổ ra đều là các ông đội, ông cai, duy nhất có ông Nghị được phong thăng từ Binh nhì lên Quan Hai¹⁰⁰, đã nói lên những đóng góp và tài năng chỉ huy của ông. Theo truyền khẩu của nhân dân Huống Thượng, ông Luận dưới tên anh trai là Dương Văn Nghị, đã 2 lần phá cửa đề lao. Lần thứ nhất vào đêm 30 tháng 8 năm 1917, sau khi Đội Giá bắn chết tên giám ngục Lô-ê (Loew) và ra lệnh phá ngục, ông là người đầu tiên trực tiếp phá cửa nhà tù Thái Nguyên, giải phóng Lương Ngọc Quyến và các tù nhân. Khi khởi nghĩa Thái Nguyên thất bại ông vẫn tiếp tục giữ chức “thống lãnh binh” chỉ huy một

¹⁰⁰ Các thông tin về ông Luận, lấy từ Dương Văn Nghị trong sách “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại”

nhóm nghĩa quân chiến đấu (nên thường gọi là Thống Luận). Quân Pháp đưa 1 đơn vị¹⁰¹ do một tên Quan tư (colonel) chỉ huy về đóng tại nhà ông ở xóm Thông; vừa vây ráp vừa khủng bố tinh thần, dùng thầy pháp yểm bùa và đào mộ bố ông. Sau này, ông bị bắt và bị tù giam tại nhà lao Chợ Chu, nhưng ông một mực không nhận anh em để tránh liên lụy cho họ hàng. Tháng 8 năm 1922, ông cùng với 92 tù nhân khác (tổng số 93 người) phá nhà lao Chợ Chu¹⁰² thoát ra ngoài và về qua Thác Hét rồi sang mạn Bắc Giang, từ đấy không còn ai biết tin tức cụ thể nào về ông nữa. Có tin ông Luận bị bắt lại là do một sơ xuất trong khi uống rượu làm lộ tung tích; lại có tin ông đã đổi sang họ Thân ở Yên Thế, Bắc Giang..., nhưng những giai thoại về ông vẫn được nhân dân Huống Thượng lưu giữ và truyền lại mãi về sau¹⁰³.

Hơn 60 năm trực tiếp sống dưới chế độ thực dân Pháp, nhân dân Huống Thượng cũng như nhân dân cả nước bị áp bức bóc lột bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và bằng nhiều thứ thuế vô lý, hết sức bất công. Mặt khác, chế

¹⁰¹ Chưa rõ cấp đơn vị này, có người nói 1 đại đội, có người lại nói 1 tiểu đoàn.

¹⁰² Theo sách Địa chí Thái Nguyên trang 230 và Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

¹⁰³ Như chuyện khi đào mộ cụ Hội mang di chày, thấy trong mộ có một con chim nhạn trắng đang mọc lông ống. Lại có chuyện khác là khi cho người đến đào, ở mộ có một con chim đỏ vụt bay lên...

độ thực dân phong kiến còn gây chia rẽ tôn giáo, chia rẽ các làng, các giáp, chia rẽ các dòng họ sâu sắc..., cách cai trị của chúng đã tạo ra sự nghi kỵ, mất đoàn kết, an ninh xã hội không được bảo đảm, nạn cướp bóc sách nhiễu xảy ra thường xuyên¹⁰⁴, quyền con người, tính mạng, tài sản không được bảo vệ. Các biện pháp chia rẽ của chúng làm cho đời sống nhân dân Huống Thượng trở nên nghèo đói bần cùng và khổ cực cả về vật chất lẫn tinh thần. Người nông dân quanh năm làm thuê làm mướn, thu nhập ít ỏi lại chịu bao cảnh sưu cao thuế nặng, đặc biệt là thuế thân. Con người mất các quyền tự do tối thiểu, phải làm kiếp thân trâu ngựa cho bọn áp bức bóc lột¹⁰⁵. Một số người muốn thoát khỏi cảnh áp bức, cố gắng bán cả nhà cửa ruộng đất để mua được chức này chức khác, với ước mong đổi đời nhưng vẫn không tránh khỏi vòng luẩn

¹⁰⁴ Đầu năm 1945 gia đình ông Đoàn Bá Thiện (nay thuộc xóm Gò Chè) tổ chức cưới vợ cho con là Đoàn Bá Lương thì có một toán cướp (là người trong xã) bịt mắt đến cướp, chúng khảo cửa, chém và thui râu ông Thiện. Vì bị bỏng và vì thương nên 50 ngày sau ông Thiện chết (chết ngày 12/4 ã/1945). Người tổ chức vụ cướp này bị đầu tố ngày 15/6/1954 và đã nhận tội.

- Gia đình ông Phó Nhuận (Dương Đức Trạch) xóm Thông là người thuộc vào diện giàu có và có thế lực nhưng cũng bị giặc cướp (cũng là người trong xã) đến cướp cửa, nhưng do gia đình phòng bị và chống trả quyết liệt nên vụ cướp không thành.

¹⁰⁵ Trước cách mạng tháng Tám 1945, xã hội phong kiến chia dân trong xã thành 7 bậc; 6 bậc đầu là các chức sắc quan viên và những người bỏ tiền ra mua quan. Bậc thứ 7 là “Những dân đinh, người tàn tật, người mất công quyền không được dự vào việc tế lễ”, còn từ bậc 1 đến bậc 6 “mới được dự bàn việc làng và tế lễ” (Hương ước làng Huống Thượng, bản lưu có ký hiệu Hư 3259 tại Viện thông tin KHXH Việt Nam).

quần của đói nghèo¹⁰⁶. Khi có chức tước rồi vẫn bị bọn quan lại đương quyền coi thường khinh miệt, bởi chức quan mua chẳng có quyền hành gì.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập tự do và quyền bình đẳng; đưa nhân dân trở thành người chủ thật sự của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần yêu nước của nhân dân Huống Thượng được phát huy cao độ trong các cuộc đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân Huống Thượng tin tưởng sâu sắc vào Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết một lòng dưới lá cờ của Đảng, góp phần phần làm nên những thắng lợi vẻ vang của đất nước và dân tộc Việt Nam.

¹⁰⁶ Những người nông dân thấp cổ bé họng, sinh con gái thì gọi là bố dể, mẹ dể. Sinh con trai thì gọi bố cu, mẹ cu. Người dân đình thường là phận bố cu mẹ dể, phải đi phu, làm các việc phục dịch sai bảo của đàn anh. Nếu có tiền bỏ ra mua một chức tượng trưng để được gọi là ông nọ bà kia thì cũng hết tiền và chẳng có quyền hành gì. Có người bán hết cả ruộng đất mà vẫn không mua nổi một chức quan, gia đình lại trở thành người nghèo khổ.



Hai bức Thần Sắc (Sắc Phong) của Vua Khải Định năm thứ 2 và năm thứ 9 “Sắc cho Thái Nguyên tỉnh, Đồng Hỷ huyện, Huống Thượng xã thờ tự Thượng đẳng thần Cao Sơn Quý Minh Đại Vương”

Ảnh: Xuân Nghĩa và Dương Trọng Hiến



Những mảnh vỡ của Đền Rắn (1) ban đầu tại Gò Đình do Quân Minh đập phá. Những mảnh này đào được tại khu nhà ông Dương Văn Nghiễm ở độ sâu 1,2 mét.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Chùa Phú nông (Chùa Nóng; Chùa Huống) năm 2010.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Di tích Lịch sử Đền Rắn (Đình Thượng) nơi các cán bộ giáp Đông Gia họp bí mật trước cách mạng tháng Tám năm 1945. Nơi đặt các lớp học sơ tán trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Tháng 3/1951 là nơi Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam làm lễ công bố đổi tên Đội Thiếu nhi Cứu quốc và Nhi đồng Cứu vong thành Đội Thiếu nhi tháng Tám và Nhi đồng tháng Tám Việt Nam

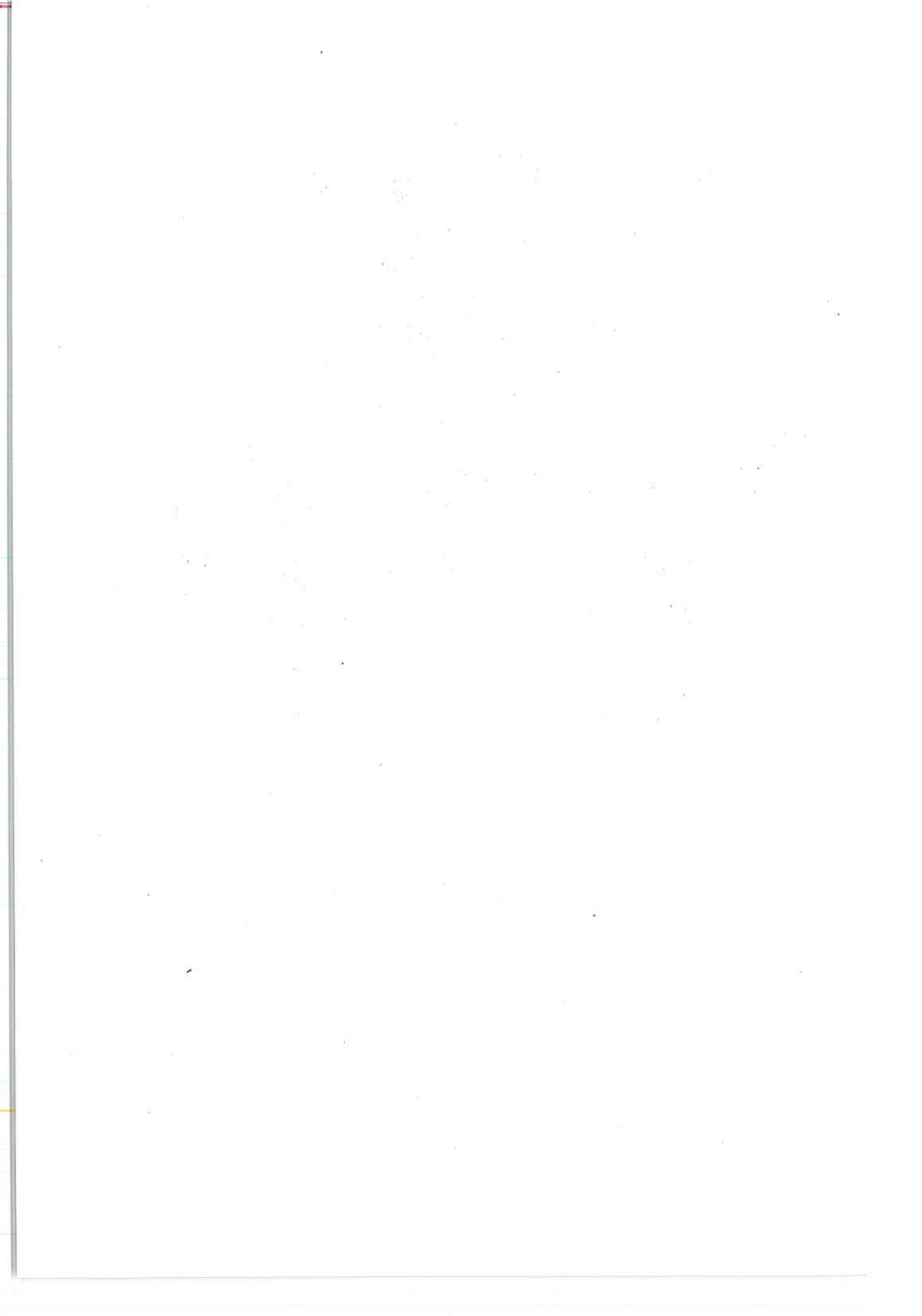
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Cây thị trên 300 năm tuổi của gia đình ông Dương Trọng Xuân (Xóm Cây). Vết cháy rỗng trên thân cây là do dư đảng của tàn quân Cờ Vàng đốt năm 1882. Trong ảnh ông Xuân (áo nâu) đang truyền kể về vụ quân giặc đốt cây thị và giết chết cụ nội của ông ngày 28/5 âm lịch/năm 1882.

Tại nhà bố ông Dương Trọng Xuân ở bên gốc thị này, năm 1948, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã về chủ trì một hội nghị, các đồng chí của xã không rõ hội nghị gì? nhưng có nhiệm vụ tổ chức canh gác bảo vệ. Sau hội nghị Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi ngay, còn Thiếu tướng Lê Hiến Mai, Chính uỷ Chiến khu ở lại nhà ông Dương Trọng Hữu mấy ngày. Dân làng chỉ biết có rất nhiều ngựa buộc từ nhà ông Hiếu sang đến tận nhà ông Hữu.

Ảnh: Xuân Nghĩa và Dương Trọng Hiến



Chương II

XÃ HUỐNG THƯỢNG TRƯỚC, TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

1- Xã Huống Thượng trước, trong cao trào Cách mạng tháng Tám 1945

Từ năm 1910 đến cuối năm 1945, phân diện tích xã Huống Thượng hiện nay gồm 2 xã nhỏ là Huống Thượng (cũ) và Huống Trung. Xã Huống Thượng (cũ) gồm 5 giáp là Hoà Úc, Linh Tùng, Xuân Lạp, Đông Gia, Kim Đường. Xã Huống Trung gồm các xóm Mận, Làng Tây, Ba Nhà. Tại mỗi xã có Hội đồng Kỳ mục, Lý trưởng, Chưởng bạ và Hộ lại¹⁰⁷ quản lý điều hành.

Những năm 1943-1945, ở hai xã có tổ chức “Thanh niên trung dũng đoàn” còn gọi là “Thanh niên Pê-tanh” của một số thanh niên có tư tưởng thân Pháp, Nhật, thích thể hiện mình, khát khao tìm cái mới, nhưng bí bách về mục tiêu lý tưởng, bị Cung Đình Vận lợi dụng và điều khiển. Đứng đầu tổ chức này ở Huống Thượng (cũ) là

¹⁰⁷ Chưởng bạ là quản lý ruộng đất. Hộ lại là quản lý hộ tịch, hộ khẩu khai sinh, khai tử.

Đặng Đình Khuê và Tạ Văn Khuê¹⁰⁸. Nhóm Thanh niên trung dũng đoàn ở xã Huống Trung do Nguyễn Văn Tuyển và Phạm Đình Khai cầm đầu. Hoạt động của tổ chức này chủ yếu làm các việc như học hát, chào cờ Pháp, diễn kịch, diễu hành, picnic, nhằm ru ngủ thanh niên quên đi mục tiêu lý tưởng cứu nước, cứu nhà. Một vài người đi lính cho Nhật, một số người được giao nhiệm vụ rải truyền đơn tuyên truyền cho chính sách Đại Đông Á...

Tháng 3 năm 1943, một đơn vị Cứu quốc quân từ Võ Nhại về các xã Khe Mo, Văn Hán¹⁰⁹ thuộc tổng Huống Thượng vận động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng. Các hoạt động của Việt Minh ngay trong địa bàn của tổng đã có tác động đến tình hình chung của địa phương. Năm 1944, các thanh niên Trần Văn Kỳ, Dương Trọng Kim đi buôn bán, được cán bộ cách mạng có bí danh là Giáo Giao¹¹⁰ giác ngộ tại xóm Phả Lý, xã Văn Hán; được học tập sơ lược cộng sản và thế giới đại đồng, được cấp giấy tờ đi lại (gọi là giấy thông hành) để cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm cho khu căn cứ. Cùng thời gian này, 2 người ở Thanh niên trung dũng đoàn là Tạ Văn Khuê và Dương

¹⁰⁸ Hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến do đồng chí Ngô Xuân Giai; công an huyện Đồng Hỷ lập ngày 15/10/1968.

¹⁰⁹ Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, tr34.

¹¹⁰ Theo ông Dương Trọng Kim, đến ngày 19/8/1945 ông Kim gặp lại ông Giáo Giao tại thị xã Thái Nguyên, lúc đó đang là bộ đội Trường Sơn. Còn theo đồng chí Ôn Văn Thái phải là ông Giáo Cẩm mới đúng vì ông Giáo Giao hoạt động ở vùng khác.

Văn Hét ngược lên Võ Nhai tìm cách bắt liên lạc với Việt Minh, không may bị Bang Trịnh¹¹¹ bắt, nhưng trước sức mạnh của phong trào cách mạng và khí thế của quần chúng ở địa phương nên được thả cho về.

Ngày 09 tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật nổ súng tiến công quân Pháp để độc chiếm Đông Dương, chính quyền thân Pháp tan rã nhanh chóng. Ngày 17 tháng 4, Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim ra đời, có Bộ Thanh niên do Phan Anh làm Bộ trưởng. Ở xã Huống Thượng và xã Huống Trung, Thanh niên Pê-tanh chuyển thành Thanh niên Phan Anh¹¹².

Năm 1945, nhân dân vùng đồng bằng Bắc Bộ bị trận đói khủng khiếp làm chết hơn 2 triệu người, nguyên nhân là do chính sách vơ vét bóc lột của Pháp-Nhật gây ra. Nhân dân trong xã cũng đói nghèo kiệt quệ, phải gồng mình chia sẻ, giúp đỡ và giải quyết hậu quả do người dân chạy đói lang bạt đến Huống Thượng, nguy cơ chết đói của người dân trong xã có thể xảy ra. Tháng 3 năm 1945, có 2 thuyền đại (loại thuyền có tải trọng khoảng 5 đến 7 tấn) chở “thóc Liên Đoàn”¹¹³ ngược theo sông Đào từ Phú

¹¹¹ Bang tá châu Võ Nhai tên là Trịnh, nên thường gọi là Bang Trịnh. Trước tháng 8/1945 ông bị quân Pháp truy sát nhưng được nhân dân Huống Thượng che chở, và ở chính tại nhà ông Hét (xóm Cây). Sau này ông Trịnh tham gia Quân đội làm đến cán bộ cấp trung đoàn.

¹¹² Bản lưu tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

¹¹³ Thóc Liên đoàn là loại thóc do quân Nhật bắt ép nhân dân phải bán cho chúng theo đầu mẩu, mỗi mẩu phải bán 200 kg với giá bằng 1 nửa giá thị trường thời bấy giờ.

Bình lên đến giữa môm Lầy và vực Núi Tiễn thì dừng lại, vì được tin Nhật đảo chính Pháp. Lợi dụng lúc phu thuyền và lính áp tải còn đang hoang mang; quần chúng ở các xóm Giáng, Cậy, Bàu, Trám... đã quyết định tổ chức cướp thuyền lương để cứu đói cho dân. Buổi chiều Lương Ngọc Huyền¹¹⁴ mặc trang phục Hiến binh Nhật, đeo kiếm Nhật đứng trên bờ vẫy chiếc thuyền đang dừng ở gần môm Lầy; quân áp tải thấy có “lính Nhật” thì hoảng sợ, buộc phải cho thuyền cập bờ phía bên xóm Cậy. Anh Huyền và một số anh em khác nhảy lên thuyền khống chế bọn lính, để các thuyền con áp mạn thuyền đại, lấy thóc gạo chở về. Sau khi, nhân dân lấy được một số lương đáng kể, ta tạm dừng để nghe ngóng tình hình, nhưng không thấy chúng có phản ứng gì. Trên đà thắng lợi ta quyết định lấy nốt số lương thực quý giá còn lại trên thuyền để cứu đói. Buổi tối Tạ Đức Tuân và Lương Ngọc Huyền tiếp tục mặc quân phục Hiến binh Nhật, lên thuyền khống chế các tên lính áp tải thuyền lương; bọn chúng không dám chống cự trước sức mạnh của số đông nhân dân đang hùng hực, lại có sức ép của “Hiến binh Nhật” nên chịu để

¹¹⁴ Lương Ngọc Huyền sinh năm 1917, có dáng người thấp đậm, quê gốc ở Hoài Đức-Hà Đông (cũ) theo gia đình lên Thái Nguyên, là người yêu thích văn nghệ và ưa phiêu lưu. Anh về Hà Nội sáng lập và làm chủ 1 gánh hát, nhưng được một thời gian, gánh hát ế ẩm rồi bị phá sản, anh về lại Huống Thượng cùng bố mẹ già. Theo di ngôn của cụ Đoàn Bá Chung: Lương Ngọc Huyền chính là nguyên mẫu ông chủ gánh hát An Lạc mà Nguyễn Công Hoan viết truyện ngắn Đào Kép Mới nổi tiếng.

yên cho ta tự lấy¹¹⁵. Kết quả, ta lấy được ước chừng vài tấn cả thóc và gạo; ai lấy được bao nhiêu thì mang về gia đình nhà mình sử dụng. Số thóc gạo này đã góp phần rất quan trọng cho việc chống đói, góp phần cứu sống được nhiều người dân nghèo khổ đang trong cơn cùng quẫn.

Cũng thời gian ấy, trong khi nhân dân trong xã đang ở vào hoàn cảnh vô cùng đói khổ thì kho thóc của địa chủ Đặng Mạnh Ái (Nghị Ái) lại chất đầy; thóc năm trước lưu cữu sang năm sau đến khô mục mà không được dùng. Chớp thời cơ khi quân Nhật vừa mới đảo chính Pháp, quần chúng ở xóm Già, xóm Đảng, xóm Hóc đã quyết định phá kho thóc nhà Nghị Ái tại xóm Khẩu. Dưới sự tổ chức của các ông Nguyễn Khánh Hoà, Đặng Đình Khuê, Nguyễn Văn Thuần, Nguyễn Cát Lượng, Dương Văn Tuất, Nguyễn Văn Bảng..., một buổi tối tháng 3 năm 1945, đã bố trí Đặng Đình Cử vác mã tấu khổng chế bố con ông Bếp Hạt¹¹⁶ là người coi kho của Nghị Ái. Nhân dân phá

¹¹⁵ Theo lời kể của các cụ cao tuổi: Nếu không có số thóc cướp được của Liên đoàn thì dân xóm Cây, xóm Bầu, xóm Trám... có thể có người chết đói. Còn đối với dân lang bạt đến xã chết rất nhiều người ở ngay khu bến đò và rải rác ở các xóm, hàng ngày những người phu ồm yếu phải đi nhặt xác người chết đói xếp chồng đồng lên xe kéo. Các xe xác người (có cả người chưa chết hẳn) kéo lên khu Hai Dốc và rừng Thông đổ xuống hồ, xác người chồng lên xác người rồi lấp đi. Khu rừng Thông này được nhân dân gọi là khu Âm Hồn (nay là Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên).

¹¹⁶ Thực tế là bố con ông Bếp Hạt đã đồng tình mở cửa kho cho nhân dân lấy, nhưng vẫn phải trói và nhét giẻ bịt mồm bố con ông lại, để dễ ăn nói với Nghị Ái về sau này.

tan cửa, lấy hết số thóc chứa trong kho mang về chống đói cho gia đình. Riêng ở xóm Đảng, thóc được đưa về nhà ông Đặng Đình Khuê đóng vào từng bao chuyển đi đâu không rõ, nhân dân xóm Đảng hầu như không có ai được sử dụng số lương thực này¹¹⁷.

Sau 2 vụ mất lương thực ngay trước mắt, bọn quân phiệt Nhật hết sức tức tối, chúng cử Cửu Thành¹¹⁸ là tên tay sai gian ác về các xóm điều tra. Ở xóm Đảng chúng lòng sục bắt được ông Đặng Đình Khuê và em trai là Đặng Đình Kiên mang về nhà lao của tỉnh tra khảo mấy ngày¹¹⁹ nhưng cũng không thu lại được bất cứ hạt thóc, hạt gạo nào. Thấy được sự âm ý, nhưng ẩn chứa sức mạnh bên trong của phong trào cách mạng đang lên, các tên tay sai của Pháp cũng như của Nhật, dù cố tỏ ra làm việc miễn cưỡng, cố trung thành nhưng cũng phải chùn tay. Gian ác như tên Cửu Thành, lần này về xã làm công việc do thám điều tra thủ phạm 2 vụ bị cướp lương thực, hẳn cũng bắt người tra khảo nhưng không hung hăng như các lần trước đây.

Trước sự biến động của tình hình thế giới, sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong nước và trong tỉnh, chính quyền phong kiến tay sai của Nhật đã thực sự rệu rã

¹¹⁷ Chưa ai biết số thóc này ông Đặng Đình Khuê chuyển đi đâu và sử dụng vào việc gì?

¹¹⁸ Tay cận vệ thân cận của Cung Đình Vận có kiểu tra tấn rất dã man là trói như bó giò người ta để khai thác. Ngày 19/8/1945 quần chúng nhân dân cũng xử Cửu Thành bằng cách trói như vậy.

¹¹⁹ Sau vụ này ông Đặng Đình Khuê cho thêm em trai là Đặng Đình Cừ đi Bảo an binh Nhật.

lung lay, các chức dịch làm việc lấy lệ vì hoang mang lo sợ. Chớp thời cơ, từ giữa tháng 3 năm 1945 nhân dân các xã bên tả ngạn sông Cầu thuộc huyện Phú Bình đã vùng lên giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng¹²⁰. Những nông dân Huống Thượng làm việc trong đồn điền ông Giáo Tâm đã tích cực tham gia các hoạt động của Mặt trận Việt Minh và Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã Đồng Liên¹²¹. Do nằm kề với xã Đồng Liên, nên các hoạt động cách mạng ở xã bạn có ảnh hưởng rất lớn tới xã Huống Thượng, các thanh niên yêu nước tìm cách để sớm liên lạc được với cán bộ của Mặt trận Việt Minh.

Giữa năm 1945, tại Phú Bình, ông Dương Trọng Hữu bắt liên lạc được với đồng chí Dương Kim Nụ¹²² là cán bộ Việt Minh đi vận động quần chúng tham gia phong trào chống Nhật và thành lập Ủy ban giải phóng. Đồng chí Nụ đã lấy địa điểm nhà ông Hữu làm nơi bí mật xây dựng cơ sở cách mạng, vận động quần chúng để chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa. Được sự tuyên truyền giác ngộ của đồng chí Nụ, ban đầu có 13 quần chúng tham gia hoạt động bí mật trong tổ chức cách mạng, đó là Dương Trọng Hữu,

¹²⁰ Theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

¹²¹ Trong đó có đồng chí Lê Quang Trà, kết nạp Đảng tháng 4 năm 1947, sau này là cán bộ Tiền khởi nghĩa.

¹²² Đồng chí Dương Kim Nụ (tức Hoàng Thanh Duy). Sinh 1923 tại xã Lương Phú, huyện Phú Bình. Tham gia hoạt động cách mạng tháng 3/1945 (vào Đảng 20/4/1946). Năm 1945, đồng chí Nụ là cán bộ Việt Minh đi vận động quần chúng tham gia phong trào chống Nhật và thành lập Ủy ban giải phóng ở các xã Thượng Đình, Tích Lương và Đồng Tiến.

Dương Trọng Đắc, Dương Văn Dục, Tạ Văn Khay (ở Hoà Úc); Nguyễn Văn Mai, Hùng Thế Trinh, Hùng Thế Úc, Nguyễn Viêt Quân, Nguyễn Ngọc Hưng, Nguyễn Văn Thảo, Nguyễn Ngọc Hình, Nguyễn Kim Hương (ở Kim Đường); Nguyễn Văn Vụ (ở Đông Gia) và Trần Văn Kỳ (ở Xã Cả)¹²³. Nhận rõ vị trí quan trọng của xã Huống Thượng, tiện cho việc thâm nhập vào thị xã Thái Nguyên và cũng thuận lợi khi cần dựa vào rừng núi, để phòng thủ bảo toàn lực lượng. Các đồng chí cán bộ là Nguyễn Thị Minh Tâm¹²⁴, Dương Kim Nụ, Ngô Gia Hảo, Ngô Văn Đa, Minh Thịnh...lấy đỉnh Hoà Úc và nhà các quần chúng Dương Trọng Phương, Dương Trọng Lý, Dương Trọng Hữu, Nguyễn Hữu Thu... làm địa điểm tuyên truyền giác ngộ vận động nhân dân, xây dựng cơ sở. Đến tháng 7 năm 1945, ở các xóm Cây, Hóc, Sộp, Bầu, Trám, Giáng đều có các hội viên quần chúng cứu quốc hoạt động bí mật, chờ thời cơ chín muồi tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

¹²³ Danh sách theo Hồ sơ chính trị xã Đông Tiến. Đồng chí Trần Văn Kỳ do có mối quan hệ là cháu ông Dương Trọng Hữu, nên chuyển hoạt động từ hướng do đồng chí cán bộ có bí danh là Giáo Cẩm giác ngộ về hướng đồng chí Dương Kim Nụ xây dựng cơ sở. Còn đồng chí Hùng Thế Trinh, trước đi lính khổ xanh, khi Nhật đảo chính Pháp bị Nhật bắt giam, trốn được tù về quê mẹ ở Cam Giá, gặp đồng chí Ngô Văn Đa và được đồng chí Đa giác ngộ, giới thiệu về xã hoạt động cùng thời gian đồng chí Nụ đến, nên danh sách ghi 14 quần chúng.

¹²⁴ Tên chính là Trịnh Thị Tâm, Bí thư Ban cán sự Đảng huyện Đông Hỷ, nhưng các giấy tờ cũ ở địa phương đồng chí mang tên là Nguyễn Thị Minh Tâm.

Ở giáp Đông Gia, các cán bộ cách mạng là Lê Trọng Mưu (tức Mô), Ngọc Châu, Giáo Cẩm...về tuyên truyền vận động được các quần chúng Nguyễn Khánh Hoà, Nguyễn Cát Lượng, Dương Văn Tuất, Nguyễn Văn Thuần, Nguyễn Văn Bảng và cả Đặng Đình Khuê, Tạ Văn Khuê...là người của tổ chức “Thanh niên Phan Anh”. Lúc này, “Thanh niên Phan Anh” bắt đầu hoạt động 2 mặt, lợi dụng các nội dung của địch để làm việc cho Mặt trận Việt Minh. Tuy nhiên, các cán bộ và quần chúng phải rất khôn khéo che mắt bọn tay sai thân Nhật, luôn thay đổi địa điểm và mật khẩu để bảo đảm an toàn.

Trong thời gian này, các đồng chí Nguyễn Thị Minh Tâm, nữ đồng chí Bảy và đồng chí Ngô Nhị Quý¹²⁵ đã đến vận động, giác ngộ quần chúng ở mỏ Quặng¹²⁶, các xóm thuộc xã Linh Nham và Huống Trung. Từ các quần chúng ban đầu như Ôn Văn Thái, Liễu Văn Bình, Phạm Văn Tài, Đặng Văn Thanh, Trần Văn Thành, Phạm Bá Trực, Lý Văn Phú...(Linh Nham), Nguyễn Văn Quế, Nguyễn Thế Văn, Nguyễn Văn Khấn... (Huống Trung) đã dần dần phát triển ngày một nhiều hơn.

Đến cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1945, phong trào cách mạng đã phát triển rộng khắp trong toàn tổng Huống Thượng, lực lượng quần chúng do các cán bộ Việt Minh giác ngộ tuyên truyền tại các xã, đã đông đảo và sôi sục khí thế cách mạng, sẵn sàng chờ lệnh tổng khởi nghĩa.

¹²⁵ Sau Cách mạng tháng Tám 1945, là Bí thư Tỉnh uỷ Thái Nguyên đầu tiên.

¹²⁶ Một cách gọi của mỏ quặng Linh Nham thuộc xã Linh Nham, huyện Đông Hỷ.

Vào một đêm tháng 7 năm 1945, tại nhà ông Dương Trọng Phương ở xóm Cây, đồng chí Dương Kim Nụ và Ngô Gia Hảo đã tổ chức và chủ trì hội nghị thành lập Mặt trận Việt Minh và Đội Tự vệ chiến đấu xã Huống Thượng. Tại hội nghị này, ông Dương Trọng Hữu được cử làm Chủ nhiệm Việt Minh; Đội tự vệ chiến đấu do ông Trần Văn Kỳ làm Đội trưởng và Tạ Văn Khay làm Tiểu đội trưởng; ông Dương Văn Dục làm Trưởng ban giao thông đặc biệt. Sau hội nghị, tin tưởng vào thắng lợi của Việt Minh, quần chúng tham gia mặt trận phát triển ngày một đông hơn. Đánh hơi thấy hoạt động của Mặt trận Việt Minh, bọn tay sai thân Nhật thường xuyên đưa bảo an binh về xã lùng sục, rải truyền đơn tuyên truyền chống phá nhưng không thu được kết quả¹²⁷.

Ở giáp Đông Gia¹²⁸, do có khu rừng Đền linh thiêng nên hầu hết các cuộc họp đều được tổ chức tại đền Rắn và xung quanh¹²⁹. Đầu tháng 8 năm 1945, trước khi có lệnh tổng khởi nghĩa, phái Đông Gia cũng thành lập Đoàn Việt Minh riêng tại Đền Rắn và cử ông Nguyễn Văn Bảng làm Chủ nhiệm, ông Cao Văn Thức làm Tiểu đội trưởng tự vệ chiến đấu¹³⁰.

¹²⁷ Khoảng 12 giờ đêm hôm đó, Quân Cường đưa lính Nhật về lùng sục ở xóm Bầu.

¹²⁸ Do mâu thuẫn từ xưa nên ở xã Huống Thượng có 2 phe là Hoà Úc (gồm Hoà Úc, Xã Cả, Kim Đường) và Đông Gia. Hai vùng này lại do 2 nhóm cán bộ khác nhau xây dựng cơ sở nên luôn xảy ra mâu thuẫn, thậm chí còn chống đối nhau. Vì thế, đến trước khởi nghĩa, xã Huống Thượng có 2 tổ chức Mặt trận Việt Minh.

¹²⁹ Quanh đền có 3 giáp và 3 Tảo xá

¹³⁰ Theo lý lịch Đảng viên của 2 cố đồng chí Cao Văn Thức và Trần Văn Tam (xóm Sộp).

Xã Huống Trung mới thành lập được 35 năm, dân số toàn xã khi đó chỉ có trên 50 hộ, được cán bộ Việt Minh tuyên truyền phổ biến, quần chúng hiểu chủ trương chính sách của Mặt trận, nên tham gia đông đảo và gần như công khai. Cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1945, xã Huống Trung thành lập Mặt trận Việt Minh. Các ông Nguyễn Văn Quế và Nguyễn Thế Văn được bầu làm Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm. Mặt trận thành lập Tiểu đội tự vệ chiến đấu, bí mật luyện tập quân sự để sẵn sàng làm nòng cốt cho nhân dân nổi dậy¹³¹.

Tối ngày 16 tháng 8 năm 1945, Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Thượng¹³² Dương Trọng Hữu đi nhận lệnh khởi nghĩa tại nhà ông Chánh hội Khoa thuộc xã Cam Giá. Cùng đi đón và bảo vệ Chủ nhiệm có Tiểu đội trưởng Tạ Văn Khay và chiến sĩ tự vệ Dương Trọng Kim; gần sáng ngày 17 tháng 8 năm 1945, lệnh khởi nghĩa về đến xã. Chấp hành lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, các Chủ nhiệm Việt Minh cơ sở, tổ chức cho các bộ phận nhanh chóng làm công tác chuẩn bị như huy động thuyền con, thuyền thúng, bố trí người và vũ khí cho các nhóm. Trưa ngày 19 tháng 8 năm 1945, lực lượng quần chúng các xã Huống Thượng, Huống Trung có sự hỗ trợ của tự vệ chiến đấu từ ba hướng tiến về thị xã Thái Nguyên. Hướng

¹³¹ Ông Nguyễn Văn Quế chưa nhớ được đồng chí nào là chỉ huy Tiểu đội tự vệ chiến đấu xã Huống Trung.

¹³² Thực chất chỉ có 3 giáp Hoà Úc-Kim Đường-Xuân Lạp.

thứ nhất chủ yếu gồm quần chúng ở Đông Gia dưới sự chỉ huy của Chủ nhiệm Việt Minh Nguyễn Danh Bảng và Tiểu đội trưởng tự vệ Cao Văn Thức sử dụng đồ của ông Mai Văn Sâm bơi thẳng lên khu Hai Dốc, qua Cổng Ô, vào khu nhà Gác-chi-ê. Hướng thứ hai chủ yếu gồm các quần chúng ở Hòa Úc do Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Thượng Dương Trọng Hữu lãnh đạo; lực lượng gồm Đội tự vệ do Trần Văn Kỳ và Tạ Văn Khay chỉ huy và một số quần chúng khác, bơi thuyền vượt sông Cầu sang Núi Đỏ, theo đường lên Gia Sàng, vào chiếm Nhà Đền thị xã Thái Nguyên. Hướng thứ ba dưới sự chỉ huy của Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Trung Nguyễn Văn Quế, quân số 10 người bơi thuyền vượt sông Cầu lên Hai Dốc, bắt liên lạc với bộ phận của đơn vị quân giải phóng chuẩn bị tiến công trại lính khố xanh.

Đến chiều ngày 19 tháng 8 năm 1945, quần chúng hai xã đã có mặt tại sân vận động thị xã Thái Nguyên tham dự cuộc mít tinh tuần hành của hàng ngàn người dân dưới sự chủ trì của Mặt trận Việt Minh tỉnh. Tiểu đội tự vệ chiến đấu xã Huống Trung được quần chúng dẫn đường, bao vây nhà tên Ngô Trí Trùy, khám xét và bắt được vợ chồng tên chỉ huy bảo an đang lẩn trốn trong 2 ngăn tủ quần áo, buộc tên này phải kêu gọi bọn lính trong trại lính bảo an không nổ súng chống lại nhân dân. Sau khi lực lượng cách mạng buộc tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng phải trao chính quyền cho Ủy ban khởi nghĩa và tên chỉ huy bảo an ra

lệnh cho binh sĩ đầu hàng, nộp tất cả vũ khí cho quân giải phóng. Hơn 400 lính bảo an tập trung nghe cán bộ cách mạng giải thích đường lối cứu nước và chính sách khoan hồng của Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Hơn 60 anh em binh sĩ tự nguyện tham gia quân giải phóng đánh địch, trong đó có Đặng Đình Cừ là người xóm Đảng¹³³. Ta thu được hơn 600 khẩu súng trong kho, anh em tự vệ xã Huống Thượng, Huống Trung vận chuyển số vũ khí này về Cầu Loàng giao cho Chi đội quân giải phóng.

7 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 8 năm 1945, các tiểu đội tự vệ chiến đấu xã Huống Thượng, Huống Trung tham gia cùng quân giải phóng tiến công trại lính khố xanh. Chiều cùng ngày, lực lượng của hai xã tham gia cuộc mít tinh quần chúng đông đến hàng vạn người tại sân vận động thị xã. Chúng kiến lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch.

2- Cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân và sự ra đời của Chi bộ Đảng (1945-1946)

Hoàn thành nhiệm vụ biểu dương lực lượng giành chính quyền ở thị xã Thái Nguyên, các quần chúng xã Huống Thượng do Việt Minh làm nòng cốt trở về xã tập trung tại Chùa Kim Hoa để tuyên bố xóa bỏ chính quyền

¹³³ Đồng chí Cừ về sau làm huyện đội trưởng các huyện Định Hoá, Phú Lương và Phú Bình. Cấp bậc Thượng úy, chức vụ Trưởng ban Tác chiến tỉnh đội Bắc Thái cho đến khi chuyển ngành.

phong kiến. Giải quyết xong những bất đồng nội bộ về việc kéo cờ tại trung tâm xã¹³⁴, đồng chí Dương Kim Nụ đại diện cho Mặt trận Việt Minh tuyên bố xoá bỏ chính quyền phong kiến xã Huống Thượng, xoá bỏ đơn vị hành chính cấp tổng chỉ còn lại cấp xã trực thuộc huyện¹³⁵. Ông Nguyễn Văn Tiến (lý trưởng vừa bị phế truất) trao 4 con dấu chế độ cũ¹³⁶ cho đồng chí Nụ đại diện Mặt trận Việt Minh, chính quyền phong kiến ở xã Huống Thượng chính thức bị xoá bỏ.

Vài ngày sau, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận và Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Đồng Hỷ, xã Huống Thượng tổ chức hội nghị tại chùa Kim Hoa để lâm thời bầu các chức danh của chính quyền, lãnh đạo nhân dân thực hiện các đường lối, chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh. Tại hội nghị, ông Trần Văn Thi, nguyên Chánh tổng của tổng Huống Thượng vừa bị giải tán được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời xã Huống

¹³⁴ Khi phái Hoà Úc về chùa Kim Hoa thì phái Đông Gia đã về trước kéo cờ xong. Phái Hoà Úc cho mời cán bộ Dương Kim Nụ về, đồng chí Nụ lệnh hạ cờ của phái Đông Gia xuống và kéo cờ của Hoà Úc lên. Ông Nguyễn Danh Bảng (hay Nguyễn Văn Bảng đều là một người ở xóm Hóc) cãi lý bị bắt treo vào cột chùa. Phái Đông Gia bỏ về trường học bầu lãnh đạo riêng, mâu thuẫn bất đồng kéo dài cho đến khi đồng chí Lê Trọng Mưu (cán bộ Mô) về giải quyết mới ổn định được.

¹³⁵ Trên thực tế cấp tổng không tồn tại mà thành đại xã Đồng Tiến.

¹³⁶ Dưới chế độ cũ, chính quyền cấp xã gồm có 4 con dấu là dấu Tiên Chỉ, dấu Lý Trưởng, dấu Hộ Lại, dấu Chương Bạ.

Thượng. Trên cơ sở lực lượng vũ trang hiện có, Mặt trận thống nhất lại thành Trung đội tự vệ chiến đấu để bảo vệ chính quyền non trẻ; Trung đội tự vệ chiến đấu do đồng chí Trần Văn Kỳ (bí danh Bích Ngọc hoặc Bính Ngọc) làm trung đội trưởng; đồng chí Tạ Đức Tuân làm trung đội phó. Trung đội tự vệ chiến đấu xã được huấn luyện các khoa mục đánh địch, tuần tra canh gác và bảo vệ Chính quyền, bảo vệ làng xóm và trấn áp các phần tử gây rối trật tự an ninh.

Ở xã Huống Trung, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của nữ đồng chí Minh Thịnh và đồng chí cán bộ có bí danh là Giáo Trọng, cùng Chủ nhiệm Việt Minh xã tổ chức quần chúng mít tinh tại nhà ông Đỗ Văn Chan để tuyên bố xoá bỏ chính quyền phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng. Tại đây, ông Hoàng Đình Ba được bầu làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân lâm thời; ông Nguyễn Văn Thông được bầu làm Phó Chủ tịch Uỷ ban; ông Đỗ Văn Loan phụ trách công tác giao thông công chính.

Cùng với cả nước, chính quyền non trẻ xã Huống Thượng, Huống Trung, cũng đứng trước vô vàn thử thách khó khăn; do chưa có đảng viên, chưa có tổ chức đảng ở xã nên mọi việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đều do cấp trên lãnh đạo chỉ đạo. Ít lâu sau cấp trên quyết định hợp nhất 4 xã Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nham và Đồng Bẩm thành một đại xã, đặt

tên là Đồng Tiến¹³⁷; các xã nhỏ trong đại xã được gọi là thôn; xã Huống Thượng cũ được gọi là thôn Phương Thượng. Chính quyền lâm thời xã Đồng Tiến do ông Trần Văn Thi làm Chủ tịch và ông Tổng Cử¹³⁸ làm Phó Chủ tịch; đến đầu năm 1946, lại tách xã Đồng Bẩm ra. Đồng Tiến mới, do 3 xã cũ (là Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nham) được hợp nhất lại và chia làm 2 thôn¹³⁹ là Huống Thượng và Linh Nham. Ông Dương Trọng Hữu được bầu làm Chủ nhiệm Việt Minh, ông Trần Văn Thành làm Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã Đồng Tiến mới. Cùng thời gian này, huyện Đồng Hỷ cũng được thay đổi tên, gọi là huyện Cộng Hoà¹⁴⁰.

Sau khi sáp nhập, xã Đồng Tiến có sông Mo Linh¹⁴¹ làm ranh giới tự nhiên ở phía tây-bắc và bắc với các xã Đồng Bẩm, Dân Chủ¹⁴², diện tích tự nhiên của xã rộng hơn 2.000 ha, vừa có cánh đồng màu mỡ ven sông Cầu cung

¹³⁷ Theo hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến ngày 15/10/1968, bản lưu tại Công an Đồng Hỷ.

¹³⁸ Không rõ tên thật, do trước cách mạng làm phó Chánh tổng nên thường gọi là ông Tổng Cử người ở xã Đồng Giang (nay là xóm Đồng Tâm xã Đồng Bẩm).

¹³⁹ Chia đôi xã Huống Trung theo Ngòi Giăng, phía bắc ngòi về thôn Linh Nham, phía nam ngòi về thôn Phương Thượng như trước năm 1910. Ít lâu sau lại gọi Phương Thượng theo tên cũ là thôn Huống Thượng.

¹⁴⁰ Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ trang 52.

¹⁴¹ Theo sách Địa chí Thái Nguyên trang 67 gọi là sông Mo Linh. Còn ở địa phương, nhân dân thường gọi là sông Linh Nham hoặc sông Khe Mo-Huống Thượng.

¹⁴² Xã Dân Chủ nay là xã Hóa Thượng thuộc huyện Đồng Hỷ.

cấp dồi dào lương thực thực phẩm, vừa có núi cao như núi Mỏ, Long Hỉ, Cao Sơn, hang Dơi Núi Hột...nối liền vào núi rừng trùng điệp thuộc Quang Trung, Văn Hán...tạo thế vững chắc cho cả tiến công và phòng ngự khi thực hiện nhiệm vụ chiến đấu. Trước mắt là tiện cho việc sơ tán phòng tránh của các cơ quan đoàn thể, thuận lợi cho việc bố trí kho tàng...

Về kinh tế, do vừa trải qua trận lụt lớn đúng vào dịp tổng khởi nghĩa (từ 19 đến 21 tháng 8 năm 1945), nên các xóm đều bị mất mùa cộng với nạn đói cả nước phải gánh chịu, do chính sách vơ vét của Pháp-Nhật, vì vậy nhân dân trong xã bị thiếu đói nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm rất khan hiếm, nhiều gia đình phải ăn rau, ăn cháo qua ngày. Thực hiện lời kêu gọi “Diệt giặc đói” của Hồ Chủ tịch, nhân dân trong xã vừa tích cực tăng gia sản xuất vừa thực hành tiết kiệm, “cứ 10 ngày một lần tất cả đồng bào ta nhịn ăn một bữa, mỗi bữa một bơ, gạo tiết kiệm được sẽ góp lại đem phát cho người nghèo”. Mặt trận, Chính quyền vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất; chỉ đạo trồng các cây ngăn ngày từ rau, củ, quả như rau muống, khoai lang, ngô... để chống đói trước mắt cho mỗi người, mỗi nhà. Các gia đình có kinh tế khá hơn thì nuôi dưỡng, cứu mang, giúp đỡ bà con các nơi khác đến đang gặp khó khăn. Bằng các biện pháp nhanh chóng và kịp thời, chỉ

trong thời gian khoảng hơn 3 tháng, xã Đồng Tiến đã cơ bản hoàn thành bước đầu mục tiêu “diệt giặc đói”.

Khi Chính phủ phát động “Tuần lễ vàng”, nhân dân xã Đồng Tiến dù còn rất nghèo nhưng vẫn tham gia rất tích cực bằng nhiều hình thức, người có vàng thì quyên góp ủng hộ, người có tiền thì tham gia mua bán hàng bằng cách đấu giá. Việc ông Nguyễn Ngọc Tâm ủng hộ hàng cây vàng; 3 anh em ông Dương Đức Trạch, Dương Đức Giản, Dương Đức Uyên đi bộ lên tận thị xã Thái Nguyên để ủng hộ; Ông Dương Văn Tuất mua bức ảnh Bác Hồ với giá rất cao¹⁴³(vẫn được nhân dân lưu truyền)... là sự đóng góp thiết thực vào xây dựng Chính quyền nhân dân non trẻ.

Thực hiện nhiệm vụ thứ 2 của Chính phủ do Hồ Chủ tịch phát động “mở ngay một phong trào chống nạn mù chữ do bọn thực dân gây ra đối với đồng bào ta”, Chính quyền xã thành lập Ban bình dân học vụ, cử ông Nguyễn Văn Thảo làm Trưởng ban. Các xóm đều thành lập Tiểu ban Bình dân học vụ, tất cả những người biết chữ đều tham gia làm giáo viên. Các buổi học được vận

¹⁴³ Tại thời điểm sau cách mạng tháng 8/1945 một thời gian ngắn, xã tổ chức buổi bán đấu giá ở trường học xóm Hóc để lấy tiền cho Chính quyền cách mạng thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, ông Dương Văn Tuất đã mua được bức ảnh Bác Hồ. Nhưng cũng có ý kiến khác cho rằng người mua được bức ảnh Bác Hồ tại buổi bán đấu giá này là ông Tạ Kỳ là người làm nghề giết mổ.

dụng rất linh hoạt, có nơi học buổi trưa, có nơi học buổi tối bằng đuốc, đèn, đuốc nhựa thông, nhựa trám. Các nơi như bến đò, cổng chợ đều có các khẩu hiệu tuyên truyền, có người kiểm tra mức độ biết chữ của công dân cùng các biện pháp động viên khuyến khích hoặc nhắc nhở để nhân dân tích cực học tập¹⁴⁴. Phong trào bình dân học vụ được duy trì kéo dài đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, và cũng từ đó xã Đồng Tiến đã bước đầu hoàn thành mục tiêu “diệt giặc đói”.

Nhiệm vụ thứ 3 trong buổi họp Chính phủ đầu tiên mà Hồ Chủ tịch đề ra là “Tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ với nhân dân”. Thực hiện sự lãnh đạo chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời huyện, Chính quyền nhân dân lâm thời xã Đồng Tiến khẩn trương lãnh đạo nhân dân bầu cử Đại biểu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá I. Ngày 23 tháng 12 năm 1945,¹⁴⁵ cùng với nhân dân toàn tỉnh Thái Nguyên, lần đầu tiên nhân dân

¹⁴⁴ Ví dụ có nơi làm 2 cái cổng, một cái cổng đẹp gọi là cổng Vinh quang, một cái cổng xấu xí gọi là Cổng mù. Người kiểm tra đọc câu về “Biết chữ đi cổng Vinh quang, ai không biết chữ đi sang Cổng mù”...

¹⁴⁵ Theo Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/10/1945, cuộc bầu cử Quốc hội được tiến hành vào 23/12/1945. Nhưng để chuẩn bị cho chu đáo, ngày 18/12/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76/SL quyết định lùi ngày bầu cử đến 06/1/1946. Tỉnh Thái Nguyên không nhận được thay đổi nên vẫn bầu cử theo kế hoạch cũ.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

xã Đồng Tiến phấn khởi được đi bầu Đại biểu Quốc hội. Cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội lần thứ nhất được tổ chức tại xã trang nghiêm, an toàn, đúng luật và thành công tốt đẹp. Tỉnh Thái Nguyên có 3 vị là Lê Trung Đình đại diện cho Mặt trận Việt Minh, Đặng Đức Thái đại diện cho trí thức và Nguyễn Trung Thành đại diện cho người dân tộc thiểu số, trúng cử là Đại biểu Quốc hội khoá đầu tiên của nhà nước Việt Nam độc lập.

Tiếp theo, ngày 08 tháng 02 năm 1946, Đồng Tiến tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân (HĐND) xã khoá I. Có 21 người trúng cử đại biểu HĐND xã khóa đầu tiên, là các ông Trần Văn Thành, Ôn Văn Thái, Đặng Tài, Lý Văn Phú, Phạm Bá Trực, Nguyễn Văn Khoát, Dương Trọng Hữu, Nguyễn Kim Hương, Dương Trọng Hương, Nguyễn Văn Thảo, Đặng Đình Khuê, Hùng Thế Hồ... và có một đại biểu nữ là người dân tộc thiểu số.

Tháng 3 năm 1946, tại nhà ông Phạm Viết Bằng ở xóm Huống Trung, HĐND xã khoá I đã họp dưới sự chỉ đạo của ông Vũ Văn Dĩnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, để bầu các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Chính quyền xã. Hội đồng được Mặt trận Việt Minh giới thiệu 2 người là Đặng Đình Khuê và Phạm Bá Trực ứng cử, để bầu một người giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Hành chính (UBHC) xã. Sau khi bỏ

phiếu kín, kiểm phiếu cho kết quả ông Phạm Bá Trục¹⁴⁶ trúng cử Chủ tịch UBHC xã Đồng Tiến Khoá I, nhiệm kỳ 1946-1949. Ông Dương Trọng Hướng được bầu làm Phó Chủ tịch UBHC và ông Hùng Thế Hổ làm Ủy viên thư ký¹⁴⁷; ông Nguyễn Văn Khoát làm Thư ký Hội đồng nhân dân; ông Nguyễn Văn Thảo, Trưởng ban bình dân học vụ kiêm thủ quỹ Hội đồng... Trụ sở UBHC xã làm việc chủ yếu tại Chùa Kim Hoa; tuy nhiên do đường sá đi lại xa, nên những trường hợp cần tập trung đông người, Ủy ban chuyển đến các gia đình có sân, nhà rộng rãi phù hợp với việc tập trung nhân dân như nhà ông Dương Trọng Hữu (xóm Cây); Đỗ Văn Chan (Hống Trung), Lý Văn Phú (xóm Thông Nhân); Nguyễn Ngọc Hưng (xóm Trám); Đặng Đình Công (xóm Đàng); Dương Minh Sâm (xóm Thông)...

Bên cạnh UBHC, thực hiện chủ trương thống nhất của trên, xã Đồng Tiến thành lập Ủy ban kháng chiến (UBKC).

¹⁴⁶ Ông Phạm Bá Trục (Phạm Văn Cử, Tài Cử) là cán bộ Việt Minh được trực tiếp các đồng chí Nguyễn Thị Minh Tâm, Ngô Nhị Quý giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng từ khi còn bí mật. Phạm Bá Trục là con trai cụ Phạm Văn Trường (tức Đội Trường, tức đội Thơ lại; phó tướng của Đội Cấn). Đội Trường là người đã nổ súng tiêu diệt tên giám binh Nô-en; cũng là phát súng đầu tiên mở màn cho khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo năm 1917. Ngày 25/12/1917 Đội Trường ra hàng quân Pháp.

¹⁴⁷ Sắc lệnh số 77 ngày 21/12/1945 quy định UBHC cấp xã gồm Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 1 Ủy viên thư ký, chức Ủy viên thư ký Ủy ban Hành chính xã lúc đó còn gọi là Bí thư Hành chính.

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức của UBKC gồm 1 uỷ viên UBHC cùng cấp biệt phái, 1 người là đại diện lực lượng vũ trang và 1 người là đại diện HĐND. UBKC xã Đồng Tiến gồm 3 người do ông Dương Trọng Hương, Phó Chủ tịch UBHC xã làm Chủ tịch và ông Nguyễn Kim Hương đại diện HĐND làm Phó Chủ tịch¹⁴⁸.

Năm 1946, liên xã Đồng Tiến-Đại Đồng¹⁴⁹ (gọi là Miền I-Đồng Hỷ) và thành lập đại đội tự vệ chiến đấu miền. Đại đội tự vệ chiến đấu miền ban đầu do đồng chí Nguyễn Văn Bốn¹⁵⁰ (Đồng Mỗ) làm Đại đội trưởng; đồng chí Phạm Văn Tài (thôn Linh Nham) phụ trách công tác chính trị¹⁵¹; đồng chí Cao Văn Thức (xóm Đẳng) làm Đại đội phó. Sau một thời gian, đồng chí Phạm Văn Tài chuyển công tác khác; đồng chí Cao Văn Thức làm Đại đội trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Bốn làm Chính trị viên; đồng chí Tạ Đức Tuân (xóm Cây) làm Đại đội phó; đồng chí Đặng Đình Cừ (xóm Đẳng) làm giáo viên quân sự. Đại đội du kích miền đặt dưới sự chỉ huy chung của huyện, có nhiệm vụ tổ chức huấn luyện và luyện tập

¹⁴⁸ Khi thành lập gọi là Uỷ ban bảo vệ, đến đầu 1947 đổi là Uỷ ban kháng chiến (theo Chỉ thị số 15-NV, ngày 31/12/1946 của Bộ Nội vụ). Về nhân sự Phó Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến còn có ý kiến khác.

¹⁴⁹ Đồng Tiến (gồm các xã cũ Huống Thượng, Huống Trung và Linh Nham). Đại Đồng (gồm các xã cũ Túc Duyên và Đồng Mỗ). Thời gian liên miền vào khoảng nửa cuối năm 1946.

¹⁵⁰ Người xóm Đồng Mỗ nay là Túc Duyên Thành phố Thái Nguyên.

¹⁵¹ Theo Sắc lệnh số 71/SL ngày 22/5/1946, từ cấp Trung đội trở lên có Chính trị viên.

phương án chiến đấu chống quân địch nhảy dù chủ yếu ở Đồng Kê thuộc xã Túc Duyên và cơ động theo sự điều động của cấp trên. Năm 1947, đại đội du kích miền giải tán về các xã, để mỗi xã thành lập đơn vị du kích của riêng.

Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xã Đồng Tiến ra đời

Sau khi xây dựng, ổn định tổ chức Chính quyền; Mặt trận Việt Minh xã hoàn thành nhiệm vụ bước đầu thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Lúc này, trong xã vẫn chưa có đảng viên; việc lãnh đạo mọi hoạt động từ huyện xuống UBHC xã thông qua Mặt trận Việt Minh. Do thôn Huống Thượng xảy ra mất đoàn kết, Tỉnh ủy đã cử đồng chí Mô (tức Lê Trọng Mưu, Tỉnh ủy viên phụ trách huyện Đồng Hỷ) về trực tiếp giải quyết thì sự việc mới lắng xuống và tạm thời ổn định.

Để sự lãnh đạo được thống nhất kịp thời, cần thiết phải có tổ chức Đảng tại xã để lãnh đạo Mặt trận, Chính quyền và đoàn thể nhân dân thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, trực tiếp các đồng chí Ngọc Lan và Đặng Dũng đã lựa chọn được 5 quần chúng ưu tú ở xã Đồng Tiến để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Ngày 14 tháng 4 năm 1946, tại trụ sở Huyện uỷ huyện Cộng Hoà, đồng chí Đào Văn Long (tức Ngọc Lan) Phó Bí thư Huyện uỷ và đồng chí Đặng Dũng (Huyện uỷ viên) đã giới thiệu và tuyên bố kết nạp 5 đồng chí là Trần Văn

Thành, Đặng Văn Thanh, Liễu Văn Bình, Phạm Văn Tài và Ôn Văn Thái vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Sau lễ kết nạp, đồng chí Ngọc Lan thay mặt Huyện uỷ tuyên bố thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xã Đồng Tiến¹⁵² và chỉ định đồng chí Trần Văn Thành phụ trách Phó Bí thư Chi bộ (không có Bí thư). Đến tháng 6 năm 1946, Huyện uỷ điều đồng chí Nguyễn Đình Cẩn, cán bộ đảng phụ trách miền của huyện trực tiếp phụ trách Bí thư chi bộ xã¹⁵³.

Chi bộ Đồng Tiến ra đời đánh dấu một mốc quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân trong xã. Chi bộ là bộ tham mưu chiến đấu trực tiếp tại địa phương, nghiên cứu quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng vận dụng vào thực tế, để lãnh đạo Mặt trận Việt Minh, Chính quyền xã làm việc. Do Đảng còn đang trong thời kỳ hoạt động bí mật¹⁵⁴, nên

¹⁵² Theo lời kể của đồng chí Ôn Văn Thái, hôm đó là ngày đồng chí Thái được kết nạp vào Đảng. Sau khi kết nạp đảng xong, đồng chí Ngọc Lan tuyên bố thành lập Chi bộ Đồng Tiến.

- Theo Hồ sơ đảng viên của đồng chí Ôn Văn Thái lưu tại Đảng uỷ xã Linh Sơn: Họ và tên Ôn Văn Thái (bí danh Ma Trung Sơn). Sinh 24/12/1925. Vào Đảng ngày 14/4/1946; Chính thức 14/3/1947; Người giới thiệu vào Đảng là Ngọc Lan và Đặng Dũng.

¹⁵³ Lời kể của đồng chí Ôn Văn Thái và lý lịch Đảng viên của đồng chí Nguyễn Đình Cẩn.

¹⁵⁴ Theo sách lược của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, từ ngày 11/11/1945 Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố "tự giải tán" và rút vào hoạt động bí mật, để lại một bộ phận công khai dưới danh nghĩa "Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác". Mọi hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với Chính quyền nhân dân đều thông qua Mặt trận Việt Minh. Giai đoạn này các văn bản của Đảng mang tên "Cứu quốc Hội".

mỗi đảng viên đều có một nhiệm vụ chính quyền hoặc đoàn thể công khai. Từng đồng chí khéo léo vận dụng chức trách được phân công để hoàn thành nhiệm vụ đảng viên và nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng.

Sau khi Chi bộ, Chính quyền nhân dân chính thức được tổ chức và đi vào hoạt động; Chi bộ lãnh đạo Mặt trận cùng Ủy ban xã thành lập và kiện toàn các ngành đoàn thể quần chúng.

Ngày 20 tháng 5 năm 1946¹⁵⁵, Đại hội Chi đoàn Thanh niên Cứu quốc xã Đồng Tiến được tổ chức tại xóm Huống Trung, về dự Đại hội là những thanh niên ưu tú, tích cực trên các lĩnh vực công tác và trưởng thành trong đấu tranh cách mạng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi đoàn do đồng chí Đặng Đình Kiện làm Bí thư; Chi đoàn Thanh niên cứu quốc xã Đồng Tiến có 2 phân đoàn tại 2 thôn do các Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Chi đoàn phụ trách.

Cũng trong thời gian này, nữ đồng chí Minh Thịnh về xã cùng Chi bộ xây dựng tổ chức và chỉ đạo Đại hội thành lập Hội Phụ nữ Cứu quốc xã Đồng Tiến. Đại hội bầu Ban Thường vụ do đồng chí Đặng Tuyết Vị làm Bí thư¹⁵⁶, các Phó Bí thư gồm Lâm Thị Oanh và Dương Thị Điển. Các

¹⁵⁵ Cung cấp của đồng chí Trần Văn Kiên ở xóm Bến Đò (nay thuộc xã Linh Sơn), tại Đại hội này đồng chí Kiên được bầu làm Ủy viên BCH Chi đoàn xã Đồng Tiến.

¹⁵⁶ Đến cuối năm 1947 đồng chí Đặng Tuyết Vị được cử làm Tiểu đội trưởng Hậu cần thuộc Đại đội du kích xã. Năm 1948 Ban chấp hành Hội đã cử đồng chí Dương Thị Sen (xóm Khẩu) thay thế. Đến năm 1949 đồng chí Dương Thủy Sen, nữ đảng viên được cử làm Bí thư Phụ nữ Cứu quốc.

thôn đều có các Ủy viên Thường vụ phụ trách, mỗi xóm đều có 1 đến 2 Ủy viên Ban Chấp hành trực tiếp làm Chi hội trưởng, Chi hội phó.

Một thời gian sau, Chi bộ lãnh đạo thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xã, để tập hợp đông đảo chị em phụ nữ ở các ngành nghề, các tôn giáo, đoàn kết thống nhất rộng rãi. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đồng Tiến đã bầu bà Nguyễn Thị Vĩnh (tức bà Tổng Thu)¹⁵⁷ làm Hội trưởng.

Giữa năm 1946, Hội Nông dân Cứu quốc xã Đồng Tiến được thành lập, nhằm tập hợp nông dân đoàn kết giúp đỡ nhau trong sản xuất, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên. Hội đã nhanh chóng thu hút được đông đảo nông dân vào tổ chức và trở thành một lực lượng quan trọng đóng góp công sức cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Hội bầu Ban Thường vụ, bầu Bí thư và Phó Bí thư; đồng chí Tạ Văn Khay được bầu làm Phó Bí thư Hội Nông dân cứu quốc của xã¹⁵⁸ (thường gọi tắt là Bí thư hoặc Phó Bí thư nông dân).

Ngay sau khi thành lập, Chi bộ trực tiếp lãnh đạo nhân dân trong toàn xã thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Giữa năm 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên-

¹⁵⁷ Đồng chí Nguyễn Thị Vĩnh là Đảng viên được kết nạp Đảng ngày 07/11/1949. Tuy nhiên có ý kiến khác cho rằng bà Dương Thị Thu (tức bà Phó Nhuận) xóm Thông làm Hội trưởng Hội liên hiệp Phụ nữ xã.

¹⁵⁸ Chưa xác định được đồng chí nào làm Bí thư Nông dân giai đoạn 1946-1948. Có ý kiến cho là đồng chí Nguyễn Văn Mai là người xóm Bầu làm Bí thư Nông dân đầu tiên.

Việt) ra đời theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để cùng với Mặt trận Việt Minh tập hợp quảng đại quần chúng. Năm 1947, Chi bộ lãnh đạo thành lập hội Liên-Việt xã Đồng Tiến và bầu ông Hùng Thế Hổ làm Chủ tịch. Hội Liên-Việt ra đời đã góp phần xây dựng khối đại đoàn kết vững chắc trong các tầng lớp nhân dân.

Xã Đồng Tiến trong kháng chiến chống Pháp có diện tích rộng, dân số đông và nhiều dân tộc¹⁵⁹, có 2 tôn giáo là Phật giáo và Công giáo¹⁶⁰. Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch “lương giáo đoàn kết”, nhân dân vô cùng phấn khởi và hưởng ứng tích cực, bởi lâu nay bị thực dân và kẻ xấu chia rẽ. Việc bầu ông Phạm Bá Trực, một người Công giáo làm Chủ tịch UBHC xã đầu tiên, đã chứng minh sự đoàn kết không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là thật sự công minh quảng đại.

3- Chi bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc (1947-1954)

Sau ngày toàn quốc kháng chiến (ngày 19 tháng 12 năm 1946), Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh rút về ATK Thái Nguyên-Tuyên Quang, vùng đồng bằng và các thành

¹⁵⁹ Khi sáp nhập, xã Đồng Tiến có 7 dân tộc chính là Kinh, Sán Diu, Tày, Nùng, Dao, Hoa, Mường và một số người thuộc các dân tộc khác làm rể hoặc làm dâu ở xã.

¹⁶⁰ Vì có nhiều tranh luận xung quanh việc ghi tên là đạo Công giáo hay đạo Thiên chúa. Cách ghi đạo Công giáo là theo thói quen từ thế kỷ XX được hiểu là “cộng đoàn những người theo đạo Giê su Cứu thế”. Cách ghi là đạo Thiên Chúa cũng chưa được thật sự chính danh.

phố thị xã hầu hết đều nằm trong phạm vi kiểm soát của địch. Thái Nguyên trở thành Thủ đô kháng chiến của cả nước, một địa bàn trước sau gì quân Pháp cũng phải tiến đánh, nếu chúng muốn giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh. Tuy nhiên, vì những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nên đến thượng tuần tháng 10 năm 1947 chiến sự vẫn chưa lan tới Thái Nguyên. Tranh thủ thời gian hoà bình, Chi bộ và Chính quyền một mặt tập trung lãnh đạo nhân dân tăng gia tự túc phát triển kinh tế, chống đói nghèo; một mặt tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng, củng cố Chính quyền nhân dân còn non trẻ, từng bước đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Tháng 01 năm 1947, đồng chí Nguyễn Đình Cẩn được điều đi làm Trưởng ban Thông tin tuyên truyền huyện Đồng Hỷ, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ nhất để đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo và bầu Chi uỷ chính thức. Trên chiếc thuyền chài thả trôi dọc sông Cầu, từ bến đò Linh Nham về đến Huống Trung, các đảng viên sôi nổi thảo luận nhiệm vụ của xã trong tình hình mới. Các nội dung được Chi bộ quyết định, gồm có: xây dựng Đại đội du kích để bảo vệ địa phương và sẵn sàng điều động thanh niên vào Vệ quốc đoàn; chống tư tưởng ngại ở du kích, thích vào bộ đội; phát động nhân dân tăng gia tự túc để có lương thực bán giá rẻ cho Nhà nước và chống đói. Tiếp tục đẩy mạnh công tác “diệt giặc đói” trong nhân dân; quan tâm dạy học cho thiếu niên, nhi đồng. Chú trọng bồi dưỡng

phát triển đảng viên đủ sức gánh vác công việc đoàn thể. Về biện pháp lãnh đạo, Chi bộ đề ra chủ trương thực hiện theo phương châm “đến từng xóm, vào từng nhà” để vận động nhân dân. Đại hội bầu đồng chí Trần Văn Thành làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Ôn Văn Thái làm Phó Bí thư, đồng chí Mạc Đức làm Chi uỷ viên.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội chi bộ, đồng chí Phó Bí thư được cử đi học lớp “Cộng sản sơ lược”¹⁶¹ tại cơ quan Huyện uỷ, để nâng cao năng lực công tác xây dựng Đảng. Cuối tháng 02 năm 1947, lớp “Cộng sản nguyên thủy” cũng là lớp đối tượng Đảng đầu tiên của Chi bộ Đồng Tiến, được mở tại nhà đồng chí Phạm Văn Đức ở xóm Ao Lang, có hơn 20 học viên tham dự. Sau lớp học, Chi bộ tiếp tục bồi dưỡng nhận thức cho các quần chúng ưu tú và kết nạp vào Đảng theo từng đợt, đợt đầu chủ yếu là ở thôn Linh Nham¹⁶².

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, đáp lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhiều gia đình ở vùng địch và ở thành thị bỏ nhà cửa đi theo cách mạng. Để đảm bảo tốt đời sống cho

¹⁶¹ Còn gọi là “Cộng sản nguyên thủy” hoặc “Cộng sản sơ giản”.

¹⁶² Do sự mâu thuẫn giữa 2 phái (Đông Gia-Hoà Úc) vẫn còn nên việc phát triển đảng viên thôn Huống Thượng chậm. Đồng chí Dương Kim Nụ là cán bộ của Mặt trận Việt Minh đến xã Đồng Tiến xây dựng cơ sở nhưng khi đó chưa phải là đảng viên nên không giới thiệu kết nạp đảng được. Đến 1948 thôn Huống Thượng mới kết nạp được 7 đồng chí là Tạ Khuê, Nguyễn Văn Bảng, Nguyễn Ngọc Hưng, Nguyễn Kim Hương, Dương Văn Tuất, Nguyễn Văn Sổ, Dương Thuý Sen.

nhân dân tản cư, ngày 31 tháng 12 năm 1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 5-SL thành lập Ủy ban tản cư, tiếp cư. Chi bộ xã Đồng Tiến lãnh đạo thành lập Ban di cư-tản cư và cử đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng làm Trưởng ban. Ban di cư-tản cư đến từng nhà vận động nhân dân tiếp đón, hỗ trợ tre, nứa, rơm rạ làm nhà ở, nhường ruộng đất cho bà con tản cư sản xuất để ổn định cuộc sống lâu dài. Trong thời gian ngắn xã đã tiếp đón, bố trí nơi ở và làm việc cho hơn 200 hộ, với khoảng 1.000 nhân khẩu. Số hộ không biết làm ruộng nhưng có ngành nghề khác, được xã bố trí ở dọc từ bến đò Huống về dốc Dền, đến bến đò sông Đào¹⁶³, bến đò Huống Trung, bến đò Ngọc Lâm, là những nơi thuận lợi để bà con buôn bán ổn định cuộc sống. Lãnh đạo xã không phân biệt người dân sơ tại hay người tản cư, mọi người đều bình đẳng như nhau, người dân sơ tán về Đồng Tiến thực sự như đang được sống trên quê hương mình. Nhiều người trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở xã như Đinh Văn Soạn (Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã); Nguyễn Văn Bào, Trịnh Hồng Vân (Bí thư Nông dân); Đỗ Huy Chữ, Vũ Văn Gián (Phó Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cứu quốc)...

Đồng thời với việc tiếp nhận nhân dân di cư, tản cư, xã Đồng Tiến còn đón nhận nhiều cơ quan đoàn thể, các tổ

¹⁶³ Khu vực từ bến đò Huống qua Văn Chỉ, quán Ba cô (nay là nhà ông Cao Văn Thắc) đến ngã 3 xóm Hóc. Thời kỳ chống Pháp, tập trung đông người buôn bán và làm ngành nghề, được gọi là phố Hợp Tiến.

chức về đóng tại xã như Sở Nội thương Hà Nội (ở xóm Hóc); Trường học, Bệnh viện¹⁶⁴ (ở xóm Bầu và xóm Hóc); Ty Quân giới và xưởng Quân giới Đan Hoài (ở xóm Thông, Gò Chè); Trường Sư phạm Liên tỉnh, Cơ quan huyện đội Đồng Hỷ, Tòa án Quân sự, Trường Công an Lê Giản (ở xóm Cây), Trường Sư phạm Trung ương (ở Gò Chè), Trường con em cán bộ¹⁶⁵ (ở xóm Khẩu và xóm Thông), Sở Bình Dân học vụ Hà Nội (ở xóm Già)..., và nhiều đơn vị quân đội như đoàn Bắc Bắc, Đại đoàn 308, đơn vị thu dung quân đội, Đại đội 15... kho Quân giới ở hang Dơi (xóm Núi Hột).

Tại xóm Thông, cấp trên bố trí một kho hậu cần gồm 20 tấn gạo, 20 tấn muối và 24 thùng dầu thắp (loại thùng vuông 20 lít) và nhiều mặt hàng quý hiếm khác. Kho hàng này, được giao cho tiểu đội du kích do đồng chí Đỗ Văn Loan làm tiểu đội trưởng, trông coi bảo vệ. Khi tình hình chiến sự đến gần, đơn vị nhận được chỉ thị “khi địch tràn vào, nếu tình huống chẳng may không bảo vệ được kho, thì gạo muối và các hàng hoá khác có thể mất, nhưng không được để mất dầu, vì dầu thắp là hàng quý hiếm, phải móc nối mua ở vùng địch hậu, nếu để mất dầu phải

¹⁶⁴ Thực tế có các bệnh viện ở các xóm, nhưng nhân dân không biết là bệnh viện của cấp nào quản lý. Còn trường học, theo các nhân chứng là Trường Lương Ngọc Quyến; nhưng lịch sử Trường Lương Ngọc Quyến không thấy nói đến việc có sơ tán về Đồng Tiến.

¹⁶⁵ Tiền thân của Khu học xá Trung ương. Khu học xá Trung ương thành lập ngày 01/10/1951 tại Trung Quốc. Năm 1992 đoàn cựu học sinh khu học xá Trung ương do GS Nguyễn Lâm Dũng dẫn đầu về thăm lại địa điểm của nhà trường ở xóm Khẩu và xóm Thông.

chịu kỷ luật”. Từ khi quân Pháp nhảy dù xuống La Hiên, Làng Ngò, làng Sòng (ngày 26 tháng 11 năm 1947), lực lượng bảo vệ kho được tăng thêm.

Thực hiện chỉ thị của cấp trên, nếu quân địch đến, phải “làm cho chúng triệt để đói, khát, què, diếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”. Đầu năm 1947, Chi bộ và Ủy ban xã quyết định thành lập Ban phá hoại tiêu thổ kháng chiến (gọi tắt là Ban phá hoại) do đồng chí Tạ Văn Khay (nguyên Phó Bí thư nông dân) làm Trưởng ban. Tại xã, khi có tin quân địch sắp tới, được sự đồng ý của cấp trên, ta đã phá một phần nhà thờ trên núi Bụt, tam quan chùa Kim Hoa, tam quan Chùa Nóng, đình Linh Tùng, đình Huống Trung, Trường học... đến cuối tháng 11 năm 1947, xã Đồng Tiến đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến.

Chấp hành chỉ thị của Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ về tổ chức lực lượng vũ trang, xã Đồng Tiến củng cố kiện toàn lực lượng dân quân du kích. Giữa năm 1947, Ban chỉ huy xã đội được thành lập do đồng chí Ôn Văn Thái, Phó Bí thư chi bộ, Ủy viên Quân sự trong Ủy ban Kháng chiến làm Xã đội trưởng. Ban chỉ huy xã đội có 2 Xã đội phó, một phụ trách du kích, một phụ trách dân quân. Chính trị viên xã đội do đồng chí Đặng Tài¹⁶⁶ đảm

¹⁶⁶ Theo Lý lịch đảng viên của đồng chí Đặng Tài thì năm 1947 làm Trưởng ban Quân báo du kích xã; năm 1948 làm Chính trị viên xã đội. Theo đồng chí Ôn Văn Thái thì đồng chí Đặng Tài làm Chính trị viên xã đội đầu tiên.

nhiệm. Về tổ chức lực lượng quân sự, xã có 1 đại đội du kích và 1 đại đội dân quân, có nhiệm vụ vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu theo lệnh điều động của Ủy ban Kháng chiến.

Đại đội du kích xã Đồng Tiến khi thành lập do đồng chí Cao Văn Thúc làm Đại đội trưởng, đồng chí Đặng Tài kiêm Chính trị viên, gồm có 2 trung đội. Trung đội thôn Huống Thượng do đồng chí Dương Văn Duyệt (xóm Thông) làm Trung đội trưởng; Trung đội thôn Linh Nham do đồng chí Ôn Văn Thái trực tiếp phụ trách và đồng chí Đặng Chuyên làm Trung đội phó.

Đại đội dân quân cũng gồm 2 trung đội ở 2 thôn như Đại đội du kích, có nhiệm vụ làm công tác canh gác bảo vệ các cơ quan của xã, bảo vệ làng xóm và chủ yếu là giúp đỡ nhân dân.

Dân quân và du kích bao gồm những thanh niên khỏe mạnh, hăng hái nhiệt tình cách mạng, nhưng nảy sinh tư tưởng thích nhập ngũ vào bộ đội chủ lực đánh giặc. Vì vậy, mỗi đợt tuyển quân, Chi bộ, Ủy ban đều phải họp, bàn bạc và phân công người được nhập ngũ, người ở lại xây dựng địa phương, nhưng vẫn có một số người trốn nhà để được vào bộ đội chủ lực chiến đấu.

Từ giữa năm 1947, xã thành lập Đại đội thiếu niên nhi đồng gồm 2 trung đội ở 2 thôn theo mô hình Đại đội du kích hoặc Đại đội dân quân (thiếu niên ở địa bàn có Trung

đội dân quân du kích nào thì vào Trung đội thiếu nhi ấy). Các đồng chí phụ trách thiếu nhi đồng thời là cán bộ chỉ huy đại đội, đồng chí Cao Văn Liên (xóm Đảng) làm Đại đội trưởng, đồng chí Dương Trọng Thư (xóm Cây) làm Đại đội phó; đồng chí Nguyễn Công Bút (xóm Huống Trung) làm Chính trị viên; đồng chí Nguyễn Thanh Vân (xóm Quảng Tiến) làm Chính trị viên phó. Đoàn xã phát động phong trào tuổi nhỏ làm việc nhỏ đặt tên là “Công tác Trần Quốc Toản” như phòng gian, quân báo, bảo mật, giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm và giúp đỡ các gia đình bộ đội... Đại đội thiếu nhi ban ngày học tập làm việc, buổi tối sinh hoạt tại các gia đình có sân hoặc vườn rộng như nhà ông Hữu (xóm Cây), ông Dụ (xóm Bầu), ông Bá Chan (Huống Trung), ông Phú (Linh Nham)...

Cũng giữa năm 1947, Ban Y tế xã Đồng tiến được thành lập, do y tá Phạm Quang Căn làm Trưởng Ban và y tá Lê Quang Ất làm Phó Ban. Ban y tế có nhiệm vụ khám chữa bệnh ban đầu, hướng dẫn nhân dân về vệ sinh phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ngoài ra, tại xã còn có bệnh viện ở xóm Bầu, xóm Hóc, quân y các đơn vị bộ đội, y tế các trường học, y tế các cơ quan... cùng tham gia khám chữa bệnh cho nhân dân. Vì vậy, trong kháng chiến chống Pháp, sức khỏe của nhân dân xã Đồng Tiến ngày một tốt hơn, không xảy ra dịch bệnh nào đáng kể.

Đến cuối năm 1947, nhiệm vụ xây dựng chính quyền, các đoàn thể dưới chế độ mới đã ổn định. Chi bộ Đảng, Chính quyền, Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên-Việt và các ban, ngành, đoàn thể trong xã đã hình thành đầy đủ và làm việc đã vào nề nếp. Đúng vào thời điểm ấy, quân Pháp mở cuộc hành binh mang tên Xanh tuya, tấn công lên Việt Bắc trong đó có xã Đồng Tiến. Chi bộ, UBHC, UBKC, Mặt trận và nhân dân xã phải trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ chính quyền nhân dân non trẻ.

Từ 9 giờ 45 phút đến 11 giờ ngày 26 tháng 11 năm 1947, quân Pháp dùng 23 máy bay ném bom, sau đó thả 500 quân dù xuống chiếm đóng thị trấn La Hiên¹⁶⁷. Đến chiều cùng ngày chúng dùng 15 máy bay thả 400 quân xuống cánh đồng Làng Ngò, xã An Khánh và Ba Gò, xã Cù Vân (huyện Đại Từ). Cuộc chiến đấu trực tiếp của nhân dân Thái Nguyên nói chung và nhân dân Đồng Tiến nói riêng với giặc Pháp đã thực sự bắt đầu.

Ở xã Đồng Tiến, thực hiện Nghị quyết của Chi bộ, khi quân địch đến ta chủ trương sơ tán phòng tránh là chính, vì vậy các cơ quan đầu não của xã như Chi uỷ, UBHC, UBKC sơ tán vào rừng ở xóm Ao Lang, xóm Thanh Chử. Cán bộ các cấp các ngành tập trung vận động và hướng dẫn nhân dân triệt để sơ tán vào khu núi cao rừng rậm

¹⁶⁷ Thuộc huyện Võ Nhai

cùng cơ quan của xã hoặc khu vực Rừng Đồng, Trại Gai, Na Chanh... Nhân dân vừa đi sơ tán vừa cùng dân quân giúp đỡ bộ đội và các cơ quan đứng chân trên địa bàn xã di chuyển. Đại đội du kích được giao nhiệm vụ bám sát, phục kích đánh địch khi có thời cơ, trọng tâm là bảo vệ kho tàng. Đại đội dân quân được giao nhiệm vụ tổ chức canh gác bảo vệ làng xóm, bảo vệ tài sản và đôn đốc giúp đỡ nhân dân triệt để đi sơ tán để tránh tổn thất do chủ quan coi thường địch.

Mở sáng ngày 08 tháng 12 năm 1947, từ 3 hướng quân Pháp tràn quét vào xã Đồng Tiến.

Hướng thứ nhất, gồm khoảng một trung đội quân Pháp từ Đồng Bẩm, vượt qua Cầu Rào (bắc qua sông Mo Linh) để vào xóm Bến Đò. Trung đội du kích thôn Linh Nham, bố trí 1 tiểu đội do Tiểu đội trưởng Mạc Đức (Mạc Văn Đức) chỉ huy phục kích ở cầu Ba Mố; khi quân địch vào đúng trận địa phục kích, ta nổ súng tiêu diệt 1 tên và bị thương một số tên khác¹⁶⁸. Trong khi quân địch còn đang hốt hoảng, đội hình bị rối loạn thì toàn tiểu đội du kích đã nhanh chóng lợi dụng địa hình địa vật rút vào rừng an toàn.

¹⁶⁸ Súng kíp bắn đạn ghém, nên đồng thời có thể sát thương nhiều người. Hôm đó Tiểu đội có 3 khẩu súng kíp, nhưng do mấy hôm trời mưa phèn nên thuốc súng bị ẩm. Vì vậy, khi bắn chỉ có một khẩu của đồng chí Liễu Văn Hòa nổ được, nên ta chỉ diệt được 1 tên.

Hướng thứ 2, dịch đi theo đường từ trong rừng ra, càn vào xóm Thông, khi ta phát hiện được thì dịch đã vào rất gần khu kho hậu cần. Toàn bộ lực lượng bảo vệ kho, dùng ám hiệu, nhanh chóng mang vác dầu, muối chuyển sang kho sơ tán ở Đồng Cỏ¹⁶⁹ an toàn. Trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ kho, có 2 chiến sĩ du kích hy sinh là đồng chí Dương Văn Đoan và Phạm Viết Kính. Quân Pháp nổ súng nhưng không gặp sự kháng cự nào đáng kể, chúng tiếp tục càn ra xóm Bầu, xóm Trám, đốt phá hết nhà cửa, lều, quán chợ ở 2 bên đường từ dốc Dện đến bến đò.

Hướng thứ 3, từ thị xã Thái Nguyên, dịch càn vào xóm Quảng Tiến vượt sông Cầu rồi chia làm 2 toán vào xóm Cậy; một toán càn vào khu vực đầu làng qua cổng Vôi sau đó lên chùa Phú Nông; một toán càn ngoài đồng từ đồng Cỏ xuống Ba Bung sau đó vào làng. Hai toán quân này hợp lại với nhau tại Gò Đồi, ép dân dùng thuyền chở chúng bơi dọc sông để tìm bắt cán bộ và du kích, nhưng không phát hiện được gì.

Chiều 08 tháng 12, các cánh quân dịch đều rút ra khỏi địa phận xã. Trận chiến đấu chống càn thu-đồng năm 1947 của Chi bộ đảng, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến kết thúc.

¹⁶⁹ Nay là xóm Đầm Cỏ thuộc xã Nam Hòa. Tên trước đây của xóm là ấp Đồng Cỏ thuộc đất Tiểu đồn điền của ông Nguyễn Khắc Phan (tức Sáu Phan) lập ra khoảng từ năm 1930 đến 1940.

Cùng với việc chiến đấu chống càn, Chi bộ Đảng, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến còn giúp đỡ các cơ quan đơn vị của cấp trên đứng chân tại xã trong việc sơ tán phòng tránh và cứu chữa thương binh... Trong trận chiến đấu chống quân Pháp nhảy dù xuống La Hiên, bộ đội ta bị thương vong một số đồng chí; có 16 thương binh chuyển về xã Đồng Tiến, được gia đình bà Đỗ Thị Vóc điều trị bằng thuốc gia truyền. Khi quân Pháp càn vào xã, Chi bộ, Ủy ban bố trí dân quân và Hội Phụ nữ tổ chức khiêng cáng, sơ tán thương binh vào rừng, vừa tránh địch vừa điều trị. Được bà Vóc và chị em trong Hội Phụ nữ Cứu quốc như Đặng Tuyết Vĩ, Đặng Thị Bấm, Cao Thị Lân, Dương Thị Hưởng... cứu chữa, chăm sóc, động viên. Trong số thương binh đưa về xã điều trị lần đầu, có 14 đồng chí được chữa khỏi, 2 đồng chí do vết thương quá nặng đã hy sinh¹⁷⁰. Trong kháng chiến, bà Vóc còn nhiều lần theo các cơ sở y tế, dùng thuốc gia truyền chữa bệnh

¹⁷⁰ Bà Đỗ Thị Vóc là vợ ông Đặng Đình Đại có bài thuốc gia truyền chữa gãy xương và các trường hợp bị chấn thương nhiễm trùng rất hiệu quả. Trong lần cứu chữa thương binh năm 1947, có 2 đồng chí hy sinh, không ai biết quê hương và thân nhân của 2 liệt sĩ này ở đâu; chỉ biết 1 đồng chí tên là Tý và 1 đồng chí tên là Tước, nhưng do sơ xuất khi di chuyển mộ, tên các đồng chí bị nhầm lẫn, đành để vào “Liệt sỹ chưa xác định được tên”, nhưng tên các anh luôn sống mãi trong lòng nhân dân xã Huống Thượng. Năm 1962 bà Đỗ Thị Vóc được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà Phạm Văn Đồng tặng Bằng Khen và hình ảnh bà đang băng bó vết thương, chữa bệnh cho thương binh được trưng bày trang trọng tại Bảo tàng Khu Tự trị Việt Bắc những năm trước đây.

trong điều kiện chiến đấu ác liệt, góp phần cứu sống nhiều bộ đội, du kích dân công và nhân dân.

Qua cuộc chiến đấu chống càn tháng 12 năm 1947, Chi bộ, Chính quyền, đoàn thể, dân quân du kích và nhân dân xã Đồng Tiến đã trực tiếp đóng góp sức mình vào mục tiêu “phá tan kế hoạch tiến công mùa đông của quân Pháp”. Lực lượng ta được thử thách trực tiếp trong chiến đấu đã trưởng thành rõ rệt; Chi bộ Đảng, Mặt trận, Chính quyền và các ngành, đoàn thể đều có bước phát triển tiến bộ, năng lực lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được nâng lên.

Tuy nhiên, ta cũng bị tổn thất mất mát, tổng cộng có 8 người bị chết¹⁷¹ trong trận càn, hàng trăm ngôi nhà và lều quán chợ bị đốt cháy, hàng chục con trâu bò và hàng trăm gia cầm bị giết hại.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, Chi bộ và Ủy ban xã đồng Tiến đứng trước những vấn đề phải tập trung lãnh đạo giải quyết cấp bách. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là củng cố Chi ủy chi bộ, Mặt trận, Chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể.

¹⁷¹ 6 người gồm Chủ tịch UBHC xã Phạm Bá Trục; thầy giáo Phấn; anh Long; 3 em nhỏ là Phạm Văn Tân, Phạm Văn Viết, Phạm Văn Tông bị bắt ngày 26/11/1947, sau đó bị giết chết trong trường hợp mà hiện nay không xác định được nguyên nhân; 2 du kích hy sinh là Dương Văn Đoan và Phạm Viết Kính.

Về Chính quyền, do khuyết Chủ tịch UBHC xã bị chết trong dịp dịch tràn vào xã nên chức danh này do Phó Chủ tịch Dương Trọng Hướng đảm nhiệm. Thực hiện Sắc lệnh số 91/SL ngày 01 tháng 10 năm 1947, về việc hợp nhất UBHC và UBKC thành Ủy ban Kháng chiến-Hành chính (KC-HC) từ cấp tỉnh trở xuống, Chi bộ đã lãnh đạo việc hợp nhất hai Ủy ban và cử ông Dương Trọng Hướng, nguyên Chủ tịch UBKC giữ chức Quyền Chủ tịch, tiếp sau là Chủ tịch và ông Vũ Ngọc Viện làm Phó Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã. Trụ sở Ủy ban KC-HC xã lại chuyển về làm việc tại Chùa Kim Hoa, có lúc chuyển vào xóm Đảng hoặc xóm Thông.

Tháng 3 năm 1948, Bí thư chi bộ Trần Văn Thành và Chủ nhiệm Việt Minh Dương Trọng Hữu được điều động vào công tác ở ngành công an. Đồng chí Mạc Đức được cử làm Bí thư chi bộ; đồng chí Dương Văn Tuất làm Chủ nhiệm Việt Minh. Khi cuộc chiến đấu diễn ra mới thấy lực lượng của ta yếu mỏng, số lượng đảng viên quá ít, vì vậy Chi bộ ra nghị quyết chú trọng phát triển đảng viên; riêng thôn Huống Thượng trong năm 1948, kết nạp được 7 đảng viên (có 1 đảng viên nữ). Từ năm 1949, Chi bộ lập kế hoạch phát triển đảng thành các đợt; đợt 1 từ tháng 01 đến tháng 3; đợt 2 từ tháng 5 đến tháng 8 và đợt 3 từ tháng 9

đến tháng 12. Thôn Huống Thượng có gần 20 đồng chí được kết nạp vào Đảng, trong đó có 2 đảng viên nữ¹⁷². Tháng 5 năm 1949, đồng chí Mạc Đức đi học lớp Huyện uỷ viên do khu Việt Bắc mở; đồng chí Nguyễn Văn Sổ (Xóm Cây) được cử làm Bí thư, đồng chí Dương Văn Tuất làm Phó Bí thư, đồng chí Tạ Văn Khuê làm Thư ký Văn phòng chi bộ. Đội ngũ Đảng viên trong Chi bộ ngày càng đông, sức mạnh chiến đấu của Chi bộ được nâng lên rõ rệt. Khi triển khai tổ chức thực hiện các công việc của Chính quyền hoặc của các ngành, các giới đều có đảng viên phụ trách, vì vậy hiệu quả chất lượng công việc đều đạt tốt hơn.

Sau trận càn của địch tháng 12 năm 1947, Chi bộ nhận thấy những hạn chế yếu kém của công tác quân sự địa phương, nên chủ trương củng cố xây dựng dân quân du kích chuyên trách hơn. Để công tác quân sự hoạt động được tốt hơn, Uỷ ban KC-HC xã thành lập 2 văn phòng là Văn phòng du kích và Văn phòng dân quân để giúp việc cho ban Chỉ huy xã đội. Văn phòng du kích do đồng chí Nguyễn Văn Hiền (xóm Trám) và Văn phòng dân quân do đồng chí Nguyễn Thiên Tân (xóm Bầu) làm thư ký, trực tiếp giúp việc cho các đồng chí xã đội phó phụ trách dân quân và du kích.

¹⁷² Năm 1949 kết nạp đồng chí Đào Thị Chí và Nguyễn Thị Vịnh.

Ngày 24 tháng 4 năm 1949, nhân dân xã Đồng Tiến đi bầu cử Hội đồng nhân dân xã khoá II. Sau đó, Hội đồng nhân dân bầu đồng chí Vũ Ngọc Viện (xóm Cây) làm Chủ tịch Ủy ban KC-HC; đồng chí Nguyễn Kim Hương (xóm Quảng Tiến) làm Phó Chủ tịch. Đồng chí Nguyễn Sông làm Ủy viên Quân sự kiêm Xã đội trưởng, đồng chí Lê Quang Hoa làm Chính trị viên xã đội; đồng chí Nguyễn Như Dụ làm Thư ký và Chu Văn Diệu làm Văn phòng Ủy ban. Trụ sở Ủy ban KC-HC xã làm việc tại Chùa Kim Hoa và cũng lưu động ở một số nơi khác.

Từ năm 1948, Ủy ban KC-HC xã đã thành lập Tổ trật tự để bảo đảm an ninh địa phương. Thực hiện Quyết định số 438-NV/TTC, ngày 10 tháng 10 năm 1950 của Bộ Nội vụ về việc thành lập Ban Công an xã thay cho Tổ trật tự. Chi bộ và Ủy ban phân công đồng chí Nguyễn Kim Hương, Phó Chủ tịch Ủy ban KC-HC kiêm Trưởng Ban Công an xã. Công an xã gồm 1 Trưởng ban, 1 Phó ban và các Ủy viên là Tổ trưởng Công an ở các xóm đã nhanh chóng ổn định tổ chức, lập 1 trạm bảo vệ của xã tại Bến Đò và cử công an viên Vũ Văn Hảo phụ trách. Khi công việc đi vào nề nếp, đồng chí Nguyễn Kim Hương bàn giao công tác Trưởng Ban Công an cho đồng chí Lê Quang Vinh.

Là một xã thuần nông, có đông đồng bào ở các nơi sơ tán về lại có nhiều cơ quan đoàn thể các cấp, các ngành,

các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn nên nhu cầu lương thực luôn đòi hỏi lớn. Cán bộ và nhân dân xã Đồng Tiến đã cố gắng khắc phục tình trạng thiếu hụt lương thực bằng nhiều biện pháp, tuy nhiên bữa ăn hàng ngày vẫn luôn khó khăn, cái đói vẫn luôn đe dọa rình rập cả nhân dân và bộ đội...Chi bộ cùng Chính quyền vừa phát động nhân dân khai khẩn đất hoang hoá để tăng diện tích canh tác, đồng thời lấy ruộng của những chủ đất bỏ lại, tạm cấp cho nông dân; năm 1949 đã có trên 30 mẫu ruộng được khai khẩn thêm, góp phần đáng kể vào thu nhập chung của nhân dân trong xã. Để giúp đỡ bà con nông dân và đồng bào sơ tán giải quyết khó khăn về lương thực, từ năm 1947 Hội Nông dân xã đã xây dựng được quỹ nghĩa thương¹⁷³. Quỹ nghĩa thương do hội viên nông dân đóng góp bằng thóc và thóc thu được từ việc Ban Chấp hành nông dân tổ chức cho hội viên sản xuất trên ruộng điền vắng chủ. Ngay từ khi có chủ trương lập quỹ, quỹ nghĩa thương đã được bà con nông dân hưởng ứng tích cực, nên đến năm 1948 hội đã có trung bình từ 7 đến 8 tấn thóc để giúp đỡ nhau lúc khó khăn hoạn nạn¹⁷⁴.

Nhiệm vụ huy động bán thóc để nuôi quân đánh giặc được Chi bộ tập trung lãnh đạo tích cực, các đảng viên

¹⁷³ Quỹ Nghĩa thương do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất thành lập từ ngày 26/11/1946.

¹⁷⁴ Di bút của đồng chí Đào Văn Viên, lúc đó là Bí thư Nông dân xã.

được phân công xuống từng xóm và đến từng gia đình vận động nhân dân bán lương thực giá rẻ cho Nhà nước. Nhân dân xã Đồng Tiến còn rất nghèo, hàng ngày vẫn phải ăn độn bằng ngô, khoai lang, khoai sọ, sắn... mặc dù vậy bà con vẫn hưởng ứng nhiệt tình nên việc huy động lương thực luôn đạt chỉ tiêu trên giao.

Trước khi lên đường sang Trung Quốc, đồng chí Lý Ban là Cục phó Cục Chính trị Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam đã về Đồng Tiến kiểm tra các đơn vị quân đội đóng quân tại xã và tham gia đóng góp cho Chi bộ, Chính quyền xã. Đồng chí đã có chỉ thị quan trọng trong xây dựng lực lượng du kích chiến đấu của xã và chỉ đạo một số vấn đề thuộc phạm vi công tác Đảng và Chính quyền¹⁷⁵. Những ngày ở Đồng Tiến đồng chí Lý Ban và cán vụ ở tại nhà đồng chí Nguyễn Viết Quân, một đảng viên cao tuổi mẫu mực hết lòng vì cách mạng¹⁷⁶.

¹⁷⁵ Khi đồng chí Lý Ban về xã công tác, đồng chí Nguyễn Văn Sở làm Bí thư chi bộ và đồng chí Dương Văn Tuất làm Chủ tịch ủy ban KC-HC xã, các nhân chứng hiện nay không nắm được nội dung làm việc của đồng chí. Nhưng thực tế đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo một số công việc của Chi bộ và Chính quyền như nhân sự cán bộ và điều chỉnh đất soi của Hòa Úc về Đồng Gia, Xuân Lạp...

¹⁷⁶ Đồng chí Nguyễn Viết Quân bán toàn bộ gia sản được 4.900 đồng, làm 1 ngôi nhà tạm cho vợ con ở, số tiền còn lại chỉ để nuôi cán bộ về công tác. Năm 1962 đồng chí Quân từ trần khi đang là Trưởng ban Mặt trận xã. Chi bộ xã Đồng Tiến đã phủ Đảng kỳ trên linh cữu đồng chí ra đến tận nơi an táng. Đồng chí Quân là người đầu tiên và duy nhất của xã cho đến nay khi từ trần được phủ Đảng kỳ.

Về lãnh đạo công tác giáo dục: khoá học 1946-1947, trường Đồng Tiến được mở lại dưới sự điều hành của Chính quyền cách mạng và cũng là năm học mở đầu cho công tác giáo dục công lập. Học sinh vẫn học tại ngôi trường cũ ở xóm Hóc; đến tháng 11 năm 1947, khi ta đã phá hoại một phần trường để tiêu thổ kháng chiến, các lớp di chuyển vào học tại các “tảo xá” trong Rừng Đèn. Từ năm học 1949, trường Đồng Tiến có 2 đảng viên trực tiếp đứng lớp vừa làm nhiệm vụ giảng dạy vừa thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo công tác giáo dục của Chi bộ trong nhà trường¹⁷⁷. Cũng từ năm học 1949-1950, trường Đồng Tiến dạy học theo chương trình mới¹⁷⁸ có 10 lớp và 200 học sinh ở ba phân trường, do thầy giáo Đào Văn Bảy¹⁷⁹ làm Hiệu trưởng. Bên cạnh việc học tập văn hoá phổ thông, nhà trường còn dạy cho học sinh về nếp sống văn hoá mới, giữ gìn vệ sinh và cả các phương pháp, kỹ năng phòng tránh máy bay, phòng không sơ tán. Năm học 1952-1953 và 1953-1954, trường Đồng Tiến có 10 lớp học văn hóa cấp I và các lớp học văn hóa cấp II, còn gọi là “lớp nhô”¹⁸⁰.

¹⁷⁷ Là các đồng chí Tạ Văn Khuê và Trần Văn Khuê.

¹⁷⁸ Theo hệ giáo dục 9 lớp, gồm: Văn hóa cấp I (từ lớp 1 đến lớp 4); Văn hóa cấp II (từ lớp 5 đến lớp 7); Văn hóa cấp III (gồm 2 lớp là lớp 8 và lớp 9).

¹⁷⁹ Thầy giáo Đào Văn Bảy (gọi chệch là Bảy) quê ở Bach Hạc tỉnh Phú Thọ, đã tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương. Thầy giáo Bảy là hiệu trưởng đầu tiên của ngành giáo dục công lập xã Huống Thượng.

¹⁸⁰ Tổ chức của nhà trường chỉ có nhiệm vụ dạy văn hóa cấp I, nhưng do nhu cầu học tập văn hóa trên cấp I của con em nhân dân, nên nhà trường bố trí một số giáo viên cấp I dạy văn hóa cấp II cho số học sinh này. Các lớp học như vậy ở địa phương gọi là “lớp nhô”.

Tiếp tục lãnh đạo công tác thiếu niên nhi đồng, từ năm 1949, Chi đoàn phân công đồng chí Đỗ Huy Chữ (Phó Bí thư) và Nguyễn Văn Đạo (Ủy viên Thường vụ Đoàn xã) trực tiếp phụ trách Thiếu nhi cứu quốc và Nhi đồng cứu vong. Các hoạt động của công tác Trần Quốc Toàn rất tốt, rất thiết thực, trở thành một điểm sáng của phong trào thiếu niên nhi đồng toàn khu Việt Bắc. Đồng chí Trần Tiến Nam (Bí thư tỉnh Đoàn Thái Nguyên) về thăm, kiểm tra, động viên, uốn nắn chỉ đạo phong trào và báo cáo về Trung ương Đoàn. Tiếp theo, các đồng chí Hồ Trúc¹⁸¹ và Phong Nhã (nhạc sĩ, ở Trung ương Đoàn), cùng các đồng chí Võ Toàn Lâm, Phan Chu Cường (ở Khu Đoàn Việt Bắc), Trần Tiến (Phó Ban Thiếu niên Nhi đồng thuộc tỉnh Đoàn Thái Nguyên), đồng chí Oanh và Hải (ở Huyện Đoàn Đồng Hỷ) về xã cùng với Ban chấp hành Chi đoàn bổ sung nội dung, xây dựng phong trào để nhân điển hình. Tháng 3 năm 1951 tại xã Đồng Tiến, Trung ương Đoàn đã tuyên bố đổi tên Đội Thiếu niên cứu quốc và đội Nhi đồng cứu vong thành Đội thiếu nhi Tháng Tám Việt Nam, đồng thời tiếp tục phát động trong thiếu niên nhi đồng cả nước phong trào “Làm công tác Trần Quốc Toàn”. Một buổi tối tháng 3, tại trường học, các em thiếu niên được mang khăn quàng đỏ, các em nhi đồng được mang

¹⁸¹ Trưởng Ban Thiếu niên nhi đồng Trung ương (Trung ương Đoàn).

khăn quàng xanh, đầu đội mũ ca lô trắng, trang nghiêm làm lễ, sau đó rước đuốc diễu hành từ trường ra đến Bến Đò. Tháng 4 năm 1951, đội Thiếu nhi tháng Tám xã Đồng Tiến vinh dự được thay mặt Thiếu niên nhi đồng tỉnh Thái Nguyên đến chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV¹⁸². Trong những năm tiếp theo, đội thiếu nhi tháng Tám xã Đồng Tiến tham gia công tác Trần Quốc Toàn rất sôi nổi, cứ chiều thứ 7 hàng tuần các em thiếu nhi, theo từng chi đội (tiểu đội) ở các xóm đến gia đình liệt sĩ thương binh, gia đình bộ đội giúp đỡ các công việc. Bên cạnh việc làm công tác Trần Quốc Toàn, Ban chấp hành Đoàn xã còn tổ chức cho các em sinh hoạt hội trại, học văn hoá, học hát, học múa, giữ vệ sinh, diễu hành cổ động động viên các phong trào khác. Công tác thiếu niên nhi đồng và phong trào làm công tác Trần Quốc Toàn, đã tạo nên một nét văn hoá của vùng đất Đồng Tiến Huống Thượng. Xã Đồng Tiến vinh dự được chọn là nơi làm lễ đổi tên đội Thiếu nhi cứu quốc và Nhi đồng cứu vong thành Đội Thiếu nhi tháng Tám Việt Nam.

¹⁸² Theo đồng chí Trần Tiến, nguyên Phó Ban thiếu niên nhi đồng Tỉnh Đoàn Thái Nguyên (hiện ở số nhà 160 đường Phú Thái-phường Tân Thịnh-Thành phố Thái Nguyên) là người trực tiếp dẫn đoàn đại biểu của Liên đội Thiếu nhi tháng Tám xã Đồng Tiến đến chào mừng Đại hội. Đại hội họp tại xã Bình Sơn nên đoàn phải đi bộ sang, đường sá rất xa xôi đối với các em thiếu nhi tuổi từ 10-14 nhưng cũng là vinh dự lớn lao cho các em thiếu nhi Đồng Tiến và các em đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 15 tháng 7 năm 1950, lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam được thành lập, trong đội hình đã có các thanh niên Đồng Tiến. Trong kháng chiến chống Pháp, chỉ riêng thôn Huống Thượng có hơn 30 đồng chí tình nguyện đi phục vụ chiến đấu trên các tuyến đường trọng điểm như các bến vượt, các ngầm, các bến phà thường xuyên bị địch đánh phá ác liệt như phà Ngọc Lâm, ngầm Linh Nham, phà Hích, phà Vô Tranh..., ở đâu, anh chị em Thanh niên xung phong người Đồng Tiến cũng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong số cán bộ chủ chốt điều đi làm cán bộ ở các đơn vị thanh niên xung phong có đồng chí Nguyễn Sông đang là Chi uỷ viên, Uỷ viên Quân sự Uỷ ban KC-HC kiêm Xã đội trưởng. Cấp uỷ Chi bộ bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Sổ, Bí thư chi bộ kiêm Xã đội trưởng; đồng chí Lê Quang Hoa làm Chính trị viên cùng các Xã đội phó Dương Trọng Kim, Dương Văn Vòng. Khi đồng chí Lê Quang Hoa nhập ngũ vào bộ đội chủ lực, đồng chí Hoàng Văn Lục, Trung đội trưởng trung đội du kích thôn Linh Nham làm Chính trị viên xã đội.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông 1947, nhân dân ta không chủ quan, mà tích cực chủ động đề phòng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu thủ đoạn của địch và mọi tình huống có thể xảy ra. Nhận định địch có thể lại đánh lên Việt Bắc, ngày 23 tháng 3 năm 1949, Tỉnh uỷ Thái Nguyên

chỉ thị "...các đồng chí phải ráo riết chuẩn bị đề phòng những bất trắc có thể xảy ra".

Chấp hành chỉ thị của cấp trên, Chi bộ, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến thực hiện đồng thời nhiệm vụ tăng gia sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Du kích xã được bổ sung đủ quân số, huấn luyện các phương án đánh nhỏ lẻ như phục kích, bắn tỉa, quấy rối. Các trung đội dân quân được giao nhiệm vụ canh gác bảo vệ làng xóm, giúp đỡ nhân dân các công việc cần thiết do xã điều động. Xây dựng sẵn các cơ sở hậu cần, cơ sở trú chân trong rừng Ao Lang, lập phương án đưa dân đi sơ tán khi có tình huống địch tràn vào xã. Có phương án bảo vệ an toàn các kho hậu cần và các cơ sở dân sự đứng chân ở xã như nhà trường, bệnh viện, các cơ quan cấp trên...Chỉ đạo nhân dân đồng loạt sản xuất vụ mùa năm 1950, để khi xảy ra tình huống chiến đấu, ta chủ động lãnh đạo theo kế hoạch, không bị động lúng túng.

Cũng trong năm 1950, đồng chí Chủ tịch Ủy ban KC-HC có khuyết điểm về kinh tế; Chi bộ họp, xem xét vi phạm và xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ Đảng và cách chức Chủ tịch Ủy ban. Đồng chí Dương Văn Tuất, Phó Bí thư chi bộ được cử giữ chức Chủ tịch Ủy ban KC-HC. Đồng chí Nguyễn Viết Quân được cử làm Chủ nhiệm Việt Minh. Sau đó, đồng chí Nguyễn Như Dụ làm

Văn phòng, đồng chí Đoàn Bá Tâm làm Ủy viên thư ký Ủy ban.

Ngày 16 tháng 9 năm 1950, quân ta nổ súng tiến công và tiêu diệt cứ điểm Đông Khê mở màn cho chiến dịch Biên giới, cắt đứt đường số 4, cô lập hoàn toàn thị xã Cao Bằng, buộc quân Pháp ở đây phải rút lui để tránh bị tiêu diệt. Nhằm cứu nguy cho 2 binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sác-tông tháo chạy, kéo quân chủ lực của ta về phía sau, giảm sức ép cho bộ phận quân địch đang trên đường rút chạy về đồng bằng. Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp quyết định mở cuộc hành quân mang tên Phôcơ (Hải Cầu) đánh lên Thái Nguyên.

Ngày 29 tháng 9 năm 1950, địch cho 3.000 quân có máy bay yểm trợ bắt đầu đánh lên thị xã Thái Nguyên theo 3 hướng trên bộ và một hướng trên không.

Chiều 01 tháng 10 năm 1950, quân Pháp huy động 27 máy bay ném bom đánh phá dọn bãi, sau đó thả 200 quân dù xuống sân bay Đồng Bẩm, đội quân này vừa tiếp đất đã lập tức càn quét các vùng xung quanh. Ở một hướng trên bộ, địch tiến quân từ Phú Bình lên thị xã Thái Nguyên, chúng làm cầu phao qua sông Đào ở xóm Sộp đồng thời lập một vọng gác ở Núi Đơ¹⁸³, một vọng ở đập Thác Huống để bảo vệ cầu phao sông Đào và một vọng ở

¹⁸³ Núi Đơ nay thuộc khu Gang Thép đối diện với bến dò Thác Hét xóm Cậy.

Núi Tiêm. Khi càn vào xã, địch tiếp tục đặt vọng gác ở các điểm cao như Gò Tim, Gò Đình... bên trong mỗi vọng gác đều có đặt một khẩu súng máy để khống chế xung quanh...

Tối 7 tháng 10, du kích thôn Huống Thượng, phối hợp với một bộ phận của Đại đội 223 Đồng Hỷ đánh quấy rối ở khu vực đập Thác Huống, cắt đứt cầu phao trên sông Đào, tiêu diệt 1 tên, bị thương 1 tên tại gò Ao Sen, làm cho địch luôn ở trạng thái căng thẳng. Bộ đội ta hy sinh 1 đồng chí.

Sáng ngày 8 tháng 10, khoảng 1 đại đội quân Pháp có tên chỉ điểm là Thơ Súc (Đặng Văn Súc - thư ký chuyên việc thu tô tức cho Đỗ Đình Thông) dẫn đường từ Khe Mo qua cầu Bò Đái đi tắt bìa rừng bên trong Núi Hột đến Rừng Đĩa, chúng bắt được đồng chí Nguyễn Văn Ky là cán bộ địa chính xã mang đi. Đến dốc La Bành gặp một tổ bộ đội của Đại đội 223 Đồng Hỷ đang vận động chiến đấu; chúng nổ súng làm đồng chí Đinh Văn Hứa (tức Cai Mao) trung đội trưởng hy sinh, đồng chí Hoàng Văn Lục (Chính trị viên xã đội cùng đi với bộ đội) bị thương.

Trưa ngày 8 tháng 10, một đơn vị¹⁸⁴ lính Pháp định vượt sông Cầu từ xóm Oánh sang khu vực soi Bẫy Mẫu ở giữa xóm Huống Trung và xóm Ngọc Lâm. Trung đội du

¹⁸⁴ Các nhân chứng không nắm rõ cấp đại đội hay trung đội.

kích thôn Huống Thượng gồm 3 tiểu đội, được tăng cường một tiểu đội trinh sát quân báo của Đại đội du kích xã do đồng chí Tạ Văn Dương, phụ trách Xã đội trưởng¹⁸⁵ chỉ huy, phòng ngự chiến đấu bên này sông. Các chiến sĩ du kích chỉ có vũ khí lạc hậu cũ kỹ, nhưng chiến đấu rất dũng cảm, đánh bật nhiều đợt xung phong có chi viện hỏa lực moóc-chi-ê của địch, làm chúng không thể sang sông được, đến chiều tối quân Pháp khiêng theo xác chết rút về chùa Đồng Mỗ¹⁸⁶.

Đêm 08 tháng 10, du kích xã bố trí 3 tổ trinh sát quân báo, bí mật vượt sông sang làng Oánh tìm bắt tên Thơ Súc làm chỉ điểm. Tổ thứ nhất từ trại rau Văn Thánh đi xuống; tổ thứ 2 do đồng chí Đỗ Ngọc phụ trách và đồng chí Phạm Viết Soi ... từ nhà thờ Huống Trung vượt sông sang; tổ thứ 3 từ Soi Mận sang Soi Dâu, qua Sóc Ốc lên áp sát nhà ở của hắn. Khi anh em trinh sát quân báo đột nhập vào nhà, tên chỉ điểm đã nhanh chân trốn thoát để lại ấm trà vẫn đang nóng; biết bị lộ, ta nhanh chóng cho anh em rút về tiếp tục chuẩn bị chiến đấu.

¹⁸⁵ Theo các nhân chứng lúc này đồng chí Nguyễn Văn Sổ là Bí thư chi bộ kiêm xã đội trưởng đã giao nhiệm vụ quyền chỉ huy quân sự cho đồng chí Dương. Trung đội du kích thôn Huống Thượng chiến đấu chống càn năm 1950 có Trung đội trưởng Lê Quang Vinh; Chính trị viên Hùng Thế Úc; Trung đội phó Trần Văn Tam (xóm Cậy); các tiểu đội trưởng là Dương Văn Huệ (xóm Sộp); Đỗ Ngọc và Nguyễn Văn Ích (Huống Trung).

¹⁸⁶ Theo nhân dân Túc Duyên thì bọn Pháp khiêng về Chùa Đồng Mỗ xác 1 tên Tây đen.

Sáng 9 tháng 10, địch để một bộ phận nghi binh vượt sông như hôm trước, còn đơn vị chính vòng xuống Soi Dầu, vượt sông Cầu sang Soi Mạn lên xóm Thông, xóm Nam Sơn; ý định đánh vào phía sau đội hình phòng ngự của ta. Phát hiện được âm mưu của địch, du kích vừa đánh, vừa bí mật rút lui lên phía Bắc và quay về Rừng Đĩa hợp cùng một bộ phận của Đại đội 223 Đồng Hỷ. Không thực hiện được việc đánh tiêu diệt lực lượng của ta, địch tràn vào các xóm đốt phá một số nhà cửa, đến chiều chúng rút dần về hướng thị xã. Địch rút đến đâu, du kích tiếp tục bám theo đến đó, đến xóm Nam Sơn chúng kín đáo để lại một tiểu đội có súng máy phục kích. Được nhân dân báo tin, ta bí mật vận động áp sát và nổ súng đánh trước, quân địch hoảng sợ bỏ chạy về chùa Đồng Mỗ ngủ qua đêm.

Cùng thời gian sáng 09 tháng 10, quân Pháp vượt sông Đào vào xóm Sộp, chúng dỡ nhà bà Cu Hà lấy tre nứa làm máng để sửa chữa cầu phao đã bị du kích cắt đứt tối 07 tháng 10. Gặp ông Trương Văn Phúc chúng nổ súng sát hại và bắt người con trai cả của ông là Trương Quốc Lộc giải đi.

Hai ngày đánh vào xã Đồng Tiến nhưng không thu được kết quả nào đáng kể, sáng hôm sau (10 tháng 10 năm 1950), địch từ 3 hướng đánh vào xã. Du kích vẫn

tiếp tục lợi dụng địa hình địa vật, bám sát từng toán quân địch, tranh thủ thời cơ đánh quấy rối.

Hướng thứ nhất, từ Đồng Bẩm quân Pháp vượt sông Mo Linh (tức sông Linh Nham) đánh vào xóm Bến Đò, đến Huống Trung, đến Chùa Kim Hoa. Toán này sát hại ông Phó Hai; bắt đồng chí Ôn Văn Thái tại xóm Nam Sơn, khi đến xóm Huống Trung chúng bắt anh Đỗ Văn Đàn và giải 2 người đi.

Hướng thứ 2, từ xã Túc Duyên quân Pháp vượt Bến Tràng sang soi Nổi, Chòi Vải, càn qua cánh đồng lúa mùa đang chín từ Đồng Cả xuống Ba Bung bắt bà Dương Thị Đào (sau đó chúng thả ngay) và vào làng bắt ông Tạ Văn Tuyên giải đi theo chúng (mấy đêm sau ông Tuyên lợi dụng chúng sơ hở trốn được về).

Hướng thứ 3, quân Pháp đánh từ Linh Nham xuống xóm Thông và xóm Già, gặp tổ dân quân ở tại nhà đồng chí Dương Văn Tuất (Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã), chúng nổ súng bắn chết đồng chí Thái. Đồng chí Trương Văn Cảnh và đồng chí Bắc chạy được ra ngoài nhưng bị khẩu đại liên ở vọng gác Gò Tim bắn theo, đến gò Quản Đậu đồng chí Bắc trúng đạn hy sinh.

Cần đến đâu, quân Pháp đều chiếm các điểm cao, để quan sát khống chế ta di chuyển lực lượng. Khi tổ hậu cần mang cơm cho du kích, phát hiện địch đang vây đuổi

Chính trị viên trung đội Hùng Thế Úc ở Văn Chỉ (xóm Sộp), chiến sĩ nuôi quân Miêu Văn Tiến¹⁸⁷ liền để gánh cơm lại, nổ súng giải vây cho đồng đội. Phát hiện mục tiêu, khẩu đại liên ở Gò Đình liền bắn chế áp, đồng chí Tiến trúng đạn hy sinh. Ngoài ra, chúng còn bắn chết nhiều con trâu bò, bắt đi nhiều gà vịt mà nhân dân không kịp mang đi sơ tán.

Ngay trong ngày 10 tháng 10, địch rút khỏi xã Đồng Tiến và hôm sau (ngày 11 tháng 10) chúng bắt đầu rút lui. Đến ngày 12 tháng 10 năm 1950, địch rút khỏi Thái Nguyên mang theo 5 người bị bắt là ông Tạ Văn Tuyên, ông Trương Quốc Lộc, anh Đỗ Văn Đàn, đồng chí Ôn Văn Thái và đồng chí Nguyễn Văn Ky.

Cuộc hành quân Hải Cầu của địch hoàn toàn bị thất bại, Chi bộ, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đã đóng góp công sức và xương máu vào chiến thắng chung của nhân dân cả nước, góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ an toàn khu căn cứ địa, thủ đô kháng chiến của cả nước.

Cuộc càn quét của quân Pháp vào xã Đồng Tiến, tuy không bị ta đánh lớn, đánh mạnh, nhưng chúng luôn bị 2 trung đội du kích, lợi dụng địa vật, địa hình rừng núi, cây cối rậm rạp, nổ súng tiến công quấy rối, khiến chúng ăn không ngon, ngủ không yên. Du kích đã phối hợp với

¹⁸⁷ Đồng chí Miêu Văn Tiến, người xóm Ao Lang. Phần mộ đồng chí hiện ở nghĩa trang Liệt sỹ xã Huống Thượng. Do sơ xuất trong khi di chuyển nghĩa trang, nên mộ đồng chí đã bị mất tên.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

bộ đội Đại đội 223 Đồng Hỷ đánh 3 trận diệt được 8 tên (sách Địa chí Thái Nguyên ghi diệt được 10 tên), làm bị thương 5 tên.

Sau 4 ngày trực tiếp chiến đấu, Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đã anh dũng kiên cường đương đầu với đội quân viễn chinh nhà nghề, có trang bị hiện đại hơn ta rất nhiều; chúng ta đã giành thắng lợi, tuy có những tổn thất nhất định. Sau khi quân Pháp rút, Chi bộ đã lãnh đạo nhanh chóng đưa nhân dân trở về làng, khẩn trương giải quyết những tồn tại trong 4 ngày chiến đấu và nhanh chóng thu hoạch vụ lúa mùa năm 1950. Mấy hôm sau, trời đổ mưa to kéo dài, đến ngày 19 tháng 10 gây lụt lớn trọng toàn xã (nhân dân gọi là trận lụt “mồng 10 tháng 9” theo âm lịch), Ủy ban xã huy động toàn bộ lực lượng dân quân du kích và các đơn vị sơ tán về xã cùng tham gia gặt chạy lụt giúp dân, giúp đỡ các hộ neo đơn có con em đang chiến đấu ngoài mặt trận. Vì vậy, tuy vụ mùa sớm năm 1950 thu hoạch có chậm hơn, lại bị ngập lụt làm giảm năng suất, nhưng do diện tích cấy tăng, nên nhìn chung sản lượng lúa bị giảm không nhiều so với năm 1949.

4- Lãnh đạo nhân dân vừa chiến đấu, xây dựng vừa sản xuất chi viện cho chiến trường và thực hiện chính sách ruộng đất (1950-1954)

Xã Đồng Tiến, nơi có nhiều cơ quan, đơn vị của Đảng, Chính quyền, các cơ sở cấp trên và ở tỉnh bạn sơ tán về,

nên thường xuyên bị địch tuyên truyền và đánh phá ác liệt. Chỉ riêng truyền đơn tuyên truyền phản động chúng đã rải ở xã tất cả 16 lần (13 lần thả bằng máy bay và 3 lần bằng người đi bộ¹⁸⁸), nhằm làm lung lạc tinh thần chiến đấu của nhân dân, khuếch trương sức mạnh quân sự Pháp, lôi kéo nhân dân cán bộ bỏ kháng chiến vào vùng địch tạm chiến... Nhưng dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, Chính quyền xã, trong suốt 9 năm kháng chiến trường kỳ đầy khó khăn gian khổ, nhân dân xã Đồng Tiến “không có bất cứ ai đi theo Pháp hoặc hợp tác làm việc cho Pháp”¹⁸⁹.

Không lung lạc được tinh thần chiến đấu của nhân dân, thực dân Pháp điên cuồng cho máy bay ném bom, bắn phá bừa bãi vào xã. Để hạn chế bom đạn do máy bay gây ra, Chi bộ, Ủy ban KC-HC xã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân đào hầm trú ẩn ở các gia đình và ở những nơi thường xuyên tập trung đông người như bến đò, trường học, chợ... Xã lập một vọng quan sát máy bay tại chùa Kim Hoa, giao cho đồng chí Dương Đức Trạch phụ trách, có nhiệm vụ phát hiện máy bay, đánh kẻng báo động cho nhân dân biết để kịp thời sơ tán và ẩn nấp, góp phần hạn chế những tổn thất do không quân địch gây ra.

¹⁸⁸ Theo Hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến.

¹⁸⁹ Báo cáo của Đảng ủy và UBHC xã Đồng Tiến trong Hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến.

Ngày 07 tháng 02 năm 1950 (tức 1 tết năm Canh Dần) và liên tục mấy ngày sau, địch cho máy bay thả bom bừa bãi vào khu vực sơ tán của Sở Bình dân học vụ Hà Nội tại xóm Già, làm sập nhà ông Ngô Văn Hoè; số lượng bom thả trên diện tích rộng từ trong xóm ra khu vực Cầu Ván, sang đến xóm Khẩu, không làm chết người, nhưng làm chết nhiều trâu bò gà vịt của nhân dân. Chi bộ, Chính quyền và trực tiếp là nhân dân xóm Già kịp thời giúp đỡ cơ quan khắc phục hậu quả máy bay địch gây ra.

Ngày 04 tháng 11 năm 1950 (tức 25 tháng 9 năm Canh Dần), 6 máy bay “cổ ngỗng” bay đến địa phận xã Đồng Tiến, ném 24 quả bom từ khu vực giếng Đảng đến trường học cũ (ở xóm Hóc), làm chết 5 người¹⁹⁰, bị thương 5 người, cháy sập 6 ngôi nhà, giếng Đảng bị nghiêng; trong số những người bị chết, chị Nguyễn Thị Đạn bị vùi lấp hoàn toàn, bà con tập trung bối rối mãi vẫn không thấy thi thể.

Ngày 22 tháng 11 năm 1950 (13 tháng 10 Canh Dần), 2 máy bay Dakôta bay ngang qua xã, lúc đó ở gò Đá Thần có đông người đang tập trung¹⁹¹, chúng liền ném 4 quả bom (2 quả rơi gần gò và 2 quả vào xóm Thông), không

¹⁹⁰ Chết tại chỗ chị Đặng Thị Bám, chị Nguyễn Thị Đạn, một nữ thanh niên tên là Nụ, 1 người sơ tán tên là Quý và 1 người cắt tóc tên là Hoà chết dựa vào gốc đa. Chị Đạn đến 1959 mới tìm thấy hài cốt (gọi theo tuổi lúc mất).

¹⁹¹ Bà con Huống Trung đang đào huyệt để mai táng ông Lý Độ từ trần.

làm chết người nhưng chết một số trâu, bò, lợn, gà của nhân dân.

Ngày 02 tháng 01 năm 1951 (25 tháng 11 năm Canh Dần), máy bay Pháp bắn đạn nổ 2 lần bừa bãi vào Trường Sư phạm Trung ương và xưởng Quân giới tại Gò Chè làm chết 1 học sinh người Vĩnh Phúc¹⁹²; xưởng Quân giới bị cháy hỏng một số máy móc nhưng không tổn thất về người.

Ngày 03 tháng 01 năm 1951 (26/11 Canh Dần) và ngày 04 tháng 02 năm 1951 (28/12 Canh Dần), máy bay Pháp thả nhiều bom chùm vào xóm Quảng Tiến. Sáng 08 tháng 02 năm 1951 (tức mồng 3 Tết Tân Mão), đồng chí Nguyễn Thanh Trà (Xã đội phó), vận động nhân dân thu gom số bom chưa nổ để đưa tập trung về Ủy ban KC-HC xã; một quả bom 50 kg phát nổ làm chết 6 người¹⁹³.

Ngày 12 tháng 5 năm 1951 (7 tháng 4 năm Tân Mão), 9 chiếc Dakota thả bom napan bừa bãi vào xóm Cậy và xóm Bầu, làm chết 3 người¹⁹⁴, 8 ngôi nhà bị cháy hoàn toàn,

¹⁹² Người chết là một học sinh người Vĩnh Phúc tên là Nguyễn Văn Tài. Đạn nổ 2 lần là loại nổ lần đầu khi đạn ra khỏi nòng súng và khi đạn chạm mục tiêu lại nổ lần thứ 2, gây sát thương nhiều hơn đạn nổ một lần.

¹⁹³ Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Văn Tấn, Nguyễn Văn Khanh, Vương Văn Nghi, anh Chương, anh Chính.

¹⁹⁴ Bà Vũ Thị Thịnh và 2 trẻ em Nguyễn Thị Mến và Nguyễn Văn Ngòi. (Theo báo cáo của tỉnh đội Thái Nguyên tại phòng 1, hộp 33, ĐVBQ 304/Chi cục Văn thư Lưu trữ, từ 12/5 đến 15/5/1951 máy bay địch làm chết 3 người, bị thương 3 người, cháy 52 ngôi nhà của xã Đồng Tiến)

nhiều trâu bò và gia cầm cũng bị chết cháy. Ba ngày sau (15 tháng 5 tháng 1951), 6 chiếc Dakota lại thả bom napan bừa bãi vào xóm Bầu từ khu nhà bà Năm Thịnh đến gò Lan Đình, không gây chết người nhưng cháy nhiều nhà ở, làm cho nhân dân hoang mang, ảnh hưởng đến sản xuất.

Ngày 15 tháng 4 năm 1952 (21 tháng 3 năm Nhâm Thìn), 6 máy bay thả 24 quả bom từ Dộc Nêu đến Cống Đồng thuộc xóm Cây làm chết 14 người¹⁹⁵, bị thương 12 người, hàng chục con trâu bò, gần 10 mẫu ngô và đồ tương đang kỳ thu hoạch. Đây là vụ thảm sát dã man nhất vào xã Đồng Tiến trong suốt mấy chục năm kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Gia đình ông Đĩ Loan bị chết cả nhà gồm 4 người; gia đình ông Dương Văn Khang có 4 người thì bị bom giết chết 3, bị thương 1. Gia đình ông Đỗ Văn Thụ làm cơm giỗ bố, khi vừa hạ mâm cơm cúng xuống thì máy bay địch đến ném bom làm chết và bị thương tại chỗ 3 người...

Ngày 16 tháng 4 năm 1952, máy bay Pháp ném bom và bắn đạn bừa bãi vào xóm Hóc làm chết 1 người¹⁹⁶, phá hỏng 2 ngôi nhà.

¹⁹⁵ 14 người chết là Đỗ Thị Ráy, Nguyễn Thị Huấn, Dương Thị Đào, Vũ Thị Nương, Lê Thị Ngó, 4 người nhà ông Đĩ Loan, chị Đỗ Thị Thọ, Chị Hồng, 3 mẹ con bà Khang (chưa kể 1 hài nhi trong bụng mẹ)

¹⁹⁶ Người chết là ông Đinh Phương Chúc.

Ngày 12 tháng 6 năm 1952, nhiều tốp máy bay Pháp ném bom phá huỷ đập Thác Huống. Đập bị vỡ, cầu bị sập cắt đứt đường sang sông, nhưng tại đập có mấy quả bom 500 kg không nổ¹⁹⁷ nên không thể sửa chữa ngay được. Chính quyền xã kịp thời báo cáo lên cấp trên để được giúp đỡ xử lý các quả bom chưa nổ cho nhân dân yên tâm sản xuất.

Hồi 17 giờ, ngày 12 tháng 9 năm 1952, 2 chiếc khu trục (Becarcot) lao tới bến đò Ngọc Lâm bắn xối xả đạn vào khu vực bến làm bị thương 4 người và đắm 1 đò.

Liên tiếp trong 2 ngày 13 và 14 tháng 9 năm 1952 mỗi ngày có 2 máy bay khu trục lượn vòng rồi bắn đạn 12,7 ly xuống phố Hợp Tiến và bến đò Huống Thượng, làm chết 2 người¹⁹⁸, bị thương 6 người, cháy 12 gian nhà tre và nhiều đồ vật, thiệt hại trị giá 400 vạn đồng. Ủy ban xã nhận định bến đò là nơi tập trung đông người qua lại, từ khi cây đa lớn bị bom đánh gãy làm lộ lối lên xuống đò, nên địch phát hiện được và tập trung đánh phá.

Hồi 17 giờ, ngày 05 tháng 8 năm 1953, có 7 chiếc Helcat bay đến xóm Núi Hột lao xuống ném 8 quả bom Napan vào phân kho 262 thuộc tổng kho 106 của Tổng cục

¹⁹⁷ Công văn số 1243D/CM của cục Quân giới ngày 4/7/1952. Riêng ngày ném bom có tài liệu ghi 22/6/1952.

¹⁹⁸ Người chết là bà Giang và bà Phùng.

vận tải Bắc Thái ở trong hang Dơi (6 quả vào cửa chính và 2 quả vào cửa phụ của hang). Khi bom vừa nổ, từ phía sau hang có 2 phát pháo hiệu bắn lên trời, lập tức máy bay địch lao xuống thả tiếp 8 quả bom phá loại 500kg và 1 chùm bom dây (không rõ mấy quả) và bắn rất nhiều đạn 12,7 ly xuống xung quanh kho. Thiệt hại 7 phuy xăng và một số đồ dùng quân dụng, cháy 2 nhà dân, 4 nồi thóc và 5 nồi bắp (ngô). Ta nhận định có gián điệp mặt đất chỉ điểm, nên ngay sau khi vụ oanh tạc xảy ra, xã đã nhanh chóng báo cáo toàn bộ diễn biến vụ việc lên công an huyện, đồng thời huy động dân quân bảo vệ, thu dọn, ngăn chặn kịp thời một vài người định lợi dụng tình trạng lộn xộn để hôi của, nên không xảy ra mất mát.

Hồi 20 giờ 30, ngày 5 tháng 10 năm 1953, máy bay bay đêm (dự đoán 1 chiếc nhưng không rõ kiểu gì) thả 2 quả bom xuống khu vực đóng quân của đơn vị quân đội thu dụng ở xóm Nam Sơn, làm chết 4 người (1 bộ đội, 1 thương binh, 2 người dân sơ tán), chết 1 con trâu và làm sập 1 nhà ở. Sau đó có máy bay khác bay lượn nhiều vòng trên bầu trời thuộc địa phận xã, rải truyền đơn và phát loa, tiếng loa nghe không thật rõ, còn nội dung truyền đơn dụ dỗ nhân dân bỏ kháng chiến vào vùng địch.

Địch càng đánh phá ác liệt thì càng làm cho lòng căm thù của nhân dân xã Đồng Tiến dâng cao. Mỗi năm đều có hàng chục thanh niên xung phong nhập ngũ đánh giặc trả

thù cho đồng bào. Tiêu biểu là con cháu cụ Trương Văn Phúc ở xóm Sộp, lúc Pháp càn vào xã, cụ có 1 con trai đang ở quân đội và 1 cháu nội đang ở du kích. Sau khi cụ bị quân Pháp giết hại, con trai cả bị bắt, 4 người cháu nội của cụ gồm 3 trai 1 gái, người cao tuổi nhất vừa chớm 18 và nhỏ nhất 15 tuổi đều xung phong nhập ngũ đánh giặc trả thù cho gia đình. Gia đình ông Dương Văn Ao, ở xóm Cây có 3 bố con đều ra mặt trận¹⁹⁹. Gia đình ông Tạ Văn Tiết (ở xóm Bầu) và ông Nông Văn Hoà (ở xóm Huống Trung) đều có 3 con trai cùng tại ngũ. Trên các con đường ra trận, các trọng điểm, thường xuyên có hàng trăm công dân Đồng Tiến đi phục vụ chiến đấu từ trong tỉnh cho đến các chiến trường xa như Tây Bắc-Thượng Lào, Điện Biên Phủ.

Năm 1952, do có khuyết điểm trong công tác quản lý giữ gìn vũ khí nên đồng chí Nguyễn Văn Sở bị kỷ luật thôi chức Bí thư chi bộ và Xã đội trưởng. Để kiện toàn cấp ủy, đồng chí Mạc Đức được điều trở về xã làm Bí thư chi bộ lần thứ 2; đồng chí Tạ Văn Khuê làm Phó Bí thư kiêm Văn phòng chi bộ. Ban Chỉ huy xã đội do đồng chí Đặng Đình Ban làm xã đội trưởng; đồng chí Tạ Văn Đường (Chi ủy viên) làm Chính trị viên; các đồng chí Dương Trọng Kim và Dương Văn Vòng làm xã đội phó.

¹⁹⁹ Ông Dương Văn Ao vào đơn vị tiếp lương Quân Khu; 2 con trai là Dương Hồ và Dương Trung Hoà vào bộ đội chủ lực. Gia đình ông Nông Văn Hòa và Tạ Văn Tiết đã có tên trong danh sách cấp Bằng vàng Danh dự.

Chi bộ và Ủy ban lãnh đạo, chỉ đạo tận dụng triệt để ruộng đất hiện có giao cho nông dân sản xuất lương thực. Những thửa ruộng không canh tác của Nghị Ái, ruộng vắng chủ đều được tạm cấp cho nông dân theo chỉ đạo của Ban tạm cấp công điền thổ và ruộng điền vắng chủ của Pháp và Việt gian huyện Đồng Hỷ. Đến cuối năm 1950 Ban tạm cấp của xã đã rà soát lại ruộng đất của đồn điền Gia Sàng, của Nghị Ái... tạm cấp được 141 mẫu 4 sào cho 366 nhân khẩu²⁰⁰, giúp cho bà con có ruộng sản xuất lương thực. Khi Đặng Phan Lân là con trai của Đặng Mạnh Ái lén lút về xã bán ruộng lấy thóc, một số bà con cả tin đã gánh thóc về tập trung tại nhà ông Nguyễn Văn Vụ (ấp Hoàng Gia) trả cho Lân để được mua ruộng. Ban chấp hành nông dân xã đã đấu tranh và giải thích cho nhân dân không mua, không cho gánh thóc đi, đồng thời báo cáo lên trên giải quyết.

Thi hành chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành, cuối năm 1951 đầu năm 1952, Chi bộ lãnh đạo nhân dân bình xét hạn mức đóng thuế theo diện tích và theo hạng đất, có cán bộ thuế cấp trên về chỉ đạo hướng dẫn. Chi bộ, Ủy ban KC-HC xã tổ chức cho cán bộ đảng viên nhân dân học tập mục đích ý nghĩa của chính sách thuế nông nghiệp; chỉ đạo Chương bạ cùng Ban thuế tiến

²⁰⁰ Báo cáo số 6914/P4B ngày 25/1/1951 của UBKCHC tỉnh Thái Nguyên. Bản lưu tại cặp số 11, ĐVBQ số 89 lưu tại Phòng Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

hành việc kê khai, đo đạc xác định diện tích cho từng hạng đất, từng xứ đồng, từng dải thửa để làm cơ sở tính toán mức thuế cho mỗi hộ. Đa số nhân dân phấn khởi tin tưởng vào chủ trương đường lối chính sách của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh các hạn mức đã được nhất trí bình xét. Ngay trong lần đầu tiên thực hiện chính sách thuế nông nghiệp (năm 1952), nhân dân xã Đồng Tiến đã đóng thuế hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch, ngoài ra còn bán thêm lương thực cho Nhà nước hàng chục tấn.

Do thế và lực của ta trên chiến trường có nhiều thay đổi có lợi cho cách mạng, nhu cầu cung cấp cho chiến trường ngày càng lớn, cần rất nhiều nhân lực đi mở đường, chở phà, vận chuyển phục vụ chiến đấu... Hàng ngày luôn có hàng trăm công dân của xã làm nhiệm vụ trên các tuyến đường và vận chuyển hàng hoá. Nhiệm vụ điều động và huy động dân công luôn cấp bách và nặng nề, Chi ủy, Ủy ban, Ban chỉ huy xã đội và các ban, ngành, đoàn thể đều phải trực tiếp điều nhân lực nên xảy ra tình trạng 2,3 ngành cùng huy động một người. Chi bộ xác định, đi dân công phục vụ chiến dịch cũng là nhiệm vụ chiến đấu, nên việc huy động không còn là động viên, vận động chung chung nữa mà trở thành mệnh lệnh. Để điều động dân công, Chi bộ đề ra khẩu hiệu “vào từng ngõ, gọi rõ từng tên”, phải đủ quân số, bảo đảm công bằng. Để

guồng máy công việc nhịp nhàng, khắc phục tình trạng huy động trùng hoặc bỏ sót nhân lực, từ năm 1950, Ủy ban KC-HC xã thành lập bộ phận chuyên trách là Văn phòng huy động dân công. Văn phòng do 1 đồng chí Chi uỷ viên phụ trách, có 1 đại biểu Ủy ban, các đại biểu là xã đội, uỷ nhiệm thôn, đại biểu các ngành, các giới ở xã và 1 thư ký do ông Đặng Đình Khuê đảm nhiệm. Địa bàn rộng, đi lại khó khăn nhưng tất cả cán bộ nhân viên của Văn phòng đều nhiệt tình trách nhiệm, thực hiện đúng phương châm “vào tận ngõ, gọi rõ từng tên” để điều động anh chị em đi phục vụ chiến trường, vì vậy không có đợt huy động dân công nào xã Đồng Tiến thiếu nhân lực theo quy định. Chỉ tính từ tháng 01 đến tháng 9 năm 1951, xã Đồng Tiến có 476 lượt người đi làm đường, 2.783 lượt người đi tiếp lương, 2.642 lượt người đi dân công phục vụ chiến dịch và các cơ quan (chiếm xấp xỉ 5% mức huy động của toàn huyện Đồng Hỷ)²⁰¹. Đường đi từ xã xuống các thôn, từ thôn xuống xóm, từ xóm này sang xóm khác, từ thôn sang thôn đều là đường mòn đoạn cheo leo, nhiều đoạn lầy lội, hai bên đường là lau sậy, lá han, rắn rết luôn rình rập, muỗi vắt, mòng trâu luôn bay theo cắn đốt...Phương tiện đi lại không có, chỉ đi bộ bằng chân trần vì hầu hết không

²⁰¹ Báo cáo huy động dân công 9 tháng năm 1951 của huyện Đồng Hỷ, Bản lưu tại ĐVBQ 155. Phòng số 01 tại Văn phòng Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

có dây dép; không có lương, không có phụ cấp, nhưng tất cả các đồng chí từ Bí thư Chi bộ, Chủ tịch xã đến cán bộ các ban, ngành, đoàn thể không có ai thoái thác nhiệm vụ. Từng đồng chí đều lăn lộn, bám sát địa bàn, mặc dù quần áo mong manh rét mướt, đến bữa ăn hầu hết chỉ có cháo loãng; khổ cực khó khăn, nhưng tất cả đều luôn tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng và cống hiến hết sức mình. Đồng chí Nguyễn Văn Sổ, Bí thư chi bộ có con gái ốm rồi chết cũng không thể về lo hậu sự, vì đang bận chỉ đạo công tác. Gia đình đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng Trưởng Ban kinh tế, thường xuyên tích trữ vài chum tương và mấy vại cà muối để làm thức ăn nuôi cán bộ về địa phương làm việc. Đồng chí Nguyễn Viết Quân bán nhà và tài sản lấy tiền chỉ để dùng vào việc nuôi dưỡng cán bộ về xã công tác. Đồng chí Lâm Thị Oanh, Phó Bí thư Ban chấp hành Phụ nữ Cứu quốc, có thai con đầu lòng nhưng tổ chức chưa biết nên điều đi phụ trách dân công, vẫn vui vẻ lên đường. Còn rất nhiều đồng chí cán bộ đảng viên, lúc nào cũng sẵn sàng nhận nhiệm vụ về mình. Nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu là thử thách cao nhất đối với người cán bộ đảng viên, sàng lọc chính xác cho Đảng những con người thật sự tốt, thật sự gương mẫu. Những ai chỉ vì lợi ích cá nhân cục bộ, bè

cánh vụ lợi, hống hách, sách nhiễu nhân dân đều bị đào thải cho dù trước đó họ đã có ít nhiều cống hiến.

Mỗi đợt đi dân công phục vụ chiến trường, Chi bộ đều cử đảng viên và uỷ viên Ban Chấp hành các đoàn thể cùng đi để chỉ đạo và nắm diễn biến tư tưởng của anh em. Tháng 8 năm 1952, đoàn dân công đi phục vụ chiến dịch Tây Bắc-Thượng Lào của xã Đồng Tiến gồm hơn 100 người được biên chế về các đại đội trong toàn huyện. Đại đội 3 Đồng Hỷ, có một trung đội đa số là người Đồng Tiến do đồng chí Ôn Văn Thái làm Đại đội phó, đồng chí Đặng Đình Kiện làm Chính trị viên phó, đồng chí Nguyễn Văn Hoạt làm Trung đội phó; trong đoàn có 4 đảng viên thuộc chi bộ Đồng Tiến là Ôn Văn Thái, Đoàn Văn Tiến, Đào Thị Chí, Đặng Đình Kiện. Nhiệm vụ của đơn vị gánh lương thực thực phẩm từ Thái Nguyên theo các con đường xuyên rừng núi ra mặt trận; phần lớn thời gian phải đi vào ban đêm để vừa bảo đảm bí mật vừa tránh máy bay địch. Đến Tuyên Quang, đơn vị bị máy bay Pháp ném bom trúng vào vị trí trú quân làm đồng chí Đoàn Văn Tiến bị thương, anh chị em băng bó cấp cứu, gửi lại trạm quân y rồi khẩn trương lên đường. Rong rã gánh gạo, đạn..., đi bộ hàng tháng trời trên các con đường mòn, đường quân sự làm gấp, qua nhiều đèo cao, vực sâu của các tỉnh Yên Bái, Nghĩa Lộ, Lai Châu, Sơn La; anh chị em luôn khắc

phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ đưa hàng đến chiến trường. Tại mặt trận, đoàn dân công Đồng Tiến được tách thành nhóm nhỏ đưa về đến từng đại đội chiến đấu; trong lửa đạn nhiều đồng chí vào tận cửa mở tham gia “cướp cứu”²⁰² vận chuyển thương binh về phía sau. Các chiến sĩ dân công được phân công làm tất cả các nhiệm vụ theo yêu cầu, nhiều trường hợp không còn khoảng cách dân công và bộ đội, người dân công cũng là người chiến sĩ trực tiếp chiến đấu. Đồng chí Nguyễn Văn Lạc (xóm Bến Đò) trực tiếp cùng Đại đội 3, Tiểu đoàn Châu Đốc đánh tất cả 9 đồn từ Tu Vũ, Sài Lương, Nghĩa Lộ Phố, Nghĩa Lộ Đồi, Mộc Châu, Yên Châu, Thuận Châu... Trong một trận chiến đấu ở Nà Sản, đơn vị bị bao vây, cần chiến sĩ tự nguyện hy sinh để phá vòng vây của địch, dân công Nguyễn Văn Lạc đã dũng cảm xung phong nhận nhiệm vụ cảm tử quân. Đơn vị làm lễ truy điệu sống, khoác cho mỗi đồng chí 1 chiếc chăn len và 1 chiếc áo trấn thủ trước lúc đi vào cõi vĩnh hằng. Sau đó, đồng chí cùng anh em trong tổ xung phong, nổ bộc phá mở được vòng vây cùng đơn vị thoát ra an toàn; nhưng 5 trong số 6 chiến sĩ cảm tử hy sinh anh dũng; đồng chí Lạc là chiến sĩ cảm tử hiếm hoi còn sống

²⁰² Khi đánh đồn, bộ đội ta thường cất vài chỗ ở hàng rào gọi là “cửa mở” để cho bộ đội xung phong vào, vì vậy địch tập trung hỏa lực bắn vào cửa mở để chặn ta nên thương vong ở cửa mở thường rất cao. “Cướp cứu” là biện pháp quyết liệt để đưa thương binh ở cửa mở hoặc dưới làn hỏa lực của địch về tuyến sau.

đến ngày toàn thắng²⁰³. Ở các đơn vị khác cũng nhiều đồng chí gánh cơm, gánh gạo, gánh đạn theo sát bộ đội chiến đấu và vận chuyển thương binh. Sau 6 tháng ròng rã phục vụ chiến đấu từ chiến trường Tây Bắc đến Thượng Lào, đầu năm 1953 Đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và về đến Thái Nguyên. Được tin, ngày 13 ngày 01 năm 1953, Chi uỷ chi bộ và Uỷ ban KC-HC xã tổ chức cho đội Thiếu niên và nhi đồng tháng Tám, mang cờ hoa và trống ếch đi đón từ Cổng Ô về đến xã, ghi nhận và biểu dương những thành tích xuất sắc mà cán bộ chiến sĩ dân công trong đoàn đã hoàn thành. Các đồng chí Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Văn Hoạt là những dân công tiêu biểu trong đợt này được tặng Giấy khen. Việc tổ chức tuyên dương thành tích của đoàn dân công Tây Bắc-Thượng Lào, có tác dụng động viên khuyến khích anh em dân công nói riêng, đồng thời cũng ghi nhận công lao cống hiến của mỗi con người nói chung đối với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Ngày 06 tháng 12 năm 1953, Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Quân uỷ quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Để có được quyết tâm chiến dịch,

²⁰³ Hiện nay đồng chí Lạc bị diếc đặc, mỗi lần nói chuyện đều phải dùng máy trợ thính; đồng chí vẫn giữ được chiếc chân len và áo trấn thủ, kỷ vật đơn vị trao lúc truy điệu sống, đồng chí cũng không được hưởng chế độ gì, tự cho mình là người đã chết nên không đòi hỏi bất cứ điều gì. Tháng 7/2010 chiếc áo trấn thủ của đồng chí Lạc đã được đưa về Bảo tàng Lực lượng vũ trang Việt Bắc-Quân khu I.

công tác chuẩn bị chiến trường và bảo đảm hậu cần phải đi trước một bước.

Chấp hành sự điều động của trên, Chi ủy, Ủy ban KC-HC xã Đồng Tiến huy động tổng lực lực lượng đi dân công phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ với quân số đông hàng trăm người. Quân số của xã đi chiến dịch lần này được biên chế trong 10 đại đội dân công của huyện Đồng Hỷ, gồm thuộc các đại đội gánh hàng và xe đạp thồ. Đường hành quân của dân công cũng gian khổ vất vả như bộ đội, nhưng còn phải lo giữ gìn lương thực thực phẩm không bị ướt. Anh chị em có sáng kiến dùng sọt bên trong lót lá dong, cho gạo vào bó lèn chặt để nếu không may bị ngã thì các sọt hàng dù có bị lăn, va đập, gạo vẫn khó bị rơi vãi ra ngoài. Ngày nghỉ, đêm đi để tránh máy bay địch, suốt từ Yên Bái, qua Âu Lâu sang Nghĩa Lộ, các tuyến đường trọng điểm như đèo Pha Đin, Cò Nòi, Tông Cao, Mường Hung, Mường Hét,... đều có bước chân của người chiến sĩ dân công Đồng Tiến. Đến chiến trường anh chị em được điều về từng kho, đến từng đại đội chiến đấu, có người trực tiếp cùng bộ đội kéo pháo ra để chuyển sang “đánh chắc, thắng chắc”. Ngày 30 tháng 01 năm 1954 (26/12 Quý Tỵ) tại kho hậu cần dưới chân đèo Pha Đin, chiến sĩ dân công Nguyễn Thị Tuất (xóm Già), trúng bom hy sinh khi chưa tròn 20 tuổi, để lại nỗi tiếc thương và lòng căm thù giặc cho anh chị em trong đoàn. Trước

những tổn thất mất mát do chiến tranh ác liệt trên chiến trường, cán bộ chiến sĩ dân công Đồng Tiến, đồng viên nhau quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Máu của người chiến sĩ dân công cùng với máu những chiến sĩ quân đội là con em Đồng Tiến đã đổ trên các chiến trường, trong đó có chiến trường lịch sử Điện Biên Phủ. Trong đợt phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, các chiến sĩ dân công tiêu biểu như La Thị Kẹo, Đỗ Ngọc, Nguyễn Thị Mùi, Trần Văn Dụ được tặng thưởng Huân chương Chiến công; các đồng chí Tạ Văn Khuê, Nguyễn Thị Khoa, Phạm Viết Soi... được tặng Giấy khen “Dân công trung thành, dũng cảm, liêm khiết” là những tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đại diện tiêu biểu cho chiến công chung của Đảng, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đóng góp vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

Để vận chuyển hàng viện trợ từ biên giới Việt-Trung cho chiến trường Điện Biên Phủ, xã Đồng Tiến được huy động 120 người, trong đội hình Đoàn dân công Công trường II Liên khu Việt Bắc. Chi bộ, Ủy ban KC-HC xã thành lập Đại đội dân công Lạng Sơn gồm 4 trung đội do đồng chí Nguyễn Văn Dụ (Sen) làm Đại đội trưởng, đồng chí Đinh Chuyển Dục làm Chính trị viên và đồng chí Đào Văn Thắng làm Đại đội phó. Ăn tết Giáp Ngọ xong, toàn đơn vị xuất phát theo đường chiến lược (16B) từ Quang Trung vào Trại Cau sang Bố Hạ, Phổng, Mẹt lên Lạng Sơn

đến cửa khẩu Hữu Nghị. Sau 10 đêm hành quân (đêm đi ngày nghỉ), đoàn đến nơi an toàn và bắt tay ngay vào tiếp nhận quân cụ tại bãi tập kết. Khi hoàn thành công tác tiếp nhận, chuẩn bị đưa trang bị ra chiến trường thì đồng chí Nguyễn Hữu Thủ bị ngã xe, từ trần vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 3 năm 1954. Biến đau thương thành hành động, sau khi lo tang lễ cho đồng chí Thủ xong, 119 cán bộ chiến sĩ tiếp tục hành quân đưa hàng đầy đủ an toàn, phục vụ cho chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Ngoài các đợt đi dân công phục vụ các chiến dịch dài ngày, còn có các đợt đi phục vụ chiến đấu ngắn ngày ở trong tỉnh và tỉnh bạn như Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Ninh... Dân công có nhiệm vụ mở các con đường lớn, đường nhánh, phục vụ tại các bến đò, bến phà, vận chuyển lương thực, đạn dược, quân cụ và xây dựng kho tàng cất chứa hàng hậu cần... Trên tất cả các tuyến đường, các trọng điểm thường xuyên bị đánh phá ác liệt, lúc nào cũng có hàng trăm người con của Đồng Tiến đóng góp công sức vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Anh chị em không nề hà bất cứ công việc gì, dù khó khăn vất vả, ăn uống thiếu thốn, chỗ ở tạm bợ trong rừng, ngoài đồi, ven suối, cũng không có ai vì thế mà đào bỏ ngũ ảnh hưởng đến công việc.

Từ năm 1953, Chi uỷ, Uỷ ban KC-HC xã lãnh đạo thành lập ở mỗi xóm từ một đến hai tổ đối công, mục đích

bộ kiêm Bí thư Hội Nông dân; đồng chí Tạ Văn Dương được giao Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã.

Khoảng tháng 11 năm 1953, theo chủ trương củng cố tổ chức cấp xã, trước khi thực hiện chính sách giảm tô, cấp trên quyết định chia xã Đồng Tiến thành 2 xã nhỏ là xã Đồng Tiến mới và xã Linh Sơn. Phần đất xóm Giăng (tức xóm Quảng Tiến) được sáp nhập vào xã Túc Duyên cùng trong huyện Đồng Hỷ và được đổi tên thành xóm Túc Tiến; phần đất xóm Đồng Tâm sáp nhập vào xã Đồng Liên thuộc huyện Phú Bình. Xã mới Linh Sơn (được đặt tên theo động Linh Sơn bên trong Núi Hột) có diện tích bao gồm toàn bộ phần đất xã Linh Nham cũ và các xóm Ngọc Lâm, Ba Nhà của xã Huống Trung cũ. Việc chia tách xã Đồng Tiến thành 2 xã mới diễn ra thuận lợi và đã hoàn thành nhanh chóng. Sau gần một thập kỷ cùng xây dựng một chi bộ Đảng, một Chính quyền nhân dân, cùng chiến đấu chống giặc đói, giặc dốt và kẻ thù xâm lược; nay Chi bộ, Ủy ban, Mặt trận và các ban, ngành, đoàn thể đều chia hai, nhưng nghĩa tình keo sơn của nhân dân 2 xã vẫn trọn vẹn, thủy chung son sắt²⁰⁵. Chi bộ Đồng Tiến cũ có 48 đảng viên nay được chia thành 2 chi bộ mới sinh hoạt

²⁰⁵ Sau 43 năm 2 bên ngồi Giăng ở cùng trong 1 xã (1910-1953) nên khi chia làm 2 xã khác nhau thì tình trạng ruộng đất xen kẽ nhau rất khó quản lý. Vì vậy Ủy ban và nhân dân 2 xã nhất trí đổi ruộng cho nhau để tiện quản lý, khu đồng đó được đặt tên là Đồng Đổi.

theo địa bàn xã; chi bộ xã Linh Sơn gồm 22 đồng chí, có 1 đảng viên nữ; chi bộ xã Đồng Tiến mới gồm 26 đảng viên, trong đó có 5 đảng viên nữ.

Xã Đồng Tiến mới gồm 9 xóm và 1 phố Hợp Tiến, có ranh giới phía Bắc, phía Nam, phía Tây như hiện nay. Riêng ranh giới phía đông khi đó đến ngã ba Ngòi Chèo, đến năm 1956 thành lập Khu Tự trị Việt Bắc mới chuyển khu vực Đồng Cỏ, Hoàng Gia về xã Quang Trung (tức xã Nam Hoà ngày nay).

Sau khi chia xã, Chi bộ đảng do đồng chí Dương Văn Hỷ làm Bí thư; đồng chí Đào Văn Viên làm Phó Bí thư. Về Chính quyền, đồng chí Tạ Văn Dương làm Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã; ông Đặng Đình Thắng làm Phó Chủ tịch Ủy ban. Ban Chỉ huy xã đội do đồng chí Tạ Văn Khay làm Xã đội trưởng; đồng chí Cao Văn Quý làm Xã đội phó. Ban Công an do đồng chí Nguyễn Ngọc Hình làm Trưởng ban, đồng chí Hùng Thế Úc làm Phó ban.

Để tiến tới thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, được sự chỉ đạo của cấp trên, xã Đồng Tiến thực hiện giảm tô đợt 3 của tỉnh. Từ ngày 20 tháng 12 năm 1953 đến 25 tháng 01 năm 1954, Chi uỷ Chi bộ đã “phát động quần chúng triệt để giảm tô giảm tức, chuẩn bị cho cải cách ruộng đất”²⁰⁶. Trong xã đã thành lập Ban Giảm tô do Bí

²⁰⁶ Chủ trương của Trung ương Đảng đầu năm 1953.

thư Nông dân làm Trưởng ban, có sự giúp đỡ của cán bộ giảm tô cấp trên. Qua nhiều ngày đấu tranh²⁰⁷ trên từng thửa ruộng, hạng đất và hạn mức thu nhập; mức giảm địa tô là 25% đã được các gia đình giàu có chấp nhận. Toàn xã có 599 hộ được quy thành phần, gồm: 11 hộ địa chủ (có 1 địa chủ công thương nghiệp) chiếm 1,84%; 20 hộ phú nông chiếm 3,34%; 214 hộ trung nông chiếm 35,73%; 112 hộ bần nông chiếm 18,7%; 84 hộ cố nông chiếm 14,2% và 158 hộ thuộc thành phần khác chiếm 26,38%²⁰⁸. Nhân dân là bần cố nông phấn khởi với kết quả giảm tô, càng tích cực ủng hộ chính quyền trong mọi nhiệm vụ, hăng hái tăng gia sản xuất lương thực thực phẩm cho gia đình và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước.

Ngày 14 tháng 12 năm 1953, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thông qua Luật Cải cách ruộng đất. Ngày 19 tháng 12 năm 1953 Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 179/SL công bố Luật cải cách ruộng đất, cụ thể hoá đường lối chiến lược, sách lược của Đảng về cách mạng ruộng đất cũng là thực hiện ước mơ ngàn đời của người nông dân. Tại thời điểm tháng 11 năm 1953, toàn xã có 978 mẫu 2

²⁰⁷ Trong phát động giảm tô được Bộ Chính trị định rõ chia làm 5 bước: (Bước 1: Tuyên truyền giáo dục, bắt rễ; Bước 2: Tổ chức học tập cho bần cố nông nghiên cứu đấu tranh; Bước 3: Tổ chức xâu chuỗi, sơ bộ chấn chỉnh tổ chức ở xã; Bước 4: Đấu ngã cường hào và chia những thứ đấu tranh được; Bước 5: Chính đồn các tổ chức, giáo dục quần chúng, tổng kết kinh nghiệm).

²⁰⁸ Báo cáo lưu tại Phòng số 1, hộp 108, ĐVBQ 1291. Tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên. Số hộ thuộc thành phần khác là số gia đình sơ tán về xã.

sào 9 thước ruộng và 124 mẫu 6 sào 12 thước soi²⁰⁹, trong đó có 2/3 là ruộng đất tốt lại đều nằm trong tay một số ít người có thể lực. Chỉ riêng địa chủ Đặng Mạnh Ái đã chiếm hơn 300 mẫu, còn lại là các địa chủ như Nhất Nùng, Giáo Bình, Nguyễn Khắc Phan và các nhà giàu có khác. Người dân chủ yếu đi làm thuê, làm rẽ, làm quần quật trên cánh đồng, thửa ruộng không phải của mình, nơm nớp lo trả nợ cho chủ đất. Ngoài ra còn chịu nhiều áp bức bất công, phải làm các việc tạp dịch của làng xã, chịu sự sai bảo không thương xót của các chức dịch hào lý trong làng, người dân nghèo suốt ngày đầu tắt mặt tối mà vẫn không đủ ăn, đủ mặc.

Theo chỉ đạo của trên, xã Đồng Tiến tiến hành cải cách đợt 1 của tỉnh Thái Nguyên và của huyện Đồng Hỷ. Đội cán bộ cải cách ruộng đất của cấp trên gồm 13 người do đồng chí Hà Trọng Chất làm đội trưởng; Lê Tảo làm đội phó; thành viên gồm các đồng chí La Công Lợi, Nguyễn Tất Hạch và Nguyễn Văn Khoa, Nguyễn Ích Bình, Nguyễn Văn Chi, Cao Thanh Tùng, Bằng, Biên, Ý, Tâm, Xuân²¹⁰ từ ngày 23 tháng 5 năm 1954, về đến xã Đồng Tiến, bắt rẽ xây dựng cơ sở. Đội Cải cách ruộng đất chia thành từng nhóm về các xóm; mỗi xóm hoặc

²⁰⁹ Số liệu tháng 5/1954 tại hộp 113, hồ sơ 1246, Phòng số 1 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

²¹⁰ Theo báo cáo ngày 26/6/1954 của đội Cải cách ruộng đất xã Đồng Tiến. Một số đồng chí chỉ ghi tên, không thấy ghi họ. Bản lưu tại phòng 1, hộp 113, ĐVBQ 1246 Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

liên xóm do một tổ có từ 2 đến 3 người phụ trách. Chiều ngày 25 tháng 5 năm 1954, cuộc cải cách ruộng đất ở xã Đồng Tiến chính thức bắt đầu bằng cuộc họp cán bộ quân-dân-chính, có 53 người tham dự để phát động và tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vị trí, vai trò tầm quan trọng của giai cấp nông dân trong cách mạng ruộng đất. Đội cải cách bắt rẽ, xâu chuỗi²¹¹, dựa hẳn vào bản cổ nông để phát động quần chúng.

Cuộc cải cách ruộng đất ở xã Đồng Tiến bắt đầu triển khai rầm rộ và được chia làm 4 bước. Bước 1, từ 25 tháng 5 đến 07 tháng 6 năm 1954, tuyên truyền đường lối chính sách, tìm hiểu tình hình, bắt rẽ tìm chỗ dựa và bước đầu củng cố tổ chức. Bước 2, từ ngày 09 tháng 6 đến 05 tháng 7 năm 1954, phân định thành phần giai cấp, phân rõ ranh giới giữa nông dân với địa chủ. Bước 3, từ ngày 07 tháng 7 đến 03 tháng 8 năm 1954, tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất và tài sản của địa chủ chia cho nông dân, tổ chức đấu tố một số địa chủ cường hào gian ác đầu sỏ. Bước 4, từ ngày 04 tháng 8 năm 1954, tổng kết thắng lợi và chỉnh đốn tổ chức ở xã; cụ thể là bình diện tích, bình sản lượng làm cơ sở tính thuế; chia ruộng đất tài sản cho

²¹¹ Cán bộ cải cách là những người ở xa đến, không thông hiểu tình hình địa phương, nhưng lại không dựa vào Chi bộ Đảng và Chính quyền. Để nắm được thông tin, họ phải xây dựng rẽ là những nông dân nghèo khổ để kêu gọi họ tố khổ, cung cấp tin. Chuỗi là những người đưa cán bộ cải cách thâm nhập từ rẽ này sang rẽ khác. Vì vậy các cán bộ cải cách tin tưởng tuyệt đối vào rẽ và chuỗi và họ tố cáo sai thì đội cũng sai theo.

người nghèo; củng cố hoàn thiện tổ chức Đảng, Chính quyền, đoàn thể trong xã; kết thúc cải cách ruộng đất.

Trong bước 1, Đội đã phân loại đảng viên trong Chi bộ theo 3 nhóm; nhóm thứ nhất là các đảng viên có tham gia bóc lột như thu tô tức, thuê mướn nhân công; nhóm thứ hai là những đảng viên có liên quan họ hàng huyết thống với địa chủ phú nông gọi là thành phần tay sai; nhóm thứ ba là những đảng viên thực sự nghèo khổ bản cổ nông. Bước vào cải cách ruộng đất, Chi bộ có 32 đảng viên, 1 đồng chí đi dân công còn lại 31 đồng chí, chia thành 4 tổ đảng; Chi uỷ gồm 7 đồng chí. Lãnh đạo Đội đánh giá Chi bộ và cho rằng trong 11 đồng chí Chi uỷ và Tổ trưởng đảng chỉ có 1 đồng chí “lịch sử tương đối trong sạch”, còn lại 6 Chi uỷ viên và 4 Tổ trưởng đảng đều có vướng về lý lịch. Đội nhận xét “tình hình Chi bộ phức tạp, 2/3 số đảng viên quan hệ với đế quốc phong kiến, còn một số mới ở bộ đội về không hiểu được lý lịch”²¹². Đến ngày 20 tháng 6 năm 1954, Đội chính thức khai trừ 4 đảng viên trong đó có Phó Bí thư Chi bộ và Chủ tịch Uỷ ban KC-HC xã²¹³; đồng thời không cho sinh hoạt Đảng các

²¹² Số liệu 5/1954 tại hộp 113, hồ sơ 1246, Phòng số 1 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

²¹³ Đồng chí Hỷ đi CCRĐ, Đồng chí Viên lên Công an huyện, đồng chí Hình làm Phó Bí thư Chi bộ. Khai trừ các đồng chí Nguyễn Ngọc Hình, Tạ Văn Dương, Nguyễn Thị Vĩnh, Đỗ Thị Tứ. Tài liệu tại hộp 113, hồ sơ 1246, Phòng số 1 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

đảng viên của nhóm thứ nhất và thứ hai gồm 12 đồng chí, chỉ để lại sinh hoạt đảng các đảng viên thuộc nhóm thứ ba. Đội Cải cách ruộng đất lại bắt rẽ, xâu chuỗi trong nông dân nghèo khổ nhưng hăng hái nhiệt tình trong quá trình cải cách, kết nạp được 9 đảng viên mới và chỉ định đồng chí Đinh Văn Soạn (nguyên là tự vệ thành Hà Nội, thành phần dân nghèo thành thị sơ tán về Đồng Tiến) làm Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã. Từ đó, Đội thay thế Chi bộ và Ủy ban KC-HC điều hành tất cả các công việc hàng ngày trong xã.

Đối với người nông dân mà trọng tâm là bản cố nông, Đội Cải cách đến từng gia đình tìm hiểu đời sống, tâm tư nguyện vọng và chỉ rõ nguyên nhân gây ra nghèo khổ, bất công, rồi nâng đỡ động viên khuyến khích họ đấu tranh. Những người nông dân hiền lành đứng dậy mạnh mẽ, chỉ rõ những việc làm, những hành động sai trái cụ thể của từng người đã chèn ép, áp bức bóc lột họ. Vai trò của nông dân mà cụ thể là Bí thư, Phó Bí thư và Ban chấp hành Nông hội được đề cao. Những việc làm, những khuyết điểm cụ thể của từng cá nhân địa chủ, phú nông, bóc lột là có; tuy nhiên trong quá trình đấu tranh cũng có một số người lợi dụng tố cáo chưa đúng sự thật.

Khi tiến hành cải cách ruộng đất, ở xã Đồng Tiến có 608 hộ, trong đó có 500 hộ nông dân cả người cũ và người sơ tán, 108 hộ lao động khác chủ yếu là người sơ tán. Đội

Cải cách đã quy thành phần 18 người là địa chủ (chiếm 3,6% hộ nông dân), trong đó có 3 địa chủ cường hào; 26 người là phú nông (chiếm 5,2%); 6 hộ thành phần bóc lột (chiếm 1,6%); 166 hộ thành phần trung nông (chiếm 33,2%); 138 hộ bần nông (chiếm 27,6%); 126 hộ cố nông (chiếm 25,2%); 31 hộ dân nghèo (chiếm 3,44%). Tịch thu, trưng thu của địa chủ 23 mẫu 6 sào 10 thước ruộng, 8 con trâu, 3 nhà gạch, 1 nhà tre, 588 kg thóc và số ruộng của Nghị Ái để lại hàng trăm mẫu. Trưng mua của địa chủ, phú nông 68 mẫu 8 sào 2 thước ruộng; 39 con trâu bò; 2 nhà ngói; 6 nhà gỗ và 2.625 kg thóc, chia cho bần cố nông. Đây là cuộc đổi đời chưa từng có, những người nông dân nghèo khổ đã được cách mạng mang lại cho đất đai, tài sản của riêng mình. Tính từ 25 tháng 5 (là ngày bắt đầu) đến ngày 09 tháng 8 năm 1954 (là ngày họp toàn đội cải cách để tổng kết bước 3), với thời gian chưa đầy 3 tháng, giai cấp địa chủ bóc lột trong xã bị đánh sập hoàn toàn.

Tuy còn có những khuyết điểm, thậm chí có mặt nghiêm trọng, nhưng cuộc cải cách ruộng đất đã thực hiện thắng lợi chiến lược, sách lược của Đảng. Hoàn thành mục tiêu người cày có ruộng, cũng là hoàn thành tâm nguyện bao đời của người nông dân được làm chủ mảnh đất của mình.

Suốt 9 năm kháng chiến trường kỳ và gian khổ của cả dân tộc Việt Nam nói chung, Chi bộ Đảng, Chính

quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đã có những đóng góp lớn lao vào nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc. Xây dựng và củng cố Chính quyền nhân dân và các tổ chức quần chúng của Đảng ngày càng vững mạnh; trực tiếp góp phần đánh thắng 2 cuộc hành quân tàn quét của quân đội Pháp vào xã, tiêu diệt được 8 tên và bị thương một số tên khác. Nhân dân Đồng Tiến từ nhiều miền quê về hội tụ, người di cư, người sở tại, khác tôn giáo nhưng đều một lòng một dạ xây dựng quê hương chung. Không có ai theo Pháp hoặc làm việc cho Pháp như trong lời thề ngày độc lập. Trong 9 năm kháng chiến có 120 người đi dân công vận chuyển hàng từ Biên giới về Tuyên Quang. Hơn 140 người tham gia dân công Tây Bắc-Thượng Lào vừa vận chuyển tiếp đạn tải thương vừa chiến đấu theo đội hình bộ đội. Hơn 150 người đi dân công Điện Biên Phủ, tại chiến trường lịch sử này, có 4 dân công là người Đồng Tiến được tặng thưởng Huân chương Chiến công và trên 9.000 lượt người đi dân công phục vụ kháng chiến ở trong tỉnh như vận chuyển lương thực, vũ khí đạn dược, bảo đảm giao thông, xây dựng kho tàng... Có trên 170 người là trai gái Đồng Tiến nhập ngũ lên đường chiến đấu, trong đó 7 đồng chí đã hy sinh ngoài mặt trận. Chi bộ Đảng, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đã góp phần tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của quê hương thân yêu.



Môm Lầy trên sông Cầu đoạn chảy qua xóm Cậy là nơi nhân dân các xóm Bầu, Cậy, Giáng, Trám tổ chức cướp thóc Liên Đoàn của Nhật tháng 3/1945. Môm Lầy nay còn rất nhỏ và trông toàn tre.

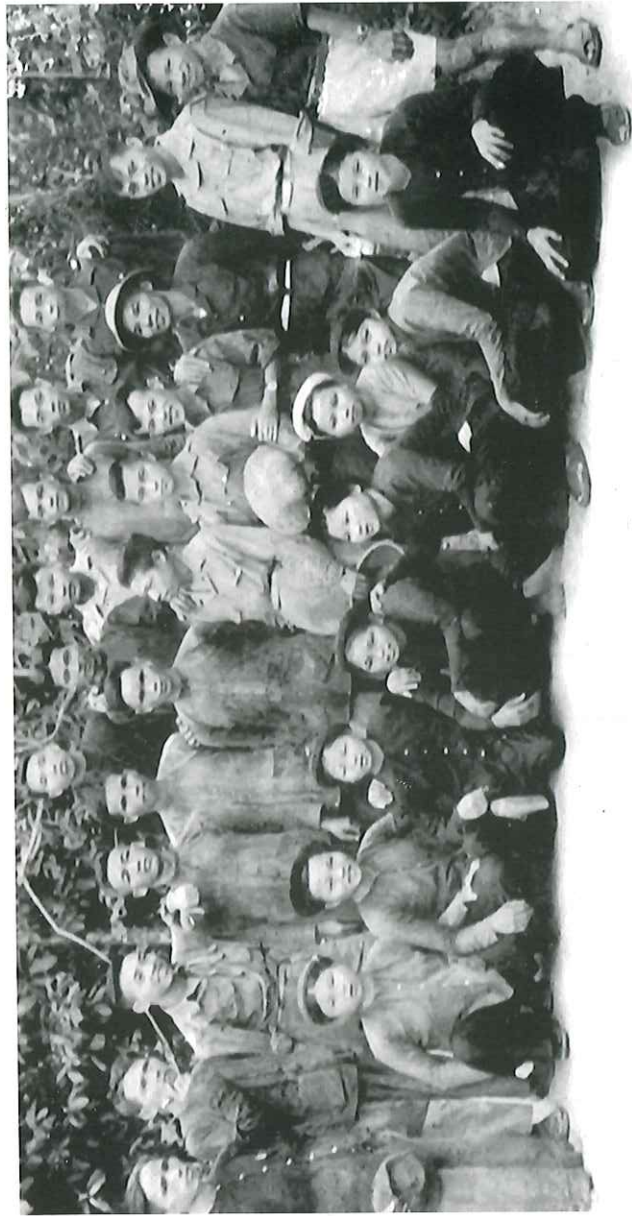
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Lãnh đạo Ủy ban kháng chiến Hành chính xã Đồng Tiến năm 1949

Từ trái qua phải: Xã đội phó Dương Trọng Kim; Văn phòng Ủy ban Chu Văn Diệu; Chủ tịch Ủy ban KC-HC Vũ Ngọc Viện; Phó Chủ tịch Nguyễn Kim Hường; Phó Bí thư chi bộ Chủ nhiệm Việt Minh Dương Văn Tuất. ảnh chụp trước cửa Chùa Kim Hoa.

Ảnh: Do ông Vũ Ngọc Thăng cung cấp



Cán bộ các ngành đoàn thể xã năm 1951

- + Hàng nữ ngồi: Đoàn Thị Chiếm, Trương Thị Như, Nguyễn Thị Khánh, Nguyễn Thị Hợp, Dương Thị Điển, ?, Nguyễn Thị Vân, Nguyễn Thị Phương.
- + Hàng nam trước: ?, Nguyễn Viết Quân, Đoàn Bá Tâm, Trần Văn Cung, Nguyễn Ngọc Hưng, Nguyễn Văn Khán, Nguyễn Văn Đạo, Nguyễn Văn Hoạt, Nguyễn Như Dụ, Tạ Văn Khuê, ?, Dương Trọng Lý.
- + Hàng nam sau: Nguyễn Văn Chuyền, ?, ?, Nguyễn Quốc Trí, ?, ?.

Ảnh: Do gia đình ông Nguyễn Quốc Trí cung cấp.

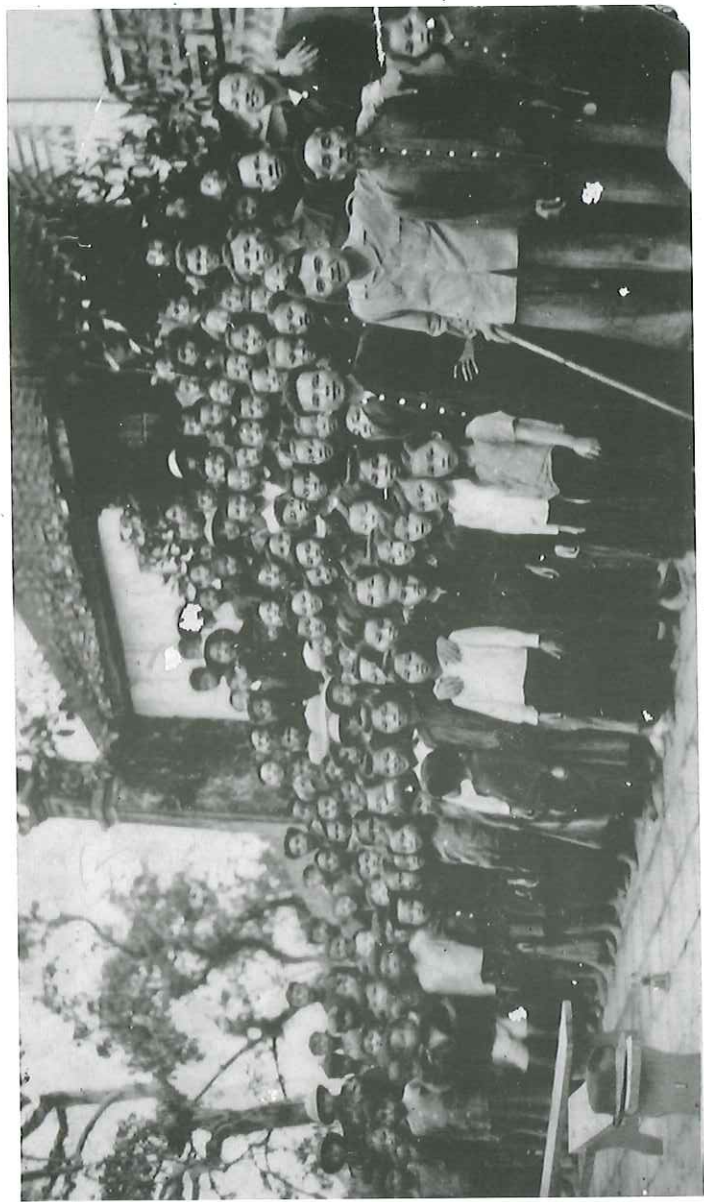


Đoàn dân công Tây Bắc- Thượng Lào hoàn thành nhiệm vụ trở về

ảnh chụp ngày 12/1/1953 tại sân nhà bà Đặng Thị Khuyển (xóm Bầu) Từ trái sang phải:

- + Hàng nữ đứng trước: Trần Thị Vương, Đào Thị Chí, Lê Thị Mậu, Đặng Thị Vàng, Nguyễn Thị Sâm, Trương Thị Như, Nguyễn Thị Ngo, Vũ Thị Chuyền, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thị Thước, ?, Nguyễn Thị Hối, ?, Đỗ Thị Phúc, Nguyễn Thị Nghiệp, Nguyễn Thị Mực, Nguyễn Thị Lan, ?.
- + Hàng nam nữ đứng sau: Trần Văn Mão, Chiến sĩ cảm tử quân Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Xuân Viên, Lê Quang át, Đỗ Ngọc, Dương Thị Phong, Thợ, Nguyễn Thị Vân.
- + Hàng ngồi: Ôn Văn Thái, Nguyễn Văn Hoat, Đặng Đình Kiên

Ảnh do đồng chí Nguyễn Văn Hoat cung cấp



Thầy giáo và học sinh trường Đồng Tiến khoá học 1950-1951 tại Đền Rắn

Người chống gậy là thầy giáo hiệu trưởng Đào Văn Bảy đang khoác vai cụ Phó Đoan.

Ảnh do ông Cao Minh Tâm cung cấp

Chương III

CHI-ĐẢNG BỘ XÃ ĐỒNG TIẾN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

1- Lãnh đạo thực hiện công tác sửa sai hoàn thành cách mạng ruộng đất, khôi phục phát triển kinh tế (1954-1960)

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết²¹⁴, dẫn đến việc tập kết quân đội và chính quyền về hai miền Nam và Bắc để hai năm sau, sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Theo hiệp định, quân đội Pháp tập kết ở Hải Phòng để đến tháng 10 năm 1955 sẽ vào hết miền Nam. Lúc này có một số người lợi dụng tôn giáo tuyên truyền, ép buộc đe dọa bà con theo đạo Công giáo “Chúa đã vào Nam, con chiến phải vào Nam theo Chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn...”. Chúng còn đe dọa “hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc” hoặc “Mỹ

²¹⁴ Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hoà bình ở Đông Dương đã được ký kết vào ngày 21/7/1954. Để làm như Thủ tướng Mendès France đã giữ đúng lời hứa với Quốc hội Pháp, nên các văn bản đều ghi ngày 20/7/1954.

sẽ ném bom san phẳng một số vùng của Thái Nguyên"...Tại xã Đồng Tiến cũng có kẻ đến xúi dục, tuyên truyền vận động, ý định cưỡng ép bà con theo đạo di cư vào Nam. Đồng thời, chúng cũng lợi dụng tình hình mất mùa và đói kém năm 1954 để lôi kéo gây ra hoang mang dao động, tạo sự mất ổn định ở địa phương. Một số người đã có biểu hiện rục rịch chuẩn bị bỏ nhà cửa, ruộng đất để di cư vào miền Nam. Chi bộ đã nhanh chóng phát hiện và báo cáo lên cấp trên, cùng với đội công tác tôn giáo của tỉnh mang tên "đội sản xuất" gồm các đồng chí Nai, Nam và Nguyễn Thị Cẩn về xã vận động bà con nhân dân nói chung và bà con theo đạo nói riêng không mắc mưu bòn xấu. Qua nhiều ngày kiên trì thuyết phục vận động của Cấp uỷ Chi bộ, các đảng viên sở tại, các quần chúng tích cực...xã Đồng Tiến không có bà con công giáo nào di cư vào Nam, không có ai bị bắt bớ ngăn chặn, đời sống vẫn ổn định.

Ở xã Đồng Tiến, cuộc cải cách ruộng đất đã kết thúc thắng lợi, Đảng đã hoàn thành mục tiêu đem lại ruộng đất cho nông dân và đang từng bước đưa nhân dân phấn đấu cho mục tiêu "no cơm ấm áo". Về tổ chức Đảng và Chính quyền, từ cuối tháng 8 năm 1954, đồng chí Cao Văn Thung được chỉ định làm Bí thư Chi bộ, kiêm Chủ tịch Uỷ ban KC-HC xã; đồng chí Trịnh Hồng Vân là Phó Bí thư Chi bộ kiêm Bí thư Nông hội (nông dân); đồng chí Nguyễn Văn Ích làm Phó Chủ tịch kiêm xã đội trưởng.

Trong 2 ngày 14 và 15 tháng 8 năm 1954, Đại hội bầu cố nông xã Đồng Tiến được tiến hành với 196 đại biểu tham dự (108 bầu nông và 88 cố nông). Đại hội tuyên bố cuộc cải cách ruộng đất tại xã Đồng Tiến hoàn thành và bầu Ban Chấp hành Nông hội do ông Trịnh Hồng Vân làm Bí thư.

Ngày 25 tháng 8 năm 1954, Đại hội Chi đoàn thanh niên Cứu quốc xã Đồng Tiến được tiến hành với sự tham dự của 72 đoàn viên, 26 thanh niên cảm tình Đoàn. Đại hội kiểm điểm, đánh giá kết quả công tác Đoàn cũng như vai trò của đoàn viên, thanh niên trong nhiệm vụ đi dân công phục vụ kháng chiến và trong cải cách ruộng đất. Đại hội tái bầu đồng chí Nguyễn Văn Chề làm Bí thư, đồng chí Vũ Văn Gián làm Phó Bí thư Chi đoàn thanh niên Cứu quốc xã.

Ngày 02 tháng 9 năm 1954, nông dân xã Đồng Tiến lại phấn khởi hơn nữa khi được Chủ tịch Ủy ban KC-HC tỉnh Thái Nguyên ký và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cải cách ruộng đất đem lại cho người nông dân quyền được sở hữu đất đai, nguồn tài sản mà thiên nhiên ban tặng công bằng cho mọi người, thứ tài sản mà mỗi con người sinh ra, đều có quyền được hưởng lợi như nhau. Vì vậy, được toàn thể nhân dân đồng lòng hưởng ứng, đồng sức thực hiện nên đã mang lại kết quả nhanh chóng. Thành công vang dội của Cải cách ruộng đất là đã hoàn

thành mục tiêu chiến lược “người cày có ruộng” mà Đảng đề ra từ khi mới thành lập.

Tuy nhiên, trong cải cách ruộng đất cũng để lại những khuyết điểm có mặt trầm trọng. Về tổ chức, các Đoàn Cải cách trực thuộc Trung ương, nên không chịu sự kiểm tra giám sát của tổ chức Đảng địa phương, vì thế vai trò của tổ chức Đảng sở tại bị coi nhẹ, những báo cáo kiến nghị, đề xuất của chi bộ và đảng viên không được xem xét nghiêm túc. Đội Cải cách gồm những cán bộ ở nơi khác đến, chưa thông hiểu tình hình địa phương, lại chỉ nghe thông tin một chiều từ các quần chúng mới gặp, nên những nhận xét đánh giá và kết luận không đầy đủ, thiếu khách quan. Để hoàn thành được tỷ lệ 5% số hộ là địa chủ ở mỗi làng, mỗi xóm và cả xã, Đội Cải cách đã chỉ đạo quy chụp gò ép, cố cho đủ chỉ tiêu²¹⁵, nên đã gây ra oan sai cho một số gia đình.

Những khuyết điểm và sai lầm trong cải cách ruộng đất đã gây tổn thất cho Đảng, đòi hỏi Đảng phải nhanh chóng khắc phục sửa chữa ngay. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (tháng 9 năm 1956) khẳng định: “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”. Tháng 11 năm 1956, Ban Chấp hành Trung ương lại chỉ thị cho các địa phương:

²¹⁵ Theo báo cáo cũng chỉ đạt được 3,6%, nhưng thực tế còn có thể thấp hơn báo cáo

“Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”.

Ngày 17 tháng 12 năm 1956, Đội sửa sai của huyện do đồng chí Sơn-Huyện uỷ viên phụ trách và đồng chí Sở²¹⁶ làm nhiệm vụ kiểm tra, cùng các đồng chí Hạp, Bỏ về xã làm việc. Đội đã kết hợp chặt chẽ với Chi uỷ Chi bộ trong mọi công tác, định kỳ cứ 5 ngày một lần báo cáo toàn bộ tình hình sửa sai về thường trực Miền²¹⁷. Quá trình sửa sai được chia làm 3 bước tuần tự; bước 1: chỉnh đốn tổ chức, trọng tâm là củng cố Chi bộ; bước 2: rà soát kiểm tra việc quy thành phần trong cải cách ruộng đất, xét hạ thành phần cho những người bị oan sai; bước 3: khôi phục danh dự, giải quyết đền bù bồi thường kinh tế cho những người bị oan sai.

Sau khi xem xét lại toàn bộ diễn biến cuộc cải cách ruộng đất và tình hình thực tế của xã, nhận thấy việc quy thành phần theo tỷ lệ phần trăm là không sát thực. Đối với các đảng viên có gia đình bị quy thành phần là bóc lột, địa chủ, phú nông trong cải cách ruộng đất; số các đảng viên bị khai trừ hoặc đình chỉ sinh hoạt đảng, Đội Cải cách đều có sai sót thậm chí vi phạm nguyên tắc.

²¹⁶ Trong Hồ sơ lưu trữ, các đồng chí cán bộ sửa sai về Đồng Tiến chỉ ghi tên, không thấy ghi họ.

²¹⁷ Trong thời gian sửa sai, huyện Đồng Hỷ chia thành 5 miền; xã Đồng Tiến ở Miền 5 cùng các xã Túc Duyên, Đồng Quang, Gia Sàng.

Trước hết, Đội cùng Chi bộ tổ chức học tập chính sách sửa sai của Đảng, Chính phủ để ổn định tư tưởng đảng viên; xây dựng mối đoàn kết chặt chẽ giữa đảng viên cũ và mới để tạo nên sức mạnh của Chi bộ. Sau khi xem xét một cách khách quan toàn diện, Cấp uỷ Chi bộ đã đề nghị cấp trên từng bước phục hồi đảng tịch và trả lại chức vụ cũ cho 12 đảng viên bị khai trừ trong cải cách ruộng đất. Cụ thể ngày 12 tháng 01 năm 1957, Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã ra Quyết định số 58-NQ/TN “phục hồi đảng tịch, được tính tuổi đảng khi bị đình chỉ sinh hoạt và phục hồi chức vụ Phó Bí thư Chi bộ cho đồng chí Nguyễn Ngọc Hình”. Tiếp đó, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ lại ký các Quyết định số 88-NQ/TN, ngày 19 tháng 01 năm 1957 và Quyết định số 229-NQ/TN, ngày 23 tháng 3 năm 1957, phục hồi đảng tịch cho 2 đồng chí Lê Quang Vinh và Tạ Văn Dương. Đến ngày 20 tháng 4 năm 1957, lại ký tiếp Quyết định số 252-QT/TN, bổ sung đồng chí Tạ Văn Dương và Lê Quang Vinh là Chi uỷ cũ vào Chi uỷ Chi bộ xã Đồng Tiến... và Quyết định số 404-NQ/TN, ngày 11 tháng 8 năm 1957, khôi phục đảng tịch cho đồng chí Lưu Đức Lợi...

Chi bộ mở đợt sinh hoạt tư tưởng, làm cho mỗi đảng viên thông suốt tình hình, để hiểu và thông cảm với những sai lầm khuyết điểm là do ấu trĩ tả khuynh, để cùng nhau thống nhất chủ trương hành động; phải coi lãnh đạo công tác sửa sai là nhiệm vụ trọng tâm đợt xuất

của Chi bộ, Chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể trong xã. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hình được phục hồi đảng tịch, trả lại chức vụ Phó Bí thư và tháng 2 năm 1957, được giao nhiệm vụ Bí thư Chi bộ; đã khẩn trương cùng Chi uỷ Chi bộ, cán bộ cấp trên xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sửa sai, bám sát mọi diễn biến tình hình và có các biện pháp giải quyết hiệu quả kịp thời.

Qua điều tra xác minh, Chi uỷ Chi bộ nhận thấy các trường hợp bị quy thành phần địa chủ, phú nông, bóc lột chỉ đúng một phần rất nhỏ ở từng hộ. Trong kháng chiến, các gia đình này đều hết lòng nuôi dưỡng cán bộ, cứu mạng, che chở, sẻ chia cùng bà con nhân dân ở vùng địch hậu sơ tán về Đồng Tiến, nên những kết luận trước đây là chưa thấu đáo. Thận trọng, công tâm, chắc chắn từng bước, Chi uỷ Chi bộ và Uỷ ban Hành chính (UBHC) xã đã đề nghị sửa hạ thành phần cho số người trước đó bị quy là địa chủ, phú nông, bóc lột. Trong 3 ngày từ 26 đến 28 tháng 7 năm 1957, Chủ tịch UBHC tỉnh Thái Nguyên đã ký các Quyết định từ số 725-NC đến 768-NC, hạ thành phần cho 44 hộ thuộc xã Đồng Tiến bị quy sai trong cải cách ruộng đất. Cụ thể hạ thành phần từ địa chủ xuống trung nông cho 11 hộ²¹⁸; hạ thành phần từ địa chủ kiêm

²¹⁸ Tại các Quyết định từ số 725 đến số 730-NC ngày 26/6/1957, là các hộ ông (bà) Trần Văn Trạch, Dương Trọng Lý, Dương Trọng Nghĩa, Trần Văn Nhị, Đặng Đình Khuê, Dương Đức Trạch. Các Quyết định từ số 731 đến số 735-NC ngày 27/6/1957, là các hộ ông (bà) Dương Văn Tuất, Dương Trọng Hữu, Dương Trọng Hướng, Nguyễn Thị Vịnh, Nguyễn Thị Ngũ

công thương xuống thành phần công thương cho 1 hộ²¹⁹; hạ thành phần địa chủ xuống thành phần quản lý cho 1 hộ²²⁰; hạ thành phần từ địa chủ xuống phú nông cho 1 hộ²²¹. Hạ thành phần phú nông xuống trung nông cho 24 hộ²²²; hạ từ thành phần bóc lột xuống trung nông cho 5 hộ²²³; hạ từ thành phần bóc lột xuống thành phần viên chức cho 1 hộ²²⁴. Tiếp theo, ngày 08 tháng 7 năm 1957, Chủ tịch UBHC tỉnh lại ký Quyết định 635-NC hạ thành phần từ địa chủ xuống phú nông cho 1 hộ²²⁵ - là hộ thứ 45 được sửa hạ thành phần đợt 1. Các quyết định cũng quy định các hộ được sửa sai hạ thành phần “được hưởng mọi quyền lợi chính trị theo thành phần mới của mình”²²⁶. Như vậy, đến hết tháng 7 năm 1954, toàn xã chỉ còn lại 8 hộ chưa được hạ thành phần xuống trung nông. Cụ

²¹⁹ Tại Quyết định số 766-NC ngày 28/6/1957, là hộ ông Nguyễn Thiên Tân.

²²⁰ Tại Quyết định số 767-NC ngày 28/6/1957, là hộ ông Hoàng Đình Ba.

²²¹ Tại Quyết định số 768-NC ngày 28/6/1957, là hộ ông Nguyễn Văn Cầu.

²²² Tại các Quyết định từ số 736 đến số 748-NC ngày 27/6/1957, là các hộ ông (bà) Dương Trọng Gia, Trần Văn Ngà, Nguyễn Hữu Thu, Nguyễn Thị Ước, Ngô Văn Đĩnh, Nguyễn Văn Khoát, Đoàn Thị Chung, Dương Đức Uyên, Dương Thị Vân, Nguyễn Thị Quy, Đặng Thị Tuấn, Dương Trọng Kim, Lê Quang Phương. Tại các Quyết định từ số 749 đến số 759-NC ngày 28/6/1957, là các hộ ông (bà) Nguyễn Công Chức, Nguyễn Văn Thảo, Dương Văn Dấu, Trần Văn Thi, Nguyễn Văn Cư, Nguyễn Văn Thung, Trần Gia Huân, Đặng Đình Kien, Dương Văn Hét, Nguyễn Văn Thời, Đoàn Bá Huê.

²²³ Tại các Quyết định từ số 760 đến số 764-NC ngày 28/6/1957, là các hộ ông (bà): Nguyễn Văn Bàng, Dương Đức Giản, Dương Thị Nhuận, Nguyễn Thị Lục, Ngô Thị Phú.

²²⁴ Tại Quyết định số 765-NC ngày 28/6/1957, là hộ ông Lưu Đức Lợi.

²²⁵ Tại Quyết định số 635-NC ngày 08/7/1957, là hộ ông Vũ Ngọc Viện.

²²⁶ Trích điều 2 trong quyết định sửa thành phần. Các quyết định trên lưu tại phòng số 1; hộp số 116; ĐVBQ số 1273 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

thể có 5 hộ chưa được hạ thành phần đợt đầu, 2 hộ đã được hạ thành phần từ địa chủ xuống phú nông, 1 hộ đã được hạ từ thành phần địa chủ xuống thành phần quản lý.

Ngày 10 tháng 7 năm 1957, xã Đồng Tiến tổ chức Đại hội Nông dân để tập trung quán triệt bước 3 của công tác sửa sai; Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới do đồng chí Trịnh Hồng Vân làm Bí thư. Sau đại hội, xã tổ chức học tập và lên phương án trả lại hoặc đền bù các tài sản đã bị tịch thu, trưng thu, trưng mua cho những gia đình được hạ thành phần. Nhưng do thời gian đã qua hơn 2 năm, số tài sản này đã bị sử dụng, bán, đổi, sang nhượng... nên không có khả năng trả lại ngay được, vì vậy Cấp uỷ, Chính quyền vận động bà con thông cảm giúp đỡ bằng cách ủng hộ một phần tài sản đã bị sử dụng. Tin tưởng vào Đảng và Chính phủ của nhân dân đã dám nhận sai lầm, dám sửa chữa và kiên quyết sửa chữa sai lầm khuyết điểm để trả lại sự trong sạch cho mình, nên đa số bà con nhân dân đều tạo điều kiện cho Chính quyền. Cụ thể đợt 1 có 11 hộ được hạ thành phần từ phú nông xuống trung nông, đã ủng hộ không nhận đền bù 9 mẫu 9 sào 2 thước ruộng và 0,5 con trâu trị giá bằng 942.225 đồng. Đợt 2, có 12 hộ chủ yếu là các hộ từ địa chủ hạ xuống thành phần trung nông ủng hộ không nhận đền bù 4 mẫu 4 sào ruộng và 25 con trâu, bò (trong đó ông Dương Văn Tuất, nguyên Chủ tịch uỷ ban KC-HC xã ủng hộ 9 con trâu, bò; ông

Trần Văn Nhị ủng hộ 5 con; ông Dương Trọng Nghĩa ủng hộ 4 con; ông Dương Đức Trạch ủng hộ 3 con; bà Nguyễn Thị Vịnh ủng hộ 2 con; ông Dương Trọng Hướng và bà Nguyễn Thị Ngữ mỗi gia đình ủng hộ 1 con). Chính phủ còn phải đền bù 13 mẫu 0 sào 6 thước ruộng và 13,5 con trâu bò cho các hộ nông dân bị tịch thu tài sản; thời hạn đền bù trong 5 năm. Kế hoạch đền bù chi tiết cho từng năm là: năm 1958, đền bù hết 2.118,5 kg thóc và 1.103.225 đồng; từ năm 1959 đến 1962, mỗi năm đền bù 1.891,81 kg thóc và 161.000 đồng; cuối cùng là năm 1963 còn trả 3.830, 81 kg thóc²²⁷ cho một số hộ. Số thóc và tiền này Nhà nước thanh toán trả lại cho bà con từ năm 1958 đến 1962 và thực tế các hộ gia đình được thực nhận lại đều đặn hàng năm²²⁸. Đến ngày 16 tháng 7 năm 1958, Ủy ban Hành chính xã tiếp tục đề nghị, được Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ ký duyệt hạ tiếp thành phần cho 7 hộ xuống thành phần trung nông đợt 2²²⁹. Như vậy, 100% số hộ

²²⁷ Báo cáo ngày 16/7/1958 của UBHC xã Đồng Tiến do đồng chí Lê Quang Vinh ký; duyệt của UBHC tỉnh Thái Nguyên do Phó Chủ tịch Chu Quốc Hưng ký; bản lưu tại Phòng số 1; hộp 120; ĐVBQ số 1304 tại Chi cục Văn thư Lưu trữ Thái Nguyên.

²²⁸ Ví dụ: Đơn của ông Trần Văn Nhị 74 tuổi ở xóm Sộp viết ngày 15/11/1961: “số ruộng đất 2m 1s 9th thành 1.056 kg thóc; trâu bò 1,5 con thành 105 đồng. Đã được Nhà nước trả 3 năm, nay do tuổi cao sức yếu, xin nhận nốt 2 năm”. Bản lưu tại Phòng số 1; Hộp 118; ĐVBQ 1287 tại Chi cục Văn thư Lưu trữ Thái Nguyên.

²²⁹ Các hộ được hạ thành phần đợt 2: từ Địa chủ xuống Trung nông gồm các ông (bà) Đặng Thị Khuyến, Nguyễn Thị Tý. Hạ từ Phú nông xuống Trung nông gồm các hộ ông (bà): Vũ Ngọc Viện, Nguyễn Văn Cầu, Vũ Ngọc Cư, Nguyễn Văn Thông. Hạ từ thành phần Quản lý xuống Trung nông cho ông Hoàng Đình Ba. Không hạ 1 hộ Ngô Thị Kim, nhưng đã hạ thành phần và khôi phục đảng tịch cho ông Lưu Đức Lợi là chồng bà Kim.

nông dân thuộc xã Đồng Tiến bị quy các thành phần từ địa chủ, phú nông, bóc lột đều được chính quyền nhân dân xét hạ thành phần xuống trung nông.

Hơn một năm bền bỉ, vừa tuyên truyền vận động nhân dân, vừa khắc phục các sai lầm khuyết điểm do Đội cải cách để lại, công việc sửa sai trong Cải cách ruộng đất ở xã Đồng Tiến đã hoàn thành.

Những thành tựu của cuộc cải cách ruộng đất mang lại cho nhân dân là vô cùng to lớn, làm cho nông dân trở thành người chủ thực sự trên mỗi mảnh đất thửa ruộng. Được Đảng giải phóng khỏi áp bức bất công, người nông dân trở thành một lực lượng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng. Trước những sai lầm khuyết điểm trong cải cách ruộng đất gây oan sai cho nhân dân và gây tổn thất cho Đảng, nhưng Đảng đã nghiêm túc thẳng thắn thừa nhận, kiên quyết sửa chữa và sửa chữa có hiệu quả, đã tạo được niềm tin vững chắc cho nhân dân. Tuy vẫn còn những băn khoăn, nhưng với tấm lòng son sắt của người nông dân cách mạng, không may bị hàm oan, nay được phục hồi danh dự, bà con nông dân Đồng Tiến vẫn thủy chung son sắt một lòng một dạ theo sự lãnh đạo Đảng và Chính phủ. Bản thân Bí thư chi bộ Nguyễn Ngọc Hình và các đồng chí Chi uỷ viên, các đồng chí đảng viên đã nhận phục hồi Đảng tịch là tấm gương về việc không ngại khó, ngại khổ

để thực hiện tốt “nhiệm vụ trọng tâm đột xuất là sửa sai”. Ngày 16 tháng 11 năm 1957, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tỉnh Thái Nguyên ra Nghị quyết số 01/NQ-TU khen Chi bộ Đồng Tiến và đồng chí Bí thư chi bộ Nguyễn Ngọc Hình vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sửa sai trong Cải cách ruộng đất. Đến ngày 05 tháng 8 năm 1958, công tác sửa sai ở xã Đồng Tiến đã hoàn thành.

Ngày 02 tháng 11 năm 1958, Chi bộ xã Đồng Tiến tổ chức Đại hội đảng viên lần đầu kể từ ngày chia xã để đề ra chủ trương biện pháp lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ và bầu Chi uỷ mới. Đại hội thẳng thắn đánh giá ưu khuyết điểm trong thời gian qua, đặc biệt là trong giai đoạn cải cách ruộng đất và trong sửa sai; những thành tựu là rất to lớn và cơ bản, tạo bước ngoặt lịch sử trong đời sống của người nông dân, đưa nông dân từ người làm thuê trở thành những người làm chủ thực sự đất đai; những khuyết điểm có mặt nghiêm trọng đã được Đảng, Chính quyền kiên quyết sửa chữa khắc phục và đã khắc phục có hiệu quả. Đại hội bầu Chi uỷ gồm 7 đồng chí do đồng chí Nguyễn Ngọc Hình làm Bí thư, đồng chí Cao Văn Thung làm Phó Bí thư, đồng chí Tạ Văn Đường làm Thường vụ chi uỷ²³⁰; các đồng chí Cao Văn Kỳ, Nguyễn Văn Ích, Trần

²³⁰ Theo Nghị quyết số 317-NQ/TN ngày 29/11/1958 do đồng chí Phan Văn Tình, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Nguyên ký, về việc công nhận Chi uỷ Chi bộ xã Đồng Tiến, huyện Đồng Hỷ.

Văn Tam²³¹, Nguyễn Kim Tư được bầu làm Chi uỷ viên, để lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội trong thời kỳ khôi phục sản xuất phát triển kinh tế và thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958-1960).

Trong 9 năm chống Pháp, tỉnh Thái Nguyên nói chung và xã Đồng Tiến nói riêng là vùng an toàn nằm trong chiến khu, thủ đô kháng chiến của cả nước. Vì vậy, nhân dân các thành phố, thị xã, các tỉnh bạn như Hà Nội, Hà Đông, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương...sơ tán về rất đông. Theo thống kê chưa đầy đủ, lúc cao nhất toàn xã có trên 200²³² hộ là đồng bào sơ tán, chỉ riêng phố Hợp Tiến đã có gần 120 hộ, chủ yếu làm nghề buôn bán, kinh doanh; ngoài ra còn có một số hộ làm nông nghiệp sinh sống rải rác trong các xóm. Đồng thời còn có các cơ quan dân chính đảng, trường học, bệnh viện, kho tàng, các xưởng trạm, các đơn vị quân đội... cũng sơ tán về đứng chân tại xã; vì vậy xã Đồng Tiến tuy luôn phải sẵn sàng chiến đấu nhưng vẫn có nét sầm uất của vùng buôn bán. Các hàng quán từ đò Huống đến đóc Dện, phố Hợp Tiến, bến đò Sông Đào, bến đò Huống Trung luôn có người mua người bán qua lại. Nay hoà bình, hầu hết bà con trở

²³¹ Đồng chí Trần Văn Tam người xóm Sộp.

²³² Không kể số bà con sơ tán về thôn Linh Nham.

về quê cũ làm ăn²³³ để lại một khoảng trống vắng chưa thể khắc phục một sớm một chiều. Cấp uỷ Chi bộ cùng Chính quyền xã khẩn trương lãnh đạo nhân dân nhanh chóng ổn định sản xuất. Những thửa ruộng do bà con về quê để lại được giao cho những hộ có nhu cầu, phần đất không để ruộng đất hoang hóa do không có người canh tác.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về chính sách chăm sóc thương binh liệt sĩ, Chi uỷ Chi bộ, UBHC quy tập phần mộ của bộ đội và du kích hy sinh tại xã, tập trung thành nghĩa trang tại phía nam phố Văn Chi²³⁴, đến năm 1961 lại tổ chức bốc, di dời và xây dựng mới Nghĩa trang liệt sĩ gò Núi Thi²³⁵. Từ năm 1952 xã tổ chức đón 6 đồng chí thương binh²³⁶ ở các chiến trường về địa phương chăm sóc, bố trí công việc cho anh em và gia đình. Các đồng chí tuy mang thương tật, sức khoẻ có hạn nhưng không ngừng phấn đấu vươn lên, tham gia tích cực vào các hoạt động trên quê hương mới.

²³³ Theo báo cáo lúc cải cách tháng 5/1954, cả xã có 108 hộ ngành nghề khác và hàng trăm hộ nông nghiệp di sơ tán theo kháng chiến về xã. Trước đó chỉ riêng phố Hợp Tiến đã có gần 120 hộ, nhưng đến 1957 chỉ còn hơn 20 hộ.

²³⁴ Tại phần đất nay là gò nhà ông Nguyễn Tài Nguyên, phía gần gò Lan Đình. Các Liệt sỹ đưa vào nghĩa trang chủ yếu là bộ đội hy sinh tại xã và thương binh hy sinh tại các cơ sở điều trị đóng tại xã.

²³⁵ Cạnh nghĩa trang Liệt sĩ của xã hiện nay về phía bắc sườn đồi khoảng 30 mét.

²³⁶ Là các đồng chí An Duy Hợp (về xóm Cậy); Nguyễn Thanh Cáp (về xóm Hóc); Lương Văn Còi (về Huống Trung); Nguyễn Văn Tước (về xóm Già); Lê Viết Nhụy và Lê Quang Tá (về xóm Sộp). Còn các đồng chí thương binh khác ở trại thương binh đóng trong xã ở lại xây dựng gia đình.

Chi bộ, UBHC xã lãnh đạo, chỉ đạo tập trung cả 3 phân trường phổ thông về một đầu mối. Thầy giáo Hiệu trưởng Nguyễn Văn Thụ cùng với Hội đồng nhà trường vận động phụ huynh học sinh tháo dỡ lớp học ở các xóm, chuyển về xây dựng xung quanh chùa Kim Hoa. Từ các lớp học phân tán, nay đã được tập trung về một địa điểm, tuy cơ sở vật chất còn nghèo nàn, nhà tranh vách đất, nhưng việc dạy và học được dễ dàng thuận lợi. Đến năm 1960 chùa Kim Hoa chính thức được Ban Mặt trận của xã cho phép sử dụng làm trường học, lại được Sư thầy Đàm Thị Hinh²³⁷ ủng hộ xây dựng cho nhà trường một lớp học. Trường phổ thông xã Đồng Tiến ban đầu chỉ có các lớp cấp I (từ lớp 1 đến lớp 4) và 2 lớp cấp II (lớp 5 và lớp 6) gọi là “lớp nhô” tạm đủ chỗ cho con em nhân dân trong xã và các xã lân cận đến theo học.

Sau khi hoà bình các cơ sở quân, dân y rút đi, tạo ra cho xã Đồng Tiến một khoảng trống về y tế. Lần đầu tiên Ban Y tế phải độc lập trong công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nên gặp rất nhiều khó khăn do thiếu cơ sở vật chất và yếu về chuyên môn. Xã đã gửi người đi học lớp vệ sinh viên, lớp nữ hộ sinh...do

²³⁷ Khi còn là Sư thầy, nhà sư vẫn mang tên Đàm Thị Hinh. Khi là Nữ trưởng mới gọi là Thích Đàm Hinh.

Tỉnh và Khu²³⁸ mở để về địa phương làm nhiệm vụ hướng dẫn nhân dân vệ sinh phòng bệnh, sơ cứu ban đầu. Những trường hợp bệnh nặng hơn được gửi lên Bệnh xá tỉnh hoặc Bệnh viện Khu tự trị Việt Bắc tại thị xã Thái Nguyên. Trước nhu cầu khám chữa bệnh tại chỗ của nhân dân trong xã ngày một tăng, căn cứ vào Thông tư số 414 YT/TT ngày 02 tháng 5 năm 1958 và Thông tư số 21/BYT-TT ngày 29 tháng 7 năm 1959, của Bộ Y tế và Công văn số 365 P/B của Sở Y tế Khu tự trị Việt Bắc về xây dựng trạm y tế dân lập ở xã; tháng 02 năm 1960, đã tiến hành giải thể Ban Y tế để thành lập Trạm xá dân lập xã Đồng Tiến. Chi bộ, Chính quyền vận động nhân dân di dời nhà ở, nhường đất trung tâm xã để đặt trạm và thành lập Ban bảo trợ y tế xã gồm 3 người (1 Trưởng ban, 1 Phó ban và 1 thư ký). Ban Bảo trợ y tế là những người tích cực, có uy tín, tự nguyện giúp đỡ và vận động nhân dân tham gia xây dựng trạm xá, nhà hộ sinh; xây dựng tủ thuốc xã và túi thuốc xóm²³⁹; lập quỹ dân lập y tế. Về túi thuốc xóm, mỗi xóm có một vệ sinh viên quản lý số thuốc dùng để sơ cứu ban đầu cho nhân dân, các vệ sinh viên tạo thành mạng lưới y tế

²³⁸ Cách gọi tắt thời bấy giờ, đúng ra phải gọi đầy đủ là Sở Y tế Khu tự trị Việt Bắc.

²³⁹ Tủ thuốc xóm là hình thức mỗi xóm có một cơ sở thuốc dùng cho sơ cứu ban đầu do các vệ sinh viên giữ tại mỗi xóm. Vệ sinh viên có chức năng như Y tế thôn bản sau này, là cầu nối giữa các hộ dân với trạm Y tế.

nổi từ xã đến hộ gia đình. Do cán bộ nhân viên của Trạm Y tế chỉ được hỗ trợ 50% thù lao từ ngân sách địa phương, phần còn lại do nhân dân trong xã đóng góp theo đầu gia đình được gọi là Quỹ dân lập y tế; ở xã Đồng Tiến, quỹ được lập bằng cách mỗi hộ một năm góp một công lao động có giá trị tương đương 8 hào đến một đồng²⁴⁰. Trạm xá xã Đồng Tiến khi thành lập có 2 người là y tá Trạm trưởng Đặng Đình Trụ, hưởng thù lao 30 đồng/tháng và nữ hộ sinh Nguyễn Thị Khẩn, hưởng thù lao là 28 đồng/tháng; trạm đã có nhiều cố gắng đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Vì vậy, trong đánh giá tình hình xây dựng trạm y tế dân lập năm 1960 và 1961, Trạm xá xã Đồng Tiến được UBHC tỉnh Thái Nguyên biểu dương trong toàn tỉnh²⁴¹.

Đồng thời với việc đưa trường học về trung tâm xã và xây dựng Trạm Y tế dân lập, Ủy ban Hành chính dành phần đất ở phía đông khu Văn Chỉ để xây dựng sân thi đấu bóng đá bóng chuyền, giao cho Chi đoàn thanh niên quản lý, tổ chức luyện tập, thi đấu giữa các xóm và các chi đoàn bạn. Phong trào văn hoá thể thao của xã thật sự sôi

²⁴⁰ Thời kỳ này giá gạo 0,33 đồng/1 kg.

²⁴¹ Tại công văn số: 2028 VX ngày 07/10/1961 do đồng chí Lê Đình Nhậm, phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên ký.

nổi, góp phần thiết thực vào xây dựng văn hoá mới của nhân dân.

Chấp hành lệnh của trên về điều động nhân lực đi sửa chữa các công trình thủy lợi bị tàn phá trong chiến tranh, Ủy ban Hành chính xã điều trung đội du kích đi khôi phục đập Thác Huống và cử đồng chí Trần Văn Tam (xóm Cây) làm Trung đội trưởng²⁴². Xác định tốt nhiệm vụ, với tinh thần trách nhiệm cao, anh chị em dân công chỉ với dụng cụ thô sơ, trang phục mỏng manh giữa những ngày giá lạnh, nhưng mọi người đều lao động hết mình để hoàn thành khối lượng công việc được giao. Một vinh dự cho anh chị em dân công trên công trường, ngày 25 tháng 01 năm 1955 Bác Hồ về thăm, động viên cán bộ, bộ đội và dân công nhân ngày đầu xuân, Người đã dành thời gian nói chuyện động viên và ngợi khen các chiến sĩ là lao động xuất sắc. Đồng chí Ngô Thị Tính, chiến sĩ du kích-dân công xã Đồng Tiến và nữ đồng chí Bê (Bắc Ninh) vinh dự được thay mặt anh chị em trên công trường báo cáo với Bác những thành tích mà đơn vị đã đạt được. Nói chuyện với cán bộ, bộ đội và dân công Bác căn dặn: "...phải thi đua làm nhanh, làm tốt và tiết kiệm để đồng

²⁴² Khi Ban chỉ huy công trường điều đồng chí Tam làm công tác đo đạc. Chi bộ cử đồng chí Lê Quang Trà, Chi uỷ viên làm Trung đội trưởng. Khi đồng chí Trà mắc khuyết điểm đồng chí Nguyễn Văn Tước phụ trách trung đội.

bào nông dân nhanh chóng có đủ nước cấy, mức sản xuất được nâng cao thì đời sống mọi người sẽ được ấm no hơn...phải thực hiện đoàn kết, phải coi trọng xây dựng hợp tác nông nghiệp, chống lối làm ăn riêng lẻ,...phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở”²⁴³. Phấn khởi, vinh dự và tự hào, anh chị em dân công Đồng Tiến nói chung và cá nhân đồng chí Ngô Thị Tính nói riêng đã luôn khắc ghi lời dạy của Bác²⁴⁴, lao động hết sức mình, hoàn thành công việc đúng tiến độ.

Từ ngày 14 tháng 6 năm 1956, xã tổ chức cho nhân dân học tập mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Từ ngày 18 đến 23 tháng 6 năm 1956 cùng với nhân dân 6 tỉnh Việt Bắc, nhân dân xã Đồng Tiến đã góp phần vào thành công của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân Khu. Ngay trong nhiệm kỳ khoá I của Khu, tỉnh Thái Nguyên có 54 ứng cử viên đại diện cho 6 huyện thị²⁴⁵, riêng xã Đồng Tiến có 2 ứng cử viên là Đỗ Văn Như và Nguyễn Thị Tứ²⁴⁶. Kết quả bầu cử, xã Đồng

²⁴³ Theo Lịch sử Công an huyện Đồng Hỷ, trang 100, 101.

²⁴⁴ Đồng chí Ngô Thị Tính luôn khắc ghi lời Bác dạy, luôn phấn đấu vươn lên. Đồng chí là 1 trong 425 đại biểu chính thức dự Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ 2 từ ngày 26 đến 31/5/1956 tại hội trường Ba Đình.

²⁴⁵ Theo Sắc lệnh số: 268/SL ngày 1/7/1956 thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, đã cắt huyện Phổ Yên về Vĩnh Phúc, huyện Phú Bình về Bắc Giang. Ngày 15/6/1957 huyện Phổ Yên và Phú Bình lại trở về Thái Nguyên.

²⁴⁶ Hồ sơ lưu trữ ghi nhầm là họ Nguyễn. Đúng tên của ứng cử viên này là Đỗ Thị Tứ.

Tiến có ông Đỗ Văn Như (tức Khay) là chiến sĩ nông nghiệp, và là 1 trong 4 đại biểu đại diện cho nhân dân huyện Đồng Hỷ trúng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân Khu tự trị Việt Bắc khoá I.

Đến tháng 10 năm 1957, toàn xã có 462 hộ gia đình với 2.341 khẩu ở trong 9 xóm²⁴⁷ và 1 phố Hợp Tiến, có diện tích đất trồng lúa là 1.047 mẫu 3 sào 13 thước, tính trung bình mỗi nhân khẩu có 4 sào ruộng; hình thức sản xuất vẫn chủ yếu là các gia đình cá thể. Trước đó, từ năm 1953 - 1954 toàn xã đã có 13 tổ đổi công ở các xóm, nhưng trải qua cải cách ruộng đất và thời kỳ đầu hoà bình, hoạt động đổi công giảm sút, một số tổ bị vỡ hoặc đang đứng trước nguy cơ tan rã; chỉ còn lại 3 tổ vẫn hoạt động nhưng cũng làm không có hiệu quả. Trước tình hình trên, Cấp uỷ, Ủy ban tập trung tuyên truyền, vận động bà con tiếp tục thực hiện đổi công giúp đỡ nhau theo khu vực, theo từng chòm trong các xóm. Qua một thời gian kiên trì vận động, các tổ đổi công đã hoạt động đều trở lại, việc hỗ trợ giúp đỡ nhau trong tổ đã có tiến bộ. Kết quả là sản lượng thóc năm 1957 thu được 622.309 kg, đạt trung bình một năm 265 kg/khẩu, quy định nộp thuế cho Nhà nước 67.710 kg/

²⁴⁷ Gồm các xóm Bầu, Cây, Đảng, Già, Huống Trung, Hóc, Sộp và Trám. Thời kỳ này xóm Đảng gồm phần đất xóm Đảng và xóm Gò Chè hiện nay.

năm, xã đều hoàn thành kịp thời, nhanh gọn²⁴⁸. Tiêu biểu có tổ đổi công của xóm Trám do đồng chí Nguyễn Thị Cân làm tổ trưởng đạt thành tích tốt nhất, vì vậy ngày 01 tháng 5 năm 1958, Tổ được Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ tặng Giấy khen.

Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, các tổ đổi công cũng dần dần bộc lộ những bất cập hạn chế, cần thiết phải có hình thức làm ăn tập thể cao hơn và cũng để thực hiện nhiệm vụ “đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp” theo kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960) tại địa phương. Xã thành lập Ban công tác Nông thôn và cử đồng chí Tạ Văn Dương, Thường vụ Chi ủy, Phó Chủ tịch UBHC xã làm Trưởng ban. Ban công tác Nông thôn tích cực vận động nông dân chuẩn bị các yếu tố để xây dựng hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, nhằm củng cố hoàn thiện lối làm ăn tập thể. Đầu năm 1959, Chi ủy, UBHC và Ban Công tác nông thôn xây dựng thí điểm 3 HTX nông nghiệp là các HTX Gò Chè (xóm Đảng), HTX Cường Thịnh (xóm Bầu) và HTX Phú Tiến (xóm Trám). HTX nông nghiệp Gò Chè thành lập đầu tiên, gồm 28²⁴⁹ hộ nông dân xóm Đảng do

²⁴⁸Các số liệu nông nghiệp này do đồng chí Ngô Văn Hào (Hướng Trung), nguyên cán bộ Ban thống kê xã, nguyên Bí thư Đảng ủy xã cung cấp.

²⁴⁹Theo đồng chí Cao Xuân Mai là kế toán đầu tiên của HTX Gò Chè: “HTX Gò Chè thành lập tháng 3/1959 là HTX Nông nghiệp đầu tiên của xã; khi thành lập gồm có 16 hộ”, còn ở trong các báo cáo lưu là 28 hộ.

đồng chí Đinh Thuần Huyền làm Chủ nhiệm. Tiếp theo, xã chỉ đạo thành lập đồng thời 2 HTX nông nghiệp là Cường Thịnh và Phú Tiến; HTX nông nghiệp Cường Thịnh (xóm Bầu) do đồng chí Dương Văn Liên làm Chủ nhiệm; HTX nông nghiệp Phú Tiến (xóm Trám) do đồng chí Lê Quang Ngọ làm Chủ nhiệm. Đến cuối 1959, toàn xã có 3 HTX nông nghiệp với tổng cộng 96 hộ nông dân. Đầu năm 1960, tiếp tục thành lập 6 HTX tại xóm Cây, xóm Già, xóm Hóc, xóm Huống Trung, xóm Thông và xóm Sộp với tổng số 487 hộ nông nghiệp. Ngoài các hợp tác xã nông nghiệp, tại xã còn có 1 HTX hỗn hợp gồm 22 hộ có ngành nghề như may mặc và kinh doanh buôn bán ở từ đầu bến đò Huống đến bến đò sông Đào. Đến cuối năm 1960, có 515 hộ vào các HTX nông nghiệp, chiếm 98,1% số hộ; sản lượng thóc do các HTX nông nghiệp thu hoạch đạt 619.740 kg chiếm 99,59% tổng sản lượng thóc của địa phương.

Về lãnh đạo xây dựng Chính quyền, tháng 4 năm 1959, nhân dân xã Đồng Tiến tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã, sau đó Hội đồng nhân dân xã tái bầu đồng chí Cao Văn Thung làm Chủ tịch UBHC; các đồng chí Cao Văn Kỳ và Tạ Văn Dương làm Phó Chủ tịch UBHC xã.

Ngày 23 tháng 2 năm 1960, Chi bộ tổ chức Đại hội đảng viên để đề ra chủ trương biện pháp lãnh đạo nhiệm

vụ kinh tế – văn hóa, xã hội phù hợp với tình hình thực tế của xã. Đại hội đánh giá thắng lợi to lớn của lối làm ăn tập thể đang thực hiện ở các HTX thí điểm và tiếp tục lãnh đạo xây dựng hoàn thiện các HTX trong toàn xã. Đại hội bầu Chi uỷ mới gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hình, Cao Văn Thung được Đại hội tín nhiệm bầu tái cử Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ. Các đồng chí Tạ Văn Dương, Cao Văn Kỳ, Nguyễn Văn Thuần, Nguyễn Kim Tư, Trần Văn Tam, Tạ Văn Khay, Đỗ Ngọc được bầu làm Chi uỷ viên.

Sau 3 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1958-1960), Chi bộ, Chính quyền vừa củng cố tổ chức, vừa lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội thời kỳ đầu hoà bình, trong đó có việc phục hậu quả của trận lụt kinh hoàng xảy ra vào năm 1959²⁵⁰. Tuy nhiên, cùng với sự phục hồi chung của kinh tế đất nước, nhân dân Đồng Tiến đã dũng cảm vượt qua thử thách trong thời gian ngắn; thu nhập kinh tế bình quân năm 1960 tiến bộ rất nhiều so với trước, mức sống, mức sinh hoạt của nhân dân được nâng cao rõ rệt²⁵¹. Những thành tựu đó đã tạo

²⁵⁰ Theo thống kê thì trận lụt năm 1959 vẫn là trận lụt lớn nhất từ trước đến nay ở xã Huống Thượng và để lại hậu quả cũng lớn nhất. Nước lụt về ban đêm nên nhiều gia đình chỉ kịp sơ tán người, không kịp sơ tán tài sản.

²⁵¹ Năm 1959 gạo 0,33 đồng/kg, trong khi 1 gánh củ bán được 3 đồng.

niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ mà trực tiếp là Chi bộ và Chính quyền nhân dân.

2- Lãnh đạo thực hiện cải tạo XHCN và kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Bước sang thời kỳ mới, Chi bộ, Chính quyền nhân dân xã Đồng Tiến vững tin vào Đảng và Chính phủ, tập trung lãnh đạo hoàn thành các nhiệm vụ, trước mắt hoàn thành việc tập thể hóa trong nông nghiệp. Cuối năm 1960, đầu năm 1961, Ủy ban Hành chính xã lại chỉ đạo sáp nhập 2 HTX xóm Hóc và xóm Sộp thành HTX Hóc Sộp; sáp nhập 2 HTX Cường Thịnh và Phú Tiến thành HTX Bầu Trám. Đến đầu năm 1961, toàn xã còn lại 7 HTX nông nghiệp là Cậy, Hóc Sộp, Bầu Trám, Già, Đảng, Thông và Huống Trung. Trong đó, Bầu Trám là HTX nông nghiệp tích cực sản xuất và đạt kết quả khá nhất; đã thực hiện “sản xuất kinh doanh 9 ngành nghề gồm cắt tóc, thợ bạc, lò gạch, sơn tràng, thợ mộc, lò rào, tổ cải tiến nông cụ, đồ ngang và sản xuất nông nghiệp”²⁵².

Chi bộ cũng thừa nhận những yếu kém, tồn tại trong quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ mà

²⁵² Báo cáo năm 1961 của đồng chí Lê Quang Ngọ, Chủ nhiệm HTX Bầu Trám; Bản lưu tại hộp số 127, ĐVBQ 1382 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên. Giải thích thêm: nghề thợ bạc là sản xuất đồ trang sức, chạm khắc hàng mỹ nghệ tinh xảo bằng bạc; nghề sơn tràng là khai thác các loại lâm sản trên rừng; nghề lò rào là nghề rèn kim loại như cuốc, xẻng, liềm, dao...

nguyên nhân chủ yếu do trình độ năng lực của cán bộ đảng viên có hạn, do văn hoá của nhiều đồng chí đều quá thấp. Các đồng chí cán bộ đảng viên đều xuất thân từ nông dân nghèo, có nhiệt tình, có trách nhiệm nhưng trình độ hạn chế, nên làm việc gặp nhiều khó khăn, thậm chí còn sai sót có hại cho công việc chung²⁵³. Vấn đề nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên được Chi bộ xác định là “nhiệm vụ trọng tâm đột xuất cần tập trung lãnh đạo bằng được”²⁵⁴. Thực hiện Công văn số 299/CV, ngày 15 tháng 11 năm 1962, và Công văn số 96/CV-ĐH, ngày 08 tháng 02 năm 1963 của Huyện uỷ Đồng Hỷ về tổ chức học Bỏ túc văn hoá, Chi bộ đã cử lần lượt 37 cán bộ, đảng viên từ cấp xóm đến cấp xã đi học văn hoá tại Trường Đồng-Quang-Sơn (Đồng Tiến-Quang Trung-Linh Sơn) tổ chức tại chùa Kim Hoa. Nhận thức học tập là để làm việc tốt hơn nên tất cả các đồng chí được cử đi học đều khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Đến năm 1964, hầu hết cán bộ đảng viên trong Đảng bộ đều đã hoàn thành bỏ túc văn hoá cấp I (tốt nghiệp lớp 4/10).

Nhiệm vụ trọng tâm trong lãnh đạo phát triển kinh tế là sản xuất lương thực thực phẩm, các HTX đã tích cực tổ

²⁵³ Lời dạy của Lê nin: “dốt nát + nhiệt tình = phá hoại”.

²⁵⁴ Bút tích của cố đồng chí Nguyễn Đình Sơn năm 1963.

chức nhân dân khai hoang, phục hoá để tăng diện tích đất canh tác. Do chưa chủ động được khâu thủy lợi nên diện tích cấy lúa hàng năm vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào nước trời, vì vậy các HTX chỉ cấy được một vụ mùa từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch. Để khắc phục tình trạng thiếu nước cấy, các năm 1961-1962, Chi bộ và Chính quyền xã lãnh đạo các HTX đắp đập ngăn dòng làm các hồ chứa nước phục vụ cấy chiêm. Các hồ nhỏ ở xóm Cây, xóm Trám, xóm Thông, Huống Trung, xóm Già... và hàng trăm ao của tư nhân ở các xóm bước đầu đã phát huy được tác dụng. Việc xây dựng các hồ chứa nước đã giải quyết được một phần khó khăn trong công tác thủy lợi, nhưng cũng chỉ là biện pháp trước mắt, chưa bảo đảm độ bền vững lâu dài. Các ruộng chân cao, các ruộng xa ao, hồ chiếm diện tích khá lớn vẫn phụ thuộc nước trời, nên vụ cấy lúa, vụ trồng màu hoặc bỏ hoang. Từ năm 1963 đến 1964, xã Đồng Tiến được Huyện cấp cho 6 máy bơm nước chạy bằng dầu ma-dút (Diesel) để đưa nước sông Cầu về phục vụ cấy chiêm và chống hạn. Ủy ban chỉ đạo các HTX đặt một máy ở Huống Trung, hai máy ở bến đò Bầu Trám, một máy ở Cụ Sọ xóm Cây, một máy ở Bà Hà, một máy ở bến đò sông Đào và chỉ đạo các xóm phóng tuyến, làm mương dẫn nước về đồng. Tuyến mương dài nhất phức tạp nhất từ Bến Đò vòng quanh xóm Bầu đưa nước cấy cho các xóm Bầu, Trám, Thông, Đàng, Hóc. Xóm Cây, xóm Sọ, Huống

Trung phải đào đắp hàng ngàn mét khối đất đá, để nâng độ cao nương dẫn nước. Do đã cơ bản chủ động được công tác thủy lợi, Chi uỷ, Uỷ ban tích cực vận động nhân dân chuyển từ trồng lúa một vụ sang 2 vụ chiêm và mùa, mặc dù lúa chiêm cho năng suất và chất lượng gạo chưa cao, do trồng trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt của miền Bắc²⁵⁵.

Từ những năm 1960 đến 1963, Cấp uỷ, UBHC xã tập trung lãnh đạo các HTX áp dụng kỹ thuật và các cải tiến trong sản xuất, đồng thời tuyên truyền làm thay đổi nhận thức nhân dân trong việc dùng phân bón ruộng. Các cải tiến kỹ thuật được áp dụng như cày sâu, bừa kỹ, cấy dày hợp lý với các mật độ 15x15; 15x20; và 20x20 cm/1 khóm lúa²⁵⁶; sử dụng “máy cấy, máy tra hạt, cào cỏ cải tiến, cày cải tiến 51, bừa đĩa, lược chải sâu cuốn lá... để giảm công sức của người lao động”. Trong chăn nuôi sử dụng máy thái rau, thái sắn cho năng suất cao; xóa bỏ tập quán thả rông trâu, bò, lợn...; thường xuyên vệ sinh chuồng trại. Tích cực chủ động làm phân xanh, phân chuồng, phân phù sa; năm 1962 trung bình mỗi sào lúa được bón 380 kg

²⁵⁵ Năm 1301 Thượng Hoàng Trần Nhân Tông thăm Chiêm Thành, thấy họ cấy lúa cả khi ngoài Bắc đang rét, Thượng Hoàng mới mang giống lúa trái vụ về Đại Việt và đặt tên là lúa Chiêm, từ đó các thứ cây cối hoa quả trái vụ được gắn với chữ Chiêm (tức là Chiêm Thành).

²⁵⁶ Các tiêu chuẩn cày cấy theo bút tích của cố đồng chí Lê Quang Ngo, Chủ nhiệm HTX Bàu Trám; Bản lưu tại hộp số 127, ĐVBQ 1382 tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

phân chuồng, 600 kg phân xanh. Tiêu biểu trong phong trào làm phân có đồng chí Nguyễn Thị Tiểu ở HTX Huống Trung, tổ do chị phụ trách đã làm đạt hơn 100 tấn phân xanh và phân chuồng trong thời gian ngắn. Đồng chí Tiểu đã đạt danh hiệu “Kiện tướng làm phân”, được cử đi dự Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc từ ngày 04 đến 06 tháng 5 năm 1962, ở Thủ đô Hà Nội; tại Đại hội, đồng chí Tiểu đã vinh dự được gặp và báo cáo thành tích với Bác Hồ.

Do chủ động tích cực đồng đều trên tất cả các khâu phục vụ cho sản xuất, đặc biệt là khắc phục khó khăn trong thủy lợi, từ 1960 đến 1965, diện tích, năng suất và sản lượng lương thực luôn tăng. Vụ mùa năm 1960, toàn xã cấy được 674 mẫu 5 sào 1 thước; năng suất đạt 525 kg/mẫu; sản lượng 354.641 kg thóc. Năm 1964, diện tích cấy lúa mùa đạt 740 mẫu 3 sào 7 thước; năng suất trung bình 610 kg/mẫu; sản lượng 468.833 kg. Riêng HTX Bầu Trám năng suất lúa bình quân vụ mùa năm 1962 đạt 840 kg/mẫu. Về lúa chiêm, do chưa tạo được sự ưa thích của nhân dân nên năm 1960 toàn xã chỉ cấy được 65 mẫu 0 sào 1 thước; năng suất đạt 385kg/mẫu (chiếm 8,67% diện tích); sản lượng 25.034 kg (chiếm 6,59% tổng sản lượng thóc cả năm). Cấp uỷ, UBHC, HTX tích cực tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ tác dụng của cấy 2 vụ lúa chiêm, mùa, đã dần dần làm thay đổi nhận thức của người

nông dân. Đến năm 1964, toàn xã đã cấy được 367 mẫu 3 sào 1 thước lúa chiêm (chiếm 33,15% diện tích), năng suất đạt 442 kg/mẫu, cho sản lượng 167.566 kg (chiếm 26,33% tổng sản lượng thóc cả năm). Vụ chiêm xuân năm 1962-1963, do thời tiết rét đậm rét hại và chủ quan trong chăm sóc nên xã bị thiếu mạ trầm trọng. Ngày 02 tháng 02, Huyện uỷ Đồng Hỷ ký liên tiếp 2 công văn khẩn số 02 và 03/CV-ĐH điều mạ từ xã Tân Quang cho xã Đồng Tiến. Nhận được sự quan tâm của trên và sự chi viện của xã bạn, nhân dân xã Đồng Tiến tích cực cấy và chăm sóc được 310 mẫu 1 sào 2 thước lúa chiêm; năng suất đạt 513 kg/mẫu, đây là vụ lúa chiêm cho năng suất cao nhất trong 5 năm đầu, kể từ ngày thành lập HTX nông nghiệp²⁵⁷.

Về chăn nuôi: đến ngày 01 tháng 10 năm 1964, đàn trâu của xã có 508 con (156 trâu đực và 352 trâu cái), trong đó có 428 con trâu cày; trung bình mỗi con trâu cày bừa 3 mẫu ruộng/1 năm kể cả đất soi bãi, đã bảo đảm tốt sức kéo cho sản xuất nông nghiệp. Đàn bò 38 con, chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong chăn nuôi gia súc của xã, vì thời điểm này không sử dụng bò làm sức kéo. Chăn nuôi lợn được chú trọng ở tất cả các HTX, đàn lợn ở trại chăn nuôi có 1.037 con không kể lợn sữa; khu vực gia đình xã viên có

²⁵⁷ Năm 1960 đạt 385 kg/mẫu; năm 1961 đạt 510 kg/mẫu; năm 1962 đạt 484 kg/mẫu; năm 1964 đạt 442 kg/mẫu. Số liệu do đồng chí Ngô Văn Hào, nguyên cán bộ thống kê, nguyên Bí thư Đảng uỷ xã cung cấp.

1.073 con. Về nuôi trồng thủy sản, toàn xã có 13 mẫu 9 sào 13 thước ao, đầm, hồ thả cá và đã thả được 38.200 con cá giống, tập trung cho các ao hồ tập thể ở Huống Trung, xóm Thông, Bàu Trám, xóm Cây²⁵⁸; ngoài ra còn thả hàng vạn con cá giống tại các ao gia đình xã viên trong toàn xã.

Trong giai đoạn 1961-1965, HTX Huống Trung do đồng chí Nguyễn Văn Ích làm chủ nhiệm, tổ chức lao động sản xuất luôn đạt kết quả, giá trị ngày công lao động cao, đời sống của bà con xã viên được cải thiện. HTX Huống Trung trở thành một trong ba HTX lá cờ đầu của tỉnh Thái Nguyên; Chủ nhiệm Nguyễn Văn Ích cùng với Chủ nhiệm HTX nông nghiệp Cầu Thành-Hùng Sơn Đại Từ và Chủ nhiệm HTX Hồng Kỳ-Phú Bình vinh dự được đại diện cho các HTX nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh Thái Nguyên đi dự hội nghị các HTX tiêu biểu toàn miền Bắc tại hội trường Ba Đình.

+ Thành lập Đảng bộ xã Đồng Tiến

Đầu năm 1963, Chi bộ có 51 đảng viên, vẫn được chia làm 4 tổ đảng theo khu vực xóm hoặc liên xóm như trước năm 1960. Do địa bàn xã rộng, lại đã hình thành 4 loại hình HTX khác nhau²⁵⁹, nhiệm vụ lãnh đạo đòi hỏi cao hơn, cụ thể chi tiết hơn. Vì vậy, tháng 3 năm 1963, cấp trên

²⁵⁸ Bản lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Đồng Hỷ.

²⁵⁹ Là HTX nông nghiệp, HTX tín dụng, HTX hỗn hợp thủ công, thợ may, HTX mua bán.

ra quyết định thành lập Đảng bộ xã Đồng Tiến²⁶⁰. Huyện uỷ Đồng Hỷ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ xã gồm 9 đồng chí do đồng chí Nguyễn Ngọc Hình làm Bí thư; đồng chí Cao Văn Kỳ làm Phó Bí thư; đồng chí Đỗ Ngọc làm Uỷ viên thường vụ; các Đảng uỷ viên Tạ Văn Khay, Trần Văn Lương, Nguyễn Thành Thái, Tạ Văn Dương, Hùng Thế Úc, Đinh Thuần Huyến²⁶¹.

Căn cứ vào thực tế nhiệm vụ của các HTX và số lượng đảng viên ở từng khu vực, Đảng uỷ xã Đồng Tiến thành lập 6 chi bộ trực thuộc là Chi bộ Huống Trung; Chi bộ xóm Cậy; Chi bộ Đảng Thông; Chi bộ xóm Già; Chi bộ Hóc Sộp và Chi bộ Bầu Trám. Các đảng viên ở địa bàn dân cư nào thì sinh hoạt theo chi bộ ấy, kể cả đảng viên là giáo viên tại Trường phổ thông của xã.

Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời đã khẩn trương lãnh đạo chỉ đạo các chi bộ trực thuộc tiến hành đại hội để bầu cấp uỷ chính thức. Ngày 14 tháng 5 năm 1963, Chi bộ xóm Già tiến hành Đại hội và bầu đồng chí Nguyễn Cát Lượng làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thành Thái làm Chi uỷ viên. Ngày 20 tháng 5 năm 1963, Chi bộ xóm Cậy tổ chức Đại

²⁶⁰ Chưa rõ cấp ra quyết định thành lập Đảng bộ, chỉ thấy di bút của đồng chí Nguyễn Ngọc Hình và Danh sách Đảng uỷ lâm thời và Danh sách Chi uỷ các chi bộ lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Đồng Hỷ.

²⁶¹ Tài liệu lưu trữ của Ban Tổ chức Huyện uỷ Đồng Hỷ, ghi ngày báo cáo là 14/12/1963.

hội và bầu đồng chí Tạ Văn Khay làm Bí thư. Ngày 14 tháng 7 năm 1963, Ban Chấp hành tiếp tục chỉ đạo Chi bộ Đảng Thông tiến hành Đại hội và bầu đồng chí Đinh Thuần Huyền làm Bí thư, các Chi uỷ viên Đặng Đình Kiên và Dương Văn Lư. Ngày 18 tháng 7 năm 1963, Chi bộ Huống Trung tổ chức Đại hội, bầu Chi uỷ do đồng chí Nguyễn Văn Ích làm Bí thư, 2 Chi uỷ viên là Đỗ Văn Hoàng và Ngô Văn Hào. Ngày 14 tháng 8 năm 1963, Chi bộ Bầu Trám tiến hành Đại hội và bầu đồng chí Lê Quang Ngọ làm Bí thư; các Chi uỷ viên là Nguyễn Như Du và Hùng Thế Úc. Ngày 17 tháng 8 năm 1963, Chi bộ Hóc Sộp tổ chức Đại hội và bầu đồng chí là Trần Văn Lương làm Bí thư, 2 Chi uỷ viên là Phạm Văn Tuần và Phạm Văn Sơ. Sau hơn 3 tháng Đảng uỷ lâm thời xã đã lãnh đạo tất cả các chi bộ trực thuộc Đảng bộ lần lượt tổ chức đại hội thành công.

Ngày 07 tháng 8 năm 1964, Đảng bộ xã Đồng Tiến tổ chức Đại hội đảng viên lần thứ nhất, với sự có mặt 52/52 đảng viên (có 3 đảng viên nữ). Đại hội bầu Đảng uỷ gồm 11 đồng chí do đồng chí Nguyễn Ngọc Hình làm Bí thư, đồng chí Cao Văn Kỳ làm Phó Bí thư, đồng chí Đỗ Ngọc làm Uỷ viên Thường vụ. Các đồng chí Hùng Thế Úc, Nguyễn Văn Ích, Cao Văn Thung, Đinh Thuần Huyền,

Nguyễn Cát Lượng, Tạ Văn Khay, Trần Văn Lương, Nguyễn Thành Thái là Ủy viên Ban chấp hành, trực tiếp làm Bí thư các chi bộ hoặc phụ trách các ngành trong Chính quyền hoặc đoàn thể xã²⁶².

Đảng ủy chú trọng công tác xây dựng và bảo vệ Đảng, làm cho Đảng bộ phát triển vững chắc; đồng thời với phong trào “3 xây, 3 chống”²⁶³ trong nông nghiệp góp phần vào việc phát triển kinh tế-văn hoá-xã hội của xã. Thực hiện nhiệm vụ trong “3 xây”, các đồng chí cán bộ lãnh đạo HTX có kinh nghiệm được điều đi làm công tác “Cải tiến HTX” vòng 1 và vòng 2 ở các xã bạn. Xác định trách nhiệm được phân công, các đồng chí đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và trưởng thành hơn khi trở về quản lý tại địa phương.

Cùng với quá trình lãnh đạo các chi bộ xây dựng và củng cố tổ chức đảng, Đảng ủy tập trung lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp²⁶⁴ lần đầu tiên diễn ra đồng thời trong một ngày; đây là việc khó khăn phức tạp

²⁶² Danh sách Chi ủy các chi bộ, Các Đảng ủy viên trích từ tài liệu lưu của Ban Tổ chức Huyện ủy Đồng Hỷ.

²⁶³ 3 xây là: 1- Bồi dưỡng nâng cao giác ngộ XHCN và quan điểm quản lý kinh tế XHCN; 2- Tăng cường cải tiến tổ chức quản lý và nhiệm vụ quản lý; 3- Cải tiến Kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất.

3 chống là: chống tham ô; chống lãng phí; chống quan liêu.

²⁶⁴ Bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp là cấp Khu tự trị Việt Bắc, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

vì từ trước đến giờ chi bộ mới chỉ lãnh đạo bầu cử 2 cấp. Đảng uỷ lãnh đạo thành lập Uỷ Ban bầu cử do Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBHC xã làm Trưởng ban; các Phó Chủ tịch và Trưởng ban Mặt trận làm Phó ban; các trưởng ban, ngành làm uỷ viên. Tại các xóm do Bí thư chi bộ hoặc Chủ nhiệm HTX làm Trưởng ban để tuyên truyền phổ biến nội dung bầu cử và cách thức bỏ từng loại phiếu cụ thể. Ngày 21 tháng 4 năm 1963, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp đã thành công tốt đẹp. Sau đó Hội đồng nhân dân xã đã bầu đồng chí Cao Văn Kỳ làm Chủ tịch và đồng chí Đỗ Ngọc làm Phó Chủ tịch UBHC xã.

Về công tác giáo dục: Các năm học từ 1960 đến 1963, số lượng học sinh học cấp II không ngừng tăng, nên các “lớp nhô” của trường Đồng Tiến đã quá tải, không đáp ứng được nhu cầu học tập. Năm học 1963-1964, Trường Phổ thông cấp II xã Đồng Tiến được thành lập tại “Trường Ngói”, thầy giáo Phạm Văn Tường được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng. Khi thành lập, Trường cấp II có hai lớp 5; hai lớp 6 và một lớp 7 với tổng số có 190 học sinh là con em các xã Đồng Tiến, Quang Trung, Linh Sơn và cả ở Túc Tiến-Túc Duyên đến theo học, trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân trong xã.

Năm 1965, y sĩ Nguyễn Đức Giáp tốt nghiệp Trường Y sĩ Việt Bắc được điều về làm Trạm trưởng Trạm Y tế xã; y

tá Đặng Đình Trụ chuyển xuống làm Trạm phó. Từ đó, công tác khám chữa bệnh ban đầu của Trạm Y tế xã đi vào nề nếp tốt hơn, góp phần tích cực vào việc chăm sóc sức khoẻ nhân dân, trong đó đáng chú ý là việc kết hợp Đông-Tây y của trạm được chú trọng và có hiệu quả.

Trong khi đang thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất với hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đã đạt được những tiến bộ đáng kể, đời sống sinh hoạt mọi mặt của nhân dân được phát triển và nâng lên rõ rệt, cơ sở vật chất của Chủ nghĩa xã hội (CNXH) đang dần dần từng bước được xây dựng thì xảy ra chiến tranh phá hoại của Không quân và Hải quân Mỹ²⁶⁵ trên toàn miền Bắc. Cùng với cả nước, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến chuyển sang đồng thời vừa sản xuất vừa chiến đấu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa (XHCH), chi viện sức người sức của cho miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

²⁶⁵ Khi đánh phá miền Bắc, Mỹ sử dụng lực lượng Không quân cất cánh từ các căn cứ trên mặt đất và Không quân của Hải quân cất cánh từ các tàu sân bay của Hạm đội 7, các tỉnh ven biển còn bị tàu chiến Mỹ pháo kích.

3- Lãnh đạo nhân dân vừa xây dựng nền kinh tế tập thể vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và làm tròn nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến (1965-1972)

Ngày 05 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ dùng không quân mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, bị quân và dân ta giáng trả đích đáng, bắn rơi 8 máy bay và bắt sống giặc lái. Từ giữa năm 1965, không quân Mỹ tăng cường trinh sát trên bầu trời Thái Nguyên; nhân dân xã Đồng Tiến đã phải làm quen với còi báo động và các lần thực tập báo động “có máy bay địch” do khu Gang Thép tổ chức để nhân dân tăng cường đề phòng.

Tháng 5 năm 1965, một đơn vị bắn máy bay bay thấp bằng súng Đại liên và Trung liên về đóng quân tại gò Ao Sen xóm Sộp, hàng ngày bộ đội đưa vũ khí sang khu vực soi Thác Hét luyện tập và trực sẵn sàng chiến đấu, đã tạo ra ý thức cho nhân dân tăng cường cảnh giác.

Đảng uỷ xã nhận định “...trước sau gì địch cũng sẽ đánh phá ác liệt vào khu Gang Thép, xã Đồng Tiến sẽ bị ảnh hưởng mỗi lần chúng ném bom đánh phá khu công nghiệp; khi địch đánh phá nhiều, tình hình căng thẳng, phải tổ chức đưa nhân dân, nhất là các cụ già và các em nhỏ đi sơ tán tránh xa khu Gang Thép để khỏi bị tổn thất”²⁶⁶. Đảng uỷ và UBHC xã đã vận động hàng trăm gia

²⁶⁶ Trích Nghị quyết Đảng uỷ xã tháng 10/1964 (Bút tích của cố đồng chí Nguyễn Đình Sơn).

đình các xóm Cây, xóm Sộp đi sơ tán vào các xóm Già, Đảng, Thông, Đồng Cỏ (Đầm Cỏ) Quang Trung...

Đồng thời Đảng ủy ra nghị quyết xây dựng và củng cố lực lượng dân quân du kích, bảo đảm trật tự trị an để làm các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi có yêu cầu. Căn cứ vào Nghị quyết của Đảng ủy, cuối năm 1964, Ủy ban Hành chính xã quyết định thành lập và củng cố 7 trung đội dân quân ở 7 HTX, mỗi trung đội có từ 27 đến 33 người, do Chi ủy Chi bộ các HTX cùng Ban Chỉ huy Xã đội tổ chức lãnh đạo điều hành. Ngày 13 tháng 12 năm 1965, Ban Chỉ huy huyện đội Đồng Hỷ ra Quyết định số 246-QĐ bổ nhiệm Ban chỉ huy 7 trung đội dân quân thuộc Xã đội Đồng Tiến; mỗi trung đội gồm có 1 trung đội trưởng và 1 trung đội phó. Đảng ủy cử các đồng chí đảng viên có uy tín đã có kinh nghiệm từ trong kháng chiến chống Pháp làm Chính trị viên và Chính trị viên phó trung đội. Các trung đội dân quân được tổ chức huấn luyện các khoa mục đánh địch nhảy dù, bắn máy bay bay thấp, tuần tra phòng gian bảo mật, giữ gìn an ninh trật tự làng xóm. Tại các xóm, ở trên bình phong, trên tường các nhà dân gần đường đều có khẩu hiệu tuyên truyền nhắc nhở việc giữ gìn an ninh “không nghe, không biết, không nói, theo dõi người lạ mặt, thực hiện an ninh xóm xã”²⁶⁷ để nhân dân thực hiện.

²⁶⁷ Các khẩu hiệu thời ấy thường được viết trên các bình phong (bây giờ gọi là bảng tin) và trên vách các gia đình gần đường để cho nhân dân dễ thấy.

Đầu năm 1966, ngành giao thông tỉnh Bắc Thái²⁶⁸ mở rộng tuyến đường từ Ngòi Con thuộc xã Quang Trung đến các địa điểm trong xã Đồng Tiến để đưa pháo về và xây dựng các trận địa bắn máy bay bảo vệ khu Gang Thép. Đảng uỷ, UBHC xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động nhân lực tối đa phối hợp với cấp trên làm đường kéo pháo và xây dựng các trận địa. Được Ty Giao thông tăng cường 1 xe ủi đất, xã huy động nhân lực của 7 trung đội dân quân, đoàn viên thanh niên của 7 chi đoàn và hàng trăm nhân dân vừa mở đường vừa đào đắp công sự. Tại Soi Cam, do ở địa hình thấp lại gần khu Gang Thép nên tất cả các ụ đặt pháo đều phải đắp nổi, xã huy động lực lượng làm cả ngày đêm, đào đắp hàng ngàn mét khối đất để xây dựng trận địa²⁶⁹. Sau gần 1 tháng, tuyến đường đến các khu vực Soi Cam, Thác Làng, Đá Thần, Gò Đình, Ao Sen mới hoàn thành, đồng thời cán bộ nhân dân xã Đồng Tiến cũng hoàn thành việc giúp bộ đội xây dựng trận địa đặt pháo. Đảng uỷ cùng cấp uỷ chi bộ các xóm lãnh đạo vận động nhân dân ủng hộ hàng ngàn cây tre, cùng hàng

²⁶⁸ Ngày 21/4/1965 Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội khóa III, quyết định sáp nhập Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Ngày 06/11/1996, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX, quyết định tách Bắc Thái thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

²⁶⁹ Trong phục vụ chiến đấu và phong trào “3 sẵn sàng”, Chi đoàn xóm Cây được Tỉnh Đoàn Bắc Thái tặng Giấy khen tại Quyết định số 801-GK/TN ngày 18/6/1966.

ngàn ngày công làm lán trại,²⁷⁰ hằm hào cho bộ đội. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị dân quân phối hợp phục vụ chiến đấu với bộ đội ở xóm mình như nguy trang trận địa, tiếp nước, tiếp đạn, cứu thương... Trung đội dân quân xóm Cậy đảm nhiệm phục vụ chiến đấu tại trận địa Soi Cam và Thác Làng; Trung đội dân quân Hóc Sộp đảm nhiệm phục vụ chiến đấu cho trận địa gò Ao Sen và khu vực xóm; Trung đội dân quân xóm Già cho trận địa Chùa Nghè, Gò Đình; Trung đội dân quân Bầu Trám phục vụ chiến đấu tại trận địa gò Đá Thần... Có sẵn trận địa được xây dựng, đào đắp cẩn thận, trong năm 1966 các đại đội pháo cao xạ 100 ly như 102, 104, 106, các đại đội pháo cao xạ 57 ly là 501, 502 và các đại đội pháo cao xạ 37 ly từ 301 đến 306 của Trung đoàn Phòng không 210 luôn luôn cơ động triển khai chiến đấu. Nhiều trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra tại các trận địa ở xã Đồng Tiến trong suốt thời gian địch đánh phá, nhân dân được chứng kiến máy bay địch bốc cháy tan xác giữa bầu trời. Trong các đơn vị về địa phương có Đại đội 106 là ở lâu hơn cả và để lại nhiều tình cảm nhất với bà con nhân dân xã Đồng Tiến. Đại đội này 2 lần đóng ở Thác Làng, 1 lần Soi Cam, 1 lần ở Gò Đá Thần, lại là đơn vị ở đúng vào dịp nước lụt nên xe pháo được chính quyền và nhân dân trong xã hỗ trợ đưa lên

²⁷⁰ Lán của bộ đội làm thấp, để khi pháo bắn không bị tốc mái.

Bầu Trám, các khẩu súng máy cao xạ như 12 ly 7 và 14 ly 5²⁷¹, được đưa lên trực chiến tại gò Cô Ka, Ao Sen sẵn sàng chiến đấu trong những ngày nước lụt.

Từ năm 1965, xã Đồng Tiến đã có đơn vị bộ đội Trung Quốc về làm đường thông tin dây trần từ Gia Sàng (thành phố) qua Thác Làng, xóm Sộp vào Trại Cau. Theo thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao 2 nước, ngày 25 tháng 12 năm 1966, các đơn vị pháo phòng không thuộc Chi đội²⁷² 62, 168, 170 Trung Quốc đến Thái Nguyên tiếp quản để dần thay thế các đơn vị thuộc Trung đoàn Cao xạ 210 di chuyển vào phía Nam chiến đấu. Tại xã Đồng Tiến, sở chỉ huy của Bọn²⁷³ đặt tại Trường Ngồi; các đơn vị chiến đấu bố trí ở xóm Cậy, Chùa Nghè, Chùa Kim Hoa, gò Đình, gò Đá Thần... Các trận địa pháo của bộ đội Trung Quốc được các đơn vị đèn pha công suất lớn đặt ở Chòi Vải, gò Na Lải..., chiếu sáng để bắn máy bay ban đêm.

Về tổ chức bộ máy Đảng và Chính quyền: Năm 1965 đồng chí Cao Văn Kỳ, Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBHC xã và đồng chí Đỗ Ngọc, Uỷ viên Thường vụ Đảng uỷ, Phó Chủ tịch UBHC xã được cấp trên điều đi nhận nhiệm vụ trên tỉnh. Trước đó, đồng chí Nguyễn Kim Tư

²⁷¹ Trang bị chiến đấu của Đại đội 106 gồm 8 khẩu pháo 100 ly + 02 khẩu 14 ly 5 + 02 khẩu 12 ly 7 + 01 Radar + 01 máy chỉ huy + 01 kính TZK + 04 ống nhòm v...v

²⁷² Một chi đội tương đương 1 sư đoàn.

²⁷³ Cách gọi bộ đội Trung Quốc thời bấy giờ là Bọn.

Trưởng Ban công an xã thôi công tác. Đảng uỷ bầu đồng chí Đinh Thuần Huyền, Uỷ viên Ban chấp hành làm Phó Bí thư Đảng uỷ kiêm Xã đội trưởng. Đồng chí Hùng Thế Úc, được Đảng uỷ bầu làm Uỷ viên Thường vụ và được Hội đồng nhân dân các khoá từ 1965 đến 1969 bầu làm Chủ tịch UBHC xã. Hội đồng nhân dân cũng bầu đồng chí Nguyễn Văn Chế và Đào Thị Chí làm Phó Chủ tịch UBHC; đồng chí An Duy Hợp làm Trưởng Ban công an xã, đến năm 1967 đồng chí Nguyễn Văn Chế thay thế. Từ tháng 7 năm 1969, Hội đồng nhân dân xã bầu đồng chí Đinh Thuần Huyền làm Chủ tịch UBHC xã; đồng chí Hùng Thế Úc làm Phó Chủ tịch phụ trách Tư pháp. Ban Chỉ huy xã đội do đồng chí Nguyễn Đình Sơn làm Xã đội trưởng; đồng chí Vũ Thuý Ёn làm Chính trị viên; các xã đội phó là đồng chí Phạm Văn Nhâm và đồng chí Nguyễn Thị Lan²⁷⁴.

Đến ngày 30 tháng 11 năm 1966, toàn Đảng bộ có 65 đảng viên, sinh hoạt ở 6 chi bộ và trong 10 tổ đảng²⁷⁵; 24/27 đội sản xuất có đảng viên. Đại đa số các đồng chí đảng viên đều hăng hái, gương mẫu chấp hành tốt đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật

²⁷⁴ Quyết định số 63/NQ-HU, ngày 01/10/1969 điều đồng chí Nguyễn Thị Lan lên Trạm Vật tư nông nghiệp huyện Đông Hỷ, BCH xã đội chỉ còn 1 xã đội phó.

²⁷⁵ Thời kỳ này đang còn HTX nhỏ. Toàn xã có 27 đội sản xuất, nhưng mới có 24 đội có đảng viên.

Nhà nước, tích cực công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua phân tích chất lượng đảng viên, có 26 đồng chí đạt mức khá, 34 đồng chí đạt mức trung bình và 5 đồng chí ở mức kém. Về chi bộ, có 2 chi bộ đạt khá; 3 chi bộ đạt trung bình và 1 chi bộ kém. Trong số 10 tổ đảng, có 3 tổ đạt khá, 5 tổ đạt trung bình và 2 tổ kém. Tuy vậy trong giai đoạn này cũng có những đảng viên kém ý thức phấn đấu rèn luyện, tư lợi cá nhân, do đó Đảng ủy thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ 3 đảng viên (2 ở Chi bộ Hóc-Sộp do tham ô và đánh bạc; 1 ở Chi bộ Cậy, là Trưởng Ban công an xã do thiếu trách nhiệm); cảnh cáo 2 đảng viên. Từ năm 1965 đến 1972, Đảng bộ đã bồi dưỡng phát triển được 32 đảng viên.

Lãnh đạo công tác động viên tuyển quân, thực hiện khẩu hiệu “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, cùng với phong trào “3 sẵn sàng”²⁷⁶ của thanh niên, Đảng ủy và UBHC và các ban, ngành, đoàn thể đều cùng vận động và động viên thanh niên tòng quân nhập ngũ. Đợt tuyển quân tháng 8/1965, chỉ tiêu của xã có 8 người, nhưng có 18 người xung phong, có thanh niên chưa đến tuổi, đã trốn nhà đi, giấu thêm gạch, đá vào người cho

²⁷⁶ Phong trào xuất hiện ngày 9/8/1964, do Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam thành phố Hà Nội phát động. Tháng 2/1965, phong trào “3 sẵn sàng” được Trung ương Đoàn phát động trong cả nước. Nội dung của phong trào là: “Sẵn sàng chiến đấu (sẵn sàng hy sinh); Sẵn sàng nhập ngũ; Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần”.

đủ cân nhập ngũ. Năm 1966 có 3 đợt gọi thanh niên nhập ngũ tháng 2, tháng 4 và tháng 11 với 56 đồng chí tòng quân; năm 1967 có 28 đồng chí tiếp tục nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Chiến tranh ngày càng ác liệt, số thanh niên trai tráng ra trận ngày càng nhiều, đã có tổn thất hy sinh ngoài chiến trường nhưng không có ai vì thế mà hoang mang dao động, cũng chưa đợt nào xã Đồng Tiến thiếu quân. Sau tết Mậu Thân năm 1968, toàn xã có 78 người nhập ngũ, trong đó đợt tháng 4, có 37 người; đợt tháng 6, có 41 người. Năm 1969, toàn xã có 10 đồng chí nhập ngũ; năm 1971, có 42 đồng chí; năm 1972, có 36 đồng chí. Đại đa số thanh niên xã Đồng Tiến lên đường nhập ngũ đều hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước.

Cấp uỷ, Chính quyền xã lãnh đạo, chỉ đạo các HTX và các ngành chuyên môn vừa chú trọng thực hiện tốt chính sách thương binh liệt sĩ vừa làm tốt công tác Hậu phương quân đội. Các cha mẹ già hết tuổi lao động, các cháu chưa đến tuổi thành niên được các HTX chia lương thực theo định xuất²⁷⁷. Việc chi trả tiền theo chế độ chính sách với các gia đình có chồng con đi chiến đấu tại chiến trường

²⁷⁷ Là xuất lương thực mà HTX bao cấp cho những người chưa đến tuổi lao động và những người đã hết tuổi lao động, được hưởng hàng tháng mỗi người một suất. Số lượng lương thực theo 1 định xuất nhiều hay ít là do thu nhập của HTX lúc làm phương án ăn chia.

B²⁷⁸ được Đảng uỷ tập trung lãnh đạo làm tốt. Trong suốt những năm chống Mỹ, việc thực hiện chế độ chính sách hậu phương quân đội đều đảm bảo đúng đối tượng, không có trường hợp nào chi trả sai, nhầm hoặc tham ô bớt xén.

Về lãnh đạo nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu: Năm đầu của chiến tranh phá hoại, xã chưa có kinh nghiệm tổ chức sản xuất thời chiến, nhân dân bị chi phối do đi sơ tán phòng tránh nên các gia đình bị tách nhỏ, thời gian lao động ít, nên các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp bị giảm. Để vừa sản xuất được và hạn chế những tổn thất do máy bay địch đánh phá vào giờ cao điểm²⁷⁹, Đảng uỷ lãnh đạo các HTX tổ chức cho nhân dân ra ruộng sản xuất buổi sáng từ 3, 4 giờ đến 7, 8 giờ; buổi chiều khoảng 16,17 giờ đến tối hẵn mới về. Cách tổ chức làm việc như vậy vừa bảo đảm gieo trồng kịp thời vụ vừa bảo đảm an toàn cho nhân dân; nên trong suốt những năm 1966-1968, địch đánh phá ác liệt khu Gang Thép, số bom rơi chệch xuống các xóm Cây, Sộp, Bầu, Trám khá nhiều nhưng diện tích,

²⁷⁸ Theo quy ước những năm đánh Mỹ: A là miền Bắc, B là miền Nam, C là Lào, K là Căm-pu-chia. Những người đi chiến đấu ở miền Nam gọi là “đi B dài”, chính sách Hậu phương Quân đội trợ cấp tiền sinh hoạt phí hàng tháng cho cha mẹ già và con nhỏ chưa thành niên. Nhưng lại có một số đơn vị ở miền Bắc, chiến đấu ở miền Nam gọi là “cơm Bắc, giặc Nam” hoặc “đi B ngắn” gia đình không được trợ cấp. Vậy nên một vài nơi có sự nhầm lẫn ở việc chi trả trợ cấp này.

²⁷⁹ Những năm 1965-1967, máy bay Mỹ thường đánh phá theo quy luật vào khoảng từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều; giờ máy bay địch đánh phá thường được gọi là “giờ cao điểm”.

năng xuất, sản lượng lúa cơ bản vẫn tăng, tổn thất về người được hạn chế²⁸⁰.

Về diện tích cấy lúa cả năm 1965 đạt 1076 mẫu 2 sào 13 thước, giảm 2,9% so với năm 1964; nhưng sản lượng (đạt 456.063 kg) chỉ bằng 71,66% sản lượng năm 1964. Đáng chú ý năng suất lúa mùa 1965 chỉ đạt 448 kg/mẫu, giảm 22,6% so vụ mùa 1964, tương đương với năng suất lúa chiêm năm trước là 442 kg/mẫu. Đảng uỷ xã đã nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm chỉ đạo sản xuất, tổ chức nhân dân xây dựng hầm hào gồm: các hố cá nhân, hào giao thông, hầm kéo kiên cố để bám đồng, bám ruộng thâm canh chăm sóc.

Kết quả sản xuất năm 1966, năng suất lúa trung bình đạt 599,2 kg/mẫu; sản lượng đạt 615.842 kg tăng 35% so với năm 1965; từ đó diện tích, năng suất và sản lượng lương thực toàn xã được giữ vững và có chiều phát triển đi lên. Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, nhân dân Đồng Tiến vẫn tích cực lao động sản xuất, phát triển nhiều ngành nghề như trồng trọt, chăn nuôi, chế biến bún, bánh cuốn, bánh đa, làm gạch ngói, sơn tràng, nghề mộc, cắt tóc, may mặc, đan lát...HTX mua bán thành lập từ năm 1964 tại Bến Đò đã phát huy tốt chức năng nhiệm vụ; khi địch đánh phá, lại cùng chợ sơ tán về Soi Nổi để phục vụ nhân dân được an toàn. HTX Huống Trung vẫn

²⁸⁰ Cả xã bị chết 2 người và bị thương 2 người đang đi làm ngoài ruộng do địch đánh bom trúng hầm và 1 người chết do đạn cao xạ của ta rơi trúng.

giữ vững được vai trò lá cờ đầu trên tất cả các mặt; đến năm 1966 là đơn vị đầu tiên của xã đầu tư mua sắm và lắp đặt được hệ thống loa truyền thanh đến từng hộ gia đình xã viên.

Trong chiến tranh, người phụ nữ phải gánh vác tất cả các công việc nặng nhọc từ cày bừa đến tham gia trực chiến bắn máy bay...Chị em phụ nữ xã Đồng Tiến thực hiện rất tốt có hiệu quả phong trào “Ba đảm đang”,²⁸¹ lo toan mọi việc cho người thân yên tâm chiến đấu ở chiến trường. Nhiều chị có chồng ở tận chiến trường B, C, K nhiều năm không có tin tức, đảm đang thay chồng chăm sóc cha mẹ già, nuôi con cái học hành tiến bộ, vẫn nhiệt tình tham gia công tác xã hội. Có chị mang thai, nhưng mỗi khi báo động vẫn cùng chị em mang nước uống ra trận địa, vừa tiếp đạn vừa động viên bộ đội chiến đấu²⁸². Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, chị em phụ nữ xã Đồng Tiến thủy chung, son sắt,

²⁸¹ Theo Chỉ thị số 03/CT ngày 19/3/1965, của Ban thường trực Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ban đầu tên là phong trào 3 đảm nhiệm. Nội dung “Đảm nhiệm sản xuất công tác, thay thế cho nam giới đi chiến đấu; đảm nhiệm gia đình, khuyến khích chồng con yên tâm chiến đấu; đảm nhiệm phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết”. Sau đó phong trào được Bác Hồ đổi tên là phong trào “Ba đảm đang”. Tr 270 sách “Việt Nam những sự kiện Lịch sử (1945-1975)” NXB Giáo dục năm 2002.

²⁸² Đồng chí Dương Thị Đang, ủy viên BCH Hội Phụ nữ xã, mang thai 5-6 tháng vẫn cùng ra trận địa tiếp nước tiếp đạn. Sau này đồng chí Đang là Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Huống Thượng, đã nghỉ hưu.

đảm đang thay chồng con lo toan công việc xã hội. Tổng kết 6 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965-1970), xã Đồng Tiến có trên 300 chị được công nhận danh hiệu “Phụ nữ 3 đảm đang”, trong đó có 45 chị được Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Bắc Thái tặng bằng “Phụ nữ 3 đảm đang 6 năm chống Mỹ cứu nước”.

Tháng 3 năm 1967, thực hiện chủ trương tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp; Đảng ủy, Ủy ban lãnh đạo xây dựng HTX nông nghiệp cấp cao để tập trung được tiềm năng của địa phương. Toàn xã có 587 hộ với 3.717 khẩu ở 7 HTX nhỏ, được hợp nhất thành 4 Hợp tác xã lớn là HTX Nam Tiến gồm các xóm Cây, Hóc, Sộp có 199 hộ 1.350 khẩu (648 nam và 702 nữ); HTX Đông Phương gồm các xóm Già, Đảng, Thông có 162 hộ 1.015 khẩu (493 nam và 522 nữ); HTX Bầu Trám có 109 hộ, gồm 635 khẩu (322 nam và 313 nữ); HTX Huống Trung có 117 hộ, gồm 717 khẩu (347 nam và 370 nữ). Mỗi HTX nông nghiệp đều xây dựng khu kho và trại chăn nuôi tập thể riêng, để chủ động giao nộp thực phẩm cho Nhà nước và tận dụng phân bón. HTX Huống Trung xây dựng khu trại chăn nuôi bên bờ hồ kết hợp nuôi vịt, chăn thả cá đã phát huy tác dụng tốt, mỗi năm thu vài chục tấn lợn hơi, hàng chục tấn cá và gia cầm để cải thiện đời

sống xã viên. HTX Nam Tiến có khu chăn nuôi tập trung ở Gò Sỏi; HTX Bầu Trám xây dựng khu trại chăn nuôi ở trên Gò Hoảng; HTX Đông Phương lập trại chăn nuôi và kho chung ở gò Làng Dây. Các HTX tích cực cải tiến nông cụ và cải tiến khoa học kỹ thuật, mỗi hợp tác có một tổ khoa học kỹ thuật làm các công việc từ xử lý giống theo công thức “3 sôi, 2 lạnh”²⁸³, chỉ đạo cấy thẳng hàng, cấy dày hợp lý, sử dụng thuốc trừ sâu, nuôi bèo hoa dâu để làm phân bón.... Để tăng năng xuất lúa màu, cùng với việc áp dụng khoa học kỹ thuật, các HTX tổ chức làm phân bón ở trại chăn nuôi tập thể và các gia đình gồm phân chuồng, phân xanh... Cách làm phân xanh đã huy động được đông đảo nguồn nhân lực tham gia nhất là các em thiếu niên nhi đồng; các gia đình tận dụng cây lạc, cây đỗ, sài nhặm, muồng muồng, lá xoan...ngoài ra còn trồng các cây như điền thanh, cốt khí...để dùng cho bón ruộng. Các HTX đều tổ chức bón từ 400 đến 500 kg phân hữu cơ cho 1 sào ruộng, cùng với việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thâm canh, nên năng suất, sản lượng lúa luôn tăng, với mục tiêu 5 tấn thóc/ha/năm

²⁸³ Do không có nhiệt kế nên pha nước để có nhiệt độ tương đối bằng ra mức 3 phần nước sôi hoà với 2 phần nước lạnh, sau đó mới đưa thóc mạ vào để ngâm.

(tương đương khoảng 900 kg/mẫu/vụ), các HTX phấn đấu gần đạt được mục tiêu đề ra.

Do đường sá, nương máng của các xóm đều nhỏ, không phát huy được tính năng tác dụng, Đảng uỷ lãnh đạo các HTX tập trung vào nhiệm vụ làm đường giao thông và thuỷ lợi. Năm 1967, HTX Huống Trung tổ chức mở rộng tuyến đường từ xóm Trám đến Huống Trung để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và đi lại của nhân dân²⁸⁴; tiếp theo là tuyến Huống Trung đi Trại chăn nuôi... Các HTX đều thành lập các đội chuyên về giao thông thuỷ lợi và tổ chức nhân dân làm nương, làm đường giao thông theo địa bàn quản lý của mình. Về đường đi, mục tiêu làm đường thẳng ở các tuyến có điều kiện về đất đai; HTX Nam Tiến làm các tuyến như Gò Sỏi đi Gò Vầu; xóm Hóc đi Chằm; xóm Sộp đi Bà Hà; Gò Ổi đi Giếng Hóc; đắp tuyến đập dài 200 mét từ xóm Bầu nối Gò Ổi, khối lượng 5.200 m³ đất đá, đưa nước từ trạm bơm Bến Đò về tưới cho diện tích trên 40 mẫu từ Giếng Hóc đến Chằm và từ khu Ao Hươu, Gò Vầu đến Cây Si. HTX Đông Phương làm tuyến nương Gò Chè, đắp đập Cầu Ván, đập Chà Lâu; mở rộng đường Đồng Quan đi xóm

²⁸⁴ Theo Hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến, đến 15/10/1967 đường này vẫn chưa đi được bằng xe đạp.

Thông; xóm Thông đi Chùa Nghè; Cầu Ván đi Gò Tôn; Rừng Đèn đi Đồng De... HTX Bàu Trám làm tuyến từ xóm Trám đi gò Làng Quảng, gò Đá Thần,...

Tháng 10 năm 1969, nông dân xã Đồng Tiến tổ chức lễ đón “Điều lệ tóm tắt Hợp tác xã Nông nghiệp” cấp cao²⁸⁵, thay thế cho Điều lệ HTX nông nghiệp cấp thấp ban hành từ năm 1959. Phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, các HTX ra sức thi đua lao động sản xuất tốt hơn, tổ chức thêm các ngành nghề phụ như làm gạch ngói, chế biến... Trong sản xuất lương thực, tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “mỗi người làm việc bằng hai, vì miền Nam ruột thịt”, “hướng về Công Tum, Khánh Hoà kết nghĩa” nhân dân xã Đồng Tiến tích cực chủ động khai hoang phục hoá để tăng diện tích, tăng năng suất và sản lượng.

Năm 1970, toàn xã cấy 415 mẫu lúa chiêm và 747,5 mẫu lúa mùa cho sản lượng cả năm đạt 700 tấn, tăng 17,7% so với năm 1968. Từ năm 1971, được sự giúp đỡ về kỹ thuật của cán bộ nông nghiệp cấp trên, xã Đồng Tiến đã cấy được 41,6 mẫu lúa xuân song song cùng với lúa chiêm. Từ ngày 24 tháng 5 năm 1972, đế quốc Mỹ cho máy

²⁸⁵ Điều lệ được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa III thông qua ngày 28/4/1969; được ban hành từ ngày 01/5/1969 để thay thế cho Điều lệ HTX nông nghiệp bậc thấp tại Thông tư số 449-TTg ngày 17/12/1959.

bay đánh phá trở lại Thái Nguyên, nhân dân trong xã lại kiên cường bám ruộng sản xuất diện tích gieo cấy lúa đạt 1.242 mẫu, tăng 6,8% và sản lượng đạt 850,3 tấn, tăng 21,47% so với năm 1970²⁸⁶.

Bên cạnh trồng lúa là trồng tằm, toàn xã có 124 mẫu 6 sào 12 thước đất soi bãi dọc theo bờ sông Cầu, đất đai màu mỡ rất phù hợp cho trồng cây rau, màu. Thời kỳ 1959-1963, các HTX xóm Cậy, Bàu Trám, Huống Trung sử dụng đất soi bãi trồng mía và sản xuất đường, một thời gian sau chuyển sang trồng rau xanh là chủ yếu. Khi hợp nhất các HTX nhỏ thành HTX lớn, các HTX Huống Trung, Nam Tiến, Bàu Trám thành lập 3 đội chuyên trồng rau cung cấp cho Thành phố Thái Nguyên. Dọc bờ sông Cầu từ Thác Hét, Soi Cam, Thác Làng, Soi Ngựa, Soi Nổi, Soi Mạn, Soi Đình, Soi Giăng đều được các HTX khai thác tận dụng đất sản xuất rau các loại, hoàn thành nghĩa vụ giao nộp cho Nhà nước và để tăng thu nhập cho nhân dân.

Về lãnh đạo công tác giáo dục chuyển sang thời chiến được Đảng uỷ chú ý lãnh đạo và chỉ đạo quyết liệt việc dạy, học phải bảo đảm an toàn. Năm học 1964-1965, Trường cấp I có 15 lớp gồm 500 học sinh, học tại chùa Kim

²⁸⁶ Các số liệu về nông nghiệp thời kỳ này lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Đồng Hỷ

Hoa; Trường cấp II có 5 lớp gồm 190 học sinh, học tại trường Ngói. Sang năm học 1965-1966, Trường cấp I có 560 học sinh, chia làm 16 lớp; Trường cấp II gồm 450 học sinh chia làm 10 lớp. Các năm học từ 1965 đến 1968, hầu hết các lớp đều học vào ban đêm, mỗi học sinh đi học đều có 1 cuộn bông băng cá nhân²⁸⁷, một đèn ló²⁸⁸, đầu đội mũ rơm²⁸⁹ đủ các kiểu và kích cỡ khác nhau. Để tránh thương vong lớn khi địch đánh phá trúng trường lớp, Ủy ban xã chỉ đạo 2 nhà trường, tổ chức sơ tán về mỗi xóm một vài lớp học. Tất cả các lớp học đều được đào sâu xuống đất từ 2 đến 2,5 mét, sau đó làm nhà chụp lên trên; có hào giao thông nối từ lớp đến các hầm trú ẩn để khi có báo động, học sinh ra hầm nhanh chóng và an toàn. Xóm Cậy có 1 lớp, học ở vườn nhà ông Trần Văn Tam; xóm Bầu có 3 lớp, học ở vườn nhà ông Dương Văn Liên, Nguyễn Văn Thuộc và Cao Văn Quỳ; xóm Hóc có 2 lớp, học ở vườn nhà ông Nguyễn Văn Đề, Trần Văn Thêm; xóm Trám có 1 lớp, học ở vườn nhà ông Vũ Văn Lai; xóm Già có các lớp, học ở Đền Rắn, vườn nhà ông Trần Văn Trạch, nhà kho và nhà

²⁸⁷ Nếu là bông băng tổng hợp thì mang 1 cuộn, nếu là băng và bông riêng thì phải mang 2 cuộn.

²⁸⁸ Đèn Ló là đèn không có bóng, phần bóng là 1 ống bơ sữa bò quay ngang chiếu ánh sáng về 1 phía để giảm ánh sáng chống máy bay địch phát hiện.

²⁸⁹ Ban đầu các mũ rơm quần áo quanh vùng như cái mũ che trên đầu để chống mảnh đạn rơi xuống. Sau đó 2 anh em học sinh là Tạ Văn Bày và Tạ Văn Đỗ có sáng kiến tết các mũ nhỏ bằng đầu ngón tay cái, rồi kết lại thành mũ theo kiểu mũ rộng vành Mê-hi-cô; giá trị khoảng 1 đồng/1 mũ.

bà Nguyễn Thị Nhiều; xóm Đảng có lớp, học ở nhà kho, nhà ông Nguyễn Đình Ngân, Đặng Đình Kiện, Phạm Văn Tấn, Vũ Thúy Ёn; xóm Huống Trung có 1 lớp, học ở nhà ông Đỗ Quốc Chí; xóm Thông có lớp học ở vườn nhà ông Nguyễn Đức Mậu... Văn phòng Trường cấp II đặt tại vườn nhà bà Nguyễn Thị Nhiều xóm Hóc. Do được tổ chức sơ tán tốt nên trong thời gian đánh phá lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, tất cả các lớp học của Trường cấp I và cấp II Đồng Tiến được bảo đảm an toàn²⁹⁰. Khi Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc lần thứ nhất²⁹¹, các lớp học lại chuyển về trường cũ, học được các khoá từ 1969 đến 1971, rồi lại tiếp tục sơ tán lần nữa. Riêng Trường cấp II, từ khoá học 1970-1971 chuyển toàn bộ lên gò Ba Xã tiếp nhận cơ sở của Trường cấp III Đồng Hỷ (cho đến năm 1973 lại chuyển về trường Ngói). Trong những năm này, tuy đời sống rất khó khăn nhưng số học sinh đến trường thường đạt 97 đến 99% theo độ tuổi. Đảng uỷ, Uỷ ban Hành chính xã lãnh đạo chỉ đạo các trường thực hiện đúng việc miễn giảm học phí cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách. Trong đó, con thương binh, con liệt sĩ được miễn giảm học phí hoàn toàn; con bộ đội tại ngũ, các gia đình có đồng thời

²⁹⁰ Ngày 05/4/1967 bộ đội Trung Quốc thử súng, đạn lạc làm chết 1 học sinh lớp 3 là Vũ Văn Mùi người xóm Cây, tại lớp học ở vườn nhà ông Nguyễn Đức Mậu xóm Thông

²⁹¹ Từ vĩ tuyến 20 trở ra miền Bắc.

từ 2 con trở lên đi học được miễn giảm học phí từ 30 đến 75%, nhờ đó vừa giảm bớt khó khăn cho các gia đình vừa động viên con em nhân dân học tập ngày một tốt hơn.

Các năm 1966, 1967, đế quốc Mỹ tập trung đánh phá ác liệt nhiều lần trong ngày và nhiều ngày liên tục, đặc biệt là chiến dịch “Sấm Rền” đánh vào Hà Nội và xung quanh với mục tiêu “đưa Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá cũ”. “Hơn 2 năm 5 tháng đánh phá Thái Nguyên (kể từ trận ném bom cầu Gia Bẩy ngày 17 tháng 10 năm 1965), đế quốc Mỹ đã huy động hơn 1.110 tốp với khoảng gần 3.700 lần chiếc máy bay... đánh phá 8/8 huyện, thành thuộc tỉnh Thái Nguyên. Máy bay Mỹ ném xuống Thái Nguyên 9.928 quả bom phá, 164 quả bom hơi, 918 quả bom bi mẹ, bắn 81 quả tên lửa, 254 loạt đạn rốc két xuống hầu hết các mục tiêu giao thông, quân sự, kinh tế, dân cư, nhà thờ, bệnh viện, trường học... làm thương vong 2.177 người, phá hỏng 3.820 ngôi nhà, thiêu huỷ 473,6 tấn xăng dầu mỡ”²⁹². Trong số này, có một số trận đánh phá của máy bay Mỹ vào Đồng Tiến đã trực tiếp gây tổn thất về người và tài sản cho nhân dân trong xã.

Hồi 15 giờ 10 phút, ngày 01 tháng 8 năm 1966, có 4 máy bay Mỹ đánh phá khu Gang Thép, bị bộ đội ta đánh

²⁹² Theo Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, trang 165-166.

trả quyết liệt làm chúng thả chệch mục tiêu, 6 quả bom rơi xuống xóm Cây (4 quả nổ, 2 quả điếc) hỏng 5 sào lúa.

Ngày 10 và 11 tháng 3 năm 1967, máy bay Mỹ thả 4 bom bi mẹ xuống xóm Cây (mỗi bom bi mẹ có 340 bom bi con), một nửa quả bom mẹ còn đầy bom con rơi đúng gian buồng, làm sập nhà ông Nguyễn Hữu Thu. Hàng ngàn quả bom bi con nổ trên một vùng rộng, làm xơ xác khu vực Gò Đồi, làm bị thương 2 con trâu, chết 1 con lợn. Trung đội dân quân Nam Tiến tổ chức lực lượng đi thu nhặt và vận chuyển bom bi con đổ xuống vực Thác Hết.

Ngày 18 tháng 4 năm 1967, máy bay Mỹ thả 2 bom phá, 2 bom bi mẹ xuống xóm Sộp, vệt bom con kéo dài từ bến đò vào qua xóm, đến Chằm. Hai nửa quả bom mẹ chứa hàng trăm bom con chưa nổ rơi cạnh hầm nhà ông Dương Quang Xuân và nhà ông Trương Quốc Lộc, làm sập 2 nhà, bị thương và chết 4 con trâu. Trung đội dân quân Nam Tiến huy động lực lượng đi thu gom vận chuyển thả số bom này xuống vực. Ngoài ra còn 2 bom phá không nổ, 1 quả rơi trúng hầm trú ẩn nhà ông Trịnh Hồng Vân xóm Hóc nhưng may mắn không có người trong hầm; 1 quả rơi xuống Chằm Chân Chim.

Hồi 16 giờ 15 phút, ngày 31 tháng 12 năm 1967²⁹³, máy bay địch thả 12 bom phá, 6 bom phát quang xuống xóm

²⁹³ Các thông tin về thời gian địch đánh phá và tổn thất được trích từ tài liệu lưu trữ của Trinh sát Trung đoàn Pháo cao xạ 210, của Ban Phòng không tỉnh Bắc Thái và Tỉnh đội Bắc Thái (cũ).

Cây, xóm Bầu và xóm Trám. Ở xóm Cây, 1 quả rơi trúng hầm làm chết bà Nguyễn Thị Định 45 tuổi, bị thương ông Nguyễn Văn Chuyện. Ở xóm Trám, bom rơi cạnh giếng nhà ông Nguyễn Kim Tư, vùi lấp 2 cháu Nguyễn Khánh Trình (7 tuổi) và Nguyễn Thị Kim Khanh (4 tuổi). Ở xóm Bầu bom rơi xuống ao và vườn chỉ làm hỏng sập nhà, không làm chết và bị thương người nào. Toàn xã có 3 người chết, 8 người bị thương, hỏng sập hoàn toàn 19 ngôi nhà, chết nhiều gia súc gia cầm.

Hồi 8 giờ, ngày 15 tháng 01 năm 1968, máy bay Mỹ ném nhiều bom xuống khu vực Soi Cam và Chín Sào, 1 quả rơi trúng hầm có 4 xã viên đang trú ẩn; làm chết 2 người là bà Đoàn Thị Hoè và ông Nguyễn Thiên Cẩn; 2 người bị vùi được cứu sống là ông Ngô Văn Ba và bà Chu Thị Đăng.

Ngoài ra, còn rất nhiều lần đánh phá đập Thác Huống và khu Gang Thép, bị ta đánh tan tác đội hình, làm chúng thả bom bừa bãi chệch mục tiêu. Một số lượng khá lớn bom phá, bom bi, bom phát quang rơi xuống các thửa ruộng ngoài đồng của các xóm Cây, Hóc, Sộp, Trám, Huống Trung... gây tổn thất về lúa và hoa màu. Nhân dân trong xã lại tranh thủ sớm tối cày cấy gieo trồng bổ sung cho kịp thời vụ. Mỗi ngày có vài lần địch đánh phá, sau mỗi trận, mảnh đạn do ta bắn nổ tung ra, tạo nên những tiếng réo rít trên bầu trời, kéo dài nhiều phút nữa rồi mới

rơi xuống rất nguy hiểm. Vì vậy sử dụng nùi rơm, mũ rơm để bảo vệ cá nhân sau mỗi trận chiến đấu là quy định bắt buộc. Ngày 02 tháng 8 năm 1967, khi đang bữa cấy tại ruộng HTX ở Gò Công, đảng viên Phạm Văn Bê đã bị trúng mảnh đạn cao xạ từ trên.

Bị thua đau trên chiến trường, nhất là sau Tết Mậu Thân, ngày 31 tháng 3 năm 1968, Giôn-xơn buộc phải tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc từ Thanh Hoá trở ra và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán tại Pa-ri. Tranh thủ thời gian yên bình, Đảng uỷ lãnh đạo tập trung sản xuất lương thực, thực phẩm, đóng góp cho Nhà nước, ổn định cuộc sống nhân dân, đồng thời nâng cao cảnh giác đề phòng địch đánh phá trở lại.

Chiến tranh càng kéo dài và ngày càng ác liệt, một số quân nhân giảm sút ý chí chiến đấu, đào bỏ ngũ về nhà, gây khó khăn cho địa phương trong giữ gìn an ninh trật tự, động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường. Đảng uỷ, Uỷ ban và Ban chỉ huy xã đội đã động viên số quân nhân trên trở lại Tiểu đoàn huấn luyện “quân tự giác tái ngũ” của Tỉnh đội. Những trường hợp còn lại được đưa vào Công trường 73 giáo dục, cải tạo, lao động bắt buộc quân nhân đào lạc ngũ không tự giác trở lại quân đội của Ban chỉ huy Tỉnh đội. Kết quả đã làm giảm được tình trạng đào bỏ ngũ về địa phương, tình hình an ninh chính

trị và trật tự xã hội ở địa phương được giữ vững²⁹⁴. Từ đó công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường của xã có nhiều chuyển biến tích cực; số thanh niên xung phong lên đường chiến đấu ngày càng đông.

Sau 4 năm ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra nhưng bị thất bại liên tiếp trên chiến trường, ngày 06 tháng 4 năm 1972 đế quốc Mỹ tuyên bố bắt đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng máy bay và tàu chiến lần thứ 2 đối với miền Bắc nước ta. Ngày 24 tháng 5 năm 1972, chúng cho máy bay ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn, mở đầu cho lần đánh phá lại tỉnh Thái Nguyên. Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ huy Huyện đội Đồng Hỷ, tại xã Đồng Tiến thành lập Trung đội dân quân cơ động²⁹⁵ gồm 31 đồng chí. Ban chỉ huy Trung đội do đồng chí Nguyễn Văn Thuận làm Trung đội trưởng, đồng chí Ngô Văn Hào làm Chính trị viên, đồng chí Dương Trọng Căn làm Trung đội phó và đồng chí Ngô Thuý Sửu làm Chính trị viên phó. Trung đội dân quân tăng cường xã Đồng Tiến do Ban Chỉ huy Huyện đội Đồng Hỷ chỉ huy điều động thực hiện nhiệm vụ; Ban chỉ huy xã đội Đồng Tiến quản lý quân số, trang bị và huấn luyện các khoa mục chiến đấu; HTX Nam Tiến

²⁹⁴ Có sử dụng của sách Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, trang 206-207.

²⁹⁵ Báo cáo số 361B/TT ngày 7/11/1972 của Tỉnh đội Bắc Thái. (Bản lưu tại Phòng số 1; hộp 95; Hồ sơ: 1150 tại Chi cục Văn thư Lưu trữ Thái Nguyên).

nuôi bằng trả công điểm và cung cấp lương thực, thực phẩm mỗi lần đi cơ động. Tại xã, Trung đội được giao trực chiến bắn máy bay bay thấp bảo vệ khu Gang Thép và đập Thác Huống, các ụ súng đại liên, súng trường Trung Chính bố trí trên gò Cô Ka, gò Ao Sen... Trung đội đã trực tiếp chiến đấu nhiều trận với máy bay Mỹ, góp phần bảo vệ an toàn mục tiêu yếu địa. Khi đánh phá lại miền Bắc, không quân Mỹ sử dụng một số lượng lớn bom tinh khôn²⁹⁶ để đánh phá cầu cống và các mục tiêu quan trọng. Tại đập Thác Huống, Trung đội dân quân cơ động còn làm nhiệm vụ đốt hoá mù chống loại bom này. Vì vậy, tuy địch đánh phá nhưng đập vẫn an toàn, song số bom ném xuống lại rơi chệch mục tiêu vào các vùng xung quanh, trong đó có xã Đồng Tiến.

Cuối năm 1972, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn bằng máy bay ném bom chiến lược B52, đánh phá vào Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên... Cuộc tập kích kéo dài trong 12 ngày đêm, kể từ ngày 18 đến 30 tháng 12; chúng đã sử dụng 193 máy bay

²⁹⁶ Bom tinh khôn (wueye) có 2 loại; một loại có Camera nhỏ ở đầu quả bom để truyền hình ảnh về máy bay, sỹ quan trên máy bay điều khiển lái bom rơi trúng mục tiêu. Một loại ở đầu quả bom có gắn thiết bị tìm Lade, tia Lade này do một máy bay khác chiếu trúng mục tiêu. Bình thường khi máy bay ở độ cao trung bình 4 km, thả bom chệch mục tiêu không quá 10 mét. Ta thả khói (hoá mù) làm cho Camera không phát hiện được, làm bom rơi ra xa mục tiêu yếu địa cần bảo vệ.

ném bom chiến lược B52 (chiếm 48% tổng số máy bay B52 của cả nước Mỹ) xuất kích tổng cộng 633 lần chiếc; 1.000 máy bay chiến thuật của cả không quân và hải quân xuất kích 3.920 lần chiếc vừa bảo vệ máy bay B52 vừa đánh phá các mục tiêu nhỏ lẻ vừa chế áp các trận địa phòng không của ta. Xã Đồng Tiến bị trúng bom B52 Mỹ 2 lần, nhưng cả 2 lần đều nằm ở cuối vệt bom của lần đánh vào Gang Thép và lần đánh vào Túc Duyên. Đêm 24 tháng 12 năm 1972, B52 rải thảm vào khu Gang thép, số bom ở cuối vệt rơi vào xóm Cậy 7 quả không gây thiệt hại về người²⁹⁷. Hồi 22 giờ 30, ngày 26 tháng 12 năm 1972, B52 rải thảm vào xã Túc Duyên làm chết 26 người bị thương 8 người thuộc xóm Dân Tiến. Vệt bom này kéo dài sang địa phận xã Đồng Tiến, 6 quả rơi xuống Đồng Hoảng, 1 quả vào Huống Trung, 2 quả vào xóm Bầu, làm đổ 3 nhà dân.

Đêm 29, rạng sáng ngày 30 tháng 12 năm 1972, gia đình ông Hoàng Văn Tiến và bà Đặng Thị Nho ở xóm Hóc đi sơ tán vào xóm Hoà Khê, xã Văn Hán, bị bom B52 đánh trúng hầm làm chết 4 người (ông Tiến; bà Nho cùng con gái Hoàng Thị Hà, 8 tuổi và cháu Trần Thị Chính, 2 tuổi- là con ông Trần Văn Sạ ngủ cùng hầm). HTX Nam

²⁹⁷ Một quả bom rơi trúng và làm sập hoàn toàn chuồng trâu nhà ông Nguyễn Công Diễm. Rất may quả bom này không nổ, chỉ vỡ bung thuốc nổ ra nên hầm của gia đình ở gần đấy vẫn an toàn.

Tiến tổ chức điều động toàn bộ Trung đội dân quân đi đào bới, đưa người từ trần về xã chôn cất, mặt khác tổ chức chăm sóc ổn định cuộc sống của các cháu mồ côi.

Sau 12 ngày đêm dùng máy bay chiến lược B52 đánh phá ác liệt Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và các vùng xung quanh không đạt được kết quả lại bị quân và dân ta giáng trả đích đáng²⁹⁸. Trưa ngày 30 tháng 12 năm 1972, Nich-xon buộc phải tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc và mời phái đoàn ta trở lại hội nghị Pa-ri tiếp tục đàm phán.

4- Lãnh đạo nhân dân khôi phục sản xuất sau chiến tranh phá hoại, chi viện sức người sức của cho miền Nam hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân thống nhất đất nước (1973-1975)

Ngày 27 tháng 01 năm 1973, hội nghị Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết là thắng lợi vô cùng to lớn của nhân dân ta. Nhân dân miền Bắc nói chung và nhân dân Đồng Tiến nói riêng tranh thủ thời gian hoà bình xây dựng kinh tế-văn hoá-xã hội, tập trung chi viện cho miền Nam hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

²⁹⁸ Trong 12 ngày đêm (Mỹ gọi là chiến dịch Lai-nơ-bec-cơ II), quân và dân miền Bắc bắn rơi 81 máy bay (có 34 máy bay B52; 5 F111). Riêng quân và dân Thái Nguyên bắn rơi 2 máy bay B52.

Trong 2 ngày 19 và 20 tháng 4 năm 1973, Đại hội Đảng bộ xã Đồng Tiến lần thứ V được tiến hành với sự có mặt của 98 đồng chí trên tổng số 102 đảng viên; vắng 4 đồng chí có lý do. Trước khi tiến hành Đại hội, Đảng bộ đã tiến hành bình xét phân tích chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng. Trong số 102 đảng viên dự bình xét, có 37 đồng chí đạt mức 4 (tiền phong gương mẫu) đạt 36,27%; 38 đồng chí đạt mức 3, chiếm 37,25%; 27 đồng chí đạt mức 2 và mức 1 là mức có khuyết điểm nhưng vẫn đủ tư cách, chiếm 26,47%; Đảng bộ được xếp loại khá. Đại hội đã nêu bật những thành tựu mà Đảng bộ đã đạt được trong lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV. Diện tích, năng suất lúa màu đều đạt được theo kế hoạch, giao nộp nghĩa vụ cho Nhà nước đạt chỉ tiêu, được Huyện uỷ biểu dương về công tác lương thực năm 1971. Đại hội cũng chỉ ra những khuyết điểm tồn tại như công tác xây dựng Đảng còn có mặt hạn chế, tính tiền phong gương mẫu của đảng viên còn chưa đồng đều. Về lãnh đạo kinh tế, Đại hội nhấn mạnh “qua 14 năm xây dựng HTX nông nghiệp từ 28 hộ ban đầu ở xóm Đảng, Đảng bộ đã lãnh đạo xây dựng các HTX từ quy mô nhỏ đến lớn, phát triển và củng cố được ngành nghề như lò gạch, lò vôi...nhưng gần đây một vài HTX có chiều hướng chững lại như Đông Phương, Nam Tiến. Vấn đề đoàn kết trong Đảng, trong HTX phần nào chưa đạt, nên chúng ta phải đấu tranh phê bình thẳng

thần để có sự đoàn kết nhất trí cao; tiếp tục xây dựng và củng cố các HTX để phát triển sản xuất và phát triển thêm các ngành nghề tăng thu nhập cho xã viên”²⁹⁹. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí, đồng chí Nguyễn Ngọc Hình tái cử Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Đinh Thuần Huyền tái cử Phó Bí thư; đồng chí Hùng Thế Úc là Uỷ viên Thường vụ.

Tuy nhiên, không lâu sau Đại hội Đảng bộ lần thứ V, công tác xây dựng Đảng, quản lý cán bộ, lãnh đạo sản xuất của Đảng bộ có chiều đi xuống. Tình trạng “dong công, phóng điểm”³⁰⁰, giấu điểm sản lượng, ăn chia không đồng đều xảy ra trong các HTX ngày càng nặng nề, một số đảng viên về hòa với quần chúng ăn cắp sản phẩm nông nghiệp. Trước tình hình trên, Đảng uỷ tập trung lãnh đạo khắc phục các khuyết điểm, yếu kém, làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân và xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ 2 người; khai trừ lưu đảng 12 tháng 1 đảng viên. Tiếp theo, ngày 21 tháng 4 năm 1974 Huyện uỷ Đồng Hỷ tiếp tục ra Quyết định số 60/NQ/KT, khai trừ lưu đảng 9

²⁹⁹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII ngày 20/4/1973.

³⁰⁰ Mỗi công lao động = 10 điểm. “dong công phóng điểm” là cách khoán quá nhiều công điểm cho một công việc, hoặc do quản lý lao động kém nên phải chi công điểm nhiều mà kết quả làm việc thu lại ít. Tình trạng “dong công phóng điểm” thực chất là 1 dạng “lạm phát” công điểm, nó dẫn đến hậu quả tất yếu là giá trị ngày công chung quá thấp.

tháng, 2 đảng viên nữa. Mặc dầu vậy, những khuyết điểm yếu kém trong quản lý sản xuất và xây dựng HTX vẫn chậm được khắc phục làm giảm lòng tin của nhân dân. Đảng ủy phát động trong toàn Đảng bộ cuộc đấu tranh phê bình và tự phê bình, để các chi bộ, cán bộ đảng viên nghiêm khắc kiểm điểm và đánh giá đúng thực trạng chất lượng đảng viên và chi bộ. Qua bình xét, đến ngày 15 tháng 8 năm 1974, toàn Đảng bộ có 102 đảng viên, sinh hoạt ở 5 chi bộ; có 4 chi bộ đạt khá; 1 chi bộ đạt trung bình. Về đảng viên, có 37 đồng chí đạt mức khá (chiếm 36,27%); 52 đồng chí đạt mức trung bình (chiếm 50,98%); 10 đảng viên ở mức kém (chiếm 9,8%) và 3 đảng viên quá kém (chiếm 2,94%). Kết quả bình xét 4/5 chi bộ đạt khá đã không phản ánh đúng thực trạng của Đảng bộ, tác dụng hạn chế, các khuyết điểm vẫn phát sinh. Ngày 20 tháng 10 năm 1974, Đảng ủy xã ra các Quyết nghị từ số 01/NQ/ĐU đến số 12/NQ/ĐU thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo 5 và khiển trách 7 đảng viên; trong số 12 đảng viên bị thi hành kỷ luật, có 5 người không tiến bộ phải tiếp tục xử lý khai trừ ra khỏi Đảng. Đảng ủy cũng đề nghị và được Huyện ủy Đồng Hỷ ra Quyết định số 01/NQ/KT, phục hồi đảng tịch cho đồng chí Đào Văn Thắng, bị khai trừ năm 1973 vì làm mất tài sản, được Công an tỉnh xác minh là oan sai do kẻ gian tạo hiện trường giả.

Về lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế và tổ chức HTX: Đến tháng 01 năm 1973, toàn xã có 4 HTX (được hợp nhất từ năm 1967), mỗi HTX do một chi bộ lãnh đạo, ở các đội sản xuất có các tổ đảng tương ứng. Toàn xã có tổng số 600 hộ, 3.420 khẩu, 1.244 lao động, chia làm 16 đội. Cụ thể HTX Huống Trung có 129 hộ gồm 707 khẩu, 260 lao động chia làm 5 đội sản xuất. HTX Đông Phương có 165 hộ, 910 khẩu, 380 lao động chia làm 5 đội. HTX Nam Tiến có 205 hộ, 1.205 khẩu, 393 lao động, chia làm 4 đội. HTX Bầu Trám có 101 hộ, 498 khẩu, 211 lao động chia làm 2 đội sản xuất. Từ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ V, Đảng uỷ lãnh đạo kiên quyết đưa cây lúa xuân, loại lúa có những ưu điểm về năng suất, chất lượng gạo và khả năng phòng chống sâu bệnh tốt hơn để thay thế cho cây lúa chiêm có năng suất và chất lượng gạo không cao. Năm 1971, toàn xã mới chỉ cấy được 41,6 mẫu lúa xuân, chiếm 8,92% diện tích, thu được 21,4 tấn chiếm 7,92% sản lượng thóc vụ đông xuân. Đến năm 1975, đã cấy được 264,5 mẫu chiếm 51,75% diện tích; sản lượng đạt 207,1 tấn chiếm 53,53% sản lượng thóc vụ đông xuân. Diện tích cấy lúa chiêm hàng năm giảm dần, năm 1971 có 425 mẫu, thì năm 1975 giảm xuống chỉ còn 246,6 mẫu (trung bình

mỗi năm giảm được trên 30 mẫu). Riêng năm 1974, toàn xã đã gieo cấy³⁰¹ được 1.260 mẫu lúa các loại, tổng sản lượng đạt 975 tấn thóc; năng suất bình quân cả năm đạt 733,8 kg/mẫu. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ trong lãnh đạo sản xuất nông nghiệp của Đảng bộ, cả diện tích trồng lúa, năng suất và sản lượng đều tăng.

Bên cạnh đó, các HTX còn sử dụng tốt diện tích đất soi, bãi để trồng màu quay vòng được 70 mẫu đỗ lạc, 40 mẫu rau xanh, 73 mẫu sắn... để tăng thu nhập cho xã viên. Ngoài ra, toàn xã có 10 mẫu rừng trồng, trong đó bờ tre chắn lũ ở HTX Nam Tiến và rừng Bạch đàn của HTX Đông Phương cho hiệu quả rất tốt.

Về chăn nuôi, đàn trâu bò của xã có chiều hướng phát triển, đến ngày 01 tháng 4 năm 1975, toàn xã có 599 con trâu, trong đó có 571 con trâu cày, tăng 143 con so với năm 1964. Do không sử dụng cày kéo nên bò, ngựa giảm đáng kể, toàn xã chỉ còn lại có 7 con bò và 3 con ngựa. Đàn lợn của xã Đồng Tiến có 270 lợn nái, 11 lợn đực giống, trung bình trong chuồng trại luôn có 856 lợn thịt và 468 lợn sữa (lúc này cả xã chỉ có 2 lợn lai kinh tế). Số lợn này cùng với đàn lợn của các gia đình xã viên, hàng năm đều bảo đảm

³⁰¹ Thời kỳ này ngoài diện tích cấy lúa, các HTX còn tận dụng đất bãi gieo trồng các loại lúa cận như mố cặn, lúa nương, lúa mạch...

đủ chỉ tiêu nghĩa vụ giao nộp thực phẩm cho Nhà nước, đồng thời tăng thu nhập cho nhân dân.

Thực hiện chính sách “ba thu”³⁰² của Nhà nước, hàng năm xã đều giao nộp đầy đủ lương thực, thực phẩm, nông sản đúng kỳ hạn. Về giao nộp lương thực, đến ngày quy định, từng HTX cử xã viên gánh thóc đi đóng thuế tại kho của huyện ở Thịnh Đán, Ngòi Con, hoặc một số kho sơ tán khác. Về thực phẩm, theo hợp đồng ngày giao nộp với địa phương, ngành Thương nghiệp đưa xe về tiếp nhận tại các HTX, kết hợp luôn cả thu nông sản cho Nhà nước. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp lương thực, thực phẩm và nông sản cho Nhà nước, các mặt hàng vượt chỉ tiêu được nhân dân đem bán đổi lấy tem phiếu vải hoặc tem phiếu lương thực, thực phẩm cho gia đình. Mục tiêu “thóc không thiếu một cân” đối với Nhà nước, Đảng bộ xã Đồng Tiến lãnh đạo luôn hoàn thành tốt.

³⁰² Ba thu là: thu lương thực, thu thực phẩm, thu nông sản (công văn tại ĐVBQ 310, Phòng 1, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên). Những năm kháng chiến chống Mỹ, Nhà nước quy định nông dân có nghĩa vụ nộp lương thực (theo thuế nông nghiệp), nộp thực phẩm (thông thường bằng cân lợn hơi cho Nhà nước thường gọi là lợn nghĩa vụ), bán các nông sản như đỗ, lạc, rau xanh... với giá chỉ đạo cho Nhà nước. Khi hoàn thành các nghĩa vụ quy định, được UBHC xã xác nhận bằng văn bản, người nông dân mới được đem bán ra thị trường hoặc bán ngoài chỉ tiêu cho ngành thương nghiệp theo giá chỉ đạo để đổi tem phiếu vải, đường, thịt... Nhà nước cũng quy định mỗi người nông dân 1 năm được cấp 3 đến 4 mét phiếu để mua vải may quần áo, gọi là phiếu vải; nông dân không được cấp tem mua gạo, thịt, đường sữa...

Tiếp tục thực hiện khẩu hiệu “quân không thiếu một người” đã phát động từ những năm đầu chiến tranh phá hoại, Đảng uỷ lãnh đạo Ban chỉ huy xã đội luôn nắm chắc độ tuổi, sức khỏe của anh em Đoàn viên Thanh niên, để chủ động mỗi khi có tuyển quân. Chính trị viên xã đội luôn kết hợp tốt với Ban Chấp hành Đoàn xã giáo dục về ý thức trách nhiệm, lòng yêu nước căm thù giặc, làm tốt công tác động viên thanh niên tòng quân nhập ngũ. Trong 3 năm 1973 – 1975 xã Đồng Tiến có 5 đợt tuyển quân, với tổng số 97 thanh niên vào bộ đội (năm 1973 có 31 đồng chí, năm 1974 có 23 đồng chí, năm 1975 có 33 đồng chí). Nhiều người chưa đủ tuổi đã dùng máu viết đơn tình nguyện lên đường đi chiến đấu. Mang theo tinh thần yêu nước và truyền thống của quê hương, hầu hết thanh niên là con em xã Đồng Tiến dù ở bất cứ cương vị nào, dù ở bất cứ nơi đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì cũng đều phấn đấu hết mình hoàn thành và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1975, tên xã Đồng Tiến được gọi lại là xã Huống Thượng³⁰³. Sau 35 năm chia làm 2 xã nhỏ, tiếp theo là 30 năm mang tên Đồng Tiến, nay lại trở lại với tên gọi cũ, nhưng

³⁰³ Trong năm 1975, 1976 các công văn, báo cáo của cả huyện và xã đều đan xen nhau lúc ghi là xã Huống Thượng, lúc ghi là xã Đồng Tiến, nhưng con dấu vẫn là xã Đồng Tiến. Từ giữa năm 1976 thì ghi hoàn toàn là xã Huống Thượng. Còn quyết định đổi tên xã đã có từ trước; đó là Quyết định số 136-NV, ngày 07/4/1967, của Bộ Nội vụ. Cùng đổi tên theo quyết định này còn có các xã khác trong tỉnh và trong huyện như Hóa Thượng, Khe Mỏ...nhưng chưa rõ vì lý do gì, việc đổi tên xã để kéo dài đến 8 năm mới thực hiện.

diện tích của xã Huống Thượng năm 1975 nhỏ hơn diện tích của xã Huống Thượng năm 1910, do năm 1953 đã cắt xóm Giáng về thành phố Thái Nguyên, xóm Đồng Tâm về Phú Bình và khi thành lập Khu tự trị Việt Bắc lại cắt khu vực Đồng Cỏ-Hoàng Gia về xã Nam Hoà. Xã Huống Thượng năm 1975 gồm 10 xóm, trong đó có 9 xóm như cũ; riêng xóm Đảng cũ được chia làm 2 xóm nhỏ là xóm Đảng và xóm Gò Chè, còn các hộ ở phố Hợp Tiến thì tùy theo địa bàn dân cư và thói quen sinh hoạt, nhập vào làm nông nghiệp ở các xóm Bầu, Trám, Đảng.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng hạ tầng giao thông thuỷ lợi, đầu năm 1975 UBHC xã thành lập đội 202 để chuyên trách công tác làm đường giao thông và thuỷ lợi. Đội thuỷ lợi 202 thuộc HTX Nam Tiến thành lập ngày 20 tháng 2 năm 1975 do đồng chí Nguyễn Văn Thuận làm đội trưởng gồm 24 anh chị em đoàn viên thanh niên tuổi từ 16 đến 18. Các tuyến đường từ xóm Trám đi Huống Trung, từ Ao Rô đi trại chăn nuôi, đập Cầu Ván, đường và mương từ Đồng Dinh đi Na Cát, Cụ Sọ, đường Đồng Quan- xóm Thông... đều do các anh chị em trong đội 202 đào đắp làm mới bằng các phương tiện thủ công. Các công trình hạ tầng được xây dựng trong giai đoạn này đã tạo cơ sở cho việc phát triển kinh tế của xã những năm tiếp theo.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, ta nổ súng tiến công thị xã Buôn Ma Thuột, mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên, cũng

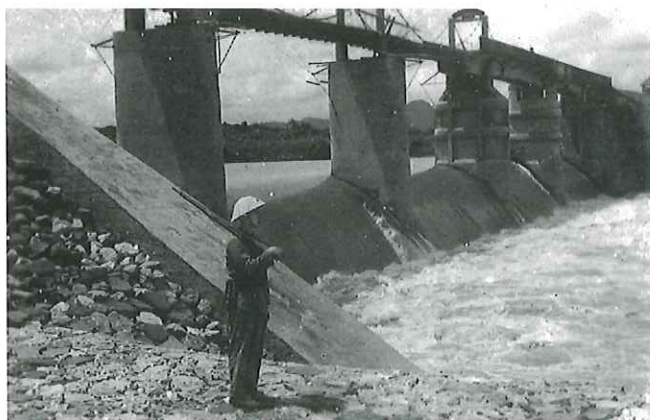
đồng thời mở màn cho Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam. Sau 55 ngày đêm tiến công thần tốc, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Hồi 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tung bay trên nóc dinh Độc lập, chấm dứt chế độ Sài Gòn tay sai của Mỹ bằng lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống nguy quyền Dương Văn Minh.

Sau 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Đồng Tiến đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Toàn xã có trên 490 lượt thanh niên nhập ngũ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trong đó có 83 đồng chí đã hy sinh, góp phần tô thắm truyền thống vẻ vang của quê hương. Những thành quả có được trong những năm qua, là điểm tựa vững chắc để thế hệ kế tiếp bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Ngày 25/1/1955 Bác Hồ về thăm và động viên cán bộ, bộ đội và dân công trên công trường khôi phục đập Thác Hưởng. Trong ảnh Người đang hỏi chuyện các chiến sĩ xuất sắc trên công trường. Đồng chí Ngô Thị Tính xóm Già đứng giữa Bác và đồng chí Bê (Bắc Ninh).

Ảnh: do bà Ngô Thị Tính cung cấp



Đập Thác Hưởng được sửa chữa hoàn thành năm 1955. Dân quân xã Đồng Tiến được phân công thường xuyên canh gác bảo vệ. Sau đó được giao cho Cửa hàng Thực phẩm thuộc Thành phố Thái Nguyên quản lý.

Ảnh do ông Đỗ Văn Lư cung cấp.



Đội Thủy lợi HTX Đông Phương chụp ảnh lưu niệm tại công trình Làm mương tuyến Gò Chè năm 1971. ảnh: do ông Cao Minh Tâm cung cấp. Nguyễn Ngọc Lâm chụp lại



Sau 35 năm, các thành viên đội Thủy lợi 202 HTX Nam Tiến gặp nhau nhân ngày thành lập đội 20/2. Trong ảnh, các đội viên bên cựu đội trưởng Nguyễn Văn Thuận (89 tuổi).

Chương IV

ĐẢNG BỘ XÃ HƯỚNG THƯỢNG TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 – 1985)

I- Cùng toàn Đảng - toàn dân - toàn quân hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế - văn hoá xã hội; tiếp tục chi viện sức người, sức của cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

Chiến thắng lịch sử 30 tháng 4 năm 1975, đã đưa đất nước bước vào thời kỳ mới-thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội với hai nhiệm vụ chiến lược: "Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Đảng bộ và nhân dân xã Hướng Thượng phấn khởi, tự hào đã đạt được những thành tựu to lớn trong thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất xây dựng quê hương vừa thường trực chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho chiến trường trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Từ buổi đầu thành lập, Chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương xã Đồng Tiến chỉ có 5 đảng viên, nhưng đến cuối

năm 1975, số đảng viên của Đảng bộ xã Huống Thượng đã lên đến 113 đồng chí, sinh hoạt ở 5 chi bộ. Trong đó, đảng viên ở Chi bộ Bầu Trám 23; Chi bộ Đông Phương 40; Chi bộ Huống Trung 17; Chi bộ Nam Tiến 27; Chi bộ Nhà trường 6. Tất cả 13 đội sản xuất đều có tổ đảng, sức mạnh lãnh đạo của Đảng bộ đã được khẳng định.

Thực hiện phong trào thi đua: "Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng"³⁰⁴ do Tỉnh uỷ Bắc Thái phát động cùng với phong trào thi đua "5 giỏi", gắn với việc thực hiện 7 nội dung "Lao động giỏi, năng suất tăng, sản lượng nhiều, chăn nuôi vượt, hợp tác xã vững, chấp hành đường lối chính sách tốt và đời sống cao" do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đông Hy lần thứ XIII đề ra.

Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân trong xã cùng cả nước, chung sức khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế-xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Trong điều kiện xã có nhiều khó khăn, các HTX còn nhiều yếu kém, phát triển không đồng đều, quản lý sản xuất lỏng lẻo, nhất là trong việc thực hiện "3 khoán, 3 quản"³⁰⁵, chất lượng hiệu quả lao động thấp, ngành nghề chậm phát triển. Thu nhập bình quân đầu

³⁰⁴ Theo Nghị quyết số 40/NQ-TU Ngày 05/5/1975, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái,

³⁰⁵ Ba khoán là: "Khoán diện tích, khoán chi phí, và khoán sản lượng". Ba quản là: "Quản diện tích, quản lao động và quản sản phẩm".

người năm 1975 chỉ đạt 10kg thóc/tháng, đời sống khó khăn, số hộ thiếu ăn chiếm trên 60%.

Trước tình hình đó, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân, tận dụng thời gian chống hạn, đảm bảo diện tích cấy lúa đạt trên 400 ha (so với năm 1974, vượt 15 ha), năng suất lúa đạt 18,2 tạ/ha. Những diện tích không cấy được thì tổ chức trồng các cây màu gồm trồng khoai sọ 10 ha, đỗ các loại 8 ha, trồng ngô trồng sắn trên 50 ha... Đàn gia súc gia cầm phát triển khá, đàn trâu tập thể và gia đình giữ ở mức 500 con, trong đó có 430 con phục vụ cho cày kéo; đàn lợn 1.400 con có 100 con lợn nái; gà vịt bình quân hộ gia đình có từ 10 đến 15 con. Ao cá tập thể có 5 ha, tổng sản lượng thu nhập 2,5 tấn/ha/năm.

Các khoản đóng góp, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, xã Huống Thượng đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Năm 1975, thuế nông nghiệp 120 tấn, đạt 100% kế hoạch, thực phẩm vượt chỉ tiêu 270 kg.

Trong 3 ngày, từ ngày 5 đến ngày 07 tháng 4 năm 1976, Đại hội Đảng bộ xã Huống Thượng lần thứ V^{*} được tổ chức. Đây là Đại hội đầu tiên của Đảng bộ diễn ra sau ngày miền Nam được giải phóng, đất nước được hoà bình.

Đại hội xác định, Huống Thượng là xã thuần nông, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu, làm ăn nhỏ lẻ,

trình độ năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ đảng viên hạn chế. Nhưng bằng kinh nghiệm thực tiễn, tinh thần tự lực tự cường, chủ động khắc phục khó khăn, đoàn kết nhất trí trong Đảng đến quần chúng. Nên các chỉ tiêu kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, Đảng bộ xã Huống Thượng đều lãnh đạo hoàn thành, có mặt hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Đinh Thuần Huyền được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Đào Thị Chí giữ chức vụ Phó Bí thư, đồng chí Ngô Văn Hào³⁰⁶, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ.

Các đồng chí: Cao Xuân Thu, Ngô Thuý Vân, Đặng Đình Chiến, Đặng Tuyết Vị, Đặng Đình Luyện, Đỗ Dích, Chu Văn Hói, Nguyễn Ngọc Hình, Nguyễn Công Khánh, Nguyễn Đình Ngư là Uỷ viên Ban chấp hành Đảng bộ.

Giai đoạn này, xã Huống Thượng có 4 HTX nông nghiệp và 1 HTX mua bán. HTX Nam Tiến do ông Tạ Văn Khay làm Chủ nhiệm; HTX Đông Phương do ông Nguyễn Văn Chê làm Chủ nhiệm; HTX Huống Trung do ông Nguyễn Công Khánh làm Chủ nhiệm; HTX Bầu Trám do ông Nguyễn Đình Ngư làm Chủ nhiệm; HTX mua bán do ông Mai Văn Nhung làm Chủ nhiệm. Các

³⁰⁶ Người xóm Sộp.

HTX này hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp toàn diện của Ban Chấp hành Đảng bộ, sự điều hành của Ủy ban nhân dân (UBND).

Xác định "thuỷ lợi là hàng đầu", nhiều đợt ra quân làm thuỷ lợi đã được UBND xã phát động. Các tuyến mương tưới, tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của các HTX đã được sửa chữa, khơi thông, làm mới. Hàng nghìn ngày công được huy động, để làm các tuyến mương Bàu Trám đi xóm Thông, xóm Đảng, mương Đồng Hoảng, mương xóm Cây, xóm Già, Gò Chè, Huống Trung. Tất cả các tuyến mương này tuy chưa được kiên cố, lâu dài nhưng về cơ bản đã đảm bảo tưới tiêu cho phần lớn số diện tích ruộng cấy lúa, từ lâu vốn chỉ trông chờ vào thời tiết. Ngoài ra, xã còn huy động hàng trăm lượt dân công thực hiện nhiệm vụ làm thuỷ lợi ở công trình Linh Nham, hồ Núi Cốc do trên tổ chức.

Ngay trong năm 1977-1978, diện tích cấy lúa của xã đã tăng lên đạt 1.200 mẫu, sản lượng đạt gần 700 tấn/năm ngoài ra còn trồng 120 mẫu khoai lang, 10 mẫu ngô, hàng trăm mẫu rau màu các loại. Thực hiện nghĩa vụ cho Nhà nước 120 tấn thóc/năm, hơn 100 tấn sắn và khoai lang, 20 tấn lợn hơi, 1 tấn thịt gia cầm.

Thực hiện Nghị quyết 44 của Tỉnh uỷ Bắc Thái phát động chiến dịch trồng sắn, năm 1977 đầu năm 1978, toàn xã trồng được gần 100 mẫu, năng suất, sản lượng đạt

khá. Bước đầu đã giải quyết tại chỗ về khó khăn lương thực, góp phần đẩy mạnh chăn nuôi.

Về tổ chức lại sản xuất, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Huống Thượng với nhiệm vụ đặt ra là: “Nhanh chóng hợp nhất để toàn xã là một HTX; tổ chức lại các đội chuyên, quy hoạch khoanh vùng sản xuất, khoanh vùng các khu dân cư”. Đây là một việc lớn, khó khăn, đòi hỏi phải có thời gian vì thế Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các HTX tăng cường quản lý tư liệu sản xuất, kiểm tra tài sản, dự kiến nhân sự Ban quản lý hợp tác xã gồm các đồng chí cán bộ, đảng viên, quần chúng có năng lực, uy tín, cử người đi học các lớp bồi dưỡng do huyện, tỉnh mở.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ coi công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó, đối với mỗi đảng viên, việc hy sinh quyền lợi cá nhân, gia đình, nói đi đôi với làm, gương mẫu trước quần chúng là một việc làm thường xuyên. Từ phong trào, nhiều đảng viên đã trở thành những tấm gương sáng cho mọi người học tập, được quần chúng tin yêu, mến phục.

Qua phân loại đảng viên năm 1977, toàn Đảng bộ có 119 đảng viên, số đảng viên tích cực đã tăng lên, số đảng viên trung bình và vi phạm khuyết điểm giảm. Số đảng viên tích cực cuối năm 1975 là 41/113 đồng chí (chiếm 36,28%), năm 1977 là 65 đồng chí (chiếm 54,62%), tăng

18,34%. Số đảng viên trung bình của năm 1975 là 59 đồng chí (chiếm 51,2%), năm 1977 là 47 đồng chí (chiếm 39,49%), giảm 12,7%. Số đảng viên vi phạm khuyết điểm bị thi hành kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ ra khỏi Đảng năm 1975 có 13 (chiếm 11,5% đảng số); năm 1977, có 7 gồm khai trừ 2, lưu đảng 2, cảnh cáo 2, khiển trách 1 (chiếm 5,88% đảng số, giảm 5,62% so với đảng số và giảm 51,13% so với đảng viên có khuyết điểm năm 1975).

Công tác kiểm tra của Đảng bộ đã thực hiện theo phương châm không xử lý oan sai, không bỏ sót, thực hiện dân chủ khách quan, toàn diện. Đã kịp thời giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của đảng viên, quần chúng, làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh hơn. Mặc dù vậy, việc quản lý cán bộ, đảng viên ở các chi bộ vẫn còn lỏng lẻo, đấu tranh phê bình và tự phê bình còn nể nang, né tránh, tư tưởng cục bộ còn nặng nề. Công tác tạo nguồn, bồi dưỡng chưa tốt, có chi bộ nhiều năm liền không phát triển được đảng viên nào. Số đảng viên tăng của Đảng bộ chủ yếu từ Quân đội, và các cơ quan chuyển về.

Các ban, ngành, đoàn thể trong xã được Đảng bộ thường xuyên quan tâm, củng cố, xây dựng nên đã có nhiều phong trào hoạt động thiết thực.

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh do đồng chí Ngô Thuý Vân, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ làm Bí

thư. Ngoài các hoạt động thường xuyên, Đoàn xã có phong trào: "tấn phá ngoài kế hoạch, cánh đồng mẫu, thửa ruộng tăng sản..", đặc biệt là phong trào: "phát huy truyền thống quê hương thanh niên Huống Thượng tình nguyện lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc". Các đợt ra quân làm thủy lợi, đoàn viên thanh niên luôn luôn là lực lượng xung kích đảm bảo ngày công cao, tăng năng suất lao động, làm nòng cốt trong các đội chuyên của HTX, nổi bật là phong trào "3 xây, 3 chống"³⁰⁷. Từ phong trào Đoàn đã xây dựng nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu xứng đáng là đội hậu bị đắc lực của Đảng.

Hội Phụ nữ xã do đồng chí Đặng Tuyết Vị làm Hội trưởng, có nhiều phong trào thu hút được đông đảo hội viên tham gia như các phong trào: "nuôi con khỏe, dạy con ngoan", "sinh đẻ có kế hoạch", "người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...", "người phụ nữ mới gương mẫu trong lao động sản xuất". Hội còn thành lập các tổ, nhóm như tổ cấy mẫu, nhóm trông giữ trẻ, phụ nữ bảo vệ an ninh, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, động viên chồng, con, anh em yên tâm lên đường làm nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc. Năm 1977-1978, Hội Phụ nữ xã Huống

³⁰⁷ Nội dung phong trào "3 xây, 3 chống" của Đoàn Thanh niên xã Huống Thượng, cụ thể: Ba xây là: "Xây dựng đám cưới mẫu; xây dựng câu lạc bộ thanh niên; xây dựng phong cách lao động, nếp sống văn hoá". Ba chống là: "Chống trốn tránh nghĩa vụ; chống lấy vợ, lấy chồng tảo hôn; chống nghiện hút, cờ bạc, rượu chè"

Thượng được Ban Chấp hành Hội Phụ nữ huyện Đồng Hỷ tặng Giấy khen, nhiều chị em phụ nữ được công nhận là “phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Về giáo dục: mặc dù trong điều kiện cơ sở vật chất của các trường học từ nhà trẻ đến Trường cấp I, cấp II rất khó khăn, kinh phí của Nhà nước và địa phương hầu như không có. Tất cả trường lớp, bàn ghế, đồ dùng học tập phải dựa vào kinh tế của HTX, đóng góp của nhân dân và hàng nghìn ngày công của phụ huynh học sinh. Năm học 1976-1977, số phòng học được xây dựng bằng gạch ngói (nhà cấp 4) chiếm 50%, HTX nào cũng có nhà trẻ, bàn ghế được đóng mới đủ chỗ ngồi cho học sinh.

Phong trào dạy tốt, học tốt được duy trì thường xuyên, chất lượng dạy và học được đảm bảo, nhất là từ khi có Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục. Đội ngũ thầy cô giáo luôn nêu cao vai trò trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nghề; tỷ lệ học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp đạt trên 90%... Đến năm 1977, Trường phổ cấp I và cấp II sáp nhập thành Trường Phổ thông cấp I+II xã Huống Thượng, đồng chí Nguyễn Đình Thành làm Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng Trần Du và Nguyễn Hữu Nghi.

Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 10 năm 1977, Đảng bộ xã Huống Thượng tổ chức Đại hội nhiệm kỳ lần thứ VII với sự có mặt của 106/119 đảng viên chính thức. Đại hội

tổng kết những mặt làm được, chưa làm được trong nhiệm kỳ VI và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ VII (1977-1979). Đại hội đã đề ra những chỉ tiêu cụ thể, cơ bản nhằm khắc phục những yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền, xây dựng các đoàn thể quần chúng. Trong phương hướng 1978-1979, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là nhanh chóng hợp nhất các HTX nhỏ thành một HTX toàn xã theo tinh thần Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 19 tháng 8 năm 1977 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Hỷ khoá XIV.

Đại hội đã bầu 13 đồng chí vào Ban Chấp hành; đồng chí Đinh Thuần Huyền được tái bầu làm Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Ngô Văn Hào, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân giữ chức Phó Bí thư; đồng chí Nguyễn Đình Ngư được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ. Các đồng chí: Ngô Thuý Sửu, Ngô Thuý Vân, Đặng Đình Luyện, Nguyễn Đình Sơn, Dương Thuý Đảm, Nguyễn Đình Thành, Trịnh Thị Sáu, Đặng Đình Cường, Tạ Văn Khay, Nguyễn Văn Quân được bầu làm Uỷ viên Ban chấp hành.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, cùng với việc học tập, quán triệt, thực hiện các chỉ thị nghị quyết của trên, Đảng

bộ tập trung lãnh đạo với quyết tâm: khắc phục khó khăn, biến nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành hành động cụ thể.

Trong giai đoạn này, tình hình chung có nhiều diễn biến phức tạp. Trước những thắng lợi của dân tộc ta và sự lớn mạnh của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã cấu kết với bọn phản động quốc tế âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta. Chúng phát động cuộc chiến tranh trên biên giới Tây-Nam và biên giới phía Bắc, đặt dân tộc ta trước một thử thách mới. Vì độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, quân và dân ta một lần nữa buộc phải cầm súng, kiên quyết đánh trả kẻ thù xâm lược. Chiến tranh nổ ra ở biên giới Tây-Nam và biên giới phía Bắc làm cho các hoạt động trong xã hội bị thay đổi căn bản. Nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong lúc này là tổng động viên, chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong các năm từ 1977 đến 1979, có 137 người con của xã Huống Thượng lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt là sau khi Chủ tịch nước ban bố lệnh tổng động viên, có nhiều người đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, được phục viên, xuất ngũ; mặc dù tuổi đã cao, hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng vẫn tình nguyện trở lại quân đội, như các đồng

chí Nguyễn Xuân Bến, Lê Quang Hải xóm Trám; Nguyễn Đức Minh xóm Già; Đinh Thanh Thú xóm Thông; Đặng Đình Long xóm Gò Chè; Đoàn Mạnh Quyết xóm Cây...

Trong khi đó lại xảy ra trận lụt lịch sử từ ngày 03 đến ngày 05 tháng 10 năm 1978, đã gây cho xã Huống Thượng những thiệt hại nặng nề, lúa hè thu hầu như mất trắng, hàng trăm mẫu rau màu bị hỏng hoàn toàn, 2 ao cá của HTX và hàng chục ao cá của xã viên bị ngập nước, vỡ bờ; 5 vạn viên gạch mộc và 7 vạn viên ngói chưa nung bị hỏng hoàn toàn đã tác động không nhỏ tới tư tưởng, đời sống kinh tế, xã hội của địa phương.

Từ tình hình đó, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo với quyết tâm: khắc phục khó khăn, khơi dậy truyền thống, tuyên truyền, giáo dục trong cán bộ đảng viên, hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta. Một lần nữa, khí thế cách mạng của quần chúng lại được khơi dậy. Vẫn với khẩu hiệu: "Huống Thượng quyết tâm thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" tất cả vì các tỉnh biên giới, vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bằng các hành động cụ thể, thiết thực vừa đẩy mạnh sản xuất, khắc phục hậu quả nặng nề do thiên tai, địch họa gây ra; vừa ổn định đời sống nhân dân, vừa tăng cường công

tác an ninh, quốc phòng, xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho chiến trường.

Thực hiện Chỉ thị 14 của Tỉnh uỷ Bắc Thái, Đảng bộ lãnh đạo phát động quần chúng đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố mạng lưới công an viên ở các xóm, xây dựng phương án tác chiến chống bạo loạn, làm trong sạch địa bàn. Các vụ việc vụ trộm cắp, phá hoại sản xuất, chống đối chính quyền xảy ra trong xã đã được phát hiện kịp thời, giải quyết có hiệu quả.

Lực lượng dân quân du kích được củng cố cả về số lượng, chất lượng và trang bị vũ khí. Xã thành lập đại đội dân quân, mỗi HTX có một trung đội, đội sản xuất có tiểu đội dân quân được huấn luyện cơ bản theo chương trình huấn luyện của Ban Chỉ huy Huyện đội. Một số điểm phòng thủ của xã được xây dựng như các trận địa bắn máy bay, hầm hào chiến đấu, hầm trú ẩn, các chốt kiểm tra, kiểm soát...

Để tăng cường lực lượng cho việc xây dựng tuyến phòng thủ của huyện; xã thành lập một đội gồm 28 dân quân do đồng chí Đặng Đình Cường, Đảng uỷ viên, Xã đội trưởng trực tiếp tổ chức chỉ huy thực hiện nhiệm vụ trên giao. Với tinh thần trách nhiệm cao, chịu đựng khó khăn gian khổ, thiếu thốn, cùng sự giúp đỡ của Đảng, Chính quyền và nhân dân xã Hợp Tiến, trong thời gian 12 ngày, đội đã hoàn thành 120 mét hào giao thông, 15 công

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

sự chiến đấu, được cấp trên đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phong trào đẩy mạnh sản xuất, xây dựng quê hương được phát động rộng khắp, với tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ trên giao. Hậu quả của trận lụt tháng 10 năm 1978 vẫn đang phải khắc phục chưa xong thì các trận rét đậm, rét hại xảy ra liên tiếp, gây ra cho xã những khó khăn chồng chất. Mạ gieo bị chết hàng loạt, thiếu mạ, thiếu thóc giống làm nhiều diện tích trồng lúa bị bỏ hoang; các loại cây trồng khác như ngô, sắn, rau màu cũng bị ảnh hưởng chậm phát triển. Trước những yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng ngày một cao, Đảng bộ xã Huống Thượng đã tập trung lãnh đạo, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ an ninh quốc phòng với nhiệm vụ trọng tâm. Đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, nông sản với Nhà nước. Đồng thời Đảng bộ lãnh đạo nhanh chóng tổ chức sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng chuyên canh, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, đưa năng suất lúa cả năm lên 4 tấn/ha.

Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Huyện uỷ Đồng Hỷ trong hai ngày 21 và 22 tháng 4 năm 1979, Đại hội Đảng bộ xã Huống Thượng lần thứ VIII được tổ chức; có 84/102 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã về dự. Đại hội

đánh giá những thành tích, ưu điểm cũng như những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ khoá VII. Đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1979-1981 gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đình Ngư được bầu làm Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Ngô Văn Hào được bầu làm Phó Bí thư. Đồng chí Đinh Thuần Huyền được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ. Các đồng chí Ngô Thuý Vân, Đặng Đình Cường, Đỗ Trung Đình, Nguyễn Thị Toàn, Trần Kim Hùng, Trần Văn Thục, Trần Xuân Thắng, Dương Thuý Đảm, Ngô Thuý Sửu, Trịnh Thị Sáu được bầu làm Uỷ viên Ban Chấp hành.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo củng cố các HTX theo tinh thần Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ. Đảng uỷ lãnh đạo hợp nhất 4 HTX nông nghiệp thành một HTX nông nghiệp toàn xã.

Ngày 04 tháng 5 năm 1979, Đại hội Đại biểu xã viên, thành lập HTX nông nghiệp toàn xã được tiến hành, Đại hội nhất trí đặt tên là HTX Đồng Tiến. Đồng chí Đinh Thuần Huyền được Đại hội bầu làm Chủ nhiệm. Các đồng chí: Trần Văn Thục, Dương Thuý Đảm được bầu giữ chức Phó Chủ nhiệm. Đại hội cũng đã bầu ra các ban gồm: Ban

Kiểm soát, Ban Kế hoạch, Ban Định mức, Ban Thương binh và xã hội. Đây là một sự kiện quan trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng bộ cũng như đời sống chính trị, kinh tế xã hội của xã Huống Thượng. Từ trình độ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên xây dựng HTX toàn xã đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt, có mặt duy ý chí, thiếu thực tiễn, song về cơ bản, Đảng bộ đã lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, guồng máy của HTX nhanh chóng đi vào hoạt động.

HTX có 13 đội sản xuất, 605 hộ xã viên; 3.339 nhân khẩu; quản lý 1.016 mẫu 5 sào 11 thước đất trồng lúa. Mục tiêu đề ra là: "thống nhất chỉ đạo, nhanh chóng phát triển sản xuất, quy hoạch theo vùng miền, đưa các giống mới như Nông nghiệp 8, X1 vào gieo trồng. củng cố đội 202, tập trung làm tuyến mương từ trạm bơm Cầu Treo xuống Đồng Cả để cấy chiêm xuân. Đảm bảo trại chăn nuôi thường xuyên có từ 300 con lợn trở lên, trong đó có 150 con lợn nái để cung cấp lợn giống cho xã viên. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, mỗi hộ có từ 1 đến 2 con lợn, 10 con gà, vịt, ngan, ngỗng để đảm bảo nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước và cải thiện đời sống. Đàn trâu của hợp tác xã là 450 con, của xã viên 90 con; duy trì ao cá 5 ha, chăn thả 50 vạn con mỗi năm. Xây dựng, củng cố các tổ, đội ngành nghề, xây dựng 5 nhà kho, 5 sân phơi, làm mới 3 nhà gửi trẻ."

HTX mua bán đã có bước đổi mới, trong điều kiện chung của cả nước, hàng hoá vô cùng khan hiếm. Các mặt hàng nhu yếu phẩm thiết yếu liên quan tới đời sống của dân đều thực hiện theo chế độ tem phiếu. HTX đã mạnh dạn tổ chức ký hợp đồng hai chiều với đội sản xuất và hộ gia đình xã viên, đổi hàng vật tư lấy sản phẩm nông dân làm ra. Tạo sự gắn kết mới, giữa HTX với xã viên, bước đầu hình thành tư tưởng tự chủ trong sản xuất kinh doanh, huy động khả năng sẵn có trong dân.

Tuy đã đạt được một số kết quả, nhưng HTX cũng bộc lộ những yếu kém kéo dài khó khắc phục. Do sản xuất phụ thuộc quá nhiều vào thời tiết nên Huống Thượng luôn khó đạt chỉ tiêu về diện tích gieo trồng và sản lượng đề ra. Tư tưởng bảo thủ nặng nề, công tác quản lý đất đai, tài sản lỏng lẻo, linh xình. Một số đội sản xuất do tư tưởng cục bộ nên không bàn giao tài sản cho HTX hợp nhất, thậm chí còn làm đơn tập thể xin ra HTX. Ý thức làm chủ tập thể của xã viên chưa cao, làm bừa, làm ẩu, giấu sản lượng; sản phẩm làm ra phân phối ăn chia thiếu công bằng, còn để lãng phí nhiều. Ước tính hàng năm lượng thất thoát sau mỗi vụ thu hoạch thóc rơi, thóc vãi cũng trên 10%. Việc xác định phương hướng sản xuất của HTX theo vùng miền còn máy móc, không tập trung đúng hướng. Do đó, không phát huy được thế mạnh của địa

phương, những yếu kém trên đã nảy sinh thêm nhiều mâu thuẫn, ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình chung.

Năm 1979-1980, Đảng bộ tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 72, Thông tư 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên. Kết hợp với việc triển khai Chỉ thị 83 của Trung ương Đảng, Hướng dẫn số 2078 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác phát triển đảng viên, đây là dịp để Đảng bộ cũng như mỗi đảng viên nâng cao hơn nữa vai trò trách nhiệm, thấy rõ niềm vinh dự, tự hào của những người cộng sản.

Để phục vụ cho công tác phát triển đảng viên, Đảng bộ đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị và phân loại chất lượng đảng viên. Đợt sinh hoạt này, toàn Đảng bộ có 104 đảng viên, qua bình xét phân loại có 84 đảng viên đủ tư cách được đề nghị phát triển, 20 đảng viên không đủ tư cách với nhiều lý do khác nhau. Trong đó, có 5 đảng viên đã phải khai trừ, 5 đảng viên bị khai trừ lưu đảng, 2 đảng viên bị cảnh cáo, 1 bị khiển trách. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy đã xem xét, nghiên cứu, xác minh, kết luận 7 đơn thư khiếu nại, tố cáo của đảng viên, quần chúng.

Trong xây dựng Đảng, công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình còn e dè nể nang; công tác phát triển đảng yếu kém, hẹp hòi ảnh hưởng trực tiếp tới tỷ lệ lãnh đạo của Đảng bộ cũng như công tác qui hoạch cán bộ trẻ, tính kế thừa bị hẫng hụt.

Những kết quả đạt được cũng như những thiếu sót khuyết điểm, kể cả những sai lầm trong quá trình lãnh đạo những năm qua, là những bài học thực tế để xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tiếp tục tiến lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Đây cũng là thời điểm kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976 - 1980) mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khoá IV đề ra.

II- Khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, đẩy mạnh sản xuất, cùng cả nước thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ III

Bước sang năm 1981, tình hình xã Huống Thượng vẫn tồn tại nhiều khó khăn, phức tạp. Từ sau khi hình thành HTX hợp nhất, sản xuất có mặt bị đình trệ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Huống Thượng cũng nằm trong bối cảnh chung của đất nước, tuy chiến tranh biên giới đã kết thúc, nhưng xung đột biên giới vẫn còn diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa đế quốc cũng như bọn phản động quốc tế chưa từ bỏ dã tâm làm suy yếu và thôn tính nước ta, tiếp tục cuộc chiến tranh phá hoại ta trên nhiều mặt.

Ngày 15 tháng 5 năm 1981, Đảng bộ xã Huống Thượng tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, nhiệm kỳ 1981-1983 để kiểm điểm đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII. Đại hội đã

bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí; đồng chí Ngô Văn Hào(HT), Huyện uỷ viên, cán bộ do Huyện uỷ Đồng Hỷ tăng cường về xã, được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Ngô Văn Hào(S)³⁰⁸, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân được bầu giữ chức Phó Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Đinh Thuần Huyền, Chủ nhiệm hợp tác xã được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ.

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất nông nghiệp cũng như việc củng cố xây dựng hợp tác xã, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ngày 13 tháng 01 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 CT/TW về "cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp", gọi tắt là "Khoán 100". Đây là bước thử nghiệm quan trọng của Đảng ta về đổi mới tư duy trong phát triển kinh tế nông nghiệp và trong cải cách mô hình HTX, tạo ra động lực mới cho nông dân. Quán triệt tinh thần của Chỉ thị 100, Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng như có một luồng sinh khí mới với tinh thần phấn khởi tin tưởng vào đường lối chủ trương của Đảng. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của

³⁰⁸ Do có 2 đồng chí cùng tên là Ngô Văn Hào, để tiện theo dõi, từ đây về sau tổ biên soạn ghi đồng chí Hào xóm Huống Trung là Ngô Văn Hào (HT) và đồng chí Hào xóm Sộp là Hào (S) hoặc chỉ ghi Ngô Văn Hào.

Huyện uỷ, Đảng bộ xã xác định quyết tâm và đưa ra chủ trương biện pháp kiên quyết thực hiện thắng lợi những mục tiêu, yêu cầu của Chỉ thị đề ra.

Đảng uỷ chỉ đạo Ban quản trị HTX phối hợp cùng UBND điều tra nắm chắc thực tế đất nông nghiệp của từng đội sản xuất, lập kế hoạch giao khoán cụ thể từng diện tích, sản lượng của từng thửa ruộng, từng vụ và cả năm.

Do đặc điểm của xã Huống Thượng, ruộng đất manh mún, có nhiều xứ đồng với 6.710 thửa ruộng các loại; một đội sản xuất đã có 20 – 25 xứ đồng khác nhau nên việc giao khoán gặp không ít khó khăn. Được sự chỉ đạo của Huyện uỷ mà trực tiếp là Thường vụ Đảng uỷ nên ngay trong năm 1981, 1982, toàn bộ số diện tích gieo trồng của HTX gồm 1.025 mẫu 1 sào 11 thước cùng tất cả các loại đất màu, đất soi bãi, đất khai phá đều được cộng vào để tính bình quân cho số nhân khẩu trong toàn xã (lúc này xã Huống Thượng có 686 hộ, 3.489 nhân khẩu), riêng đất 5% được giải quyết trả lại nguyên như năm 1960.

Đây là một hình thức sản xuất mới, được nhân dân phấn khởi đón nhận. Trên cơ sở HTX đảm bảo cơ cấu giống lúa có năng suất cao, đảm bảo nước tưới tiêu, điều hành sức cày kéo, thuốc bảo vệ thực vật. Khi thu hoạch

sản phẩm làm ra xã viên nộp cho HTX theo kế hoạch khoán, số còn lại xã viên được hưởng. Chính từ cách làm đó trong hai năm đầu (1981-1982) tuy phát sinh thêm một số khó khăn, một số mâu thuẫn nhưng năng suất và sản lượng lương thực của HTX đã tăng lên đáng kể so với các năm trước.

Cùng với việc tổ chức thực hiện khoán trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả, HTX cũng thực hiện chế độ giao khoán cho từng hộ gia đình, đội chuyên kể cả đội chuyên làm rau, làm mộc... Ngoài ra HTX giao khoán cho xã viên nuôi trâu, nuôi lợn (gọi là nuôi gia công). Cứ 1 kg lợn hơi, HTX đổi cho xã viên 4 kg thóc và cũng cứ 1kg lợn hơi, xã viên lại bán kèm cho HTX 20kg phân chuồng với giá 25 đồng 1 tấn phân lợn, 20 đồng 1 tấn phân trâu; cứ 1 đồng tiền thừa ngoài khoán, người chăn nuôi được mua 0,7 kg thóc. Từ đó, phong trào chăn nuôi của gia đình xã viên phát triển, mọi người, mọi nhà đều hào hứng phấn khởi, vì thế Huống Thượng nhiều năm vượt mức thu mua thực phẩm theo kế hoạch. Đồng thời, lượng phân bón đảm bảo cho sản xuất cũng tăng lên, bình quân mỗi hécta được bón trên 7 tấn phân hữu cơ, 200 đến 210 kg phân vô cơ, tạo cơ sở để năng suất cây trồng được nâng cao.

Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở hạ tầng. Trọng tâm là xây

dựng, củng cố hệ thống trạm bơm Huống Trung, Bầu Trám, kênh mương nội đồng để tăng dần diện tích cấy 2 vụ. Đắp đập giữ nước hồ xóm Thông, xây dựng mới các trạm bơm xóm Cây, xóm Già, trạm bơm xóm Sộp, sửa chữa trường học, trạm xá.

Do đặc điểm về địa lý, từ trung tâm xã đến trung tâm thành phố Thái Nguyên chỉ vài ba kilômét, nhưng đi lại, lưu thông buôn bán gặp rất nhiều khó khăn, bởi bị sông Cầu chia cắt. Bao đời nay, nhân dân trong xã đã khắc phục bằng con đò ngang hoặc cầu phao nhưng vẫn không đáp ứng được trước yêu cầu phát triển của xã hội. Ngày 10 tháng 3 năm 1982, Thường vụ Đảng uỷ, UBND, Ban Quản trị HTX, họp bàn và quyết định làm cầu treo thay thế cầu phao bắc qua sông Cầu. Nhưng do tình hình kinh phí đang trong lúc gặp khó khăn, cấp trên chỉ chi viện, giúp đỡ xã việc thiết kế, thi công. Theo dự toán, công trình có giá trị 400 ngàn đồng-là một số tiền quá lớn với ngân sách của địa phương. Mặc dù vậy, Đảng bộ vẫn quyết tâm lãnh đạo phát huy nội lực bằng cách huy động mỗi khẩu cho xã vay 8 kg thóc, đồng thời xã đổi toàn bộ số ruộng xen canh của HTX ở xóm Túc Tiến, lấy đất làm đường dẫn lên cầu. Với quyết tâm của lãnh đạo, sự đồng tình của nhân dân, công trình được thi công và khánh thành vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh năm 1983. Tuy

chưa phải là chiếc cầu vững chắc, lâu dài nhưng đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân, tạo được nguồn thu cho ngân sách, góp phần làm cho đời sống kinh tế xã hội của xã Huống Thượng ngày một phát triển đi lên.

Thực hiện Nghị quyết 16/NQ/BT của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, Chỉ thị 14 của Tỉnh uỷ về phát động quần chúng đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) và Chỉ thị 128 của Hội đồng Bộ trưởng, lấy xã phường làm địa bàn, gắn công tác củng cố cơ sở Đảng, Chính quyền, đoàn thể với việc củng cố các vùng xung yếu, các vùng trọng điểm. Đảng bộ đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ tình hình nhiệm vụ, thấm nhuần sâu sắc mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, tin tưởng, không mơ hồ mất cảnh giác, nâng cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn trở ngại. Chính vì thế công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững, ổn định. Nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm nào xã Huống Thượng cũng hoàn thành, nhất là công tác tuyển quân, giao quân. Từ năm 1980 đến năm 1985 có 197 thanh niên nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Lực lượng dân quân

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

tiếp tục được củng cố, xây dựng, duy trì tốt chế độ huấn luyện quân sự hàng năm theo kế hoạch, phương án tác chiến đã được Ban Chỉ huy quân sự huyện Đồng Hỷ phê duyệt; xã nhiều năm liền được công nhận là đơn vị huấn luyện quân sự giỏi.

Thực hiện khẩu hiệu "quân với dân một ý chí", cuối năm 1979 đầu những năm 1980, xã Huống Thượng được đón Tiểu đoàn 1/ Lữ đoàn xe tăng 273/ Quân đoàn 3 một đơn vị chủ lực của Bộ Quốc phòng về đóng quân trên địa bàn. Đảng bộ đã nhanh chóng nắm bắt tình hình phối hợp chặt chẽ, cùng lãnh đạo chỉ huy đơn vị ổn định nơi ăn ở, bãi đỗ xe, hợp đồng phương án tác chiến tại chỗ. Ngay từ những ngày đầu mới về, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 được nhân dân các xóm Già, xóm Gò Chè, xóm Đảng, trực tiếp đón bộ đội về nhà ở, coi cán bộ chiến sĩ như con em ruột thịt của mình. Nhân dân xã Huống Thượng quyên góp hàng trăm ki lô gam lương thực, thực phẩm như thịt lợn, gà, vịt, gạo nếp, bánh chưng giúp bộ đội ăn tết. Khi bộ đội rời nhà dân ra ở tập trung theo quy định, Đảng ủy, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, nhân dân trong xã đã chia sẻ những khó khăn cùng bộ đội. Giúp bộ đội hàng trăm cây tre, rơm, rạ, gỗ, lạt, giúp công sức cùng bộ đội làm doanh trại, đào hầm hào xây dựng công sự chiến đấu, được đơn vị đánh giá cao. Chính sự giúp đỡ tận tình, vô tư, không chỉ bằng

tình cảm mà cả công sức, vật chất đã góp phần giúp đơn vị nhanh chóng ổn định nơi ăn nơi ở, sẵn sàng chiến đấu. Công an xã phối hợp cùng đơn vị xây dựng vành đai an toàn, duy trì chế độ giao ban hàng tháng, hàng quý cùng nhau giữ gìn an ninh chính trị địa bàn. Ngoài ra để thắt chặt tình quân dân được sự nhất trí của Đảng uỷ, Chỉ huy lữ đoàn 273 và Đảng uỷ, UBND xã Huống Thượng; Ban Chấp hành Đoàn xã đã tổ chức kết nghĩa với Liên chi đoàn 1. Ban Chấp hành Đoàn xã phối hợp với Ban Chấp hành Liên chi đoàn 1 tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, bổ ích, giúp đỡ lẫn nhau trên nhiều lĩnh vực nhất là tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ, giao lưu học hỏi, kể chuyện truyền thống.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều cố gắng trong xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Xã Huống Thượng có một bộ phận nhân dân ở xóm Huống Trung theo đạo Công giáo (82 hộ, 342 nhân khẩu) còn lại một số sống rải rác ở xóm Sộp, xóm Già, xóm Gò Chè. Mặt trận đã thường xuyên chú trọng, củng cố xây dựng sự đoàn kết lương giáo, chính vì thế nhân dân trong xã dù là giáo hay lương đều một lòng đi theo Đảng, tôn trọng Chính quyền, thực hiện nghiêm chỉnh mọi đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Nhiều thanh niên công giáo đã hăng hái lên đường nhập ngũ, nhiều người hy sinh hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ

quốc, nhiều người trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, có người là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy. Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp chặt chẽ cùng các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh các hoạt động, tuyên truyền, vận động nhân dân: chống mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới, thăm hỏi, động viên các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện tốt chức năng của mình trong các cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các cuộc tiếp xúc cử tri góp phần nâng cao ý thức làm chủ tập thể, thực hiện dân chủ, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền vững mạnh.

Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị xã hội trong đầu những năm 80 (thế kỷ XX) gắn liền với quá trình Đảng bộ tập trung xây dựng tổ chức đảng, rèn luyện đội ngũ đảng viên. Kết quả đó đã thể hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Đảng bộ quan tâm, đầu tư công sức, triển khai một cách toàn diện, thường xuyên liên tục. Đảng bộ đã tổ chức cho đảng viên nhiều đợt sinh hoạt chính trị học tập, nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ. Qua học tập, cán bộ, đảng viên đã nâng cao nhận thức về đường lối quan điểm của Đảng, tạo sự nhất trí cao trong Đảng cũng như quần chúng nhân dân. Vì thế từ sau Đại hội tháng 5 năm 1981, tình hình Đảng bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực nhất là nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, củng cố HTX.

Trong hai ngày 10 và 11 tháng 10 năm 1985 dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Đảng uỷ. HTX Đồng Tiến tổ chức Đại hội đại biểu xã viên lần thứ II, có 176 đại biểu của 13 đội sản xuất đã về dự. Đại hội đã đánh giá kết quả mà HTX đã làm được; kiểm điểm những yếu kém trong quá trình điều hành sản xuất, xây dựng HTX, nhất là trong quá trình thực hiện khoán 100; những mặt làm được, chưa được và đề ra phương hướng, kế hoạch sản xuất 2 năm (1986-1987), phương hướng giải quyết các tồn đọng về đất đai, công nợ, tài sản của HTX. Đại hội bầu Ban quản lý mới gồm 7 người. Ông Đinh Thuần Huyền, Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ tiếp tục được bầu làm Chủ nhiệm. Các ông Đào Văn Giang, Trần Văn Thục và bà Dương Thuý Đảm được bầu giữ chức Phó Chủ nhiệm HTX.

Từ năm 1975 đến năm 1980, nhiều chi bộ không kết nạp được đảng viên nào, trong khi đó số đoàn viên, thanh niên, cùng với lực lượng cán bộ quần chúng nông cốt ở cơ sở khá dồi dào. Thấy rõ khuyết điểm, trong 2 năm 1980 và 1981, Đảng bộ đã tập trung cho công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo nguồn, đưa lực lượng nông cốt gồm 32 người đi học các lớp cảm tình Đảng do Huyện uỷ mở. Số cảm tình Đảng sau khi đi học về tiếp tục được Đảng bộ giao nhiệm vụ để thử thách rèn luyện, các chi bộ phân công đảng viên giúp đỡ; vì thế từ năm 1982 đến

năm 1985 toàn Đảng bộ đã kết nạp được 12 đảng viên. Một số chi bộ đã có chuyển biến tích cực như Chi bộ Huống Trung, Chi bộ Nhà trường, Chi bộ xóm Già... Nhìn chung công tác phát triển Đảng đã thực hiện đúng phương châm phương hướng, đảm bảo chất lượng, số đảng viên mới kết nạp đã nhanh chóng được giao nhiệm vụ cụ thể và phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đảng viên, được quần chúng tín nhiệm. Bên cạnh đó, Đảng uỷ tập trung lãnh đạo công tác kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, những việc làm sai trái, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Từ năm 1981 đến năm 1984, Đảng bộ có 3 đảng viên bị thi hành kỷ luật khai trừ, 4 đảng viên bị kỷ luật bằng các hình thức khiển trách và cảnh cáo.

Từ ngày 24 đến ngày 25 tháng 3 năm 1984, Đảng bộ tiến hành Đại hội đảng viên lần thứ X, nhiệm kỳ 1984-1986. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí, đồng chí Ngô Văn Hào (HT) được tái cử Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Ngô Văn Hào (S), Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã làm Phó Bí thư; đồng chí Đinh Thuần Huyền, Chủ nhiệm HTX là Uỷ viên Ban Thường vụ. Tiếp theo, cuối năm 1985, Đảng bộ tiến hành phân tích chất lượng chi bộ, đảng viên; tất cả các chi bộ và 133/133 đảng viên tham dự bình xét. Kết quả, có 107 đảng viên đủ tư cách mức I;

số còn lại ở mức II, mức III; có 6 đồng chí phải xem xét xử lý kỷ luật. Với kết quả trên, từ năm 1983 đến năm 1985, Đảng bộ liên tục được công nhận "Đảng bộ trong sạch vững mạnh", năm 1985 được đề nghị Tỉnh ủy khen.

Sau 10 năm, đất nước hoà bình, thống nhất (1975-1985) thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đề ra: "xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Với nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Đảng bộ là: "xây dựng, phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng, khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền, đoàn thể trong sạch vững mạnh, nâng cao đời sống nhân dân", Đảng bộ, nhân dân xã Huống Thượng đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, thăng trầm để đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ cũng còn nhiều khuyết điểm, thậm chí cả những sai lầm. Là xã thuần nông, đời sống nhân dân chủ yếu trông chờ vào cây lúa, nhưng sản xuất lại chậm phát triển, không ổn định. Sản xuất mang tính chất độc canh cổ hữu, chưa thoát khỏi tính chất của một nền sản xuất nhỏ lạc hậu, manh mún, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Trình độ của cán bộ, đảng viên về công tác quản lý kinh tế yếu kém, tư tưởng nóng vội, duy ý chí đã không đáp ứng được những đòi hỏi đặt ra của cuộc

sống. Vì vậy tuy đã có rất nhiều cố gắng, trăn trở tìm tòi hướng đi, nhưng tình hình kinh tế của xã vẫn còn ở mức thấp. Điển hình như công tác chuyển đổi từ HTX cấp thấp lên HTX cấp cao (4 hợp tác xã thành một) hay qua 4 năm thực hiện cơ chế khoán 100 (từ 1982 đến 1985) không đạt được mục tiêu đề ra. Nguyên nhân là do nghiên cứu không kỹ, vận dụng thiếu sáng tạo, khô cứng, nên việc hoạch định, xây dựng kế hoạch giao khoán chưa sát, thiếu thực tế. Công tác tuyên truyền giáo dục, học tập trong quần chúng chưa sâu, nên dẫn đến tình trạng người dân phấn khởi, hăng hái làm ra sản phẩm nhưng khi giao nộp sản phẩm lại gặp khó khăn, tạo kẽ hở để tư tưởng tiêu cực, vụ lợi nảy sinh và phát triển.

Công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất của HTX diễn biến phức tạp để xảy ra mất mát, hư hỏng, phân tán. Chế độ quản lý, hạch toán kinh tế trong HTX yếu, dẫn đến việc thực hiện 3 lợi ích Nhà nước, tập thể và người lao động gặp nhiều khó khăn. Công tác tổ chức, điều hành thực hiện các nhiệm vụ đặt ra thiếu cụ thể, chưa sâu sát nên còn bị động lúng túng. Việc phối hợp hoạt động giữa các bộ phận, các ban, ngành đoàn thể không chặt chẽ, chưa đồng bộ. Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, giải quyết chưa tốt, còn

chồng chéo, bao biện, làm thay. Không phát huy được sức mạnh tổng hợp trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng nên vai trò làm chủ tập thể của nhân dân, của hội viên chưa được phát huy đầy đủ...

Từ thực tế đó, Đảng bộ xã Huống Thượng đã đúc rút được nhiều bài học và những kinh nghiệm quý báu. Tiếp tục lãnh đạo nhân dân trong xã: "phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm xây dựng xã Huống Thượng ngày một phát triển đi lên theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn".

Chương V

**ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
(1986-2010)**

**I- Những năm đầu đổi mới - khó khăn và thử thách
(1986-1990)**

Sau cuộc tổng điều chỉnh giá lương tiền cuối năm 1985, nền kinh tế của nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng, lạm phát tăng cao³⁰⁹. Lương thực, thực phẩm, vật tư hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân đều rất khan hiếm, giá cả tăng từng ngày. Các mặt hàng chính phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như giống, phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật cũng tăng giá nhiều lần. Mấy năm thực hiện khoán 100, tình hình sản xuất, đời sống của nhân dân trong xã có khá hơn, nhưng vẫn nằm trong tình trạng khó khăn chung của cả nước. Quá trình thực hiện khoán 100 trong nông nghiệp đã dẫn bộc lộ những bất cập, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, phức tạp.

³⁰⁹ Do hậu quả của 30 năm chiến tranh; do chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và những yếu kém trong cơ chế chính sách; thời kỳ này lạm phát của nước ta lên đến 774% (bài của Đại tướng Lê Đức Anh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước cộng hòa XHCN Việt Nam đăng trên báo Nhân Dân số 18596 ra thứ hai, ngày 17/10/2006).

Thực hiện Chỉ thị 80 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và hướng dẫn của cấp trên, về tiến hành Đại hội Đảng các cấp. Ngày 20 tháng 3 năm 1986, Đảng bộ xã Huống Thượng tiến hành Đại hội nhiệm kỳ lần thứ XI, có 125/145 đảng viên chính thức trong Đảng bộ về dự. Ngoài việc kiểm điểm công tác lãnh đạo nhiệm kỳ vừa qua, Đại hội đã tập trung thảo luận và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội nhiệm kỳ 1986-1988. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí, và bầu đồng chí Ngô Văn Hào(HT) làm Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Ngô Văn Hào(S) Chủ tịch UBND làm Phó Bí thư; đồng chí Đinh Thuần Huyền làm Uỷ viên Thường vụ. Các đồng chí Đặng Đình Cường, Đỗ Trung Đình, Đặng Đình Luyện, Đặng Đình Chiến, Nguyễn Thị Nên, Nguyễn Thị Toàn, Trần Văn Thục, Đặng Minh Sơn, Nguyễn Đình Sơn và Dương Thuý Đảm là Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ.

Tiếp đó, ngày 02 tháng 9 năm 1986, Đảng bộ xã Huống Thượng triệu tập Đại hội vòng hai, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo Chính trị chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ cấp trên và bầu Đoàn Đại biểu Đảng bộ gồm 5 đồng chí đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Hỷ khoá XVII. Tại Đại hội, Đảng bộ xã Huống Thượng vinh dự được nhận cờ “Đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc” do Tỉnh uỷ Bắc Thái trao tặng.

Cuối năm 1986, Đảng bộ và Nhân dân xã Huống Thượng liên tiếp chào đón thành công của Đại hội Đảng cấp tỉnh, cấp huyện. Đặc biệt là Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) diễn ra tại thủ đô Hà Nội. Đây là kỳ Đại hội có dấu ấn lịch sử sâu sắc, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, coi đó là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, ngay trong năm đầu, Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng đã gặp phải muôn vàn khó khăn, do cả chủ quan và khách quan mang lại. Thời tiết diễn biến phức tạp, thiên tai liên tiếp xảy ra; sâu bệnh phát triển trên diện rộng, phá hoại mùa màng. Đồng thời, là thời kỳ đầu chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế mới, nhận thức của một bộ phận, cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa theo kịp, làm cho tình hình sản xuất vốn đã khó khăn, càng khó khăn hơn, nhất là trong khâu kế hoạch, chỉ đạo, điều hành.

Năm 1986, diện tích cấy lúa theo kế hoạch 1.052 mẫu, sản lượng đề ra là 815 tấn thóc, nhưng thực tế chỉ thu được 575 tấn (chỉ đạt 70,55% kế hoạch), riêng vụ đông xuân giảm 38% sản lượng. Năm 1987, tình hình sản xuất nông nghiệp cũng không tiến bộ; cả năm toàn xã chỉ nhập kho được 10.436 kg thóc, trong khi đó phải xuất đi 16.712 kg, quá mức nhập kho 6.275 kg; nợ Nhà nước 40.000 kg thóc đối đậm; kế hoạch làm rau màu đề ra không thực

hiện được. Hai năm 1986, 1987, bình quân lương thực đầu người chỉ được 07 kg thóc/1 tháng.

Về chăn nuôi, cả tập thể và hộ gia đình đều không phát triển; đàn trâu của HTX còn 238 con cũng đã được đem bán cho xã viên với số tiền là 1.704.860 đồng, nhưng HTX cũng mới thu được 710.262 đồng.

Các ngành nghề chưa củng cố được đã phải giải tán; một phần tài sản HTX bị mất mát hao hụt, phần còn lại cũng phải hoá giá đem bán nội bộ phụ vụ cho nhu cầu trước mắt.

Tất cả đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, nhiều hộ gia đình trong kỳ giáp hạt thiếu ăn từ 1 đến 2 tháng. HTX lâm vào khủng hoảng nhiều mặt, một số cán bộ, đảng viên biểu hiện mệt mỏi, bi quan, thiếu trách nhiệm. Xã viên thờ ơ thiếu lòng tin đòi ra làm ăn riêng lẻ, nổi cộm nhất là các đội sản xuất ở xóm Cây, Huống Trung.

Chấp nhận thực tế đang diễn ra với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, kiên quyết đổi mới đi lên, Đảng bộ xác định trước hết phải tập trung vào công tác xây dựng Đảng thật sự trong sạch vững mạnh. Ngay trong năm 1986, Đảng bộ đã tổ chức đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình từ cấp uỷ đến từng đảng viên, tập trung kiểm

điểm vào 3 nội dung chính “phẩm chất đạo đức; năng lực và tác phong lãnh đạo”. Đợt sinh hoạt chính trị này đã thu được kết quả bước đầu rất quan trọng trong tư tưởng và nhận thức của đảng viên. Tuy nhiên, trong đảng bộ vẫn có một số cá nhân bản lĩnh không vững vàng, kém ý thức, vi phạm các khuyết điểm như làm trái chủ chương lãnh đạo, cụ bộ mất đoàn kết, vụ lợi cá nhân ... làm giảm lòng tin của nhân dân. Ngày 29/10/1987, Đảng ủy ra Quyết nghị đề nghị Huyện ủy thi hành kỷ luật 5 đảng viên (gồm toàn bộ Ban Thường vụ và 02 đảng ủy viên) bằng các hình thức kiến trách và cảnh cáo.

Trước tình hình trên, ngày 05 tháng 12 năm 1987, Huyện ủy cử đoàn cán bộ gồm 7 thành viên, do đồng chí Nguyễn Văn Kim, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, làm trưởng đoàn trực tiếp về giúp đỡ xã tháo gỡ khó khăn. Ngày 8/12/1987 đồng chí Nguyễn Văn Kim thay mặt Huyện ủy công bố các Quyết định từ số 16-19/NQ/HU, ngày 17/11/1987 thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức đảng ủy viên 02 đồng chí (01 Bí thư Đảng ủy và 01 Đảng ủy viên là Phó Chủ nhiệm HTX); cảnh cáo 02 đồng chí (01 Ủy viên Ban thường vụ là Chủ nhiệm HTX và 01 Đảng ủy viên là Phó Chủ tịch UBND); đồng thời chỉ định đồng chí Ngô Văn Hào (S) làm Quyền Bí thư Đảng ủy.

Tiếp đó, vào cuối năm 1987, Đảng bộ tổ chức cho toàn thể cán bộ đảng viên nghiên cứu học tập Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cuộc vận động: “Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội”.

Trong quá trình triển khai thực hiện cuộc vận động, đoàn công tác của Huyện uỷ đã phối hợp chặt chẽ với Ban Thường vụ Đảng uỷ và Ban Chỉ đạo cuộc vận động của xã, chỉ đạo thực hiện một cách nghiêm túc đến từng chi bộ, từng đảng viên; rút kinh nghiệm kịp thời, uốn nắn những sai trái lệch lạc. 100% đảng viên trong toàn Đảng bộ đã được quán triệt tinh thần của cuộc vận động, nghiêm túc tự làm bản kiểm điểm, báo cáo trước chi bộ về những khuyết điểm của bản thân để chi bộ xem xét đóng góp ý kiến, đồng thời mỗi đảng viên đều được quần chúng tham gia đóng góp xây dựng, nhất là đối với các đồng chí đảng viên là cán bộ giữ các cương vị lãnh đạo của Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, HTX.

Một cuộc đấu tranh phê và tự phê bình diễn ra đúng với tính chất của cuộc vận động xây dựng chính đốn Đảng. Đấu tranh giữa cái mới với cái cũ; giữa tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, tiêu cực, tác phong làm việc quan liêu, thiếu trách nhiệm, xa rời quần chúng, tham ô, lãng phí, cơ hội, bè phái, mất đoàn kết với tư tưởng tiến bộ đổi mới đi lên. Các đảng viên đóng góp cho nhau một cách chân tình thẳng thắn “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”. Tuy có

lúc căng thẳng quyết liệt, nhưng nhìn chung các đảng viên được phê bình đều thấy rõ trách nhiệm của mình, đảm bảo sự thống nhất cao. Từ tháng 11/1987 đến đầu năm 1989, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 15 đảng viên; gồm khai trừ 2; cách chức 3; cảnh cáo 3; khiển trách 3; xoá tên 4 và nhiều đảng viên khác phải phê bình nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Đây là một tổn thất rất nặng nề đối với Đảng bộ xã Huống Thượng kể từ khi thành lập; chỉ trong một thời gian chưa đầy 2 năm mà số đảng viên bị xử lý kỷ luật quá nhiều đối với một Đảng bộ có truyền thống vẻ vang; lại tập trung chủ yếu vào số đảng viên là cán bộ có chức, có quyền-những người đã được rèn luyện thử thách qua những khó khăn, gian khổ, ác liệt.

Trong khi một số đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, vi phạm phẩm chất đạo đức; thì tuyệt đại đa số đảng viên vẫn phát huy được tính tiên phong gương mẫu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều đồng chí vẫn là những tấm gương sáng tận tụy với công việc, được Đảng tin, quần chúng tin nhiệm như các đồng chí Nguyễn Đình Ngư, Nguyễn Thị Nền, Đặng Đình Toàn, Nguyễn Đình Sơn, Đỗ Trung Đỉnh, Đặng Đình Chiến, Nguyễn Công Thành..., cùng nhiều đảng viên khác được công nhận phần đấu tốt, là những tấm gương tiêu biểu, trung thành với Đảng, tận tụy với dân, là nhân tố tích cực đảm bảo cho Đảng bộ tiếp tục đổi mới đi lên.

Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, bên cạnh việc nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ vẫn thường xuyên quan tâm tới công tác phát triển đảng. Từ năm 1986 đến tháng 6 năm 1988, Đảng bộ kết nạp được 7 quần chúng ưu tú vào Đảng; chuyển từ đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức cho 4 đồng chí. Các chi bộ làm tốt công tác phát triển đảng là Chi bộ Huống Trung, Chi bộ xóm Hóc, Chi bộ Nhà trường. Đây là một thành tích đáng phấn khởi, một bài học tốt cho các chi bộ nhiều năm liền không kết nạp được một đảng viên nào.

Thực hiện chỉ thị của Huyện uỷ mà trực tiếp là sự chỉ đạo của Đoàn công tác, ngày 16 tháng 01 năm 1988, Đảng uỷ xã Huống Thượng ra Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo Đại hội HTX nông nghiệp. Nội dung của Đại hội có hai phần chính: Một là; Ban quản trị HTX phải tổng kết, kiểm điểm đánh giá kết quả đã làm được trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất 1985-1987; những thiếu sót khuyết điểm, những tồn tại vướng mắc của HTX, tìm ra nguyên nhân, đề xuất những chủ trương, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thời gian tới. Hai là; tiến hành bầu Ban Quản lý mới, với tinh thần “dân chủ, đổi mới”. Ban Quản lý mới phải là những người tâm huyết với HTX, có phẩm chất đạo đức, có trình độ năng lực hoạt động kinh tế, chí công vô tư, có uy tín với xã viên. Ngày 07 tháng 02 năm 1988 Đại hội đại biểu xã viên HTX nông nghiệp Đồng Tiến lần

thứ III được triệu tập, có 187 đại biểu tham dự. Đồng chí Nguyễn Văn Kim, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, cùng các đồng chí trong Đoàn công tác, các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, đại diện các ban, ngành, đoàn thể trong xã tham dự và chỉ đạo đại hội. Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá những việc làm được, chưa làm được; những khó khăn vướng mắc của HTX; những tồn tại khó giải quyết có nguy cơ làm tan rã HTX tìm ra nguyên nhân và những bài học cụ thể. Đại hội đã đề ra phương hướng, kế hoạch củng cố HTX; kế hoạch sản xuất trong thời gian tới. Ông Nguyễn Đình Ngư được bầu làm Chủ nhiệm; ông Trần Thanh Phong làm Phó Chủ nhiệm cùng 3 ủy viên là Hoàng Đình Minh, Nguyễn Thị Toàn, Nguyễn Thị Nền. Đồng thời với việc kiện toàn Ban Quản trị HTX; 18 đội sản xuất cũng được củng cố và bầu ra đội trưởng.

Sau Đại hội HTX Nông nghiệp, xã Huống Thượng bắt đầu triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-BCT/TW, ngày 05 tháng 4 năm 1988, của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, gọi tắt là “Khoán 10”. Khoán 10 của Bộ Chính trị cùng Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái đã tạo nên một luồng sinh khí mới, một động lực mới để Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng nhanh chóng tháo gỡ

khó khăn, vững tin thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới mà Đảng đã đề ra. Bắt đầu từ năm 1988, người nông dân nhận khoán chỉ còn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước theo quy định và các khoản quỹ thực tế cho HTX; được tự do lưu thông sản phẩm của mình làm ra.

Tại xã Huống Thượng, với phương thức HTX lo đủ nước, thuốc trừ sâu, phân hoá học; người nhận khoán phải bảo đảm các khoản như làm đất, bón phân chuồng, chăm sóc thường xuyên... Khi thu hoạch, người lao động nộp 11,3% thuế nghĩa vụ cho Nhà nước và 4 loại quỹ cố định của HTX do Đại hội xã viên quyết định đó là: quỹ công ích 1%; quản lý phí 0,3%; chi phí đãi ngộ 1%; và 1% chi phí mua sắm, sửa chữa tài sản của HTX. Như vậy người nông dân phải nộp 14,6% tổng sản lượng làm ra theo khoán; lợi ích của người lao động được bảo đảm và tăng lên đáng kể. Phần công của cán bộ cũng được giao khoán rõ ràng, cụ thể công khai như công của Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm hợp tác xã 300 kg thóc/người/năm. Các đối tượng khác từ 200 đến 250 kg/năm; đội trưởng 180 kg/năm. Từ cách tính toán giao khoán cụ thể đã giảm đi rất nhiều những biểu hiện tiêu cực; biên chế cũng đỡ công kênh, hiệu suất công việc khá hơn, đề cao được trách nhiệm của từng người.

Động lực từ khoản 10, cùng với những động thái tích cực trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, bước đầu đã có những ảnh hưởng tích cực đến tình hình chung của xã, mặc dù những khó khăn vướng mắc chưa được tháo gỡ, nhất là khâu điều chỉnh ruộng đất, chỉ tiêu giao khoán, giải quyết tài sản, công nợ của HTX. Tình hình sản xuất cơ bản vẫn được giữ vững, người nông dân đã tự chủ được trong sản xuất nông nghiệp, do đó ngay trong năm 1988, toàn bộ diện tích giao khoán 1.078 mẫu, với sản lượng lúa bình quân đạt 754 kg/mẫu. Xã viên đã nhận khoán, cấy hết diện tích, trừ 6 mẫu ruộng chân cao không có nước cấy vụ chiêm xuân, nên phải chuyển sang trồng màu. Trên đất trồng màu, người nông dân cũng hoàn toàn chủ động, nên đã trồng được 140 mẫu lạc và đỗ tương, không kể diện tích xã viên tận dụng bờ bãi hoang hoá, tự khai phá trồng thêm. Diện tích trồng sản ước tính gần 50 mẫu. Thực tế thu nhập của người nông dân đã tăng lên đáng kể, nhiều gia đình trước đây thiếu ăn, nay đã đủ ăn. Nhiều hộ có thóc dư thừa đem bán ra thị trường tự do để mua sắm các thiết bị trong gia đình và thanh toán công nợ cho HTX.

Đàn gia súc, gia cầm trong mỗi hộ gia đình phát triển tốt. Đàn trâu của HTX bán cho xã viên, trước đây nhiều

con gầy yếu, nay đã béo tốt trở lại. Một số hộ đi mua trâu từ nơi khác về để bảo đảm sức kéo cho gia đình.

Tuy nhiên, ngay trong điều kiện thuận lợi như vậy, nhưng công tác thu theo khoán 14,6% mà HTX đề ra vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Thuế nghĩa vụ năm 1988 phải nộp cho Nhà nước là 97.505 kg thóc, nhưng vẫn phải nợ lại 18.000 kg. Các khoản quỹ thu theo quy định vẫn bị khê đọng, nhiều hộ gia đình cố tình dây dưa. Trước tình hình đó Đảng bộ đã có nhiều cố gắng lãnh đạo nhân dân, chỉ đạo HTX giải quyết những tồn tại vướng mắc, nhưng vẫn nằm trong tình trạng khó khăn, không thể khắc phục ngay được.

Tại Đại hội Đảng bộ xã Huống Thượng lần thứ XII nhiệm kỳ 1988-1991, tổ chức ngày 11 và 12 tháng 6 năm 1988, một vấn đề quan trọng nhất của Đại hội lần này là: với tinh thần đổi mới đi lên, tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội”. Đại hội đề ra các mục tiêu, phương hướng, những giải pháp cụ thể sát thực để khắc phục khó khăn, nhanh chóng giải quyết triệt để những tồn đọng, củng cố lòng tin đối với quần chúng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 13 đồng chí. Đồng chí Đặng Đình Cường được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ; các đồng chí Dương Xuân Viễn, Nguyễn Đình Ngư được bầu làm Uỷ viên Thường vụ. Các đồng chí Ngô Văn Hào(S), Đặng Đình Chiến, Ngô Thuý Vân, Nguyễn Thị Toàn, Nguyễn Thị Nền, Lê Đảo, Lê Văn Châm, Cao Xuân Mai, Nguyễn Văn Đô, Dương Trọng Tường là Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ. Đây là một sự đổi mới sâu sắc trong công tác nhân sự của Đảng bộ, có 8/13 đồng chí lần đầu tham gia cấp uỷ, tuổi đời còn rất trẻ.

Trong giai đoạn này, một khó khăn thử thách lớn nhất đối với Đảng bộ là vừa tiến hành giải quyết hậu quả của những năm trước để lại, đồng thời phải triển khai hàng loạt các nhiệm vụ về củng cố xây dựng cơ sở hạ tầng như trạm bơm, mương máng, trường học, trạm xá, đường giao thông...

Ngày 03 tháng 7 năm 1988, Đảng uỷ ra Nghị quyết xác định: Để hoàn thành nhiệm vụ, trước hết, phải xây dựng sự đoàn kết thống nhất cao, đổi mới toàn diện, củng cố lấy lòng tin của quần chúng. Chính quyền xã phải thực hiện đúng theo chức năng quản lý Nhà nước. Các đoàn thể Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên vận động quần chúng, hội viên thực hiện và chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, quy định của địa phương, tổ chức các hoạt động thiết thực, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, giải quyết dứt điểm một

số công việc cụ thể: Điều chỉnh đất đai, tính toán giao khoán cụ thể cho các đội và mỗi hộ gia đình. Chỉ đạo HTX tháo gỡ khó khăn, thu nợ trong dân, thanh toán nợ cho Nhà nước. Củng cố, xây dựng cơ sở hạ tầng như trạm bơm, mương máng, đường giao thông, trường học, trạm xá. Trọng điểm là xây dựng trạm biến thế công suất 400 KVA (đưa trạm biến thế xây dựng từ năm 1976 đặt ở xã Túc Duyên về vị trí mới gần Ủy ban nhân dân xã) để bảo đảm điện phục vụ cho các trạm bơm điện và ánh sáng sinh hoạt của nhân dân.

Việc xây dựng trạm biến áp 400 KVA tại xã là một chủ trương đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng của toàn dân. Theo dự toán thiết kế, tổng số tiền đầu tư cho công trình là 400 triệu đồng, với phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhà nước đầu tư 300 triệu đồng, nhân dân trong xã đóng góp 100 triệu đồng- đây là một số tiền quá lớn, trong khi ngân sách của xã không có³¹⁰, dân nợ HTX nhiều khoản khó thu, HTX nợ Nhà nước bắt buộc phải trả...Phát huy truyền thống tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, các cấp uỷ chi bộ; sự điều hành của Ủy ban nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể trong xã cùng vào cuộc; một phong trào chung tay, chung sức làm trạm biến thế được phát động. Mỗi lao

³¹⁰ Ngân sách của xã tính đến tháng 8/1988 chỉ còn 25 ngàn đồng.

động đóng góp 7 kg thóc cùng hàng ngàn ngày công của HTX được huy động. Tất cả những tài sản của HTX lâu nay ít phát huy tác dụng hoặc chưa cần đến đều được đem hoá giá, bán đổi để phục vụ cho công trình điện. Vì điện, nhiều cán bộ đảng viên, quần chúng phải bỏ ăn, mất ngủ; đi làm điện mà không cần tính toán đến công đãi ngộ.

Được sự đồng tình của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, sự giúp đỡ tận tình vô tư có hiệu quả của các cơ quan chức năng; nhất là sự tạo điều kiện của sở Điện lực Bắc Thái, trong đó có vai trò tích cực của một số cán bộ đang công tác ở sở, ban, ngành của tỉnh là những người con của quê hương Huống Thượng chung sức, chung lòng chia sẻ cùng quê hương trong những lúc khó khăn³¹¹, đã tạo thành một sức mạnh tổng hợp để công trình hoàn thành theo đúng kế hoạch.

Ngày 20 tháng 12 năm 1989, toàn bộ công trình được hoàn thành với chiều dài 4,6 km đường dây cao thế (trong đó có 1,6 km làm mới); 6,1 km đường hạ thế.

Cùng với việc xây dựng trạm biến áp 400 KVA và hệ thống đường dây cao thế, hạ thế, trong thời gian này xã còn xây dựng mới 3 trạm bơm Gò Tôn, Sông Đào, Gò Đồi; cải tạo 2 trạm bơm cũ Bầu Trám và Huống Trung, đào đắp

³¹¹ Cụ thể như các đồng chí Dương Xuân Khánh, Lê Thành Đô, Dương Văn Thuyết...

hơn 2.000 m³ kênh mương, riêng tuyến Bầu Trám đào đắp được 1.206 m³. Các trạm bơm điện đủ cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nhiều diện tích trước đây chỉ cấy được một vụ, nay chuyển sang cấy hai vụ.

Người dân phấn khởi, tin tưởng vào sự tiến bộ trong công tác lãnh đạo điều hành của Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và sức mạnh tiềm tàng của quần chúng. Rút ra cho Đảng bộ những kinh nghiệm từ thực tiễn, chứng minh cho bài học “tin vào sức mạnh của quần chúng, lấy dân làm gốc, mọi việc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra thì dù khó mấy cũng thành công”

Trong hai năm 1989-1990, Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng từng bước khắc phục khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, đã đạt được một số kết quả bước đầu.

Các đoàn thể có giai đoạn gần như bị tê liệt, nay cũng đã có chuyển biến. Hội Phụ nữ tiếp tục duy trì phong trào người phụ nữ mới giỏi việc nước, đảm việc nhà, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng gia đình văn hoá. Đoàn Thanh niên trong nhiều năm cũng gặp không ít khó khăn: Bí thư Đoàn xã bỏ nhiệm vụ đi đào đãi vàng; tổ chức Đoàn không được củng cố kịp thời, nên các hoạt động của Đoàn Thanh niên không duy trì được. Bước sang năm 1988, tổ chức Đoàn Thanh niên đã từng bước được củng cố và đi vào hoạt động. Phong trào

Đoàn đã có nhiều khởi sắc với các phong trào “xây dựng cơ sở Đoàn vững mạnh, ngày lao động cộng sản làm đường, nạo vét kênh mương”; tổ chức hội thi Bí thư Chi đoàn giỏi; hội diễn văn nghệ. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1988, Đoàn cơ sở xã đã kết nạp được 64 đoàn viên mới; giới thiệu được 12 đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam.

Để giải quyết dứt điểm những tồn tại của xã Huống Thượng từ các năm trước để lại, Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã, đề nghị cấp trên giúp đỡ Đảng bộ tháo gỡ khó khăn và triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị. Ngày 17 tháng 4 năm 1989, Huyện uỷ Đồng Hỷ ra Quyết định số 03-QĐ/HU về việc củng cố và thành lập “Đoàn công tác củng cố xã Huống Thượng”. Quyết định nêu rõ: “Đoàn công tác có nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Huyện uỷ và Thường trực Uỷ ban nhân dân huyện, lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp toàn diện mọi hoạt động của các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và HTX nông nghiệp xã Huống Thượng. Xây dựng củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, quản lý điều hành của Chính quyền, hoạt động của các đoàn thể quần chúng và quan hệ sản xuất đối với HTX nông nghiệp. Trước mắt tập trung giải quyết những vướng mắc về kinh tế xã hội, những gì đã rõ về kinh tế và an ninh chính trị phải xử lý ngay để lấy lại niềm tin cho

nhân dân. Kiên quyết lập lại kỷ cương của Đảng và Nhà nước, từng bước làm ổn định và chuyển biến tình hình mọi mặt ở Huống Thượng". Đoàn công tác do đồng chí Nguyễn Thị Thảo, Ủy viên Ban Thường vụ-Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ làm Trưởng đoàn, đồng chí Nguyễn Hữu Nghi, Huyện uỷ viên - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đông Hỷ làm Phó đoàn; cùng một số đồng chí đại diện các ban ngành có liên quan làm uỷ viên.

Hơn một năm, đoàn công tác của Huyện uỷ đã chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể, Ban Quản trị HTX, cấp uỷ, bí thư các chi bộ, tiến hành rà soát, tháo gỡ khó khăn tồn tại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, trọng tâm là về kinh tế. Công việc hết sức phức tạp, nhưng với ý thức trách nhiệm cao của cán bộ đảng viên trong xã, được sự giúp đỡ trực tiếp tận tình của đoàn công tác, những khó khăn vướng mắc từng bước được tháo gỡ. Xã viên nợ tập thể, tập thể nợ xã viên, nợ Nhà nước... đã cụ thể rõ ràng chính xác. Qua thực tế kiểm tra đã rút ra những việc làm được, chưa làm được, những yếu kém khuyết điểm, trong đó có trách nhiệm về công tác lãnh đạo của Đảng bộ, của từng cán bộ, đảng viên. Những khó khăn vướng mắc của xã Huống Thượng tồn tại qua nhiều năm đã, cơ bản từng bước được giải quyết.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, ngày 19 tháng 4 năm 1990, Ban Chấp hành Đảng bộ tổ chức hội nghị quán triệt triển khai thực hiện Chỉ thị số 28, ngày 21 tháng 02 năm 1990, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc mở đợt sinh hoạt chính trị “nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên”. Theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ, hội nghị đã bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Thị Toàn giữ chức Bí thư Đảng uỷ³¹² thay cho đồng chí Đặng Đình Cường xin nghỉ vì lý do sức khoẻ. Từ cuối năm 1989 đầu năm 1990, một số đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành xin nghỉ công tác với các lý do khác nhau. Ngày 06 tháng 11 năm 1990, Ban Thường vụ Huyện uỷ Đồng Hỷ đã ra Nghị quyết số 54, về việc chỉ định bổ sung Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã gồm các đồng chí: Trương Văn Tuy- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân³¹³, giữ chức Phó Bí thư Đảng uỷ. Các đồng chí Lê Viết Thạo, Lê Quang Hà, Dương Trọng Văn là Uỷ viên Ban Chấp hành.

Vừa thực hiện Chỉ thị số 28, Đảng bộ tiếp tục quán triệt tinh thần Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng

³¹² Quyết định số 23/NQ-HU ngày 26/4/1990 của Huyện uỷ Đồng Hỷ.

³¹³ Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân xã khóa XIV (nhiệm kỳ 1989-1994) tháng 11/1989 đồng chí Trương Văn Tuy được bầu làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

được cụ thể hoá bằng Chỉ thị số 31-CT/TU của Thường vụ Tỉnh uỷ về đấu tranh chống tham nhũng. Với tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc, 11/11 chi bộ trong Đảng bộ đã triển khai, thực hiện theo hướng dẫn. Đảng uỷ phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, trực tiếp theo dõi, đôn đốc kiểm tra giúp đỡ các chi bộ, giải quyết kịp thời các vướng mắc mà đảng viên đưa ra.

Trong tháng 9 năm 1990, Đảng uỷ chỉ đạo tất cả các chi bộ trong toàn Đảng bộ tiến hành tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, củng cố chi bộ theo Chỉ thị số 28. Phân loại chi bộ, phân tích chất lượng đảng viên, xử lý đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm phẩm chất, nợ nần dây dưa, giảm sút ý chí chiến đấu, mất lòng tin đối với quần chúng. Qua phân loại, toàn Đảng bộ có 11 chi bộ; trong đó có 4 chi bộ mạnh (là Chi bộ xóm Già, Chi bộ xóm Trám, Chi bộ xóm Cây, Chi bộ Nhà trường); 7 chi bộ yếu từng mặt (Chi bộ xóm Sộp, Chi bộ xóm Hóc, Chi bộ xóm Gò Chè, Chi bộ xóm Đảng, Chi bộ xóm Thông, Chi bộ xóm Bầu và Chi bộ xóm Huống Trung). Trong số 163 đảng viên, có 147 đồng chí đủ tư cách (trong đó có 42 đảng viên đạt tiêu chuẩn tiên phong gương mẫu). Đảng uỷ cũng ra quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo 5; khai trừ và xoá tên 11 đảng viên.

Do xã Huống Thượng giai đoạn này có nhiều khó khăn phức tạp, nhất là những khó khăn phức tạp của HTX

nông nghiệp. Những phần tử cơ hội, bất mãn đã lợi dụng tình hình, kích động chống đối lãnh đạo, chống đối chính quyền, gây bè phái. Một số xóm chúng kích động xã viên đòi chia ruộng đất, đòi giải tán HTX, đòi tài sản, chống đối không nộp sản phẩm. Ở Huống Trung chúng kích động chia rẽ giáo-lương, làm cho tình trạng bà con đi cầu nguyện thì đông, nhưng đi họp xóm hay họp đội sản xuất thì không thành. Tình trạng trộm cắp phá hoại tài sản HTX liên tục xảy ra.

Thực hiện Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng, Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã chỉ đạo Ban Công an phối hợp cùng Ban Chỉ huy xã đội củng cố mạng lưới an ninh ở các xóm và các trung đội dân quân, để làm nòng cốt bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Lực lượng công an, dân quân cùng cấp uỷ, chi bộ các xóm vừa tuyên truyền giáo dục, thuyết phục các đối tượng vừa kiên quyết xử lý các hành động sai trái. Một số đối tượng chuyên trộm cắp, quấy phá đã bị bắt và xử lý theo pháp luật. Vì vậy, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn từng bước được ổn định, không xảy ra các vụ việc nghiêm trọng.

Các hoạt động trên lĩnh vực giáo dục văn hoá xã hội cũng có nhiều khó khăn. Hệ thống giáo dục của xã từ lâu đã được hình thành và phát triển tương đối cơ bản. Xã có Trường phổ thông cấp I+II; ở các xóm có nhà trẻ, mẫu

giáo; nhiều năm qua nhà trường vẫn duy trì được phong trào “dạy tốt, học tốt”. Là xã có truyền thống học tập, nhưng giai đoạn này do đời sống khó khăn, một số giáo viên không thật sự gắn bó với nghề, chân trong, chân ngoài. Giáo viên mẫu giáo, người coi giữ trẻ không có lương mà do HTX trả công, mỗi năm được phân phối từ 100 đến 150 kg thóc. Từ năm 1986 đến năm 1990, cả xã chỉ còn lại 2 lớp mẫu giáo buổi học, buổi nghỉ; nhà trẻ coi như bị giải tán vì HTX không có thóc để trả cho giáo viên và người trông giữ trẻ. Trường phổ thông cấp I+II năm nào cũng được củng cố, xây dựng nhưng vẫn trong tình trạng phòng học mưa còn dột, nắng, rét, mưa gió không có cửa che, thiếu bàn ghế; giáo viên phải làm thêm để trang trải cuộc sống; học sinh lười học, bỏ học thường xuyên xảy ra, đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục. Số học sinh lên lớp, tốt nghiệp các năm chỉ đạt bình quân 85 đến 90%.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 1990 Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã quyết định tổ chức xây dựng “Khu quần thể văn hoá xã Huống Thượng” tại đồi Đền Rắn (rừng Đền). Khu quần thể có 3 công trình chính: Xây lại ngôi Đền Rắn; Xây dựng nhà thờ Bác Hồ; Xây dựng nghĩa trang liệt

sĩ (chuyển nghĩa trang từ vị trí cũ ở gò Núi Thị sang rừng Đền). Kinh phí chủ yếu do nhà sư Thích Đàm Hình hỗ trợ cùng công sức của nhân dân trong xã. Công trình được khởi công xây dựng và hoàn thành đúng vào dịp kỷ niệm 45 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/1990). Ngày 01/9/1990 Đảng bộ, Chính quyền nhân dân xã Huống Thượng long trọng tổ chức rước tượng Bác Hồ vào nhà thờ Bác tại khu quần thể văn hoá xã và chuyển hài cốt liệt sĩ về vị trí mới.

Đây là một việc làm có ý nghĩa chính trị sâu sắc, một tình cảm đặc biệt của Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng đối với Bác Hồ kính yêu cũng như lòng biết ơn với các liệt sĩ. Song do nghiên cứu khảo sát chưa kỹ, tư tưởng nóng vội, bị động nên công trình quần thể văn hoá xã dần dần tác dụng không cao, không đạt được ý tưởng đề ra. Đặc biệt, lúc đó mọi người quên mất: Đền Rấn đã được xếp hạng di tích lịch sử danh thắng loại 1 của tỉnh tại Quyết định số 1073/VX, ngày 10 tháng 12 năm 1962, của Uỷ ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên³¹⁴.

³¹⁴ Theo quyết định này Đền Rấn được xếp hạng cùng bậc với Chùa Hang, Đình Phương Độ, Đền Đội Cấn, Đền Đuổm... và xếp trên khu di tích Rừng Khuôn Mảnh và Núi Văn Núi Võ...

Năm 1990 kết thúc, Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng đã trải qua một thời kỳ đầy khó khăn thử thách trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1990). Đặc biệt là từ khi Đảng bộ lãnh đạo thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Một giai đoạn lịch sử của Đảng bộ với biết bao sự kiện đáng ghi nhớ, một cuộc đấu tranh để tồn tại phát triển đi lên. Những bài học sâu sắc để Đảng bộ tiếp tục thực hiện vai trò lãnh đạo của mình trên con đường đổi mới còn nhiều khó khăn thử thách.

II- Phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục khó khăn, vững vàng trên con đường đổi mới mà Đảng đã vạch ra (1991-2000)

Cuối thập kỷ 8, đầu thập kỷ 9 của thế kỷ XX tình hình trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, Liên xô và hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu khác bị tan rã và sụp đổ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, những nước xã hội chủ nghĩa còn lại gặp muôn vàn khó khăn, niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản bị thử thách.

Ở nước ta, chiến tranh đã lùi xa nhưng hậu quả của nó còn để lại hết sức nặng nề, các thế lực thù địch chống đối ta quyết liệt trên nhiều mặt.

Từ ngày 11 đến ngày 12 tháng 12 năm 1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Huống Thượng khoá XIII được triệu tập³¹⁵, có 87 đại biểu chính thức, đại diện cho 167 đảng viên của toàn Đảng bộ đã về dự. Đại hội khẳng định trong thời gian qua, xã gặp rất nhiều khó khăn phức tạp. Tình hình Đảng bộ luôn luôn không ổn định, cán bộ chủ chốt của Đảng, Chính quyền, đoàn thể từ xã đến xóm liên tục biến động, chưa đầy 3 năm, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã 3 lần thay đổi. Ở các xóm, bí thư chi bộ, đội trưởng sản xuất cũng liên tục thay đổi theo nhiệm kỳ³¹⁶. Một số cán bộ, đảng viên thờ ơ, thiếu trách nhiệm, thậm chí có cán bộ bỏ cả công sở để lo việc riêng. Tư tưởng không ổn định, biểu hiện cơ hội, thiếu lòng tin trước những biến cố của tình hình thế giới cũng như trong nước và những khó khăn tạm thời của Đảng bộ. Giải quyết những vướng mắc về kinh tế nợ nần, đất đai, tài sản, đã có nhiều biện pháp tích cực nhưng vẫn chưa được triệt để. Hoạt động của đoàn thể không đều, chưa được quan tâm đúng mức. HTX hoạt động cầm chừng, công tác điều hành lỏng lẻo, sản xuất liên tục gặp khó khăn, chậm

³¹⁵ Đại hội lần thứ XIII là lần đầu tiên Đảng bộ tổ chức Đại hội đại biểu.

³¹⁶ Từ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX trở về trước, nhiệm kỳ của chi bộ trực thuộc Đảng uỷ xã là 1 năm/1 lần. Từ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X, nhiệm kỳ của chi bộ là 5 năm 2 lần.

phát triển. Việc chuyển đổi cơ chế quản lý nhất là quá trình thực hiện khoán 10, vận dụng vào tình hình thực tế chưa sát, thiếu đồng bộ, thiếu công bằng, gây thắc mắc trong dân. Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, năng suất; sản lượng lương thực không năm nào hoàn thành theo kế hoạch³¹⁷. Đầu năm 1991, huyện phải cứu đói cho 93 hộ của xã, với số tiền 350.000 đồng và 615 kg gạo...

Đại hội cũng khẳng định, từ sau khi Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện cử đoàn công tác về giúp Huống Thượng giải quyết khó khăn, tình hình của xã, từng bước đã ổn định, quan hệ sản xuất được giữ vững. Đảng, Chính quyền, đoàn thể, HTX được củng cố, giải quyết được vấn đề cơ bản về kinh tế của HTX, củng cố được lòng tin của dân.

Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội nhiệm kỳ 1991-1993 và bầu 9 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIII, đồng chí Nguyễn Thị Toàn được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Lê Viết Thạo, Phó Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Đào Văn Giang, Uỷ viên Ban Thường vụ. Các đồng chí Nguyễn Văn Đô, Lê Quang Hà, Ngô Thuý Vân, Dương

³¹⁷ Năm 1989 giảm 132 tấn, năm 1990 giảm 215 tấn so với chỉ tiêu kế hoạch

Trọng Văn, Dương Trọng Tường, Vương Xuân Bằng là Ủy viên Ban Chấp hành.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIII trong lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế, diện tích gieo cấy năm 1992 đã đạt mức cao nhất. Toàn bộ diện tích giao khoán 382 ha đều được tận dụng cấy hết, cho sản lượng 1.028 tấn thóc. Toàn xã trồng được 51 ha ngô vụ đông và 30 ha ngô vụ mùa, năng suất bình quân 31 tạ/ha. Khoai lang trồng được 45 ha cho thu hoạch khá, quy ra thóc đạt hơn 60 tấn. Cùng hàng chục ha rau màu, lạc, đỗ các loại, góp phần đáng kể vào cải thiện đời sống nhân dân.

Chăn nuôi đang trên đà hồi phục và phát triển. Đàn trâu trước đây của HTX hoá giá cho xã viên có 238 con, đến năm 1991 đã tăng lên 415 con, đảm bảo đủ sức kéo cho sản xuất. Về nuôi lợn, nhà nào cũng có từ 1 đến 2 con, nhiều gia đình nuôi 4 - 5 con.

Tuy mới là bước đầu, nhưng đây cũng là một sự cố gắng lớn, làm cho tình hình chính trị-kinh tế- xã hội của xã đã dần ổn định. Đời sống của nhân dân nhìn chung đã khá hơn, một số hộ xã viên nợ HTX khó thanh toán, nay đã có điều kiện trả nợ. Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước nghiêm chỉnh, đúng quy định, kịp thời gian. Do kinh tế có phần ổn định nên công tác an ninh chính trị cũng đảm bảo tốt hơn, các vụ trộm cắp giảm hẳn; đã giải quyết dứt điểm những nổi cộm về tranh chấp đất đai.

Căn cứ Quyết định số 427, ngày 14 tháng 11 năm 1991, của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái về công tác quản lý, sử dụng đất đai và Hướng dẫn số 326, ngày 22 tháng 11 năm 1991, của Ủy ban nhân dân tỉnh về đổi mới hình thức, nội dung và phương thức hoạt động của HTX nông nghiệp cũng như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã khoá XIII, Ủy ban nhân dân xã đã ra quyết định điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ HTX- tiến tới giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân. Đây là một việc làm kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, điều chỉnh đất đai là việc làm phức tạp, cần phải có thời gian, không nóng vội, đòi hỏi sự lãnh đạo tập trung của toàn Đảng bộ, sự đồng lòng của nhân dân. Về vấn đề này, Đảng uỷ có Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp các cấp, các ngành, các chi bộ, với những quan điểm và những nguyên tắc cụ thể, đã tạo được sự đồng thuận, phấn khởi của nhân dân. Chính vì thế trong năm 1992 và 6 tháng đầu năm 1993, vừa kết hợp giao ruộng theo khoán vừa tiến hành làm thủ tục giao quyền sử dụng đất. Toàn xã đã hoàn chỉnh được 6 đội sản xuất, 421 hộ với tổng diện tích giao cho hộ gia đình là 1.943.000 m², số còn lại đã được hoàn thành trong năm 1994.

Về thủy lợi: Từ chỗ các HTX chỉ có các máy bơm dầu cùng hệ thống mương máng chấp vá, diện tích cấy chủ yếu một vụ và phải trông chờ vào thời tiết; nay toàn xã đã

có 6 trạm bơm điện cùng hệ thống mương máng tương đối hoàn chỉnh, đủ khả năng cung cấp nước cho phần lớn nhu cầu sản xuất của nhân dân trong toàn xã. Nhưng thực tế cũng không được phát huy đầy đủ do những yếu kém trong quản lý kinh tế, quản lý khai thác, điều hành; một phần do cơ chế chính sách, một phần do trình độ, năng lực của cán bộ, của nhân dân chưa theo kịp tình hình, nhất là từ sau khi khoán 10 ra đời. Việc đổi mới phương thức quản lý kinh tế nông nghiệp, điều hành, khai thác hệ thống thủy lợi có hiệu quả là đòi hỏi cấp bách và phải làm ngay. Từ năm 1992, ở các xóm thành lập Ban chỉ đạo, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ, chi bộ; người trực tiếp điều hành là Trưởng xóm³¹⁸. Ở xã lập Ban điều hành

³¹⁸ Chức vụ trưởng xóm được lập từ năm 1946 đến khi có HTX (1959-1960) đã tự mất, từ đó cấp xóm do Ban quản trị HTX điều hành. Năm 1992 tái lập chức vụ Trưởng xóm và gọi trưởng xóm cùng các đội trưởng là Ban chỉ đạo xóm. Ban đầu Ban chỉ đạo xóm có nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý hành chính của xóm, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh tế, chuyển giao dịch vụ khoa học kỹ thuật, thủy lợi, ký hợp đồng tới từng hộ nông dân giữ mối quan hệ với ban điều hành của xã. Đón đóc nhân dân thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tập thể. Đến ngày 6/12/2002 Bộ trưởng Bộ Nội vụ ra Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV. Quy định cụ thể trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng thôn (xóm) gồm 9 nội dung như sau: 1- Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn. 2- Tổ chức thực hiện các quyết định của thôn. 3- Tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ. 4- Tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước. 5- Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn. 6- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã giao. 7- Tập hợp phản ánh, đề nghị Chính quyền xã giải quyết những nguyên vọng chính đáng của nhân dân. 8- Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn. 9- Được Ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân xã; 6 tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn. Lưu ý: Cần phân biệt Trưởng thôn xóm hiện nay với Trưởng thôn và Trưởng xóm từ 1946 đến 1953. Khi đó xã Đông Tiến có 2 thôn Huống Thượng và Linh Nham, có 2 trưởng thôn; trong mỗi thôn lại có các xóm và có trưởng xóm dưới trưởng thôn.

trực thuộc Ủy ban nhân dân, có nhiệm vụ: trực tiếp quản lý kinh tế, chuyển giao các tiến bộ khoa học, dịch vụ kỹ thuật, thủy lợi; ký các hợp đồng dịch vụ với các xóm hoặc cá nhân, đơn đốc giám sát việc thực hiện của các xóm, thanh quyết toán hợp đồng.

Về phương thức quản lý, khai thác thủy lợi là hợp đồng kinh tế, giao thầu toàn bộ các khâu từ nhà trạm, máy móc vận hành, bảo vệ, dọn kênh mương đến dẫn nước..., cách làm này đã nhanh chóng được nhân dân đồng thuận hưởng ứng. Người nông dân chủ động hơn trong quá trình sản xuất nông nghiệp, tạo nên sự gắn kết tự nhiên, mối quan hệ mật thiết giữa cá nhân với tập thể, đem lại lợi ích thiết thực cho người lao động. Đồng thời người lao động cũng tự giác có nghĩa vụ, trách nhiệm hơn với tập thể, với Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ "lấy xây dựng Đảng làm gốc", Đảng ủy xã có 9 ủy viên đều được phân công công tác, hoạt động tốt, hoàn thành nhiệm vụ được giao, đạt tiêu chuẩn tiên phong gương mẫu. Đảng bộ có 11 chi bộ, trong đó có 3 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 7 chi bộ khá, 1 chi bộ yếu; trong số 27 chi ủy viên có 26 chi ủy viên hoạt động tốt (trong đó, có 50% đạt tiên phong gương mẫu). Toàn Đảng bộ có 167 đảng viên (5 đảng viên dự bị), 49 đảng viên thật sự tiên phong

gương mẫu, 116 đảng viên đủ tư cách, 2 đảng viên yếu kém cần xem xét.

Cán bộ Chính quyền (Ủy ban nhân dân) 14 đồng chí đều được Đảng uỷ đánh giá là hoạt động tốt. Cán bộ Ban quản lý HTX có 3 đồng chí³¹⁹ được đánh giá hoạt động tích cực, có tín nhiệm đối với xã viên.

Đối với Đảng bộ mặc dù cũng còn một số mặt yếu kém, song đã có nhiều cố gắng nên Đảng uỷ tự đánh giá là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng tình hình, Ban Chấp hành Đảng bộ đề ra một số yêu cầu về công tác chỉnh đốn Đảng trong thời gian tiếp theo. Trước hết, phải giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong cấp uỷ, chi bộ, đảng viên, giữ vững chế độ nề nếp sinh hoạt Đảng theo Điều lệ quy định. Nội dung sinh hoạt Đảng phải đảm bảo 3 tính chất (lãnh đạo, chiến đấu, giáo dục), thu nộp Đảng phí đầy đủ đúng quy định. Mọi Đảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ chức trách được phân công, đổi mới tư duy, phương thức làm việc, làm việc có chất lượng và hiệu quả. Xử lý nghiêm túc những Đảng viên vi

³¹⁹ Đại hội HTX nông nghiệp Đồng Tiến lần thứ IV, ngày 11/3/1992 đã bầu Ban Quản lý gồm Chủ nhiệm Đào Văn Giang; Phó Chủ nhiệm kiêm Kế toán Nguyễn Kim Giao. Ủy viên Ban Quản lý kiêm Thủ quỹ và Thủ kho Vương Xuân Bằng.

phạm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, phần đầu 60 đến 70% chỉ bộ đạt trong sạch vững mạnh, 90% đảng viên trở lên đủ tư cách trở lên.

Ngày 06 tháng 12 năm 1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa VI, quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam³²⁰. Chấp hành Chỉ thị số 28 CT/TU, ngày 6 tháng 7 năm 1990, của Thường trực Tỉnh uỷ Bắc Thái và Thông tư số 16 TT/ĐH, ngày 16 tháng 11 năm 1990, của Thường vụ Huyện uỷ Đồng Hỷ, về tổ chức Hội Cựu chiến binh ở cấp xã. Đảng uỷ cử đồng chí Trương Văn Tuy làm Chủ tịch, đồng chí Cao Xuân Mai làm Phó Chủ tịch lâm thời Hội Cựu chiến binh xã Huống Thượng. Ngày 25 tháng 11 năm 1991, Hội Cựu chiến binh xã tổ chức Đại hội lần thứ nhất tại hội trường Uỷ ban nhân dân. Dự đại hội, có 27/tổng số 34 đồng chí là những sĩ quan, chiến sĩ đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cùng một số đồng chí đại diện cho lực lượng dân quân, du kích đã chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong thời kỳ chống Pháp. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Đình Ngu làm Chủ tịch; đồng chí Đặng Đình Cừ làm Phó Chủ tịch Hội.

³²⁰ Tại thông báo số 173 – TB/TW ngày 18/2/1989 của Ban Bí thư Trung ương do Bí thư Trung ương Đảng Nguyễn Thanh Bình ký. Ngày 6/12/1989 là ngày Bộ Chính trị họp và quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh.

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc tăng cường chỉ đạo của các cấp uỷ, kiện toàn, củng cố tổ chức Hội Nông dân các cấp. Đầu năm 1993, Đảng uỷ ra nghị quyết chuyên đề về việc củng cố xây dựng Hội Nông dân xã vững mạnh, đáp ứng vai trò là một tổ chức nòng cốt trong xây dựng nông thôn, theo tinh thần Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII. Đảng uỷ phân công đồng chí Đào Văn Giang, Uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm HTX làm Chủ tịch Hội Nông dân tập thể.

Cùng với việc xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị Đảng bộ cũng luôn quan tâm tới sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y tế.

Ngày 26 tháng 10 năm 1993, Đại hội giáo dục xã Huống Thượng lần thứ nhất đã được tổ chức, có 102 đại biểu về dự. Đại hội đã quán triệt Nghị quyết về công tác giáo dục của Đảng uỷ; thông qua báo cáo tổng kết công tác giáo dục của xã giai đoạn 1991-1993 và đề ra phương hướng, mục tiêu trong những năm tiếp theo. Đại hội bầu Hội đồng giáo dục của xã gồm 13 người do ông Lê Viết Thạo, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã làm Chủ tịch; ông Nguyễn Bá Giảng, Hiệu trưởng Trường phổ thông cấp I+II là Phó Chủ tịch Hội đồng.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Từ năm học 1993-1994 đến năm học 1999-2000, diện mạo nhà trường từng bước đổi thay, cảnh quan môi trường ngày một xanh, sạch đẹp. Đến năm học 1998-1999, không còn tình trạng học ca 3, bàn ghế đầy đủ cho học sinh, nhà Hiệu bộ nơi làm việc của giáo viên được xây dựng mới. Đời sống giáo viên từng bước được cải thiện, giáo viên yên tâm giảng dạy, không còn tình trạng chân trong, chân ngoài, chất lượng giáo dục mỗi năm một tiến bộ.

Số học sinh các cấp học từ mẫu giáo mầm non, tiểu học, THCS hàng năm luôn đạt bình quân trên dưới 1000 em. Số học sinh bỏ học vì hoàn cảnh gia đình khó khăn giảm hẳn; năm học 1992-1993, có 16 em bỏ học chiếm tỷ lệ 1,5%, đến năm học 1999-2000, chỉ có 3 em bỏ học. Số học sinh lên lớp thẳng hàng năm trên 90%. Thi tốt nghiệp Tiểu học, THCS đạt 90 đến 95%; lớp tiên tiến 35 đến 40%; cháu ngoan Bác Hồ trên 90%; số học sinh thi và đạt học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh tăng dần. Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tỉnh cũng nhiều hơn; năm học 1992-1993, có 4 giáo viên dạy giỏi cấp huyện; năm học 1999-2000, có 9 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Nhiều thầy cô giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Các trường đều đạt trường tiên tiến cấp huyện, cấp tỉnh.

Mặc dù cơ sở vật chất đảm bảo cho sự nghiệp y tế có nhiều khó khăn, thiếu thốn, Trạm Y tế xã thường xuyên chỉ có 1 đến 2 y sĩ cùng 1 số nhân viên phục vụ (đến tháng 4/1998 trạm Y tế xã mới có 1 bác sĩ được biên chế ổn định)³²¹ nhưng công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân hàng năm vẫn được đảm bảo. Thiếu thuốc chữa bệnh, các thầy thuốc chủ động khám chữa bệnh cho nhân dân bằng phương thức cổ truyền; tuyên truyền vận động nhân dân phòng bệnh, không để các dịch bệnh phát sinh, lan truyền. Nhà trạm tuy còn đơn sơ nhưng vẫn đủ số giường quy định để điều trị, chữa bệnh cho nhân dân khi cần thiết. Trạm Y tế xã đã thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình; riêng năm 1993, toàn xã có 43 ca nạo hút, 3 ca triệt sản, 1 ca dùng thuốc tránh thai (đến năm 1993, toàn xã có 498 người mang vòng tránh thai). Phong trào kế hoạch hoá gia đình ở xã Huống Thượng ngày một phát triển, thực sự đi vào đời sống xã hội, góp phần quyết định làm giảm dần sức ép về dân số.

Đảng bộ luôn quan tâm lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vào những năm cuối thập kỷ 8 đến đầu thập kỷ 9 (thuộc thế kỷ XX), xã Huống Thượng là một địa bàn an ninh chính trị tương đối

³²¹ Từ tháng 7/1987 đến 10/1989 đã có Bác sỹ Tô Văn Cầu làm trạm trưởng.

phức tạp. Do những khó khăn về kinh tế, xã hội, do cơ chế thị trường nên các tệ nạn xã hội mới cũng phát sinh, phát triển. Trên địa bàn xã xuất hiện một lực lượng lao động bỏ sản xuất, bỏ việc nhà đi đào đãi vàng với mong muốn làm giàu thật nhanh. Ở Huống Thượng, những người giàu nhanh do được vàng chiếm một tỷ lệ rất nhỏ; nhưng những tệ nạn xã hội như nghiện hút chất ma túy, chơi đề, cờ bạc, trộm cắp tăng nhanh. Nghiêm trọng nhất là số người nghiện thuốc phiện, nghiện hêrôin ngày một nhiều, để lại cho gia đình, xã hội những hậu quả nặng nề; đã xuất hiện một số điểm buôn bán ma túy và chứa chấp con nghiện. Trước tình hình đó, Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã chú trọng lãnh đạo công tác an ninh, củng cố kiện toàn đội ngũ công an viên ở các xóm. Ban Công an xã đã tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể vừa tuyên truyền giáo dục, vừa kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các vụ vi phạm pháp luật. Một số điểm buôn bán chất ma túy, chứa chấp con nghiện nhanh chóng được phát hiện và xoá bỏ. Tuy nhiên đây mới chỉ là bước đầu, cuộc đấu tranh này còn lâu dài và phức tạp.

Đối với lực lượng dân quân của xã cũng thường xuyên được chú trọng lãnh đạo trên tất cả các mặt. Hàng năm, chương trình nội dung huấn luyện đều hoàn thành kế

hoạch, kết quả kiểm tra đều đạt khá giỏi. Việc tổ chức khám tuyển nghĩa vụ quân sự và giao quân hàng năm xã đều thực hiện nghiêm túc, đảm bảo số lượng, chất lượng. Từ năm 1991 đến năm 1995, toàn xã có 46 thanh niên lên đường nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự, đảm bảo 100% chỉ tiêu trên giao.

Từ sau Đại hội Đảng bộ xã Huống Thượng khoá XIII, tình hình trong xã từng bước đã đi vào ổn định, Đảng bộ đã lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế xã hội đã đề ra. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu xây dựng Đảng bộ với tinh thần "lấy xây dựng Đảng làm gốc". Để làm được việc đó, Đảng bộ đã thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Tổ chức cho cán bộ, đảng viên, học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị theo tinh thần đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra; mỗi cấp uỷ chi bộ, mỗi cán bộ đảng viên đều thực hiện nói và làm theo Nghị quyết của Đảng. Việc đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức Đảng, đảng viên là việc làm thường xuyên được các cấp uỷ coi trọng, là cơ sở để quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ đảng viên.

Năm 1993, Đảng bộ có 172 đảng viên; có 64 đảng viên đạt tiên phong gương mẫu; 84 đảng viên đủ tư cách; 24 đảng viên yếu kém. Trong số 24 đảng viên yếu kém phải xem xét, có 14 trường hợp Đảng uỷ phải ra quyết định xoá

tên. Về phân loại tổ chức Đảng, toàn Đảng bộ có 11 chi bộ, trong đó có 4 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 6 chi bộ đạt khá, 1 chi bộ yếu.

Với sự cố gắng đi lên trong 2 năm 1993-1994 Đảng bộ xã Huống Thượng được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Ngày 14 tháng 4 năm 1994, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ XIV. Đại hội đã bầu 8 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Thị Toàn tái cử Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Lê Viết Thạo, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân được bầu làm Phó Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Đào Văn Giang, Chủ nhiệm HTX được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ. Các đồng chí: Ngô Thuý Vân, Nguyễn Văn Đô, Dương Trọng Văn, Vương Xuân Bằng, Trần Thị Hải được bầu là Uỷ viên Ban Chấp hành.

Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân xã khoá XV(nhiệm kỳ 1994-1999), ngày 15 tháng 12 năm 1994, đã bầu các chức danh Uỷ ban nhân dân xã. Đồng chí Nguyễn Thị Toàn được bầu giữ chức Chủ tịch và đồng chí Dương Trọng Văn được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân.

Tại hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tháng 12 năm 1994, đồng chí Lê Viết Thạo được bầu giữ chức Bí thư

Đảng uỷ thay cho đồng chí Nguyễn Thị Toàn chuyển công tác làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân.

Bước sang năm 1995, cũng là năm thứ 10, thực hiện công cuộc đổi mới. Đảng bộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, khơi dậy lòng tự hào, ý thức trách nhiệm, đẩy mạnh thi đua, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế-xã hội-an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khác mà Đại hội XIV của Đảng bộ cũng như Nghị quyết Hội đồng nhân dân khoá XV đề ra.

Những kết quả đạt được từ năm 1991-1994, là những thuận lợi cơ bản, song đối với xã Huống Thượng, những khó khăn vẫn còn tồn tại. Tình hình sản xuất vẫn ở thế độc canh, cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân chưa cơ bản. Cơn gió xoáy bất ngờ và trận lũ lụt ngày 16 tháng 8 năm 1995, đã gây cho xã Huống Thượng những thiệt hại hết sức nặng nề: làm 01 người chết, 40 hộ bị đổ nhà, tốc mái, 120 cột điện bị đổ; 245 hộ, 178 ao cá và 6/6 trạm bơm bị ngập nước; 3.050 mét nương bị sạt lở, đất đá vùi lấp; 232 ha lúa, 191 ha màu bị ngập nặng ước tính thiệt hại 60 đến 70% sản lượng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống nhân dân. Trước tình hình trên, Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã kịp thời báo cáo trên xin hỗ trợ. Đồng thời, Đảng bộ tập trung lãnh đạo

nhân dân đẩy mạnh trồng ngô, khoai, sắn và các loại rau màu khác. Toàn xã trồng được 60 ha ngô, trên 100 ha khoai lang, gần 20 ha đỗ các loại, 18 ha lạc cùng hàng chục ha rau màu khác. Tổng sản lượng màu quý thóc ước đạt trên 400 tấn. Lương thực bình quân đầu người đạt gần 300 kg/năm. Diện tích cấy hai vụ vẫn đạt trên 400 ha, tuy năng suất giảm nhiều so với kế hoạch do thiên tai, lũ lụt nhưng sản lượng lương thực cả năm vẫn đạt 1.000 tấn.

Đàn trâu của các hộ gia đình tăng nhanh, từ 415 con năm 1991 tăng lên 600 con năm 1994. Đàn lợn vượt chỉ tiêu kế hoạch 150% (chỉ tiêu đề ra mỗi hộ giữ ở mức từ 1 đến 2 con, đã tăng lên 2 đến 4 con). Số hộ đói nghèo tính đến tháng 11 năm 1995 đã giảm còn 145 hộ.

Trong 2 ngày 21 và 22 tháng 01 năm 1996, Đảng bộ xã Huống Thượng tổ chức Đại hội lần thứ XV (nhiệm kỳ 1996-2001) có 85 đại biểu chính thức, thay mặt cho 157 đảng viên sinh hoạt ở 10 chi bộ về dự. Đại hội đã nêu bật những thành tựu mà Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, cũng như thiếu sót, khuyết điểm, trong đó đáng chú ý là những thiếu sót trong lãnh đạo HTX³²², nguyên

³²² Mặc dù Đảng bộ có nhiều cố gắng và nhiều biện pháp để đẩy mạnh sản xuất của HTX, nhưng thực tế kết quả sản xuất kinh doanh không đạt được yêu cầu đề ra. Ngày 10/01/1996, HTX Đồng Tiến tổ chức hội nghị tổng kết, thanh toán công nợ và bàn giao cho UBND xã điều hành trực tiếp các đội trưởng thông qua Ban Chỉ đạo xóm. Ban Quản trị HTX Đồng Tiến chấm dứt hoạt động.

nhân và những bài học kinh nghiệm trong nhiệm kỳ 1994-1996, đánh giá tổng quát những thành tựu đạt được sau 10 năm đổi mới. Đồng thời, Đại hội đã tập trung thảo luận đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu lãnh đạo nhiệm kỳ 1996-2000.

Đại hội đã bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV. Đồng chí Lê Viết Thạo được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Nguyễn Thị Toàn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân được bầu giữ chức Phó Bí thư; đồng chí Ngô Thuý Vân, Uỷ viên Ban Thường vụ. Các đồng chí: Dương Trọng Văn, Nguyễn Văn Đô, Phạm Đức Nguyên, Vương Xuân Bằng, Đoàn Bá Thu, Trần Thị Hải, Dương Đức Toàn, Đặng Đình Luyện được bầu làm Uỷ viên Ban Chấp hành.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ khoá XV, trên tất cả các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hoá xã hội...xã Huống Thượng đã đạt được những kết quả rất đáng phấn khởi.

Ngày 13 tháng 10 năm 1996, Thường vụ Đảng uỷ xã ra Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo và triển khai thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới”. Đồng thời, Thường vụ Đảng uỷ cũng ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động gồm 15 người, do đồng chí Lê Viết Thạo, Bí thư Đảng uỷ làm Trưởng ban. Đồng chí Nguyễn Thị Toàn, Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân làm Phó ban. Đồng chí Đặng Đình Trân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận xã làm Phó ban Thường trực. Thường vụ giao nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban chỉ đạo; mỗi xóm thành lập một Tiểu ban do đồng chí Bí thư chi bộ làm Trưởng tiểu ban; các thành viên gồm toàn bộ Ban chỉ đạo xóm và trưởng, phó các ngành đoàn thể.

Nghị quyết của Thường vụ Đảng uỷ đã nhanh chóng đi vào đời sống xã hội. Ban vận động, cùng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban nhân dân xã tổ chức hội nghị liên tịch, quán triệt và chỉ đạo các xóm triển khai thực hiện. Trong năm 1996, Ban vận động đã tổ chức làm thí điểm ở 3 xóm là xóm Đảng, xóm Trám, xóm Thông. Kết quả bước đầu đã có 211/225 hộ đăng ký thực hiện cuộc vận động. Từ đây, cuộc vận động: "toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" đã trở thành một phong trào thi đua trong toàn Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng.

Đến năm 2000, toàn xã đã có trên 70% gia đình đạt văn hoá, nhiều xóm vượt chỉ tiêu như xóm Thông đạt 92% (70/76 hộ), xóm Già 81,8% (90/110 hộ), xóm Hóc 80,5% (54/67 hộ), xóm Trám 75% (59/79 hộ), xóm Đảng 74% (46/62 hộ). Có 3 xóm đạt danh hiệu "Làng văn hoá"

là xóm Trám, xóm Thông, xóm Đảng. Trong đó, xóm Thông và xóm Trám được tặng danh hiệu “Làng văn hoá cấp huyện”.

Phong trào xoá đói giảm nghèo từ năm 1996 đến năm 2000 đã đạt được kết quả khá, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, số hộ có kinh tế khá và giàu tăng nhanh, số hộ đói nghèo giảm dần. Năm 1996, toàn xã có 125 hộ đói nghèo chiếm 10,29%, trong đó có 40 hộ đói. Năm 1997, có 102 hộ đói nghèo chiếm 8,40%, trong đó 25 hộ đói. Năm 1998, có 81 hộ nghèo chiếm 6,67%, không có hộ đói. Năm 1999, có 51 hộ nghèo chiếm 4,2 %. Năm 2000, có 77 hộ nghèo, chiếm 6,34%³²³. Như vậy đến năm 1998, xã Huống Thượng chính thức xoá được hộ đói.

Về thực hiện chương trình kế hoạch hoá gia đình: Do nắm chắc đối tượng, cùng với việc tích cực tuyên truyền, vận động thuyết phục, năm 1996 đã có 9 ca triệt sản, 71 ca đặt vòng và uống thuốc tránh thai. Tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm; trong số 55 người sinh con, có 7 người sinh con thứ 3 chiếm tỷ lệ 12,5% (năm 1994 là 18%, năm 1995 là 16,7%). Ban dân số kế hoạch hoá gia đình của xã đã hướng dẫn cụ thể về phòng tránh thai, cung cấp dịch vụ

³²³ Do từ năm 2000, áp dụng tiêu chí mới, nên số hộ nghèo tăng 20 hộ so với năm 1999.

tới từng gia đình nên tỷ lệ tăng dân số năm 2000 giữ ở mức 1,34%.

Về giáo dục: Trường Trung học cơ sở đã xây dựng được 4 phòng học mới, đang chuẩn bị xây nhà 2 tầng; Trường Tiểu học xây dựng nhà văn phòng, sửa chữa 4 phòng học cũ nát, mua mới 30 bộ bàn ghế; Trường Mầm non cũng được củng cố thêm. Bình quân số học sinh đi học hàng năm giữ ở mức trên dưới 1.500 em; trong đó, Trường Mầm non luôn có từ 130 đến 140 em; Trường Tiểu học có từ 670 đến 690 em; Trường Trung học cơ sở có từ 550 đến 670 em. Riêng năm học 1999-2000, Trường Mầm non có 132 em; Trường Tiểu học có 661 em; Trường Trung học cơ sở có 506 em, thi tốt nghiệp lớp 9 đạt 82% tốt nghiệp; có 140 em học Trung học phổ thông tại trường huyện và thành phố; trúng tuyển vào đại học 15 em; vào cao đẳng và trung học chuyên nghiệp 20 em.

Để đạt được mục tiêu giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và không còn các tệ nạn, lực lượng an ninh quốc phòng trong xã luôn được củng cố và hoạt động có nề nếp. Số vụ việc từ năm 1996 đến năm 2000 có 78 vụ, năm sau thấp hơn năm trước, không có vụ việc nghiêm trọng. Huống Thượng là một trong số xã thị trấn của huyện Đồng Hỷ có số vụ vi phạm thấp và có chiều hướng giảm. Số người nghiện ma túy năm 1996 có 59; năm

2000 còn 37 người, một nửa số người này đã được đi cai nghiện nhưng chưa bền vững³²⁴.

Lực lượng dân quân được huấn luyện sẵn sàng chiến đấu theo đúng kế hoạch của trên, năm nào cũng đạt đơn vị huấn luyện khá và giỏi. Quân số gọi khám tuyển nghĩa vụ quân sự và giao quân đạt chỉ tiêu trên giao. Từ năm 1996 đến năm 2000 có 35 thanh niên lên đường nhập ngũ bảo đảm thời gian và chất lượng quy định.

Với thành tích đạt được, Ban Chỉ huy quân sự xã và Ban Công an xã từ năm 1997 đến năm 2000 năm nào cũng được biểu dương khen thưởng. Đồng chí Vương Xuân Bằng, Xã đội trưởng; đồng chí Đoàn Bá Thu, Quyền Trưởng Công an xã được Huyện tặng Giấy khen.

Để phục vụ cho phát triển sản xuất và dân sinh, từ năm 1996 đến năm 2000, nhân dân trong xã đã đóng góp hàng vạn ngày công, hơn 2 tỷ đồng để tu sửa, bảo dưỡng 35 km đường liên xóm, liên xã. Xây dựng mới các cầu, cống, đập như cống Đá (Gò Chè), Gầu Giai (xóm Đảng), đập Cửa Mương, đập Hủng Xoan (xóm Già), cống Cầu Trâu (xóm Bầu), đập hồ Huống Trung, đập hồ xóm Thông. Cải tạo 5 trạm bơm điện và làm mới trạm bơm

³²⁴ Số liệu của công an xã cung cấp. Tuy nhiên con số này cũng chưa thật chính xác. Số người đưa đi cai nghiện lúc mới về đều cắt con, nhưng một thời gian sau lại tái nghiện.

điện Núi Trúc, trong đó thay thế 3 máy bơm mới, xây dựng 5 km đường (kế hoạch 3 km). Tu sửa trạm Y tế xã, làm mới nhà dân số kế hoạch hoá gia đình. Xin cấp trên đầu tư 2 tỷ đồng xây dựng nhà Bưu điện Văn hoá xã có đầy đủ tiện nghi phục vụ nhân dân.

Có cơ sở hạ tầng phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất, nên giai đoạn này sản xuất nông nghiệp cũng không ngừng được phát triển và sự phát triển có tính bền vững hơn. Diện tích cấy lúa luôn bảo đảm 100% kế hoạch (407 ha), riêng năm 1997, diện tích đạt 410 ha. Tổng sản lượng lương thực quy đổi trong 5 năm đạt 9.510 tấn, đạt 103% so với kế hoạch; bình quân lương thực đầu người đạt gần 400 kg một năm. Chăn nuôi phát triển mạnh, năm 1994 có 600 con trâu bò, đến năm 2000 lên 750 con; đàn lợn từ 3.500 con lên 4.500 con. Các hộ nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, ong không còn là hình thức nhỏ lẻ để cải thiện, mà đã bắt đầu trở thành hàng hoá. Số hộ có kinh tế khá và giàu ngày một tăng, số hộ nghèo giảm, nhà tranh vách đất đã được phá đi làm mới. Số hộ xây nhà 2 tầng, nhà mái bằng khang trang, vững chắc xuất hiện nhiều. Số hộ mua xe máy, ti vi, đầu quay băng đĩa..., chiếm tỷ lệ 25 đến 30%.

Hàng năm cứ vào dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/7, tết Nguyên Đán, trong xã lại tổ chức các đợt quyên góp với tấm lòng “uống nước nhớ nguồn”. Tổ chức thăm

hỏi động viên, tặng quà cho các gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, với số tiền hàng năm lên tới hàng chục triệu đồng. Nhân dân trong xã còn góp công, góp tiền xây dựng được 3 nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm cho các gia đình thuộc diện chính sách. Ngoài ra còn quyên góp ủng hộ đồng bào ở các vùng trong nước bị thiên tai lũ lụt, ủng hộ nhân dân Cu Ba anh em.

Thực hiện Hướng dẫn số 05/HD/TC, ngày 20 tháng 4 năm 1996, của Ban Tổ chức Huyện uỷ Đồng Hỷ, về xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XV, ngày 20 tháng 7 năm 1996, Đảng uỷ đã họp và thông qua bản đăng ký xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Các mục tiêu xây dựng Đảng bộ được cụ thể hoá bằng những biện pháp để triển khai thực hiện gắn với cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Khi triển khai tổ chức học tập, kiểm điểm, phê bình và tự phê bình, có 100% cán bộ đảng viên tham gia. Qua phân loại tổ chức đảng từ năm 1996 đến 2000, trong số 12 chi bộ thuộc Đảng bộ, có 5 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liên tục là các Chi bộ xóm Trám, xóm Bầu, xóm Thông, Tiểu học và Trung học cơ sở. Có 4 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh 4 năm liên tục là Chi bộ xóm Cây, xóm Đảng, xóm Già và Huống Trung.

Hai chi bộ đạt trong sạch vững mạnh 2 năm liên tiếp là Chi bộ Gò Chè và Chi bộ xóm Hóc. Một chi bộ không đạt trong sạch vững mạnh năm nào là Chi bộ xóm Sộp. Trong 2 năm 1999 và 2000 Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Hàng năm cùng với việc tổ chức đánh giá phân loại tổ chức Đảng, các chi bộ đồng thời tiến hành kiểm điểm, rà soát phân tích chất lượng đảng viên. Đảng viên được phân tích làm 4 mức (1,2,3,4), những đảng viên thuộc mức 3, 4 cần được xem xét xử lý theo quy định.

Năm 1996, có 138 đồng chí tham dự bình xét (có 117 đảng viên mức 1; 20 đảng viên mức 2; 01 đảng viên mức 3; không có đảng viên mức 4).

Năm 1997, có 143 đồng chí tham dự bình xét (có 93 đảng viên mức 1; 50 đảng viên mức 2; không có đảng viên mức 3, mức 4).

Năm 1998, có 145 đồng chí tham dự bình xét (có 130 đảng viên mức 1; 08 đảng viên mức 2; 06 đảng viên mức 3; có 01 đảng viên mức 4).

Năm 1999, có 156 đồng chí tham dự bình xét (có 145 đảng viên mức 1; 11 đảng viên mức 2; không có đảng viên mức 3 và mức 4).

Năm 2000, có 160 đồng chí tham dự bình xét (có 153 đảng viên mức 1; 06 đảng viên mức 2; 01 đảng viên mức 3; không có đảng viên mức 4).

Ban Chấp hành Đảng bộ đã ra quyết định khiển trách 01 chi bộ; khai trừ 01 đảng viên; xoá tên trong danh sách đảng viên 01; cảnh cáo 4 đảng viên và 01 đảng viên bị khiển trách.

Ngày 18 tháng 3 năm 1999, Hội đồng nhân dân xã khoá XV (kỳ họp thứ 10) đã bầu bổ sung chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đồng chí Dương Trọng Văn, Quyền Chủ tịch³²⁵ được chính thức bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Ngày 25 tháng 3 năm 1999, Ban Chấp hành Đảng bộ đã họp và bầu đồng chí Dương Trọng Văn làm Phó Bí thư Đảng uỷ xã.

Cũng trong năm 1997, Đảng uỷ xã ra Quyết định số 01/QĐ-ĐU ngày 03 tháng 9 năm 1997 giải thể Chi bộ Trường cấp I+II; thành lập 2 chi bộ mới là Chi bộ Trường Tiểu học và Chi bộ Trường Trung học cơ sở trực thuộc Đảng bộ xã. Đồng thời, chỉ định Ban Chi uỷ lâm thời Trường Tiểu học gồm đồng chí Nguyễn Văn Nguyên làm Bí thư và đồng chí Trần Thị Định làm Phó Bí thư. Chi bộ Trường Trung học cơ sở do đồng chí Dương Thị Minh Hoà làm Bí thư; đồng chí Dương Văn Việt làm Phó Bí thư. Từ đây, Đảng bộ xã Huống Thượng có 12 chi bộ gồm 10 chi bộ nông thôn và 02 chi bộ nhà trường.

³²⁵ Ngày 06/11/1997, đồng chí Nguyễn Văn Kim, Chủ tịch UBND huyện Đông Hỷ ký quyết định số 250/QĐ-UB cho đồng chí Nguyễn Thị Toàn thôi giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã kể từ ngày 15/11/1997; đồng thời chỉ định đồng chí Dương Trọng Văn giữ chức vụ Quyền Chủ tịch UBND xã Huống Thượng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đến năm 2000, hệ thống chính trị của xã đã được củng cố kiên toàn. Đầu năm 1996, theo sự chỉ đạo của trên về thành lập Hội Người cao tuổi, Thường vụ Đảng uỷ xã đã chỉ định ông Đặng Đình Cừ làm Hội trưởng cùng một số uỷ viên và giao cho Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thành lập Hội Người cao tuổi cấp xã.

Cuối năm 1998, thể theo nguyện vọng của đông đảo anh chị em Cựu Thanh niên xung phong, được sự nhất trí của Đảng uỷ và UBND. Ban Liên lạc Cựu Thanh niên xung phong xã Huống Thượng được thành lập do bà Nguyễn Thị Nhung làm Trưởng ban và ông Lê Quang Cảnh làm Phó ban³²⁶.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Huống Thượng khoá XV, trong điều kiện có nhiều khó khăn. Thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, sâu bệnh luôn xảy ra; hai năm 1998-1999, mưa lũ, gió xoáy đã gây thiệt hại nặng nề làm hàng trăm ha lúa màu bị mất trắng, gần 700 nóc nhà bị tốc mái, cơ sở hạ tầng hư hỏng nặng. Mặc dù vậy, Đảng bộ, nhân dân xã Huống

³²⁶. Đến ngày 01/6/2007 thành lập Hội Cựu Thanh niên xung phong xã Huống Thượng, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã. Ngày 25/6/2007, Ban Chấp hành Hội Cựu TNXP huyện Đồng Hỷ ra quyết định số 01/QĐ-TNXP công nhận Hội Cựu TNXP xã Huống Thượng. Năm 2009 bà Nguyễn Thị Nhung được bầu làm Chủ tịch Hội Cựu TNXP huyện Đồng Hỷ; ông Nguyễn Đình Ngân làm Hội trưởng Hội Cựu TNXP xã Huống Thượng.

Thượng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, cho dù còn có mặt hạn chế. Từ năm 1996 đến năm 2000, sản xuất nông nghiệp, có bước phát triển ổn định cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Đến năm 2000, đã vượt chỉ tiêu đề ra, mức thu nhập bình quân đầu người đạt 384 kg thóc/năm, tăng 48 kg so với năm 1995; chăn nuôi phát triển khá, thu ngân sách luôn đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Về các chỉ tiêu khác như xây dựng cơ sở hạ tầng “mương, đường, trường, trạm” đã đạt và vượt kế hoạch như làm đường, xây mương, xây cầu, xây cống. Công tác quản lý nhà nước đã từng bước đi vào nề nếp, có nhiều tiến bộ. Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” đạt nhiều kết quả thiết thực. Văn hoá giáo dục có nhiều tiến bộ. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đời sống nhân dân ổn định và có nhiều thay đổi đi lên, số hộ khá, hộ giàu ngày một tăng; số hộ đói nghèo năm 1996 có 10,29%, đến năm 1999-2000, giảm xuống còn 4,2% hộ nghèo, không còn hộ đói.

Đảng bộ luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức. Thường xuyên tổ chức cho cán bộ đảng viên học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Quy định 54, 55 về cuộc vận động

xây dựng chính đốn Đảng... Qua đó, đại bộ phận cán bộ đảng viên trong Đảng bộ luôn giữ được phẩm chất đạo đức, phát huy được tính tiên phong gương mẫu trong lời nói, việc làm. Chính vì thế tình hình Đảng bộ so với các nhiệm kỳ trước có nhiều chuyển biến tích cực cả nhận thức tư tưởng đến lề lối tác phong làm việc. Tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình nghiêm túc thẳng thắn hơn, tạo được sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng bộ. Qua bình xét các năm, nhiều chi bộ đạt trong sạch vững mạnh liên tục như các chi bộ Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Chi bộ xóm Thông, xóm Trám. Đảng bộ 2 năm 1999-2000, được công nhận trong sạch vững mạnh.

Tuy nhiên, vai trò lãnh đạo, tổ chức thực hiện của Cấp uỷ, Chính quyền có giai đoạn, có công việc chưa thống nhất, không đáp ứng kịp thời sự đòi hỏi của công cuộc đổi mới. Từ những nguyên nhân mạnh, yếu, Đảng bộ đã tổng kết và rút ra được nhiều bài học sâu sắc thiết thực, nhất là với một cơ sở Đảng lãnh đạo chủ yếu về sản xuất nông nghiệp như Huống Thượng; đó là:

- Với nhiệm vụ lãnh đạo trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế vật nuôi cây trồng, phải lãnh đạo chỉ đạo đồng bộ cùng với những biện pháp sắc bén, chủ động, cụ thể, sáng tạo. Công tác vận động quần chúng tốt, được quần chúng đồng tình ủng hộ, nhân dân xã Huống Thượng đủ khả năng đảm bảo diện tích, năng suất và sản lượng đề ra.

- Trong khó khăn, các cấp uỷ Đảng cần xác định đúng, trúng khâu yếu, mặt yếu để tập trung tháo gỡ. Khi triển khai có nhiều biện pháp tích cực chủ động, kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền giáo dục với biện pháp tổ chức thực hiện. Phát huy sức mạnh đoàn kết, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể thì mọi công việc sẽ được hoàn thành, những khó khăn sẽ được giải quyết.

- Trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện, công tác xây dựng Đảng phải luôn luôn được coi trọng. Xây dựng Chi bộ, Đảng bộ phải thật sự trong sạch vững mạnh, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Với những thành tích đã đạt được trong những năm qua, vận dụng những kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn, Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng tiếp tục phấn đấu vươn lên, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhân dân trong xã. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng xã Huống Thượng vững mạnh về mọi mặt, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước.

III- Phát huy sức mạnh đoàn kết, vững bước đi lên trên con đường đổi mới mà Đảng đã đề ra (2001-2010)

Trong 2 ngày 13 và 14 tháng 10 năm 2000, Đảng bộ xã Huống Thượng tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2000-2005. Về dự có 98 đại biểu chính thức, đại

diện cho 185 đảng viên sinh hoạt trong 12 chi bộ. Với tinh thần “phát huy cao độ mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo chuyển biến mới mạnh mẽ trong phát triển kinh tế xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, tăng cường đoàn kết, giữ vững kỷ cương, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh”³²⁷.

Đại hội đã đề ra mục tiêu cơ bản cần tập trung lãnh đạo thực hiện, trong đó xây dựng cơ sở hạ tầng “đường, trường, thủy lợi” là mục tiêu hàng đầu. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Phạm Đức Nguyên, được bầu làm Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Dương Trọng Văn, Phó Bí thư; đồng chí Dương Xuân Viễn, Uỷ viên Thường vụ. Các đồng chí Đoàn Bá Thu, Vương Xuân Bằng, Dương Thị Minh Hoà, Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Minh Lợi, Ngô Quang Lục, Đặng Đình Luyện, Lê Quang Diệp là Uỷ viên Ban Chấp hành.

Đại hội bầu 6 đồng chí đại biểu chính thức đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Hỷ lần thứ XXI.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hướng Thượng lần thứ XVI là định hướng cơ bản để Đảng bộ và nhân dân xã Hướng Thượng vững tin bước vào thế kỷ XXI.

³²⁷ Chỉ thị số 31/CT/TU ngày 24/6/2000 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Thái Nguyên về Đại hội Đảng bộ các cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2002, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Huống Thượng ra Nghị quyết chuyên đề về xây dựng kế hoạch chi tiết, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2002-2005. Nghị quyết đã đề ra kế hoạch với mục tiêu chung là “Khoanh vùng trồng lúa chuyên canh, chuyển diện tích trồng lúa bắp bênh, đất màu soi bãi sang trồng rau, trồng dâu nuôi tằm, trồng cây có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng mở rộng. Phát triển kinh tế phụ theo hướng đa ngành nghề. Đến năm 2005, cơ cấu kinh tế là: nông lâm nghiệp-công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp dịch vụ. Phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 12%”.

Từ tinh thần trên, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, triển khai một cách toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng với tổ chức điều hành thực hiện nghị quyết. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, xác định nhiệm vụ, mục tiêu tiến trình cụ thể cho từng tháng, từng quý, từng năm, từng đơn vị.

Thực tế, Đảng bộ đã gặp rất nhiều khó khăn, những mâu thuẫn phát sinh trong khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Xây dựng các mô hình HTX dịch vụ hoạt động theo cơ chế mới thiếu tính khả thi. Đội ngũ cán bộ có nhiều cố gắng đổi mới, nhưng qua thực tế,

có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ phức tạp đặt ra.

Song về cơ bản, đây là thời kỳ thành công trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế-văn hoá xã hội-an ninh quốc phòng. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Bộ mặt của địa phương có nhiều khởi sắc.

Diện tích trồng lúa chuyên canh năm 2001 có 410 ha, năng suất đạt 42,5 tạ/ha; sản lượng đạt 1.742,5 tấn. Đến năm 2005, năng suất lúa đạt 50 tạ/ha; sản lượng đạt 2.050 tấn. Từ năm 2001 đến 2005 diện tích cấy lúa hàng năm đạt bình quân 430 ha; tổng sản lượng quy đổi chung đạt 2.564 tấn thóc, bình quân lương thực đầu người đạt 400 kg. Giá trị tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10 đến 11%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 4,7 đến 4,8 triệu đồng/năm³²⁸.

Thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế, toàn xã đã thực hiện được 88 ha, trong đó có 26 ha trồng mía,

³²⁸ Từ sau năm 2000, Nhà nước luôn có các chính sách hỗ trợ giảm sự đóng góp, tạo điều kiện để nông dân tăng thu nhập; cụ thể như Nghị quyết số 15/2003/QH11, ngày 17/6/2003 “về việc miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp”. Từ năm 2003 nông dân xã Huống Thượng được miễn giảm hoàn toàn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Từ năm 2009 được Nhà nước hỗ trợ Thủy lợi phí (tại Nghị định số 154/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007, Nhà nước đã miễn Thủy lợi phí từ 2008; ở xã Huống Thượng, nông dân không phải đóng tiền Thủy lợi phí, nhưng vẫn phải đóng tiền điện để quản lý trạm bơm, để chạy máy bơm lấy nước cấy, sau đó Nhà nước hỗ trợ lại nông dân bằng tiền).

trồng cỏ nuôi bò; xây dựng cánh đồng 50 triệu được 66 ha. Các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt được phổ biến và thực hiện trên đồng ruộng. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được mạnh dạn đưa vào áp dụng trong sản xuất. Việc sử dụng cơ giới hoá trong nông nghiệp đã có một bước tiến dài. Từ chỗ làm đất hoàn toàn dựa vào sức người và sức kéo của trâu bò; đến năm 2005 toàn xã có 12 chiếc cày bừa máy, bảo đảm làm đất cho trên 60% diện tích, vận chuyển cơ giới trên 90% nhu cầu. Đến mùa thu hoạch người nông dân không còn phải đập, tuốt bằng máy đập chân... vì gặt đến đâu đã có máy tuốt lúa phục vụ.

Bên cạnh trồng lúa, xã Hướng Thượng còn phát triển rau màu để phát triển chăn nuôi và tăng thu nhập cho nhân dân. Diện tích trồng ngô năm 2001 có 75 ha; đến năm 2005 đã tăng lên 95 ha; trồng lạc từ 19 ha tăng lên 25 ha; đỗ tương 18 ha tăng lên 21 ha; rau xanh các loại 57 ha tăng lên 60 ha; cùng hàng chục ha khoai lang được trồng xen canh.

Sản xuất phát triển, chăn nuôi cũng phát triển theo; đàn trâu bò năm 2001 có 770 con, đến năm 2005 tăng lên 942 con; đàn lợn 4.520 con đến năm 2005 tăng lên 6.300 con; đàn gia cầm 20.000 con tăng lên 21.000 con. Xu hướng chăn nuôi trang trại bắt đầu hình thành, phát

triển nhất là nuôi lợn, nuôi vịt, nuôi ong. Nhiều hộ gia đình tích cực đào ao thả cá; các hồ ao hàng năm cho thu hoạch hàng chục tấn cá vừa cải thiện đời sống vừa có thu nhập cho kinh tế gia đình. Công tác phòng chống dịch bệnh trong sản xuất, chăn nuôi được quan tâm thường xuyên; hàng năm xã đều tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; vì vậy xã Huống Thượng không năm nào để xảy ra các dịch bệnh lớn làm ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại cho người chăn nuôi. Đến năm 2005, tổng thu nhập từ làm kinh tế phụ chiếm 30% tổng thu nhập của toàn xã, với một số ngành nghề chủ yếu là sản xuất đồ mộc, sản xuất gạch, vận tải, cơ khí sửa chữa, dịch vụ thương nghiệp, buôn bán nhỏ, giết mổ gia súc, làm đậu phụ...

Kinh tế ngày một phát triển, đời sống nhân dân có sự thay đổi căn bản, năm 2001, toàn xã có 76 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,5%³²⁹; đến cuối năm 2004, số hộ nghèo trong toàn xã chỉ còn 17 hộ chiếm 1,4%. Số hộ khá, hộ giàu, đến năm 2005 chiếm gần 50%, nhà tầng, nhà mái bằng chiếm trên 60%. Các phương tiện phục vụ cho sinh hoạt gia đình ngày một hoàn thiện, trên 50% hộ gia đình

³²⁹ Theo báo cáo năm 2000 xã có 4,2% số hộ nghèo. Năm 2001 có 6,5% số hộ nghèo là do thay đổi tiêu chí tính hộ nghèo theo chuẩn mới của giai đoạn 2001-2005

có xe máy, trên 70% có phương tiện nghe nhìn, trên 20% có điện thoại gia đình.

Công tác xây dựng “đường-trường-thuỷ lợi”, là mục tiêu cơ bản được Đảng bộ và Chính quyền đặc biệt quan tâm.

Để ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển sản xuất, ngay từ các năm 1999-2000, với sự hỗ trợ của Nhà nước, phong trào kiên cố hoá kênh mương đã bắt đầu sôi động ở các xóm Trám, Cây, Huống Trung và xóm Sộp. Chỉ trong một thời gian ngắn, 5 km mương nội đồng đã được xây dựng kiên cố. Ngay sau đó phong trào đã được lan toả đến tất cả các xóm; đến cuối năm 2003, toàn xã xây được 21,3 km mương. Tổng kinh phí xây dựng kênh mương từ năm 1999 đến năm 2003 là 2.734.950.000 đồng, trong đó Nhà nước hỗ trợ 60% kinh phí bằng 1.640.970.000 đồng, huy động đóng góp của nhân dân là 1.093.980.000 đồng³³⁰. Như vậy, toàn bộ các tuyến mương chính quan trọng nhất đã được hoàn thành; số còn lại là các nhánh kênh mương phụ trải đều trên các khu đồng. Ba nhà trạm bơm điện được xây dựng mới; 5 máy bơm mới được lắp đặt thay thế cho số máy cũ đã bị hư hỏng. Chương trình

³³⁰ Theo kế hoạch làm 40 km mương, nhưng nguồn ngân sách xây dựng kênh mương của Nhà nước chưa đáp ứng kịp, nên số mương còn lại trong kế hoạch phải chuyển sang giai đoạn sau. Thời điểm năm 2000 đến 2006 giá vàng 999 trên thị trường trung bình từ 480.000 đến 5.000.000 đồng 1 chỉ.

thuỷ lợi cơ bản đã hoàn thành, phát huy tác dụng bảo đảm thuận lợi cho tưới tiêu phục vụ sản xuất. Diện tích cấy lúa từ 407 ha năm 1999 đã tăng lên 435 ha năm 2005. Đây thật sự là một bước đột phá quan trọng nhất trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ.

Về giao thông, để thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ, trong nhiệm kỳ 2000-2005, “tập trung nâng cấp trục đường chính của xã đoạn cầu treo qua Ủy ban nhân dân với chiều dài 1,5 km”. Nhưng qua dự toán, vốn đầu tư quá lớn mà sức trong dân có hạn, xã không có khả năng nên Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã đã làm tờ trình, đề nghị cấp trên giúp đỡ làm con đường liên xã từ Cầu Treo đi Nam Hoà. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xóm tu sửa đường giao thông theo địa bàn được phân công. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song thực tế đường đi lại vẫn gặp rất nhiều khó khăn, về mùa mưa lũ, xe ô tô, xe công nông đi lại nhiều, làm cho đường sá bị cày xới lầy lội. Để giải quyết việc đi lại, trước mắt từ năm 2000 đến 2003, nhân dân trong xã đã đóng góp trên 5.200 ngày công và trên 100 triệu đồng để đào đắp sửa chữa, san lấp, rải cấp phối một số đoạn đường trọng điểm, nhưng cũng chỉ là tạm thời. Trước tình hình đó, Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân tiếp tục cụ thể hoá nghị quyết, vận động nhân dân các xóm, tranh thủ sự hỗ trợ của trên, đóng góp tiền

của, công sức để thực hiện bê tông hoá đường giao thông ở các xóm theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhà nước hỗ trợ toàn bộ xi măng, số còn lại do nhân dân địa phương tự lo.

Thực hiện chủ trương này, xã Huống Thượng được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ giao cho 3 km để thực hiện trong năm 2004. Khi Đảng uỷ, Ủy ban triển khai đến các Bí thư chi bộ và Trưởng xóm trong cuộc giao ban chuyên đề về làm đường giao thông, chỉ có xóm Đảng nhận làm 200 mét, các xóm còn lại chưa nhận, vì lo không huy động được sự đóng góp của nhân dân. Trước tình hình đó, đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân, trực tiếp chỉ đạo cho Cấp uỷ Chi bộ và Ban chỉ đạo xóm Cậy làm thí điểm để rút kinh nghiệm. Tiếp thu sự chỉ đạo, Chi bộ và Ban chỉ đạo xóm Cậy đã nhiều lần tổ chức họp bàn để triển khai nhưng vẫn có nhiều ý kiến khác nhau. Cuối cùng đích thân đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân Dương Trọng Văn đứng ra vận động bà con nhân dân đội 12 (là nơi đồng chí cư trú và sinh hoạt đảng) quyết tâm làm 300 mét. Từ quyết tâm của đồng chí Chủ tịch đã thành quyết tâm và sự đồng tình của mọi người. Sau gần một tháng, nền đường đã được hoàn thành, đúng quy định làm đường giao thông nông thôn liên xóm. Ngày 20 tháng 11 năm 2004, những mét đường

bê tông đầu tiên không chỉ riêng của xóm Cây, mà của cả xã Huống Thượng đã được hình thành trong niềm vui phấn khởi của mọi người.

Trên đà thắng lợi, thấy rõ lợi ích của con đường, Ban chỉ đạo xóm Cây lập tức đề nghị Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã cho xóm làm tiếp 600 mét nữa. Được sự nhất trí của trên, nhân dân xóm Cây tiếp tục ra quân làm đường bê tông. Đến ngày 01 tháng 02 năm 2005 (tức ngày 23 tháng Chạp năm Giáp Thân), toàn bộ công trình đã được hoàn thành. Như vậy, đến đầu năm 2005, nhân dân xóm Cây và xóm Đảng đã làm được 1.100 mét đường bê tông theo đúng thiết kế ban đầu. Rút kinh nghiệm và học tập xóm Cây, xóm Đảng, từ năm 2005, nhân dân trong xã đã đẩy lên phong trào thi đua bê tông hoá đường làng ngõ xóm.

Cùng với làm đường giao thông, được sự quan tâm giúp đỡ của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, cầu treo Sông Đào được xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng, phục vụ cho việc đi lại thuận tiện của nhân dân. Đồng thời, cầu treo Sông Cầu cũng được đại tu, sửa chữa đảm bảo chắc chắn, an toàn hơn.

Trước yêu cầu và nhiệm vụ cấp bách của sự nghiệp giáo dục, để tương xứng với một xã có truyền thống học tập, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Huống

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Thượng luôn luôn quan tâm, tập trung nhiều công sức, tiền của để xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trường. Với mong muốn trường ra trường, lớp ra lớp, nhưng thực tế nhiều năm qua, do nhiều nguyên nhân khác nhau, việc đầu tư cho giáo dục vẫn ở trong tình trạng chắp vá, thiếu cơ bản, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng dạy và học của nhà trường. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn thiếu thốn, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, quyết tâm làm thay đổi diện mạo nhà trường. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất, xoá bỏ các phòng học tạm; sửa chữa tôn tạo các phòng học đảm bảo tiêu chuẩn, có trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của các Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Mầm non. Được sự hỗ trợ của Nhà nước, trong thời gian từ năm 2000 đến 2005, đã xây dựng hoàn thiện 2 nhà tầng của 2 trường Trung học cơ sở và Tiểu học, xây một nhà Hiệu bộ cho Trường Mầm non, một nhà Hiệu bộ Trường Tiểu học, làm sân xi măng của 2 trường, tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm bàn ghế. Tổng kinh phí xây dựng mới là 1.624.205.000 đồng; kinh phí sửa chữa các trường là 359.205.000 đồng; số tiền này do nhân dân đóng góp đối ứng cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước.

Trường Tiểu học có tổng diện tích khu trường 23.080 m², đạt mức 45 m² một học sinh, trường có sân chơi, có bóng mát cây xanh, sạch đẹp. Nhà trường có 12 phòng

học, có 8 phòng học ở nhà 2 tầng; 4 phòng học khác, có đủ bàn ghế đúng quy cách. Các phòng đều có hệ thống chiếu sáng và quạt điện cùng các trang thiết bị thiết yếu khác, đủ chỗ học tập cho lượng học sinh từ 450 đến 500 em/năm. Trường có nhà Hội đồng 5 gian riêng, 1 nhà chức năng, trong đó có 1 phòng y tế học đường, 1 phòng truyền thống, 1 phòng thư viện gồm 3 gian có đầy đủ thiết bị theo quy định phục vụ cho giáo viên và học sinh.

Trường Trung học cơ sở có diện tích 4.596 m² được bao quanh tường rào, có cổng trường và các công trình công cộng. Trường có nhà 2 tầng với 6 phòng học và 4 phòng học ở nhà cấp 4 đầy đủ tiện nghi, bàn ghế bảo đảm theo quy định. Các nhà chức năng như khu hành chính quản trị, khu phục vụ cho dạy và học, phòng bộ môn, phòng truyền thống, phòng thư viện.

Cơ sở vật chất của trường Mầm non cũng được tăng cường bảo đảm cho nhu cầu học tập nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Tỷ lệ giáo viên có trình độ đại học ngày một tăng nên chất lượng giảng dạy của thầy cô giáo ngày một tốt hơn. Năm học 2004-2005, có 23 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, 1 giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, không có giáo viên yếu kém về đạo đức và chuyên môn. Chi bộ 2 trường Tiểu học và Trung học cơ sở năm nào cũng đạt

trong sạch vững mạnh. Nhà trường được tặng danh hiệu trường tiên tiến cấp huyện, cấp tỉnh.

Riêng trường Tiểu học đã thực hiện đúng mục tiêu phổ cập giáo dục, tuyển sinh đúng tuổi, 100% con em trong xã đến tuổi đều được đi học. Hàng năm đã thực hiện tốt “ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Chất lượng giáo dục được bảo đảm, tỷ lệ lên lớp, đỗ tốt nghiệp lớp 5 đạt 100%. Học sinh giỏi, học sinh tiên tiến năm sau tăng hơn năm trước. Năm học 2003-2004, có 152/462 em học sinh giỏi; 200 học sinh khá; không có học sinh yếu; học sinh giỏi cấp tỉnh 13 em, cấp huyện 23 em, cấp trường 152 em, học sinh tiên tiến 200 em; cháu ngoan Bác Hồ chiếm 98%. Ngày 26/11/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2551/QĐ-UB, công nhận trường Tiểu học xã Huống Thượng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Đây là một sự ghi nhận thành tích, công lao của thầy cô giáo và học sinh nhà trường. Đồng thời, cũng nói lên sự quan tâm trách nhiệm của Đảng, Chính quyền, nhân dân trong xã đối với sự nghiệp giáo dục nói chung và Trường Tiểu học nói riêng, nhắc nhở nhà trường cần phải cố gắng hơn nữa để giữ vững là trường chuẩn quốc gia.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XVI, xuất phát từ nguyện vọng chung của nhân dân trong xã và thân nhân liệt sĩ, Đảng ủy, Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định di chuyển nghĩa trang liệt sĩ xã Huống Thượng về khu vực mà trước đây các liệt sĩ đã yên nghỉ tại gò Núi Thị. Mặc dù xã vẫn đang trong thời kỳ khó khăn³³¹, nhiều công việc xây dựng phải huy động tiền của, công sức của nhân dân, nhưng đây là một việc làm cần thiết để tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với các liệt sĩ đã hy sinh vì nước, vì dân. Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng khu nghĩa trang liệt sĩ của xã thật đàng hoàng, uy nghi để cho các thế hệ và người dân xã Huống Thượng có điều kiện thuận lợi nhất mỗi khi vào nghĩa trang thăm viếng các liệt sĩ. Được sự giúp đỡ của Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, mà trực tiếp là Phòng Lao động-Thương binh và xã hội, cùng với sự đóng góp tiền của và công sức của nhân dân trong xã. Sau thời gian khảo sát và thi công đầy trách nhiệm, công trình nghĩa trang liệt sĩ xã Huống Thượng được hoàn thành đúng vào ngày 22 tháng 12 năm 2001, với tổng kinh phí đầu tư là 148 triệu đồng. Nhân dân trong xã ngoài đóng góp công sức, còn ủng hộ công trình 11.615.000 đồng.

Về an ninh: trong xã có những diễn biến phức tạp, nổi lên là tình trạng trộm cắp vặt, số đối tượng nghiện hút,

³³¹ Lúc đó xã chỉ có 2.700.000 đồng.

buôn bán ma túy có khi hoạt động thành tụ điểm công khai, gây bức xúc trong nhân dân. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ban Công an phối hợp với các cấp các ngành chủ động tấn công truy quét, ngăn chặn, triệt phá các tụ điểm buôn bán, hút, tiêm chích ma túy, các điểm nóng thường xuyên xảy ra trộm cắp. Tổ chức phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự địa bàn và củng cố đội ngũ công an viên đủ quân số, được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định. Các xóm đều thành lập tổ an ninh có từ 3 đến 5 người hoạt động theo sự chỉ đạo của Chi uỷ và Ban chỉ đạo xóm, dưới sự chỉ huy điều hành trực tiếp của đồng chí công an viên. Hàng tháng, Ban Công an xã duy trì đều chế độ giao ban, nắm tình hình an ninh chính trị, kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra. Đảng uỷ ra nghị quyết chuyên đề về công tác an ninh quốc phòng, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Giáo dục ngăn chặn những hành vi lợi dụng tự do tín ngưỡng, gây mất trật tự an toàn xã hội. Thực hiện Quyết định 1329/QĐ-UB, ngày 14 tháng 6 năm 2004 về việc ban hành các quy định về hoạt động tôn giáo, được cụ thể hoá bằng các quy định hoạt động tôn giáo trên địa bàn xã Huống Thượng.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Công an đã xây dựng và ký kết Kế hoạch liên tịch số 01, ngày 25 tháng 5 năm 2003, phối hợp hành động giữa công an xã với các tổ

chức chính trị xã hội. Nội dung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm ma túy, bài trừ tệ nạn xã hội, góp phần ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Trên cơ sở đó các đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân tăng cường phối hợp hoạt động, triển khai sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Do làm tốt công tác an ninh nên tình hình chung của xã Huống Thượng cơ bản bảo đảm tốt, không có những vụ việc nghiêm trọng. Năm 2000, xảy ra 14 vụ, xử lý tại địa phương 10 vụ, chuyển cấp trên 4 vụ. Năm 2001, xảy ra 16 vụ, xử lý tại địa phương 12 vụ, chuyển cấp trên 4 vụ. Năm 2002, xảy ra 32 vụ, xử lý tại địa phương 12 vụ, chuyển cấp trên 20 vụ. Năm 2003, xảy ra 28 vụ, xử lý tại địa phương 20 vụ, chuyển cấp trên 8 vụ. Năm 2004 xảy ra 21 vụ, xử lý tại địa phương 18 vụ, chuyển cấp trên 3 vụ. Đưa đi trung tâm 05, 06 cai nghiện, giáo dục 9 đối tượng nghiện ma túy, xử phạt hành chính 44 đối tượng, nộp kho bạc Nhà nước 4.880.000 đồng. Số người nghiện ma túy theo danh sách quản lý đầu năm 2005 có 54 người, các xóm phát hiện có dấu hiệu nghiện ma túy trên 20 người. Xã đã tổ chức cai nghiện cho 19 đối tượng và cho đi cải tạo tập trung 24 lượt

người, nhưng thực tế hiệu quả chưa cao, chỉ có 1 trường hợp đạt kết quả tốt.

Đối với công tác quốc phòng quân sự địa phương : Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo từ công tác giáo dục chính trị tư tưởng tới công tác tổ chức. Lực lượng dân quân trong độ tuổi năm 2003 là 930 người, trong đó, lực lượng dự bị động viên là 454 người (hạng I là 220 người, hạng II là 234 người). Số quân dự bị động viên phải thường xuyên được huấn luyện theo quy định là 169 người, bảo đảm tỷ lệ huy động lực lượng dân quân nông cốt theo quy định của Pháp lệnh dân quân tự vệ. Hàng năm, xã Huống Thượng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện quân dự bị động viên và dân quân theo kế hoạch. Từ năm 2000 đến 2005, kết quả huấn luyện của dân quân xã Huống Thượng đều đạt loại giỏi.

Có 12 đồng chí cán bộ từ Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Xã đội trưởng, Bí thư chi bộ, Trưởng xóm được đi bồi dưỡng về kiến thức quốc phòng do huyện, tỉnh mở. Các cuộc diễn tập hàng năm như ZT 2000, ZT 2003 được Đảng uỷ, Ủy ban tổ chức thực hiện nghiêm túc. Trong thời gian diễn tập, cũng là lúc xã Huống Thượng đang tập trung thực hiện nhiệm vụ làm đường giao thông, kiên cố hoá kênh mương, xây dựng trường sở. Để kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ kinh tế

và thúc đẩy phong trào, tạo khí thế thi đua, xã đã huy động hàng ngàn ngày công vừa phục vụ cho nhiệm vụ diễn tập, vừa tập trung tu bổ, sửa chữa làm đường giao thông, giải toả hành lang bị lấn chiếm, nạo vét kênh mương, thực hành cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão...qua các đợt diễn tập đã nâng cao được ý thức quốc phòng toàn dân, giải quyết được nhiều công việc đặt ra.

Từ năm 2000 đến 2005, có 27 thanh niên nhập ngũ thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự. Mỗi lần giao quân, theo truyền thống quê hương, xã đều tổ chức thăm hỏi động viên, gặp gỡ tặng quà, bàn giao chu đáo. Với những thành tích đã đạt được trong công tác an ninh quốc phòng, xã Huống Thượng năm nào cũng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Về văn hoá xã hội: cùng với công tác giáo dục, Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể thường xuyên quan tâm tới công tác chính sách xã hội. Tổ chức thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cho các đối tượng được hưởng các chế độ theo đúng quy định. Đặc biệt là với các đối tượng thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, người có công. Động viên thăm hỏi, tặng quà nhân các ngày lễ, ngày tết. Đảm bảo cho các gia đình chính sách có cuộc sống vui vẻ, có mức sống tối thiểu bằng hoặc cao hơn mặt bằng kinh tế chung của nhân dân địa phương.

Công tác văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì tổ chức hàng năm như giải bóng đá thanh niên, thi đấu bóng đá giữa các xóm, tổ chức hội diễn văn nghệ và tham gia dự các hoạt động thể dục thể thao do huyện, do tỉnh tổ chức. Điển hình từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 10 năm 2001, xã Huống Thượng tổ chức đoàn vận động viên gồm 38 người tham dự Đại hội Thể dục-Thể thao huyện Đồng Hỷ lần thứ IV. Tại Đại hội, có nhiều môn thi đấu xã Huống Thượng đã đạt kết quả tốt và giành được các thứ hạng cao như đua xe đạp, điền kinh, đẩy gậy.

Để tiếp tục lãnh đạo nâng cao chất lượng cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, ngày 10 tháng 12 năm 2000, Đảng uỷ ra Quyết định số 01/QĐ-ĐU, về việc thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” cấp xã. Nghị quyết nêu rõ: “cuộc vận động này là tiếp tục thực hiện 6 nội dung của cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư trước đây”. Danh hiệu thi đua chủ yếu đối với cuộc vận động gồm: Khu dân cư tiên tiến, Khu dân cư xuất sắc, Gia đình văn hoá, Xóm (làng) văn hoá, Cơ quan văn hoá. Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm trước đây, từ năm 2001, phong trào càng trở nên sôi động, phát triển mạnh cả chiều rộng và bề sâu. Xây dựng cơ quan, xóm (thôn) hàng năm đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa”, “Làng

văn hóa” là mục tiêu phấn đấu chung của toàn Đảng bộ và nhân dân trong xã.

Từ cuối năm, các xóm, các cơ quan đơn vị đều tổ chức đăng ký phấn đấu theo tiêu chuẩn Xóm văn hoá, Cơ quan văn hoá và Gia đình văn hoá cho năm tới. Năm 2000, có 64% số hộ đạt gia đình văn hoá; 2 xóm Thông và xóm Trám đạt Xóm văn hoá. Năm 2001, có 71% số hộ đạt Gia đình văn hoá. Năm 2002, có 75% số hộ đạt Gia đình văn hoá. Các xóm Trám, xóm Thông, xóm Đảng, Ủy ban nhân dân, Trạm Y tế, Trường Mẫu giáo mầm non và Trường Tiểu học đạt danh hiệu Xóm văn hoá và Cơ quan văn hoá. Đến năm 2004, có 2 xóm đạt Khu dân cư tiên tiến; 5 xóm đạt Xóm văn hoá; 5/5 cơ quan đơn vị đạt Cơ quan văn hoá; 83,85% số hộ đạt Gia đình văn hoá. Xóm Trám là điểm sáng trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, 5 năm liên tục đạt “Xóm văn hoá” và “Khu dân cư xuất sắc”. Được sự hỗ trợ của Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân, 8/10 xóm đã hoàn thành xây dựng nhà văn hoá; xã đã xây dựng được 2 nhà đại đoàn kết cho đối tượng nghèo, 2 nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách; chăm sóc, tu bổ và làm mới 4 vườn cây tình nghĩa.

Từ năm 2001 đến 2004, thông qua các cuộc vận động, nhân dân trong xã đã quyên góp, ủng hộ được 112.732.000

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

đồng để thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa; 2.553.800 đồng xây dựng quỹ trẻ thơ; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt hơn 20 triệu đồng. Cuộc vận động tác động trực tiếp tới mọi mặt sinh hoạt trong xã, tạo nên sức mạnh đoàn kết trong cộng đồng dân cư, niềm tin của quần chúng đối với Đảng ngày càng được củng cố.

Công tác Y tế có nhiều tiến bộ, đội ngũ cán bộ y tế từ trạm trưởng đến nhân viên cũng như nhân viên y tế thôn bản luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, nhất là chăm sóc sức khoẻ ban đầu và thực hiện chương trình dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc bà mẹ trẻ em. Hàng năm Trạm Y tế đều tổ chức khám chữa bệnh, tổ chức tiêm phòng định kỳ cho trẻ em và phụ nữ mang thai. Trong quá trình khám, chữa bệnh, Trạm Y tế xã không để xảy ra trường hợp nào tử vong. Công tác dân số vẫn giữ ở mức độ ổn định, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2004 còn 1,23%, trẻ suy dinh dưỡng còn 25%. Trạm Y tế xã đang nỗ lực phấn đấu để hoàn thiện các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia.

Ngày 27 tháng 12 năm 2002, Đảng uỷ xã Huống Thượng ra Quyết định số 17/NQ-ĐU về việc thành lập Hội Khuyến học. Ngày 11 tháng 3 năm 2003, Hội đã tiến hành Đại hội lần thứ nhất và đề ra quy chế hoạt động, bầu Ban Chấp hành do ông Nguyễn Văn Nguyên làm

Hội trưởng. Năm 2005, toàn xã có 7/10 chi hội; có 1 dòng họ là họ Nguyễn (xóm Già) làm tốt công tác khuyến học. Hàng năm hội tổ chức tặng quà, biểu dương các học sinh trúng tuyển vào đại học, học sinh giỏi, các thầy cô giáo tiêu biểu có thành tích xuất sắc³³².

Để thực hiện chương trình kinh tế xã hội, công tác thu chi ngân sách được quan tâm chỉ đạo cụ thể, chặt chẽ. Vì thế nên thu ngân sách hàng năm đều hoàn thành 100% kế hoạch, có năm vượt từ 5 đến 10%. Các khoản thu chi được thể hiện công khai, dân chủ, đúng luật ngân sách quy định. Đã vận động nhân dân đóng góp hàng tỷ đồng xây dựng các công trình như kênh mương, đường giao thông, trường học, làm nhà văn hoá, xây dựng các cụm loa truyền thanh...góp phần tích cực thúc đẩy kinh tế phát triển.

Những kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá-xã hội đã phản ánh kết quả xây dựng Đảng bộ trong những năm qua. Đối với Đảng bộ Huống Thượng, để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng, Đảng bộ đã không ngừng nâng cao năng lực, tập trung lãnh đạo thực

³³² Theo thống kê sơ bộ đến năm 2010 toàn xã có trên 300 người có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có 11 hộ gia đình có tất cả các con đều học đại học.

hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI và đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu đã đề ra. Kết quả đạt được, là sự thể hiện ý chí, tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết thống nhất, sức mạnh lãnh đạo của Đảng bộ.

Về xây dựng Đảng, ngày 23 tháng 11 năm 2001, Đảng uỷ đã xây dựng kế hoạch hành động, gồm 6 mục tiêu tổng quát được cụ thể hoá từ những mục tiêu cơ bản mà Đại hội Đảng bộ khoá XVI đã đề ra. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX), thực hiện Kế hoạch số 04/KL-HU của Huyện uỷ Đồng Hỷ về việc thực hiện Quy định 55/QĐ-TW về “19 điều đảng viên không được làm”, Đảng bộ đã tiến hành mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn bộ đảng viên về thực hiện quy định “19 điều đảng viên không được làm” gắn với thực hiện pháp lệnh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí.

Đợt sinh hoạt chính trị này có 170/193 đảng viên và 100% số chi bộ trong toàn Đảng bộ triển khai thực hiện nghiêm túc đầy đủ nội dung kế hoạch do Đảng uỷ đề ra. Qua kiểm điểm phân loại chất lượng, đa số đảng viên trong Đảng bộ đã thực hiện tốt, tuy nhiên vẫn còn 6 đảng viên vi phạm nội dung. Các trường hợp vi phạm đều được Đảng uỷ, Uỷ ban Kiểm tra xem xét kết luận cụ thể.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm tới công tác kiểm tra, coi đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Từ năm 2001 đến năm 2005 Đảng bộ đã tập trung kiểm tra các chi bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra việc triển khai thực hiện nghị quyết, các kế hoạch hành động của Đảng bộ. Đã xử lý 4 đảng viên vi phạm bao gồm: cảnh cáo 1; khiển trách 2 và xoá tên 2.

Vừa lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, vừa thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Từ năm 2001 đến 2005, Đảng bộ có 216 đảng viên, sinh hoạt ở 13 chi bộ (3 chi bộ nhà trường và 10 chi bộ xóm, tăng 1 chi bộ Mầm non từ năm 2003). Qua bình xét phân tích chất lượng đảng viên hàng năm đạt kết quả như sau: Năm 2001, có 195/195 đảng viên đủ tư cách, trong đó 182 đồng chí đạt mức 1 và 13 đồng chí đạt mức 2. Năm 2004, có 210 đảng viên tham dự bình xét, đủ tư cách 209 đồng chí, có 1 không đủ tư cách. Đảng viên đủ tư cách bình quân 4 năm đạt 99,5%.

Trong năm 2004, thực hiện Chỉ thị số 29 của Ban Bí thư Trung ương và Kế hoạch số 31 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đảng bộ đã tiến hành đổi và phát thẻ đảng viên cho 195/200 đồng chí đúng quy định. Tổ chức tặng huy hiệu 40 năm tuổi đảng cho 12 đồng chí và huy hiệu 50 năm tuổi đảng cho 9 đồng chí.

Công tác tạo nguồn, giáo dục, bồi dưỡng phát triển đảng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm; trong 5 năm, đã kết nạp được 37 đảng viên, đạt 148% kế hoạch; chuyển đảng chính thức cho 15 đồng chí. Đây là giai đoạn Đảng bộ kết nạp được nhiều đảng viên nhất, tăng cường đáng kể cho sức mạnh lãnh đạo của Đảng.

Từ sự cố gắng đi lên, đã có nhiều chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh trong từng năm, các chi bộ liên tục đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liền như Chi bộ xóm Trám, Chi bộ xóm Thông, chi bộ xóm Già, Chi bộ Trường Tiểu học, Chi bộ Trường Trung học cơ sở, Chi bộ xóm Đảng. Không có chi bộ yếu kém. Đảng bộ đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII), Đảng bộ đã quán triệt nắm vững những quan điểm và nguyên tắc trong công tác cán bộ của Đảng. Thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ gắn liền với nâng cao chất lượng, có tính liên tục kế thừa, thực hiện công tác quy hoạch bồi dưỡng cán bộ; từ năm 2001 đến 2004, có 254 lượt cán bộ từ xã đến xóm được đi học chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Có 4 đồng chí đi học lớp Trung cấp lý luận, 3 đồng chí học bổ túc văn hoá Trung học phổ thông, vì vậy, trình độ cán bộ của xã từng bước được chuẩn hoá. Cán bộ chủ chốt như Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân

đều tốt nghiệp Trung cấp lý luận. Cán bộ chuyên môn như địa chính, tư pháp, kế toán đều tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp đến đại học.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2000-2005, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và Chính quyền, sự vào cuộc của hệ thống chính trị, nhân dân xã Huống Thượng đã đạt được những thành tích rất đáng phấn khởi trên nhiều mặt của đời sống chính trị xã hội. Đây là nhiệm kỳ thành công trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ.

Trong bầu không khí đoàn kết phấn khởi đổi mới đi lên, trong 2 ngày 07 và 08 tháng 8 năm 2005, Đảng bộ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005-2010, có 142 đại biểu chính thức thay mặt cho 214 đảng viên của 13 chi bộ trong toàn Đảng bộ về dự. Đại hội đánh giá cao những thành tích đã đạt được. Đồng thời chỉ ra những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 2000-2005 và đề ra phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu của nhiệm kỳ 2005-2010.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí. Đồng chí Phạm Đức Nguyên tái cử Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Dương Trọng Văn, Phó Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Dương Xuân Viễn, Uỷ viên Thường vụ. Các Đảng uỷ viên Vương

Xuân Bằng, Cao Văn Lợi, Nguyễn Thị Nên, Nguyễn Quốc Hùng, Ngô Quang Lục, Nguyễn Minh Lợi, Đoàn Bá Thu, Phạm Thị Dung³³³. Bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Hỷ lần thứ XXII gồm 7 đồng chí.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVII, trong lãnh đạo sản xuất kinh tế, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 11,8%. Tỷ trọng kinh tế nông nghiệp chiếm 60%, tiểu thủ công nghiệp dịch vụ đạt 40%. Thu nhập bình quân đầu người hết năm 2009, ước đạt 9,6 triệu đồng/năm.

Tổng diện tích trồng lúa hàng năm đạt 430 ha, năng suất bình quân đạt 49 tạ/ha, sản lượng quy thóc đạt 2.589 tấn (riêng thóc đạt 2.107 tấn). Có 90 ha đất nông nghiệp chuyển đổi đã đạt trên 80 triệu đồng/ha/năm. Chuyển đổi 24 ha đất đồi, bãi sang trồng mía, trồng chè, trồng hoa. Tổng thu nhập từ nông nghiệp đạt 34 tỷ 400 triệu đồng/năm. Chăn nuôi phát triển ổn định, đàn trâu bò 1.064 con, lợn thịt có 6.769 con, đàn gia cầm 41.000 con

³³³ Từ năm học 2007-2008 đồng chí Phạm Thị Dung chuyển về trường THCS xã Cao Ngạn; nên thôi tham gia Đảng ủy tại Thông báo số 57-TB/ĐU ngày 30/8/2007. Bầu bổ sung đồng chí Dương Thị Minh Hòa, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng trường THCS vào Đảng ủy xã khóa XVII.

(năm 2009); đàn gia súc, gia cầm vượt từ 35 đến 36% so với chỉ tiêu kế hoạch.

Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu của nhiệm kỳ 2005-2010 là “đường-điện-trạm-trường”. Trong nhiệm kỳ 2000-2005, với mục tiêu là “đường-trường-thuỷ lợi”, đã tạo nên bước đột phá rất quan trọng. Để có được những mét đường bê tông đầu tiên, Đảng bộ đã phải trải qua biết bao khó khăn phức tạp, tưởng chừng như khó thành công. Nhưng với quyết tâm lãnh đạo của Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân, việc làm đường bê tông trong nhiệm kỳ 2005-2010 đã nhanh chóng trở thành phong trào thi đua rộng khắp trong toàn xã. Cuối năm 2009, toàn xã đã cơ bản hoàn thành đường bê tông liên xóm với chiều dài trên 30 km, nhiều xóm đường bê tông đã đi vào từng hộ gia đình như xóm Bầu, xóm Cây, xóm Hóc, xóm Trám. Đặc biệt, đường trục chính của xã từ Cầu Treo đi Nam Hoà, là đường trải nhựa cấp 6, được khởi công từ tháng 8/2009 và hoàn thành vào tháng 4/2010. Công trình hoàn thành, là do có sự quan tâm của Nhà nước với vốn đầu tư của “Dự án giao thông nông thôn 3 (WB3)”. Để giải quyết mặt bằng cho dự án, 105 hộ gia đình liên quan trực tiếp đã hiến gần 4.000m² đất (gồm đất thổ cư, đất vườn, đất nông nghiệp). Đồng chí Mai Thị Thân, Bí thư chi bộ xóm Trám mặc dù

đất thổ cư chật hẹp vẫn vui vẻ phá bờ tường xây, hiến hơn 40m² đất; anh Nguyễn Văn Ninh xóm Gò Chè hiến gần 300m² đất thổ cư, đất vườn...

Cùng với làm đường, các công trình thủy lợi cũng được củng cố, hoàn thiện, xây mới 1.622 mét kênh mương, sửa chữa 900 mét mương cũ, lắp đặt 3 máy bơm mới. Đến cuối năm 2009, toàn bộ hệ thống thủy lợi của xã đã được hoàn thành, sẵn sàng phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất của nhân dân.

Các công trình công cộng phúc lợi khác cũng được triển khai thực hiện. Lưới điện quốc gia của 4/10 xóm được cải tạo nâng cấp, 6 xóm còn lại sẽ được từng bước đầu tư nâng cấp. 10/10 xóm hoàn thành xây dựng nhà văn hoá.

Được đầu tư của trên, đã xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân 2 tầng có 16 phòng làm việc, 1 phòng họp và nhà hội trường gồm 7 gian, khang trang, thoáng mát phục vụ tốt cho nhu cầu làm việc và hội họp.

Trạm Y tế xã cũng được Nhà nước đầu tư xây dựng mới 2 tầng cùng các trang thiết bị phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh. Nhiều năm qua, trạm luôn làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện các chương trình y tế quốc gia, tư vấn giúp nhân dân có các biện pháp phòng ngừa ngăn chặn dịch bệnh, tránh thai...

Phong trào sinh đẻ có kế hoạch đã trở thành suy nghĩ hành động chung của mọi người, tỷ suất sinh thô đến năm 2009 còn dưới 2%; số người sinh con thứ 3 giảm hẳn; trẻ em suy dinh dưỡng còn 20%. Do đạt được những kết quả trong chăm sóc sức khỏe nhân dân và thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, ngày 23 tháng 9 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra Quyết định số 2374/QĐ-UBND công nhận trạm Y tế xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã.

Tổng số vốn đầu tư cho xây dựng các công trình trong 5 năm (2005-2009) là 16 tỷ 603 triệu đồng, trong đó Nhà nước đầu tư 8 tỷ 846 triệu đồng, nhân dân đóng góp 7 tỷ 757 triệu đồng, không kể hàng vạn ngày công, hiến hàng ngàn mét vuông đất để làm đường.

Đối với xã Huống Thượng, công tác chính sách xã hội là một việc lớn. Tính đến cuối năm 2009, toàn xã có 176 đối tượng chính sách, người có công. Với truyền thống và trở thành tục lệ, hàng năm nhân các ngày lễ lớn, ngày tết, từ xóm đến xã đều tổ chức thăm hỏi, tặng quà động viên các đối tượng.

Từ năm 2005 đến 2009, xã liên tục triển khai thực hiện các chế độ chính sách đối với các đối tượng liên quan mà Đảng và Nhà nước đã ban hành. Chế độ chính sách đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hoá học. Chế độ chính sách đối với một

số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 11 năm 2005, của Chính phủ (gọi tắt là chế độ 290). Chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội phục viên xuất ngũ về địa phương, theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 10 năm 2008, của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là chế độ 142). Đảng uỷ đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện đúng các quy định. Thụ lý hồ sơ gửi lên cấp trên xem xét giải quyết chế độ cho 132 đối tượng liên quan tới chất độc hoá học và đã được giải quyết chế độ cho 75 người; có 178 người được hưởng chế độ 142 đợt 1 và 2; đang đề nghị hưởng chế độ 290 cho 28 đối tượng là dân quân du kích tập trung có hộ khẩu tại địa phương³³⁴.

Thực hiện công tác xoá đói giảm nghèo, cuối năm 2005, toàn xã có 148 hộ nghèo (theo tiêu chí mới) chiếm 14,87% số hộ; đến cuối năm 2009, còn 85 hộ chiếm tỷ lệ

³³⁴ Khi giải quyết chế độ 142, được chia làm 3 đợt: Đợt 1 giải quyết cho những người có giấy tờ gốc; đợt 2 giải quyết cho những người có giấy tờ liên quan (là những giấy tờ chứng minh người có giấy là quân nhân, nhưng không làm rõ được thời gian công tác trong quân đội); đợt 3 giải quyết chế độ cho những người mất hết giấy tờ. Chế độ 290 làm trực tiếp cho những người có hộ khẩu tại xã, những trường hợp khác, xã xác nhận hồ sơ chuyển về nơi cư trú để làm thủ tục.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

5,8%. Từ năm 2005 đến 2009, với sự hỗ trợ của Nhà nước, xã đã xây dựng được 51 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, 5 nhà tình nghĩa cho hộ chính sách, với số tiền Nhà nước hỗ trợ là 446.000.000 đồng. Đến năm 2009 xã Huống Thượng không còn nhà tranh tre vách đất.

Hàng năm, các trường học đều đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, học sinh lên lớp đạt 98%; các cháu mầm non đạt kênh A 90%, không có kênh C. Cơ sở vật chất của trường tiếp tục được củng cố, xây dựng đáp ứng yêu cầu dạy và học. Trong 5 năm, vốn đầu tư cho các nhà trường là 3 tỷ 50 triệu đồng, trong đó Nhà nước đầu tư 2 tỷ 31 triệu đồng, nhân dân đóng góp 1 tỷ 19 triệu đồng.

Ngày 09 tháng 4 năm 2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 470/QĐ-UBND, công nhận trường Trung học cơ sở Huống Thượng đạt “Chuẩn Quốc gia giai đoạn 2001-2010”. Đây không chỉ là niềm vui của thầy và trò trường Trung học cơ sở xã Huống Thượng mà còn là niềm vui chung của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân trong xã.

Như vậy đến năm 2009, xã Huống Thượng đã có 2/3 trường (Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở) và Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia. Đây là một bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp giáo dục đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân của địa phương.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” tiếp tục được triển khai thực hiện. Đảng uỷ, Chính quyền đã lãnh đạo chỉ đạo nâng cao chất lượng cuộc vận động với phương châm “hiệu quả, thiết thực, phục vụ nhiệm vụ cụ thể của địa phương”. Từ phương châm đó, các tổ chức chính trị xã hội, cùng với các xóm hàng năm tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ với nhiều chủ đề khác nhau. Có xóm chưa bao giờ tổ chức được, nay đã trở thành xóm có phong trào mạnh như xóm Cây, xóm Hóc, xóm Già. Đặc biệt, Hội Người cao tuổi, mặc dù gồm những người tuổi cao sức yếu, nhưng hoạt động rất tích cực, năm nào cũng có các chương trình văn nghệ tham gia ở cấp xã, cấp huyện. Năm 2010, trong “Hội thi tiếng hát người cao tuổi”, đội văn nghệ Hội Người cao tuổi xã Huống Thượng được xếp thứ nhất toàn huyện.

Bình quân hàng năm, toàn xã có 86% số hộ đạt gia đình văn hoá, 60% khu dân cư tiên tiến, 40% xóm văn hoá, 100% cơ quan đơn vị văn hoá; trong đó xóm Trám có 10 năm liên đạt danh hiệu “Làng Văn hoá”.

Công tác an ninh quốc phòng, quân sự địa phương được Đảng bộ thường xuyên quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Ban Công an, Ban Chỉ huy quân sự xã thường xuyên

tham mưu cho Đảng uỷ, Chính quyền xây dựng kế hoạch phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên theo quy định của pháp lệnh; kế hoạch huấn luyện hàng năm, kế hoạch khám tuyển nghĩa vụ quân sự, gọi thanh niên nhập ngũ...Dân quân xã huấn luyện hàng năm đều đạt loại giỏi.

Cũng thời điểm này, thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 26 tháng 12 năm 2006, của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 16KH/HU, ngày 09 tháng 4 năm 2007, của Huyện uỷ Đồng Hỷ, về tổ chức thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Ngày 02 tháng 5 năm 2007, Đảng uỷ xã Huống Thượng ra Nghị quyết và Kế hoạch tổ chức thực hiện và Quyết định số 34-QĐ/ĐU thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gồm 9 đồng chí. Từ đây, mọi hoạt động của Đảng bộ đều hướng vào thực hiện các mục tiêu của cuộc vận động.

Đảng bộ đã tổ chức cho cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, các ban ngành, đoàn thể nghiên cứu học tập các chuyên đề của cuộc vận động, như “Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”; “Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm chống tham ô lãng phí”; “Tư tưởng

và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh, là đạo đức là văn minh”; “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”; “Sửa đổi lối làm việc” và “40 năm thực hiện Di chúc Bác Hồ”. Đảng bộ xã đã mở được 9 lớp học, có 2.671 lượt người tham dự, đạt 95% số cán bộ đảng viên tham gia học tập.

Thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TGHU, ngày 20 tháng 4 năm 2007, của Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Đồng Hỷ, tổ chức hội thi báo cáo viên giỏi, kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Đảng bộ xã Huống Thượng tổ chức hội thi “Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, 100% chi bộ đều cử thí sinh tham dự. Ban tổ chức đã trao 1 giải nhất, 1 giải nhì và 2 giải 3 cho các thí sinh tham dự hội thi và chọn được thí sinh xuất sắc nhất tham dự hội thi cấp huyện và được giải Ba.

Ngày 18 tháng 6 năm 2008, Đảng bộ tổ chức Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi, có 8 thí sinh tham dự. Ban tổ chức đã trao 1 giải nhất, 1 giải nhì, 2 giải ba và tặng quà cho 4 thí sinh đoạt giải khuyến khích và cử 1 thí sinh xuất sắc tham dự hội thi Bí thư Chi bộ giỏi cấp huyện.

Từ khi thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng đã tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đội ngũ cán bộ đảng viên đã nâng cao ý thức trách nhiệm, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh trong sáng, nâng cao ý thức đấu tranh phê bình và tự phê bình, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, cửa quyền, cục bộ. Tăng cường công tác cải cách hành chính, sửa đổi lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng tổ chức đảng, tổ chức chính quyền, các đoàn thể trong sạch vững mạnh.

Với kết quả đó, trong 5 năm từ 2006 đến 2010, bình quân hàng năm Đảng bộ có 81% chi bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh; 98,83% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ. Số đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mỗi năm một tăng: năm 2007 có 15 đồng chí; năm 2008 có 20 đồng chí và năm 2009 có 23 đồng chí. Đảng bộ 5 năm liền được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2009 đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc, được Huyện uỷ Đồng Hỷ tặng Giấy khen.

Đầu năm 2008, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, Đảng uỷ xã quyết định tách chi bộ Mầm non-Y tế thành Chi bộ Mầm non và Chi bộ Y tế. Chi bộ Mầm non do đồng chí

Trần Mai Lan làm Bí thư; chi bộ Y tế do đồng chí Nguyễn Văn Như làm Bí thư. Đồng thời thành lập Chi bộ Cơ quan xã do đồng chí Dương Xuân Viễn làm Bí thư. Đến tháng 4 năm 2008, toàn Đảng bộ có 221 đảng viên, sinh hoạt ở 15 chi bộ.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, Đảng bộ luôn gắn công tác xây dựng Đảng với việc xây dựng hệ thống chính trị. Chính vì thế hệ thống chính trị của xã Huống Thượng dưới sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ đã có bước phát triển toàn diện.

Hàng năm, Đảng bộ đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ từ Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên đều đạt loại A; không có tổ chức yếu kém. Năm 2009, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen.

Ngày 20 tháng 4 năm 2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Huống Thượng lần thứ XVIII được khai mạc trọng thể tại hội trường Uỷ ban nhân dân xã. Có 143 đại biểu chính thức thay mặt cho 217 đảng viên sinh hoạt ở 15 chi bộ trong toàn Đảng bộ đã về dự. Đặc biệt lần này, Đảng bộ xã Huống Thượng được Ban Thường vụ Huyện uỷ Đồng Hỷ chọn làm đơn vị tổ chức đại hội điểm. Đại hội được đón các đồng chí trong Ban Thường vụ, các ban, ngành trực

thuộc Huyện uỷ Đồng Hỷ và 16 đồng chí Bí thư Đảng uỷ các xã, thị trấn trong toàn Huyện về dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành khoá XVII; Báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia đóng góp vào dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Hỷ dự kiến trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện khoá XXIII.

Đại hội đánh giá cao những kết quả mà Đảng bộ đã đạt được trong nhiệm kỳ 2005-2010. Thấy rõ những khuyết điểm tồn tại trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ đề ra, những nguyên nhân khách quan, chủ quan, những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn.

Đồng thời, Đại hội đã thống nhất xây dựng mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện cho nhiệm kỳ 2010-2015. Với mục tiêu tổng quát “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để xây dựng xã Huống Thượng đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới”

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra các mục tiêu chủ yếu cần tập trung lãnh đạo đạt được trong nhiệm kỳ 2010-2015:

- Cơ cấu kinh tế “nông nghiệp-dịch vụ-tiểu thủ công nghiệp”; trong đó tỷ trọng nông nghiệp chiếm 50%, dịch vụ 30%, tiểu thủ công nghiệp 20%.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12% trở lên; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 17 triệu đồng/năm. Tổng lương thực quy thóc hàng năm đạt 2.590 tấn.

- Thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước và bảo đảm đúng thời gian, đúng tiến độ.

- Xây dựng đường giao thông nông thôn đạt tiêu chí quốc gia.

- Giữ vững phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; xây dựng trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2015, số trẻ em suy dinh dưỡng còn 14%. Tỷ suất sinh thô 1,7%; phần đầu không còn hộ nghèo. Hoàn thành các chỉ tiêu về văn hoá xã hội, môi trường theo tiêu chí quốc gia.

- Đến năm 2015 có 7/10 xóm đạt danh hiệu “Làng Văn hoá”; 80% số hộ trở lên đạt “Gia đình Văn hoá”; có 70% số hộ được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Đảm bảo tốt công tác quốc phòng an ninh, không để điểm nóng xảy ra, giảm 5% người nghiện ma túy.

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh. Các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội đều đạt tiên tiến trở lên. Có 80% số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có chi bộ yếu kém; 98% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ, kết nạp 30 đảng viên mới trở lên.

Đây cũng là cơ sở để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU, ngày 5. tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về 19 nội dung trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới mà Đảng bộ quyết tâm lãnh đạo, xây dựng quê hương Huống Thượng ngày càng giàu đẹp.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí: Đồng chí Dương Trọng Văn được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Phạm Đức Nguyên, Phó Bí thư; đồng chí Dương Xuân Viễn, Uỷ viên Thường vụ. Các đồng chí Vương Xuân Bằng, Nguyễn Thị Nên, Cao Văn Lợi, Nguyễn Minh Lợi, Đoàn Bá Thu, Nguyễn Quốc Hùng, Dương Đức Toàn, Nguyễn Thị Hương, Bùi Thị Lương Huyền, Nguyễn Trung Thành là Uỷ viên Ban Chấp hành.

Đại hội thành công tốt đẹp và ra lời kêu gọi toàn thể cán bộ đảng viên và nhân dân trong xã đoàn kết thống nhất, chung lòng, chung sức xây dựng Huống Thượng trở thành xã “Đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới”.



Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Hương Thượng xây dựng năm 2006-2007.
 Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Trạm Y tế xã Hương Thượng xây dựng 2009-2010 đạt chuẩn năm 2010
 Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Trường Tiểu học xã Hướng Thượng đạt chuẩn năm 2005

Ảnh: Trường Tiểu học cung cấp.



Đồng chí Nguyễn Kim Nghiêm, Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ trao bằng công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia cho Trường Trung học Cơ sở xã Hướng Thượng.

Ảnh: Trường THCS cung cấp



Cầu treo xã Hướng Thượng xây dựng từ năm 1982

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Một đoạn mương được kiên cố hoá tại xóm Thông

Ảnh: Dương Trọng Hiến.



Các cháu Trường Mầm Non xã Hướng Thượng

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Một vườn hoa thuộc Hợp tác xã Hoa Làng Hướng

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Nhân dân xóm Thông làm đường giao thông nông thôn năm 2009

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Nhân dân xóm Cậy học tập khoa học Kỹ thuật về sản xuất rau an toàn

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Nghĩa trang Liệt sĩ xã Hương Thượng

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Nông dân xóm Bầu, xã Hương Thượng thu hoạch vụ mùa năm 2010

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Các cháu thiếu nhi đến chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Hướng Thượng khoá XVIII (nhiệm kỳ 2010-2015).
Ảnh: Ngọc Tĩnh



Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hướng Thượng khóa XVIII, nhiệm kỳ 2010-2015.

Từ trái sang phải: Nguyễn Quốc Hùng, Dương Xuân Viễn, Nguyễn Trung Thành, Bùi Thị Lương Huyền, Phạm Đức Nguyên, Đồng chí Trần Duy Minh (Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Đồng Hỷ), Dương Trọng Văn, Vương Xuân Bằng, Dương Đức Toàn, Nguyễn Minh Lợi, Nguyễn Thị Hương, Đoàn Bá Thu, Nguyễn Thị Nền, Cao Văn Lợi.

Ảnh: Ngọc Tinh

KẾT LUẬN

Trải qua hơn 60 năm chiến đấu xây dựng, Chi bộ xã Đồng Tiến nay là Đảng bộ xã Huống Thượng ban đầu chỉ có 5 đảng viên, đến nay có 230 đảng viên, sinh hoạt ở 15 chi bộ. Đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng bộ trải qua biết bao nhiêu khó khăn thử thách vẫn một lòng kiên định mục tiêu đường lối của Đảng.

Từ khi giành được chính quyền (1945) đến kết thúc chiến tranh biên giới (1988), có trên 1.100 lượt người con Huống Thượng tòng quân làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Có 103 đồng chí là bộ đội, du kích, tự vệ và dân công đã anh dũng hy sinh; nhiều đồng chí là thương bệnh binh, là nạn nhân chất độc da cam, mang thương tật suốt đời. Nhiều gia đình có 3, 4 người nhập ngũ đánh giặc; gia đình ông Nguyễn Văn Thuận ở xóm Gò Chè có 3 liệt sĩ. Gia đình ông Nguyễn Văn Đại ở xóm Huống Trung có 2 con và 1 cháu là liệt sĩ, con gái là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Các gia đình ông Đặng Đình Hoán (xóm Đảng), Đặng Đình Huyền (xóm Già), Nguyễn Văn Dưỡng, Nguyễn Văn Tự (xóm Huống Trung) đều có

2 con là liệt sĩ. Cựu chiến binh Dương Trọng Thiệu (xóm Cậy), cả 3 thời kỳ có 9 bố con tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc³³⁵; còn rất nhiều người trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ngay ở trên quê hương, nhưng chưa thể ghi chép được đầy đủ. Theo thống kê ban đầu, từ kháng chiến chống Pháp đến năm 1988, Đảng và Chính phủ tặng thưởng cho các tập thể và các cá nhân trong xã 1.657 Huân, Huy chương các loại (trong đó có 1 Huân chương Độc lập; 9 Huân chương Quân công; 456 Huân, Huy chương tổng kết Kháng chiến; 230 Huân chương Chiến công và 961 Huân, Huy chương các loại khác). Hơn 70 gia đình được Chính phủ tặng "Bảng vàng Danh dự" và hàng trăm gia đình được tặng "Bảng Gia đình vẻ vang" do có công lao đóng góp trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Lực lượng vũ trang xã Huống Thượng trong kháng chiến chống Mỹ có 4 năm liên tục từ 1969 đến 1972 được tặng cờ "Đơn vị quyết thắng".

Trong những năm đổi mới, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Huống Thượng đã trải qua nhiều thử thách, tìm tòi đổi mới nội dung, phương pháp lãnh đạo đưa địa phương phát triển đi lên và đã thực hiện thành công.

³³⁵ Tính đến hết thời kỳ bảo vệ Tổ quốc (1988), đồng chí Thiệu cùng 7 con trai và 1 con rể lên đường nhập ngũ. Ngoài ra còn 1 con trai và 2 cháu nội nhập ngũ vào thời bình

Kinh tế xã hội phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, an ninh trật tự được giữ vững. Những thử thách khắc nghiệt của thời kỳ chuyển đổi cơ chế, là dịp bộc lộ rõ ràng đầy đủ bản lĩnh lãnh đạo của Đảng bộ, vững vàng vượt qua thách thức, mặc dầu có lúc phải trả giá cho sự chập chững những bước đi ban đầu. Lãnh đạo nhân dân trong xã từ đói nghèo, chạy ăn từng bữa, đến ăn no mặc ấm, xã hội ổn định và đang từng bước thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, tốt đẹp hơn, tiện nghi đầy đủ sang trọng hơn. Bộ mặt làng quê không ngừng được phát triển và thay đổi từng ngày; văn minh, hiện đại theo các tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Những thay đổi trên mảnh đất Huống Thượng hơn 60 năm qua gắn liền với sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, Đảng bộ và Chính quyền xã đã có các quyết sách đúng đắn, vận dụng linh hoạt sáng tạo phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương; tranh thủ được sự giúp đỡ tạo điều kiện của các cấp các ngành; huy động được tiềm năng trong nhân dân để tạo nên sức mạnh tổng hợp, hoàn thành các mục tiêu đề ra tương ứng với mỗi thời kỳ. Những kết quả đó đã tạo nên diện mạo mới của xã Huống Thượng ngày hôm nay.

Từ thực tiễn lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hơn 60 năm qua, Đảng bộ xã Huống Thượng đã đúc kết cho mình nhiều bài học quý giá.

Một là: Những thắng lợi mà Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng giành được, trước hết bắt nguồn từ đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam; sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ Đồng Hỷ. Đảng bộ và nhân dân xã Huống Thượng luôn đề cao trách nhiệm, nghiên cứu kỹ, quán triệt sâu các quan điểm, đường lối chủ trương, chính sách, vận dụng vào thực tiễn của địa phương một cách nghiêm túc, sáng tạo, không chủ quan, thoả mãn. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ trước mắt với nhiệm vụ lâu dài, giữa nhiệm vụ trọng tâm đột xuất với nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, làm việc trước có lường đến việc sau, nhất là ở những giai đoạn lịch sử nhạy cảm.

Hai là: Đảng bộ phải luôn không ngừng cải tiến phương thức lãnh đạo, đi sâu, đi sát nắm chắc tình hình, giải quyết nhanh nhạy các vấn đề nảy sinh. Coi trọng chỉ đạo điểm để nhân diện rộng nhất là giải quyết các vướng mắc ở những thời điểm nhạy cảm; coi trọng những tìm tòi đổi mới, những phát minh sáng tạo; trong mọi hoàn cảnh phải luôn giữ vững mục tiêu “Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội”.

Ba là: Đảng bộ luôn coi trọng việc củng cố xây dựng Đảng bộ thực sự trong sạch vững mạnh; xây dựng Chính quyền có đủ khả năng điều hành công việc của địa phương, xây dựng hệ thống chính trị mạnh, tương xứng với nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Bốn là: Công tác cán bộ phải được chú ý đúng mức từ việc giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực phẩm chất đạo đức. Đề cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ đảng viên với phương châm: ổn định để chuyên môn hoá đội ngũ cán bộ, không xáo trộn khi không cần thiết. Công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình trong cán bộ cũng phải được làm thường xuyên, phải trái phân minh, có lý, có tình, cầu thị tiến bộ.

Năm là: Coi trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tôn trọng nhân dân, thực hiện tốt dân chủ trong mọi lúc, mọi nơi, tạo ra sự tin tưởng vững vàng của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dân sẽ sáng tạo ra nhiều cách làm, nhiều biện pháp hay để cho công tác lãnh đạo đức rút kiểm nghiệm.

Những bài học quý báu đó đã để lại cho Đảng bộ nhiều dấu ấn lịch sử sâu sắc và mãi vẫn còn nguyên giá trị.

Để có được những thành quả suốt hơn 60 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Huống Thượng ghi nhận công lao

to lớn của các thế hệ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể quần chúng và toàn thể nhân dân trong xã đã đóng góp xương máu, trí tuệ, mồ hôi công sức của mình làm nên những trang sử vẻ vang.

Ghi nhận, tôn vinh và biết ơn các liệt sĩ, các gia đình liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, bộ đội, công an, thanh niên xung phong, dân quân du kích... Những người đã anh dũng hy sinh, cống hiến xương máu, sức lực tuổi xuân cho sự nghiệp vẻ vang của dân tộc, tô thắm truyền thống cách mạng của quê hương.

Ghi nhận công lao thành tích của các đồng chí cán bộ, đảng viên đã phấn đấu không mệt mỏi, gương mẫu trách nhiệm, lo toan trăm trở, tận tụy với công việc được giao; luôn xứng đáng là những người con ưu tú của nhân dân.

Năm tháng qua đi, thời gian sẽ lùi xa, nhưng lịch sử vẻ vang của Đảng bộ xã Huống Thượng mãi là nét son tạc vào thời gian, in sâu trong tâm khảm mỗi người. Là nguồn động viên cổ vũ, là niềm tự hào, là những bài học cho thế hệ hiện tại và tương lai tiếp tục sự nghiệp mà thế hệ đi trước đã để lại. Xây dựng xã Huống Thượng thành vùng quê tươi đẹp, thanh bình trong lòng Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

PHẦN PHỤ LỤC TỔNG HỢP

Phụ lục 1: LIỆT SĨ CỦA XÃ HUỐNG THƯỢNG (Thứ tự tên Liệt sĩ theo năm hy sinh)

I / Liệt sĩ thời kỳ chống Pháp

TT	Họ và tên	Thuộc xóm	Năm sinh	Nhập ngũ	Hy sinh
1	Dương Văn Đoan	Xóm Đẳng	1931	Du kích	23/10/1947
2	Tạ Văn Đoan	Xóm Bầu	1917	1946	1950
3	Nguyễn Văn Thi	Xóm Già	1926	1949	24/2/1950
4	Nguyễn Kim Kỳ	Xóm Già	1926	1949	24/2/1950
5	Nguyễn Văn Đương	Gò Chè	1926	1949	24/2/1950
6	Miêu Văn Tiến	Thanh Chử		Du kích	9/10/1950
7	Đỗ Văn Nghiêm	H.Trung	1921	1947	1951
8	Nguyễn Thị Tuất	Gò Chè	1934	Dân công	30/1/1954
	LS CHUYỂN ĐẾN				
1	Bùi Văn Tý	Xóm Sộp	1924		1947
2	Vũ Văn Huy	Xóm Cây	1913	1946	8/3/1948
3	Nguyễn Văn Phúc	Xóm Trám	1918	1945	25/2/1949

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)**III/ Liệt sĩ thời kỳ chống Mỹ**

(Xóm xếp thứ tự theo vần A,B,C... Thứ tự tên Liệt sĩ trong xóm theo năm hy sinh)

TT	Họ và tên	Thuộc xóm	Năm sinh	Nhập ngũ	Hy sinh
1	Hoàng Văn Lộc	Xóm Bầu	1948	1967	11/5/1968
2	Ngô Văn Châu	Xóm Bầu	1950	1967	30/8/1968
3	Nguyễn Ngọc Linh	Xóm Bầu	1951	1969	7/7/1970
4	Nguyễn Văn Thức	Xóm Bầu	1934	1968	18/7/1970
5	Nguyễn Xuân Oanh	Xóm Bầu	1947	1966	27/7/1970
6	Ngô Văn Khanh	Xóm Bầu	1951	1970	27/4/1972
7	Ngô Thị Thuận	Xóm Cậy	1942	Tự vệ	7/5/1966
8	Nguyễn Văn Chử	Xóm Cậy	1942	1963	17/1/1967
9	Đoàn Bá Tính	Xóm Cậy	1948	1968	20/5/1969
10	Lương Ngọc Cần	Xóm Cậy	1950	1968	15/6/1969
11	Lê Văn Vóc	Xóm Cậy	1948	1966	6/4/1970
12	Lưu Văn Hùng	Xóm Cậy	1949	1967	2/9/1971
13	Dương Văn Phùng	Xóm Cậy	1945	1968	25/3/1972
14	Dương Trọng Bình	Xóm Cậy	1952	1970*	26/4/1972
15	Dương Trọng Quyền	Xóm Cậy	1952	1971	12/7/1972
16	Phạm Văn Khang	Xóm Cậy	1942	1963	24/8/1972

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

17	Ngô Văn Thành	Xóm Cây	1949	1970	25/8/1972
18	Vũ Ngọc Long	Xóm Cây	1952	1971	5/9/1972
19	Đặng Khắc Đạt	Xóm Cây	1940	1967	15/5/1973
20	Nguyễn Văn Ty	Xóm Cây	1953	1972	29/4/1975
21	Đặng Đình Sơn	Xóm Đảng	1950	1968	19/5/1969
22	Đặng Đình Bích	Xóm Đảng	1950	1968	1969
23	Cao Minh Đức	Xóm Đảng	1946	1963	9/7/1970
24	Đặng Đình Dậu	Xóm Đảng	1951	1968	7/9/1970
25	Đặng Đình Sáng	Xóm Đảng	1947	1968	1972
26	Đặng Đình Tích	Xóm Đảng	1944	1972	1973
27	Đỗ Văn Kha	Xóm Già	1940	1959	25/12/1967
28	Nguyễn Thế Dật	Xóm Già	1941	1963	10/5/1968
29	Đặng Đình Nghi	Xóm Già	1941	1967	22/9/1968
30	Nguyễn Đình Lợi	Xóm Già	1948	1968	8/1/1969
31	Đào Trung Du	Xóm Già	1950	1968	1/1970
32	Đặng Đình Huỳ	Xóm Già	1952	1968	28/2/1970
33	Nguyễn Văn Tĩnh	Xóm Già	1948	1967	18/2/1971
34	Dương Đại Đồng	Xóm Già	1950	1968	16/6/1971
35	Nguyễn Văn Ngà	Xóm Già	1950	1968	27/10/1971

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

36	Dương Thành Bồn	Xóm Già	1953	1971	19/4/1972
37	Đinh Đức Trạch	Gò Chè	1940	1960	1968
38	Nguyễn Huy Giáp	Gò Chè	1951	1967	11/8/1969
39	Nguyễn Văn Chiến	Gò Chè	1948	1967	1969
40	Nguyễn Trung Việt	Gò Chè	1953	1970	15/5/1972
41	Đoàn Bá Hoàn	Gò Chè	1950	1968	24/8/1972
42	Nguyễn Văn Hỷ	HuốngTrung	1948	1967	2/2/1969
43	Nguyễn Triệu Hùng	HuốngTrung	1949	1967	19/4/1969
44	Nguyễn Văn Nhuận	HuốngTrung	1948	1967	13/5/1969
45	Nguyễn Song Hào	HuốngTrung	1944	1966	7/6/1969
46	Nguyễn Văn Chiến	HuốngTrung	1949	1966	9/6/1969
47	Nguyễn Văn Thực	HuốngTrung	1939	1968	7/7/1969
48	Nguyễn Văn Đạt	HuốngTrung	1949	1968	30/8/1969
49	Nguyễn Quốc Hưởng	HuốngTrung	1948	1968	20/10/1969
50	Nguyễn Hồng Kỳ	HuốngTrung	1936	1968	1969
51	Đỗ Quốc Chí	HuốngTrung	1937	1968	11/5/1970
52	Nguyễn Văn Cẩn	HuốngTrung	1948	1967	15/10/1970
53	Vũ Văn Thanh	HuốngTrung	1953	1970*	9/10/1971
54	Nguyễn Văn Ngọc	HuốngTrung	1937	1968	27/6/1972

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

55	Nguyễn Văn Tiến	Huống Trung	1947	1971	21/9/1972
56	Đỗ Quốc Hải	Huống Trung	1953	1972	11/1/1973
57	Nguyễn Đức Quang	Huống Trung	1952	1969	1/3/1973
58	Nguyễn Văn Kế	Huống Trung	1938	1959	16/7/1974
59	Trần Đan Phượng	Xóm Hóc	1945	1963	3/5/1968
60	Trần Văn Cư	Xóm Hóc	1948	1966	12/6/1968
61	Đặng Đình Cơ	Xóm Hóc	1948	1966	5/5/1969
62	Trần Văn Sơn	Xóm Hóc	1952	1970	17/3/1972
63	Lê Thanh Hải	Xóm Hóc	1949	1967	23/4/1972
64	Đoàn Bá Hùng	Xóm Hóc	1951	1970	16/4/1973
65	Lê Quang Mai	Xóm Hóc	1953	1971	1973
66	Trương Thanh Tùng	Xóm Sộp	1936	1952	1968
67	Dương Tất Đỗ	Xóm Sộp	1948	1968	13/10/1970
68	Nguyễn Thiên Tăng	Xóm Sộp	1948	1966	1972
69	Dương Văn Hùng	Xóm Sộp	1952	1970	20/4/1974
70	Đinh Văn Vui	Xóm Thông	1942	1963	21/2/1966
71	Dương Văn Mùi	Xóm Thông	1946	1966	8/4/1967
72	Dương Văn Phượng	Xóm Thông	1950	1967	26/3/1968

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

73	Dương Văn Thiều	Xóm Thông	1949	1967	25/5/1968
74	Nguyễn Văn Tiến	Xóm Thông	1950	1968	1969
75	Dương Đức Triều	Xóm Thông	1946	1967	22/12/1970
76	Dương Đức Bảo Thiệu	Xóm Thông	1945	1968	26/6/1972
77	Đặng Đình Yên	Xóm Trám	1951	1968	19/5/1969
78	Nguyễn Văn Chính	Xóm Trám	1950	1968	20/6/1969
79	Phạm Ngọc Thanh	Xóm Trám	1942	1968	22/6/1970
80	Dương Văn Khang	Xóm Trám	1950	1967	1971
81	Nguyễn Ngọc Lư	Xóm Trám	1948	1968	15/8/1972
82	Vũ Ngọc Tâm	Xóm Trám	1953	1970	3/3/1973
83	Nguyễn Trung Vân ³³⁶	Xóm Trám	1942	1965	1996

³³⁶ Vết thương từ thời kỳ chống Mỹ tái phát, từ trần tại Huống Thượng và được công nhận liệt sỹ.

III/ Liệt sĩ Bảo vệ Tổ Quốc (sau 1975)

TT	Họ và tên	Thuộc xóm	Năm sinh	Nhập ngũ	Hy sinh
1	Nguyễn Viết Quyền	Xóm Bầu	1957	1977	1978
2	Cao Văn Dư	Xóm Bầu	1957	1975	1979
3	Dương Trọng Tịnh	Xóm Cậy	1958	1976	1979
4	Nguyễn Đình Thắng	Xóm Cậy	1958	1977	1979
5	Đặng Đình Sách	Xóm Đảng	1958	1979	1981
6	Đặng Đình Hoan	Xóm Già	1950	1968	1982
7	Nguyễn Khánh Chung	Hướng Trung	1957	1976	1979
8	Nguyễn Văn Dũng	Hướng Trung	1955	1976	1979
9	Phạm Văn Quang	Hướng Trung	1960	1978	1980
10	Nguyễn Minh Phụng	Hướng Trung	1959	1978	1982
11	Nguyễn Văn Tiếp	Xóm Sộp	1963	1984	1985
12	Nguyễn Văn Lịch	Xóm Thông	1956	1977	1978
13	Trần Văn Đệ	Xóm Trám	1955	1977	1979

Phụ lục 2: BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1- Mẹ Nguyễn Thị Khánh: Sinh năm 1921; dân tộc Kinh; quê ở xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; cư trú tại xóm Sộp, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thiên Tăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Mẹ từ trần năm 1977, an táng tại xóm Sộp, xã Huống Thượng.

2- Mẹ Nguyễn Thị Phú: Sinh năm 1923; dân tộc Kinh; quê ở xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Mẹ có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hỷ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Mẹ từ trần tháng 01/1989, an táng tại xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Phụ lục 3: CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG

2- Đồng chí Nguyễn Cát Trình³³⁷: Sinh năm 1926 tại xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Vào Đảng CSVN ngày 02/7/1947; Chính thức ngày 02/01/1948.

³³⁷ Do bà Nguyễn Thị Kim Liên, là vợ đồng chí Trình cung cấp từ hồ sơ do gia đình đang quản lý.

Tham gia hoạt động cách mạng năm 1944 tại quê³³⁸. Năm 1946 nhập ngũ và công tác liên tục trong quân đội đến năm 1988 nghỉ hưu. Cấp bậc Đại tá, chức vụ Cán bộ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. Hiện trú tại nhà C1, Khu tập thể Nam Đồng-Quận Đống Đa- Hà Nội.

Khen thưởng: Huân chương Độc lập hạng Ba

Huân chương Quân công hạng Nhì.

Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huy hiệu 40, 50, 60 năm tuổi Đảng.

Phụ lục 4: CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

1- Đồng chí Hùng Thế Bằng³³⁹(tức Hùng Thế Bang):

Sinh năm 1917; dân tộc Kinh; quê ở xóm Bàu, xã Hướng Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Tham gia hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 tại Phú Thọ. Từ năm 1945 nhập ngũ vào quân đội. Từ năm 1958

³³⁸ Chú thích của Tổ biên soạn: Sau khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945, mới có cán bộ đến xã Hướng Thượng tuyên truyền giác ngộ quần chúng và xây dựng cơ sở cách mạng.

³³⁹ Do Đại tá Lê Quang Đại, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Thọ cung cấp từ Lịch sử Quân sự tỉnh Phú Thọ.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

là Trung tá, Tỉnh đội trưởng Phú Thọ. Từ năm 1965 làm lãnh đạo Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng Tham mưu. Là Đại tá nghỉ hưu; đã từ trần tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Khen thưởng: Huân chương Quân công hạng Nhì.

Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

2- Đồng chí Phan Hồng Dũng: Sinh ngày 28/4/1926; dân tộc Kinh, quê xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; cư trú tại xóm Già xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Tham gia hoạt động cách mạng từ tháng 4 năm 1945. Nhập ngũ ngày 01 tháng 10 năm 1945 đến 01 tháng 7 năm 1982 nghỉ hưu. Cấp bậc Trung tá; chức vụ Tham mưu trưởng Trường Tập huấn Trung - cao nghiệp vụ Biên phòng.

Khen thưởng: Huân chương Quân công hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng.

Từ trần năm 2006 tại xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

3- Đồng chí Nguyễn Sĩ Lã: Sinh tháng 7/1927; tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Trú quán tại xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tham gia hoạt động cách mạng từ tháng 3/1945. Ngày 19/8/1945 nhập ngũ; đến tháng 12/1952 xuất ngũ về trú quán xã Huống Thượng.

Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì

4- Đồng chí: Phạm Văn Nhâm: Sinh tháng 10/1921; quê quán xóm An Cư, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Trú quán tại xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tham gia cách mạng từ tháng 12/1944. Nhập ngũ ngày 19/8/1945, là thương binh hạng 4/4 (tỷ lệ thương tật 25%). Tháng 11/1952 xuất ngũ.

Tham gia công tác tại địa phương, nhiều năm làm xã đội phó. Hiện nay hưởng chế độ nghỉ hưu cán bộ xã.

Khen thưởng: Huân chương Chiến thắng hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

5- Đồng chí Nguyễn Đức Thôi: Sinh năm 1926; quê quán xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nhập ngũ ngày 19/8/1945; năm 1952 chiến đấu bị thương trên cương vị đại đội trưởng. Sau khi điều trị

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

lành vết thương, đồng chí ra quân về trú quán tại xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ. Tham gia Ban quản trị; làm Trưởng Ban kiểm soát; Đội trưởng đội sản xuất thuộc Hợp tác xã nông nghiệp xóm Già và Đông Phương, xã Huống Thượng.

Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba.

Từ trần ngày 24/7/2010; an táng tại xóm Già, xã Huống Thượng.

6- Đồng chí Lê Quang Trà: Sinh ngày 03/12/1922, quê quán xóm Hóc xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam từ 1947 đến 1955

Tham gia hoạt động cách mạng từ tháng 3/1945 tại xã Đồng Liên, huyện Phú Bình. Sau cách mạng đồng chí đảm nhiệm các nhiệm vụ Bí thư Thanh niên Cứu quốc, Chủ nhiệm Việt Minh, Ủy viên Hội đồng nhân dân xã Đồng Liên khóa 1 (1946-1949).

Từ năm 1949 đồng chí cùng gia đình trở về định cư tại xóm Hóc xã Huống Thượng, là Chi ủy viên phụ trách công tác Tuyên huấn của Chi bộ Đồng Tiến. Cuối năm 1949, đồng chí nhập ngũ đến 1954 xuất ngũ.

Khen thưởng: Huy chương Chiến thắng hạng Nhì.

Kỷ niệm kháng chiến chống Pháp.

Đồng chí đã từ trần ngày 24/02/2010, tại xóm Hóc, xã Huống Thượng.

**Phụ lục 5: CÁC GIA ĐÌNH ĐƯỢC TẶNG
BẢNG VÀNG DANH DỰ**

(Người trong một gia đình theo thứ tự cha, chú, anh, em)

T T	Người được tặng Bảng vàng danh dự			Có thân nhân trực tiếp nhập ngũ	
	Họ và tên (Ông, bà)	Xóm	Số ngày QĐ	Họ và tên	Nhập ngũ
1	Hùng Thế Hổ Ngô Thị Phú	Xóm Bầu	(**)	Hùng Thế Bang Hùng Thế Trịnh Hùng Thế Đô	1945 1946 1949
2	Tạ Văn Tiết Dương Thị Nhung	Xóm Bầu	(**)	Tạ Văn Đoan (LS) Tạ Văn Châu Tạ Văn Tuấn	1946 1946 1946
3	Ngô Kim Đĩnh Nguyễn Thị Thứ	Xóm Bầu	224/CP 15/12/1975	Ngô Kim Khánh Ngô Kim Khanh (LS)	7/1965 6/1970
4	Tạ Văn Châu Trần Thị Cải	Xóm Bầu	(**)	Tạ Công Chiến Tạ Công Trường Tạ Công Viên	1966 1966 1969
5	Nguyễn Văn Chúc Ngô Thị Luân	Xóm Bầu	(**)	Nguyễn Xuân Cát Nguyễn Xuân Oanh (LS)	01/1966 4/1966
6	Ngô Văn Quyển Tạ Thị Bì	Xóm Bầu	(**)	Ngô Văn Cẩm Ngô Văn Châu (LS)	1963 1967
7	Tạ Văn Khôi Dương Thị Tuấn	Xóm Cây	224/CP 15/12/1975	Tạ Khoa (***) Tạ Khắc Nhu ⁽¹⁾ Tạ Văn Tấn Tạ Thị Bảy	3/1959 4/1963 ⁽¹⁾ 12/1971 ⁽¹⁾ 5/1972

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

8	Lương Ngọc Quân Dương Thị Hán	Xóm Cậy	224/CP 15/12/1975	Lương Ngọc Ân Lương Ngọc Cẩn (LS) Lương Ngọc Tập	4/1968 6/1968 2/1975
9	Nguyễn Văn Sổ Ngô Thị Loan	Xóm Cậy	224/CP 15/12/1975	Nguyễn Xuân Chính ^(*) Nguyễn Văn Bình Nguyễn Văn Nghi	10/1963 ^(*) 8/1970 ^(*) 2/1975
10	Ngô Văn Ba Vũ Thị Xây	Xóm Cậy	57/CP 22/2/1979	Ngô Văn Thành (LS) Ngô Văn Đô	4/1970 6/1968
11	Dương Văn Ao Tạ Thị Đông	Xóm Cậy	(**)	Dương Hồ (TSQ) Dương Trung Hòa Dương Du Giang Dương Đại Lâm	1947 1953 1965 1971
12	Dương Thị Ba	Xóm Cậy	(**)	Nguyễn Kim Tư (chồng) Nguyễn Hồng Thái (TB) Nguyễn Kim Hùng	1946 4/1968 8/1969
13	Lê Thị Sen	Xóm Cậy	(**)	Đặng Khắc Đạt (LS) Vũ Đình Phúc	1967 11/1966
14	Lê Văn Tuyết Nguyễn Thị Nguyên	Xóm Cậy	(**)	Lê Văn Nhiều Lê Văn Vóc (LS)	01/1966 11/1966
15	Phạm Văn Tư Trần Thị Tám	Xóm Cậy	(**)	Phạm Văn Khang (LS) Phạm Thị Bình	1963 6/1966
16	Ngô Thị Thanh	Xóm Cậy	(**)	Dương Trọng Thiệu (chồng) Dương Trọng Thiệu Dương Trọng Hạnh	4/1948 8/1971 3/1975
17	Nguyễn Thị Thiện	Xóm Cậy	(**)	An Duy Hợp (chồng, TB) An Duy Hưng	1947 6/1974

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

18	Dương Thị Thơm	Xóm Cây	(**)	Lê Hữu Vĩnh (chồng, TB) Lê Hữu Long	2/1945 2/1975
19	Vũ Ngọc Viện	Xóm Cây	(**)	Vũ Ngọc Long (LS) Vũ Ngọc Nguyễn	1971 1967
20	Đặng Đình Tráng ^(*) Đỗ Thị Ái	Xóm Đảng	15/CP 23/1/1971	Đặng Đình Cừ Đặng Đình Dân (cháu)	1945 7/1968
21	Đặng Đình Hoán Trần Thị Luân	Xóm Đảng	229/CP 3/12/1971	Đặng Đình Sáng (LS) Đặng Đình Bích (LS) Đặng Đình Hình	6/1968 2/1969 9/1970
22	Đặng Đình Cường Trần Thị Được	Xóm Đảng	224/CP 15/12/1975	Đặng Đình Tích (LS) Đặng Đình Quý	5/1972 8/1973
23	Đặng Đình Khuê Bùi Thị Nhung	Xóm Đảng	224/CP 15/12/1975	Đặng Đình Sơn (LS) Đặng Thị Hà	6/1968 5/1972
24	Cao Văn Thúc Đỗ Thị Hoà	Xóm Đảng	224/CP 15/12/1975	Cao Ngọc Chắt ^(*) Cao Minh Sơn ^(*) Cao Thị Thủy	7/1970 6/1974 5/1972
25	Cao Nam Luyện Hoàng Thị Mùi	Xóm Đảng	57/CP 22/2/1979	Cao Minh Đức (LS) ^(*) Cao Văn Lạc	2/1964 ^(*) 10/1974
26	Trần Thị Mận	Xóm Đảng	57/CP 22/2/1979	Ng. Văn Tước (ch. TB) Nguyễn Văn Thu	1950 3/1975
27	Trần Thị Tịch	Xóm Đảng	(**)	Dương Văn Hân (chồng) Dương Văn Cẩn Dương Thanh Bình	1948 1966 1971
28	Đặng Văn Dũng Tạ Thị Nuôi	Xóm Già	157/CP 27/8/1969	Đặng Văn Huy Đặng Đình Nghi (LS) ^(*) Đặng Đình Cường ^(*)	5/1965 7/1967 8/1965

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

29	Đào Văn Viên Trần Thị Tương	Xóm Già	157/CP 27/8/1969	Đào Văn Giang Đào Sĩ Tùy ^(*) Đào Trung Du (LS) Đào Thị Minh Châu ^(***)	3/1963 12/1966 4/1968 5/1972
30	Nguyễn Văn Thoái Nguyễn Thị Hiền	Xóm Già	50/CP 23/3/1973	Nguyễn Văn Ngà (LS) Nguyễn Trung Thông ^(*) Nguyễn Thành Chúc ^(*)	1969 1971 5/1970
31	Dương Liên Chi Tạ Thị Bích	Xóm Già	224/CP 15/12/1975	Dương Đại Đồng (LS) Dương Đại Điền	6/1968 6/1973
32	Dương Văn Dậu Nguyễn Thị Cúc	Xóm Già	224/CP 15/12/1975	Dương Đoan Hùng Dương Thành Bồn (LS)	8/1967 6/1971
33	Nguyễn Thế Lắm ^(*) Nguyễn Thị Phách	Xóm Già	224/CP 15/12/1975	Nguyễn Thế Hải Nguyễn Thế Dật (LS) Nguyễn Thế Hán	6/1971 9/1963 ^(*) 11/1971
34	Nguyễn Văn Luân Đặng Thị Nghé	Xóm Già	224/CP 15/12/1975	Nguyễn Văn Tú ^(*) Nguyễn Tiến Cử Nguyễn Trung Việt	8/1960 7/1970 6/1974
35	Nguyễn Thế Toán Dương Thị Sói ^(*)	Xóm Già	57/CP 22/2/1979	Nguyễn Thanh Chương ^(*) Nguyễn Thanh Tĩnh (LS)	4/1968 7/1967
36	Đặng Đình Huyền Trần Thị Cháp	Xóm Già	(**)	Đặng Đình Hoan (LS) Đặng Đình Huy (LS)	1968 1968
37	Nguyễn Văn Nhỡ Nguyễn Thị Chuyển	Xóm Già	(**)	Nguyễn Văn Nha Nguyễn Đình Lợi (LS)	4/1965 1967
38	Đỗ Văn Như Ngô Thị Huê	Xóm Già	(**)	Đỗ Trung Lô Đỗ Văn Kha (LS)	2/1968 3/1959

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

39	Nguyễn Thị Viễn	Xóm Già	(**)	Nguyễn Đức Thoi (ch.TB) Nguyễn Đức Minh (TB)	1946 5/1972
40	Nguyễn Văn Thuận Bà Trần Thị Kim	Gò Chè	157/CP 27/8/1969	Ng.Văn Đương (em, LS) Nguyễn Thành Vấn ^(*) Nguyễn Văn Giáp (LS) Ng.Trung Việt (LS***)	10/1949 2/1968 4/1968 1970
41	Đinh Phương Nhiếp Phạm Thị Mận	Gò Chè	245/CP 17/12/1969	Đinh Đức Nhuận Đinh Đức Trạch (LS) Đinh Đức Đạm	9/1968 3/1960 5/1966
42	Đoàn Bá Lương Nguyễn Thị Chung	Gò Chè	224/CP 15/12/1975	Đoàn Bá Hoàn (LS) Đoàn Bá Toàn	4/1968 1975
43	Nguyễn Văn Sách Đoàn Thị Hảo	Gò Chè	57/CP 22/2/1979	Nguyễn Tuấn Bách Nguyễn Tuấn Nhật Nguyễn Quang Hào	10/1963 12/1966 3/1975
44	Nông Công Hoà Nguyễn Thị Ước	Huống Trung	(**)	Nguyễn Công Nghĩa Nguyễn Công Khánh Nguyễn Công Thành	1947 1950 1952
45	Đỗ Văn Xuyên Nguyễn Thị Ngan	Huống Trung	157/CP 27/8/1969	Đỗ Văn Dích Đỗ Trung Đỉnh Đỗ Thị Đảng ^(*)	2/1953 6/1968 6/1966
46	Nguyễn Văn Duyên Vũ Thị Thịnh ^(*)	Huống Trung	50/CP 23/3/1973	Nguyễn Văn Chiến (LS) Nguyễn Xuân Nguyên ^(*) Nguyễn Văn Quyết	4/1966 4/1966 8/1972
47	Nguyễn Văn Tự Phạm Thị Mười	Huống Trung	224/CP 15/12/1975	Nguyễn Văn Tiến (LS) Nguyễn Văn Đạt (LS)	7/1971 6/1968
48	Nguyễn Văn Đại Phạm Thị Na	Huống Trung	146/CP 6/6/1977	Nguyễn Quốc Hưởng (LS) Nguyễn Đức Quang (LS)	4/1968 7/1969

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

49	Dương Thị Bốn	Huống Trung	57/CP 22/2/1979	Tạ Văn Đoan (chồng, LS) Tạ Văn Quyết	2/1946 11/1966
50	Nguyễn Văn Thông Nguyễn Thị Ngải	Huống Trung	57/CP 22/2/1979	Nguyễn Trung Tính (*) Nguyễn Triệu Hùng (LS) Nguyễn Văn Quảng	12/1967 8/1967 10/1974
51	Nguyễn Thị Do	Huống Trung	(**)	Nguyễn Công Khánh (TB) Nguyễn Thị Mùi	1950 1972
52	Nguyễn Văn Dưỡng Nguyễn Thị Ý	Huống Trung	(**)	Nguyễn Văn Ngọc (LS) Nguyễn Văn Thực (LS)	6/1968 4/1968
53	Nguyễn Văn Khoát Vương Thị Như	Huống Trung	(**)	Nguyễn Song Hào (LS) Nguyễn Văn Hồng	1966 1975
54	Phạm Viết Phổ Nguyễn Thị Dâng	Huống Trung	(**)	Phạm Viết Thanh Phạm Viết Thắng Phạm Viết Lợi	1953 1967 1966
55	Nguyễn Văn Thời Nguyễn Thị Sửu	Huống Trung	(**)	Nguyễn Văn Kế (LS) Nguyễn Quốc Lợi	1966 8/1973
56	Hoàng Thị Thế	Huống Trung	(**)	Phạm Văn Nhâm (ch. TB) Phạm Thị Huệ Phạm Đức Nguyên	1945 5/1972 2/1975
57	Lê Quang Tôn Nguyễn Thị Phú	Xóm Hóc	(**)	Lê Quang Vinh Lê Quang Hoa Lê Quang Hồng	1947 1950 1950
58	Trần Văn Quỳnh Dương Thị Hữu(*)	Xóm Hóc	157/CP 27/8/1969	Trần Văn Loan Trần Văn Phượng (LS) Trần Văn Sánh	6/1968 4/1961 2/1964
59	Lê Quang Hoa Nguyễn Thị Đốc	Xóm Hóc	224/CP 15/12/1975	Lê Quang Hải (LS) Lê Quang Ninh	7/1967 5/1972

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

60	Đặng Văn Nghiệp Nguyễn Thị Vân	Xóm Hóc	224/CP 15/12/1975	Đặng Đình Cơ (LS) Đặng Ngọc Căn ^(*)	6/1968 12/1970 ^(*)
61	Nguyễn Văn Bảng Nguyễn Thị Tịch	Xóm Hóc	(**)	Nguyễn Ngọc Tú Nguyễn Thành Kính Nguyễn Văn Minh	3/1959 1970 10/1974
62	Đoàn Bá Huê Trịnh Thị Nhở	Xóm Hóc	(**)	Đoàn Bá Hùng (LS) Đoàn Bá Thạch	12/1970 2/1975
63	Trương Quốc Lộc	Xóm Sộp	3586-ZZ 28/6/1956	Trương Thanh Tùng Trương Thị Kế Trương Văn Giai (cháu) Trương Văn Do (cháu)	7/1953 1954 7/1953 1954
64	Trần Văn Rượu Lê ^(*) Thị Bé	Xóm Sộp	163QD245 17/12/1969	Trần Bích Ngọc Trần Văn Căn (cháu) Trần Thu Viên (cháu)	1946 1964 1968
65	Dương Văn Tự Trần Thị Ngôn	Xóm Sộp	229/CP 3/12/1971	Dương Tất Đỗ (LS) Dương Thị Đạm Dương Thanh Đãi	7/1967 6/1968 2/1969
66	Trần Bích Ngọc Nguyễn Thị Thu	Xóm Sộp	81/LCT 14/12/1976	Trần Hồng Căn Trần Thu Viên Trần Trung Kiên	1964 1968 1970
67	Đình Văn Lạc Dương Thị Đông	Xóm Thông	224/CP 15/12/1975	Đình Văn Vui (LS) Đình Thanh Thứ ^(*)	9/1963 7/1972
68	Dương Văn Lư Trần Thị Mai	Xóm Thông	57/CP 22/2/1979	Dương Văn Thiệu (LS) Dương Thị Dung	3/1967 5/1972
69	Dương Đức Nguyên Đỗ Thị Vãn	Xóm Thông	(**)	Dương Đức Bảo Thiệu (LS) Dương Đức Doanh Dương Đức Công Hải	1968 1969 5/1972

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỠNG THƯỢNG (1946-2010)

70	Dương Văn Phương Trần Thị Cử ^(*)	Xóm Thông	Quyết định không ghi số	Dương Văn Phương. Dương Việt Cường Dương Văn Tân	1947 8/1969 6/1970
71	Đặng Đình Huế ^(*) Dương Thị Tám	Xóm Trám	245/CP 17/12/1969	Đặng Đình Đào Đặng Đình Liễu Đặng Đình Yên (LS)	7/1968 2/1968 6/1968
72	Phạm Ngọc Minh Lương Thị Lưu	Xóm Trám	50/CP 23/3/1973	Phạm Ngọc Thanh (LS) Phạm Quang Bình	4/1968 4/1971
73	Lý Thị Hè	Xóm Trám	57/CP 22/2/1979	Lê Viết Nhụy (chồng TB) Lê Viết Thạo	2/1950 11/1964
74	Nguyễn Văn Hiến Lê Thị Hiến	Xóm Trám	(**)	Nguyễn Văn Chính (LS) Nguyễn Văn Bính	6/1968 8/1973
75	Nguyễn Văn Thảo Ngô Thị Sinh	Xóm Trám	(**)	Nguyễn Văn An Nguyễn Đức Thái (TB) Nguyễn Văn Sơn	1959 1963 8/1973

(*): Những chỗ nhầm trong quyết định lưu trữ; đã sửa lại cho đúng.

(**): Thực tế có người nhưng không tìm thấy quyết định.

(***): Chưa có tên trong Bảng vàng Danh dự.

Phụ lục 6: LÃNH ĐẠO TIỀN THÂN CỦA XÃ

1- Ông Dương Trọng Hữu.

Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Thượng (Hòa Úc) và xã Đồng Tiến từ tháng 7-1945 đến tháng 3-1948

Sinh năm 1912 tại xóm Cây Huống Thượng. Thời thuộc Pháp làm Chưởng Bạ. Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945. Từ 7/1945 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã (miền Hòa Úc). Từ 8/1945 đến 3/1946 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Thượng. Từ 3/1946 đến 3/1948 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Đồng Tiến. Từ 3/1948 đi công tác tại ngành Công an. Trong CCRĐ bị quy thành phần địa chủ. Ngày 27/6/1957, Chủ tịch UBHC tỉnh ra Quyết định sửa sai số 731-NC hạ xuống thành phần trung nông.



Từ trần ngày 03/3/1957 (tức 02/02 Đinh Dậu).

2- Đồng chí Nguyễn Văn Bả (Nguyễn Danh Bả)

Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Thượng (Đồng Gia) từ tháng 7-1945 đến cuối tháng 8-1945

Sinh năm 1912 tại xóm Hóc xã Huống Thượng. Đảng viên Đảng CSVN từ 06/01/1948 đến 1975. Thời thuộc



Pháp dạy học tại trường Phổ thông bán cấp xã Huống Thượng. Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945. Tháng từ tháng 7 đến cuối tháng 8 năm 1945 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã (miền Đông Gia). Trong CCRĐ bị quy thành phần bóc lột và bị khai trừ đảng. Ngày 28/6/1957, Chủ tịch UBHC tỉnh ra Quyết định sửa sai số 760-NC hạ thành phần xuống Trung nông và được Tỉnh ủy ra quyết định phục hồi đảng tịch. Từ năm 1960 tham gia Ban quản trị HTX và Phó Chủ nhiệm HTX Nam Tiến.

Từ trần ngày 11/02/1981 (tức 07/01 Tân Dậu).

3- Ông Nguyễn Văn Quế

Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Trung (cũ) từ tháng 7-1945 đến tháng 3-1946

- Sinh năm 1924 tại xã Huống Trung, tổng Huống Thượng.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

- Thời thuộc Pháp làm Chưởng Bạ.

- Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945, do các đồng chí Ngô Nhị Quý và Nguyễn Thị Minh Tâm giác ngộ.



Tháng 7/1945 đến 3/1946 được bầu làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Huống Trung; Chỉ huy quần chúng xã Huống Trung cướp chính quyền tại Thị xã Thái Nguyên. Trong kháng chiến chống Pháp tham gia nhiều công tác của địa phương và đi dân công phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

4- Ông Hoàng Đình Ba

Chủ tịch UBND lâm thời xã Huống Trung (cũ) từ tháng 8-1945 đến tháng 3-1946.

- Sinh năm 1895 tại xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

- Năm 1922 đi phu đào sông Máng và chuyển lên định cư tại xã Huống Trung, tổng Huống Thượng. Thời thuộc Pháp làm Thư ký Hộ lại xã Huống Trung. Tháng 8/1945 đến 3/1946 là Chủ tịch UBND lâm thời xã Huống Trung. Trong CCRĐ năm 1954 bị quy thành phần Địa chủ, đến 28/6/1957 được hạ xuống thành phần Quản lý (tại QĐ số 767-NC) và đến 16/7/1958 hạ xuống thành phần Trung nông.



- Từ trần ngày 02/3/1982 (tức 10/2 năm Nhâm Tuất) tại xóm Huống Trung, xã Huống Thượng

Phụ lục 7:

**CÁC BÍ THƯ CẤP ỦY, CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ
TỪ 1945 ĐẾN NAY**

1- Ông: Trần Văn Thi

(Tức Dương Văn Thành)

***Chủ tịch Ủy ban Nhân dân lâm thời
xã Huống Thượng từ 8/1945 và xã Đồng Tiến
đến 3/1946***

- Sinh khoảng năm 1889 tại xóm Sộp xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Lương

Thời thuộc Pháp làm Chánh tổng của tổng Huống Thượng cho đến năm 1945. Không gây tội ác với nhân dân, không bóc lột.

- Từ 8/1945 được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời xã Huống Thượng. Đến khoảng tháng 11/1945 được bầu làm Chủ tịch UBND lâm thời Đại xã Đồng Tiến (bao gồm các xã nhỏ là Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nham và Đồng Bẩm) đến tháng 3/1946.

- Trong Cải cách ruộng đất năm 1954, bị quy thành phần Phú nông. Đến ngày 28/6/1957, được Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên ký Quyết định sửa sai số 752-NC hạ thành phần xuống Trung nông.

- Từ trần năm 1956 tại xóm Sộp- xã Huống Thượng- Đồng Hỷ.

2- Ông: Phạm Bá Trục

(Phạm Văn Cử, Tài Cử)

***Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã
từ 3/1946 đến 12/1947***



- Sinh năm 1897 tại xã Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Trú quán tại xóm Nam Sơn, xã Linh Nham, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

- Thời thuộc Pháp làm nghề lái xe, nên gọi theo tên con là Tài Cử.

- Tóm tắt quá trình công tác:

Tham gia hoạt động cách mạng từ tháng 3 năm 1945 do các đồng chí Ngô Nhị Quý, Nguyễn Thị Minh Tâm và nữ đồng chí Bảy giác ngộ. Tham gia cướp chính quyền ở thị xã Thái Nguyên năm 1945. Sau cách mạng tháng 8/1945, là du kích xã, đến 8/2/1946 được bầu vào Hội đồng nhân dân và đến tháng 3/1946 được Hội đồng nhân dân xã khoá I bầu làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã đầu tiên.

- Từ trần tháng 11/1947 tại xóm Thanh Chủ xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên khi quân Pháp tràn vào xã lần thứ nhất.

3- Đồng chí: Nguyễn Đình Cẩn
Bí thư Chi bộ xã từ 6/1946 đến 01/1947



- Sinh năm 1922 tại xóm Chùa, xã Đồng Mỹ, huyện Đồng Hỷ (nay là xã Túc Duyên-Thành phố Thái Nguyên) tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không. Tham gia hoạt động cách mạng từ trước khởi nghĩa tháng 8/1945. Là cán bộ Tiền khởi nghĩa.

- Vào Đảng tháng 1/1946; Chính thức 6/1946.

- Tóm tắt quá trình công tác: Năm 1945 là Ủy viên BCH Thanh niên Cứu quốc huyện Đồng Hỷ. Tháng 6/1946 là cán bộ Đảng phụ trách miền (Tân Cương-Đồng Tiến-Túc Duyên); Bí thư chi bộ Đồng Tiến. Tháng 1/1947 là Trưởng phòng thông tin tuyên truyền huyện Đồng Hỷ, phụ trách căn cứ địa của Tỉnh ủy. Từ 1948 đến 1951 là cán bộ Tuyên giáo Tỉnh ủy; phụ trách Trường Đảng tỉnh. Từ 1951 đến 1960 do sức khỏe yếu về công tác tại xã Túc Duyên. Từ 1961 đến 1971, làm Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí 3-2.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

- Từ trần năm 1996 tại phường Tân Long-Thành phố Thái Nguyên.

4- Đồng chí: Trần Văn Thành

Bí thư Chi bộ xã từ 01/1947-3/1948.

- Sinh năm 1905 tại xóm Thông Nhân, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc Sán Dìu; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp Làm ruộng.

- Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945 do các đồng chí Ngô Nhị Quý, Nguyễn Thị Minh Tâm và nữ đồng chí Bảy giác ngộ.

- Vào Đảng ngày 14/4/1946; Chính thức:

- Tóm tắt quá trình công tác: Từ tháng 7/1945, được bầu làm Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã Linh Nham; từ tháng 3/1946, là Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã Đồng Tiến. Từ tháng 01/1947, là Bí thư chi bộ kiêm Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã. Năm 1948 chuyển lên tỉnh công tác ở cơ quan Hoa Kiều vận và ngành Công an. Trong Cải cách ruộng đất 1954, bị khai trừ Đảng, sau đó lại được phục hồi Đảng tịch.

- Từ trần năm 1971, tại gia đình ở xóm Thông Nhân-xã Linh Sơn-Đồng Hỷ.



5- Ông: Dương Trọng Hường

Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã

từ 12/1947-1948

- Sinh năm 1902 tại xóm Cây, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 3 năm 1946 được bầu làm Phó Chủ tịch uỷ ban Hành chính xã; Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến. Đến cuối năm 1947 làm Quyền Chủ tịch và sau đó là Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến-Hành chính xã. Năm 1949 nghỉ công tác Uỷ ban, chuyển sang công tác nông dân và là Uỷ viên Thường vụ Ban Chấp hành Nông hội xã đến năm 1953 xảy ra “tự phát” thời hấn công tác.

- Trong Cải cách ruộng đất năm 1954, bị quy thành phần địa chủ. Đến ngày 27/6/1957, được Chủ tịch Uỷ ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên ký Quyết định sửa sai số: 733-NC hạ thành phần xuống trung nông.

- Từ trần năm 1987, tại nhà riêng ở Xóm Cây-xã Huống Thượng.

6- Đồng chí: Mạc Đức

(Mạc Văn Đức, Sơn Hà)

Bí thư Chi bộ xã 3/1948 đến 5/1949 và 9/1952-3/1953

- Sinh ngày 07/9/1924 tại xóm Thông Nhãn- xã Linh Sơn-huyện Đồng Hỷ.

Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không

- Vào Đảng: 20/11/1946; Chính thức: 9/3/1947.

- Tóm tắt quá trình công tác: Từ năm 1945 đến 11/1946, là Uỷ viên Ban Bình dân học vụ, Uỷ viên BCH Đoàn xã; giao thông của Chi bộ. Từ 6/1947, là Uỷ viên



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Việt Minh xã, chi uỷ viên. Từ 3/1948, là Bí thư chi bộ kiêm Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã. Tháng 5/1949, đi học lớp huyện uỷ viên. Tham gia các công tác: Cán bộ kiểm tra Huyện uỷ, Tỉnh uỷ. Từ 9/1952, là Bí thư chi bộ, đến 3/1953, đi làm công tác giảm tô và các công tác tại địa phương. Từ 12/1958, là cán bộ tổ chức Tỉnh uỷ. Từ 1959 đến 1964, là Uỷ viên UBHC tỉnh, Uỷ viên Ban dân tộc tỉnh, Chi hàng trưởng Chi hàng kiến thiết Thái Nguyên. Từ 10/1964-10/1968, Uỷ viên Uỷ ban tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức dân chính kiêm Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Bí thư Đảng uỷ khối cơ quan. Từ 10/1968 đến 1975, Trưởng ty Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Thái

- Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

- Từ trần năm 1998, tại nhà riêng ở xóm thôn Nhãn, xã Linh Sơn, Đồng Hỷ.

7- Đồng chí: Vũ Ngọc Viện ***Chủ tịch Uỷ ban KC-HC xã Đồng Tiến*** ***từ 4/1949 đến 1950***

- Sinh năm 1912 tại xóm Cây, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Trước cách mạng làm lý trưởng 3 năm.

- Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1949 - 1950



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia hoạt động bí mật từ 7/1945 tại xóm Cây do đồng chí Dương Kim Nụ tổ chức. Đầu năm 1948, được bầu làm Phó Chủ tịch ủy ban KC-HC xã. Tháng 4/1949, được bầu làm Chủ tịch Ủy ban KC-HC xã đến năm 1950 nghỉ hẳn công tác.

- Trong giảm tô 1953 và Cải cách ruộng đất năm 1954 bị quy thành phần địa chủ. Ngày 8/7/1957, được Chủ tịch UBHC tỉnh Thái Nguyên ký Quyết định sửa sai số 635-NC hạ thành phần xuống phú nông. Tiếp theo đến ngày 16/7/1958, được hạ thành phần xuống trung nông.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất (QĐ số 03/CP ngày 4/1/1963).

- Từ trần năm 1970, tại nhà riêng ở xóm Cây- xã Huống Thượng.

8- Đồng chí: Nguyễn Văn Sở **Bí thư Chi bộ xã từ 6/1949 – ?/1952**

- Sinh năm 1914, tại xóm Cây - xã Huống Thượng - huyện Đông Hy.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1948 đến 1952;

- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia cách mạng từ giữa năm 1945 do đồng chí Dương Kim Nụ tổ chức. Từ



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

năm 1945 đến 1948, là du kích xã; năm 1949, Chi uỷ viên kiêm xã đội phó. Tháng 5/1949, được bầu làm Bí thư chi bộ, đến tháng 7/1950, kiêm chức Xã đội trưởng. Từ 1952, làm Tiểu đội trưởng du kích và cuối 1953, làm Tiểu đội trưởng dân công Điện Biên Phủ. Từ 1967, làm đội trưởng đội sản xuất trong HTX nông nghiệp Nam Tiến.

- Từ trần năm 11/5/1986, (3/4 âm) tại nhà riêng ở xóm Cậy-xã Huống Thượng.

9- Đồng chí: Dương Văn Tuất **Chủ tịch Uỷ ban KC-HC xã Đồng Tiến** **từ 1950 đến ?/1953.**



- Sinh năm 1922 tại xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1948 đến 1954.

- Quá trình công tác: Tham gia cách mạng từ giữa năm 1945. Phó Bí thư chi bộ xã Đồng Tiến; Chủ nhiệm Việt Minh xã, Phó Chủ tịch UBKC-HC xã. Năm 1950, được bầu làm Chủ tịch UBKC-HC xã.

- Trong Giám tô 1953 và Cải cách ruộng đất năm 1954 bị quy thành phần địa chủ, bị khai trừ Đảng, đình chỉ chức vụ. Ngày 27/6/1957, được Chủ tịch UBHC tỉnh Thái

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Nguyên ký Quyết định sửa sai số 731-NC hạ thành phần gia đình xuống Trung nông.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất (QĐ số 03/CP ngày 4/1/1963).

- Từ trần ngày 14/9/1995 (20/8 âm), tại nhà riêng ở xóm Già- xã Huống Thượng.

10- Đồng chí: Tạ Văn Khuê ***Quyền Bí thư Chi bộ xã từ 3/1953-10/1953***

- Sinh ngày 15/7/1920 tại xóm Bầu - xã Huống Thượng-huyện Đồng Hỷ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Công chức.

- Vào Đảng lần 1: 06/01/1948; lần 2: 01/01/1962

- Chính thức lần 1: 08/3/1949; lần 2: 21/5/1963.

- Trước cách mạng tham gia Thanh niên Phan Anh.

- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia hoạt động cách mạng từ 1945, cướp chính quyền ở thị xã Thái Nguyên. Trong kháng chiến chống Pháp làm giáo viên. Làm Văn phòng chi bộ, Phó Bí thư chi bộ. Từ tháng 3 đến 10/1953, làm Quyền Bí thư chi bộ. Từ cuối 1953 đến 7/1954, làm Đại đội phó dân công Điện Biên Phủ. Sau hoà bình 1954 làm cán bộ thuế nông nghiệp huyện Đồng



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Hỷ; cán bộ quản lý ruộng đất UBHC tỉnh Thái Nguyên sau đó công tác tại ngành Lâm nghiệp, làm Phó Ban kiến thiết cơ bản - Sở Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu tháng 3 năm 1980.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng

- Hiện nay ở tại phường Túc Duyên - Thành phố Thái Nguyên.

11- Đồng chí: Ôn Văn Thái ***Quyền Chủ tịch UBKC-HC xã khoảng*** ***từ 5/1953-10/1953***

- Sinh năm: 1925 tại xóm Thông Nhân, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ. Dân tộc Sán Dìu. Tôn giáo: Lương; Nghề nghiệp: cán bộ

- Vào Đảng: 14/4/1946; Chính thức: 14/3/1947.



- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945. Tháng 7/1945, là Tiểu đội trưởng tự vệ chiến đấu, tháng 8/1945, đi cướp chính quyền tại thị xã Thái Nguyên. Từ 3/1946, là Ủy viên Hội đồng nhân dân xã khoá I phụ trách Quân sự. Năm 1947, là Phó Bí thư

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

chi bộ phụ trách Tuyên huấn, Ủy viên quân sự kiêm Xã đội trưởng. Từ 1949, công tác tại Tỉnh đội Thái Nguyên. Từ 1950-1952, đội trưởng công an lưu động Việt Bắc, Đồn trưởng công an Giang Tiên. Năm 1953, về xã làm Ủy viên Thường trực, Phó Chủ tịch, quyền Chủ tịch đến khi xảy ra TỰ PHÁT 8/1953. Sau đó đi làm đại đội phó dân công Điện Biên Phủ khi còn chung xã. Từ 1963, là Ủy viên BCH Đảng bộ Đồng Hỷ và nhiều cương vị công tác khác.

- Cán bộ Tiền khởi nghĩa.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

Huy chương Chiến thắng hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm tuổi Đảng.

- Từ trần năm 2009, tại nhà riêng ở xóm Thông Nhãn-xã Linh Sơn.

12- Đồng chí: Dương Văn Hỷ ***Bí thư Chi bộ xã từ 10/1953-6/1954***

- Sinh năm 1919 tại xóm Già-xã
Hống Thượng-Huyện Đồng Hỷ.

Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Cán bộ

- Vào Đảng: 1950; Chính thức: ?



- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia hoạt động trước khởi nghĩa. Sau cách mạng tháng 8/1945 làm công tác bình dân học vụ. Năm 1953, được bầu làm Chi uỷ viên. Từ 11/1953 đến 6/1954, là Bí thư chi bộ. Từ tháng 6/1954, đi làm Cải cách ruộng đất. Sau là Huyện uỷ viên, Chánh Văn phòng Huyện uỷ Đồng Hỷ. Từ năm 1960, điều lên làm cán bộ nghiên cứu Văn phòng Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

- Do sức khoẻ yếu, nghỉ hưu năm 1968.

- Từ trần năm 1977, tại gia đình ở xóm Già-xã Huống Thượng-Dồng Hỷ.

13- Đồng chí: Tạ Văn Dương
Chủ tịch UB KC-HC xã từ 10/1953-6/1954

- Sinh năm 1910, tại xóm Cây; Trú tại xóm Trám- Huống Thượng- huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Vào Đảng: 29/8/1949; Chính thức: 6/1/1950



- Tóm tắt quá trình công tác: Thời Pháp đi lính khổ xanh. Sau cách mạng tháng 8/1945, làm Trung đội du kích, làm Chính trị viên Xã đội, Phó Chủ tịch và Chủ tịch Ủy ban KCHC xã. Trong CCRĐ bị quy là thành phần tay sai của địa chủ và bị khai trừ Đảng. Đến thời gian sửa sai được khôi phục chức vụ Đảng là Chi uỷ viên, Từ 1958 đến 1962 được bầu làm Thường vụ Chi uỷ Chi bộ xã,

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Phó Chủ tịch UBHC xã, Trưởng Ban công tác nông thôn và vận động xây dựng HTX nông nghiệp. Thời kỳ HTX làm Bí thư chi bộ Bầu Trám.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất (QĐ số 57/CP ngày 7/5/1962)

- Từ trần 20/8/1983, tại gia đình ở xóm Trám xã Huống Thượng

14- Đồng chí: Đinh Văn Soạn³⁴⁰

Chủ tịch UBKC-HC xã từ 6/1954 đến 8/1954

- Sinh năm 1917 tại Đồng Thái- Quận 5- Thành phố Hà Nội. Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Thành phần Dân nghèo thành thị.

- Là người dân tản cư, trú quán tại xã Đồng Tiến- Huyện Đồng Hỷ- tỉnh Thái Nguyên.

- Tham gia cách mạng từ 8/1945.

- Vào Đảng: tháng 3/1950;

Chính thức: 20/6/1950.

- Thời Pháp đi lính khổ xanh từ 1943 đến 1944.

- Tóm tắt quá trình công tác: Năm 1945- 1946, là Tự vệ thành Hà Nội, bị Pháp bắt ở Cầu Đuống và được thả ra.

³⁴⁰ Địa phương không có thông tin gì, chỉ có cụ Nguyễn Văn Thuận là biết đồng chí Soạn nhưng cũng không rõ chức vụ. Ông Dương Trọng Xuân biết đồng chí Soạn có làm Chủ tịch Ủy ban vào thời gian cải cách ruộng đất. Những tài liệu này trích từ công văn ngày 12/01/1965 của Huyện ủy Đồng Hỷ do Bí thư Ma Văn Quyền ký. Bản lưu tại Phòng số 01, ĐVBQ 034 Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Là người sơ tán về xã Đồng Tiến theo diện đồng bào tản cư. Tham gia các hoạt động cách mạng tại địa phương. Đầu tháng 6/1954, được chỉ định và làm Chủ tịch Ủy ban KC-HC cho đến khi cải cách ruộng đất xong (cuối tháng 8/1954). Đội Cải cách chỉ định đồng chí Cao Văn Thung là bản nông làm Chủ tịch Ủy ban thay đồng chí Đinh Văn Soạn.

15- Đồng chí: Cao Văn Thung
Chủ tịch UBHC xã từ 8/1954 đến 1961.
Bí thư Chi bộ xã từ 8/1954-2/1957.



- Sinh ngày 08/11/1924 tại phố Sinh Từ-Hà Nội. Quê Giao Thủy-Nam Định. Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Vào Đảng tháng: 7/1954; Chính thức: 27/8/1954.

- Tóm tắt quá trình công tác: từ năm 1952, làm giao thông Ban vận tải tiếp tế của xã; năm 1953, vào BCH Nông hội. Từ 8/1954 đến 1961 làm Chủ tịch Ủy ban KC-HC; Bí thư Chi bộ (từ 9/1954 đến 01/1957). Từ 1961, làm Ủy viên UBHC đến 1965, điều đi làm Cải tiến HTX vòng 2 tại xã Dân Chủ. Từ 1969-1971, làm công tác quản lý hộ khẩu. Từ 1971-1973, làm Chủ nhiệm HTX Đông Phương; từ 1973-1974, Bí thư chi bộ Đông Phương; từ 1974-1975, Chủ tịch Mặt trận xã, thủ kho HTX, phụ trách đội trồng cây. Từ 1975 đến 1981, làm đội trưởng sản xuất.

- Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.

- Từ 1981 đến nay nghỉ hưu tại xóm Thông-xã Huống Thượng-Đồng Hỷ.

16- Đồng chí: Nguyễn Ngọc Hình
Bí thư Chi bộ xã từ 02/1957-3/1963
Bí thư Đảng uỷ từ 3/1963- 4/1976

- Sinh năm 1920, tại xóm Trám- xã Huống Thượng-huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Vào Đảng: 31/3/1950; Chính thức: 14/8/1950.



- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945. Từ 1945 đến 1952, làm Tiểu ban giao thông, Trưởng xóm kiêm Tiểu ban di tản cư; Thôn đội trưởng, Ủy viên thường vụ BCH Nông hội; Từ 1953, là Phó Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng ban Công an xã. Năm 1954, Cải cách ruộng đất bị quy là tay sai của địa chủ bị khai trừ Đảng và bị đình chỉ công tác. Năm 1957, sửa sai được phục hồi Đảng tịch và được phân công làm Bí thư chi bộ. Từ 1963 đến 1976, làm Bí thư Đảng uỷ. Từ 4/1976 đến

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

8/1977, Chủ tịch Mặt trận xã đến 10/1977, nghỉ hưu. Từ 1979 đến 1980, làm tiểu ban kế hoạch HTX Đồng Tiến, Bí thư chi bộ 10.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; 24 Bằng khen và Giấy khen

- Từ trần năm 1994, tại xóm Trám-xã Huống Thượng-
Đồng Hỷ.

17- Đồng chí: Cao Văn Kỳ ***Chủ tịch UBHC xã từ 1961-1965***



- Sinh ngày 18/3/1918 tại xóm Đảng- xã Huống Thượng; Quê: Giao Thủy-Nam Định. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ.

- Vào Đảng: 01/3/1950; Chính Thức 11/11/1950.

- Tóm tắt quá trình công tác: Từ 1945 đến 1948, là du kích xã và du kích huyện. Từ 1949-1950, Ủy viên quân sự xã đội Đồng Tiến. Từ 1950 đến 1958, là bộ đội chủ lực của tỉnh. Từ 1961-1965, là Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Từ 1965 đến 1966, là Trạm phó Trạm chăn nuôi Khánh Hoà; từ 1966- 1968, là cán bộ Ban Ngoại vụ tỉnh.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Từ 1968-1970, là Quản trị Hành chính Quốc doanh Dược phẩm Bắc Thái; từ 1970 đến 1974, là Quản trị Hành chính tỉnh hội Đông Y Bắc Thái. Nghỉ hưu tại xóm Bầu- xã Huống Thượng.

- Khen thưởng: Huy chương Chiến thắng hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

-Từ trần 25/8/1996, tại nhà riêng ở xóm Bầu- xã Huống Thượng.

18- Đồng chí: Hùng Thế Úc ***Chủ tịch UBHC xã từ 1965 đến 1969***

- Sinh ngày 11/10/1924, tại xóm Bầu-xã Huống Thượng- huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Vào Đảng: 06/5/1949; Chính thức: 29/8/1949.



- Tóm tắt quá trình công tác: Tham gia hoạt động cách mạng từ giữa năm 1945. Đến tháng 7/1945, được cử làm Tiểu đội phó tự vệ chiến đấu xã. Tháng 10/1947, Tiểu ban tản cư và là Trưởng xóm Bầu. Từ tháng 3/1949, làm Thôn đội dân quân, Chính trị viên Trung đội du kích thôn Huống Thượng; tháng 10/1953, làm Phó Ban công an phụ trách Văn phòng công an xã. Năm 1954, quy thành phần bóc lột nên nghỉ việc đến sửa

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

sai được phục hồi làm Trưởng xóm và vào Hội đồng nhân dân. Từ 1965-1969, làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Từ 1969 là Phó Chủ tịch Ủy ban phụ trách tư pháp. Năm 1975 nghỉ việc, sau được nghỉ hưu địa phương.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

- Từ trần năm 2003, tại xóm Bầu- xã Huống Thượng.

19- Đồng chí: Đinh Thuần Huyến ***Chủ tịch UBHC xã từ 6/1969 đến 4/1976*** ***Bí thư Đảng ủy từ 4/1976-4/1979***

- Sinh ngày 19/8/1925 tại xã Đông An- huyện Xuân Trường-Nam Định; Trú quán xóm Gò Chè - xã Huống Thượng - huyện Đông Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Vào Đảng: 29/11/1959; Chính thức tháng: 7/1960.



- Tóm tắt quá trình công tác: Từ 3/1947, đi bộ đội đến 8/1949, về địa phương. Tháng 3/1951, đi Thanh niên xung phong thuộc đội 311. Tháng 8/1954, cán bộ thuế nông nghiệp xã. Từ năm 1959-1963, làm Chủ nhiệm HTX xóm Đảng. Từ 1963 đến 1969, làm Ủy viên Thường vụ Phó Bí thư Đảng ủy, Xã đội trưởng. Từ 6/1969 đến 4/1976, Phó

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBHC xã. Từ 1976 đến 1979, Bí thư Đảng uỷ xã. Từ 5/1979 đến 2/1988, Chủ nhiệm HTX Đồng Tiến kiêm Chủ tịch Hội nông dân tập thể. Nghỉ hưu địa phương.

- Khen thưởng: Huy chương Chiến thắng hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

- Từ trần năm 2002, tại gia đình ở xóm Gò Chè-xã Huống Thượng-Đồng Hỷ.

20- Đồng chí: Nguyễn Đình Ngư

Bí thư Đảng uỷ từ 4/1979-5/1981



- Sinh ngày 01/8/1935, tại xóm Trám-xã Huống Thượng- huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu.

- Vào Đảng: 20/5/1969; Chính thức: 22/2/1970.

- Tóm tắt quá trình công tác: Năm 1953, nhập ngũ vào bộ đội; đào tạo khoá VI tại Trường sĩ quan Hậu Cần; Giáo viên trường Trung cấp Quân khí/ Bộ Quốc phòng. Phục vụ chiến đấu tại chiến trường Đường 9-Nam Lào. Cấp bậc Trung úy, chức vụ Trợ lý Quân giới Trung đoàn 41. Năm 1975, nghỉ hưu làm Chủ nhiệm HTX Bàu Trám. Từ 4/1979, làm Bí thư Đảng uỷ xã. Từ 1981 đến 1987, làm Bí thư chi bộ 14, Thường trực Đảng uỷ, đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Từ 2/1988, giữ chức Chủ nhiệm HTX Đồng Tiến kiêm Chủ tịch Hội nông dân tập thể. Từ 1991 đến 1996, là Chủ tịch

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

hội Cựu Chiến binh xã khoá I và II. Từ 1996-1999, là Ủy viên BCH CCB xã.

- Khen thưởng: Huy chương Chiến thắng hạng Nhì.

3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.

- Từ trần 18/9/2009, tại xóm Trám - xã Huống Thượng-Đồng Hỷ.

21- Đồng chí: Ngô Văn Hào ***Bí thư Đảng uỷ từ 5/1981-12/1987***



- Sinh tháng 01/1930 tại xóm Huống Trung-xã Huống Thượng. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

- Vào Đảng: 17/02/1960; Chính thức: 27/8/1960.

- Tóm tắt quá trình công tác: Từ 1947 đến 1949, cán bộ phân Đoàn, thông tin tuyên truyền và du kích xã. Từ 4/1949 đến 11/1951, đi bộ đội. Từ 4/1952 đến 12/1960, qua các cương vị Phó Bí thư Đoàn xã, Ủy viên Thường vụ BCH Nông hội; Phó Ban vận động xây dựng HTX, học Trung cấp kế toán. Từ 12/1960 đến 12/1966, Kế toán HTX Huống Trung và huyện điều đi làm Cải tiến HTX vòng 1, vòng 2. Từ 1967 đến 1979, ở phòng Quản lý HTX nông nghiệp, Phó Chủ nhiệm Ủy ban UB nông-lâm-

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

thủy sản; Phó Giám đốc Bí thư Đảng ủy Lâm trường Đồng Hỷ. Từ 1981 đến 1987, Bí thư Đảng ủy xã, nghỉ hưu 1988. Từ 1996-2003, làm Bí thư chi bộ, Trưởng xóm, Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi xóm Huống Trung.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.

- Hiện nay nghỉ hưu tại xóm Huống Trung- Huống Thượng-Đồng Hỷ.

22- Đồng chí: Ngô Văn Hào

Chủ tịch UBND xã từ 4/1976-5/1987.

Quyền Bí thư Đảng ủy từ 12/1987-6/1988

- Sinh năm 1934 tại xóm Sộp-xã Huống Thượng-huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Vào Đảng: 22/9/1966; Chính thức: 4/10/1967.



- Tóm tắt quá trình công tác: Từ 1958-1960, là Ủy viên BCH Đoàn xã. Từ 1962-1971, Ủy viên Ban quản trị, kế toán HTX Hóc Sộp. Từ 1971 đến 1973, làm Chính trị viên Trung đội dân quân tăng cường của huyện. Từ 1973 đến 1975, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an xã, Chính trị viên Xã đội. Từ 4/1976-10/1987, là

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND xã. Từ 12/1986-6/1988, Quyền Bí thư Đảng uỷ. Từ 1993 đến 3/1994 là Phó Chủ tịch Hội Nông dân xã. Từ 1996-1997, làm Bí thư chi bộ, Trưởng xóm. Chi hội trưởng Người Cao tuổi xóm từ 2003-2007.

- Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

- Hiện nay nghỉ hưu tại gia đình ở xóm Sộp-xã Huống Thượng.

23- Đồng chí: Đặng Đình Cường **Chủ tịch UBND xã từ 5/1987 đến 6/1988** **Bí thư Đảng uỷ từ 6/1988-4/1990**



- Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1947, tại xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt nam từ 30/7/1967 đến 1996.

- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 8/1965, nhập ngũ vào Quân đội, công tác tại Trung đoàn 289/ thuộc Công trường Z3/ Bộ Tư lệnh Công Binh. Tham gia xây dựng sở chỉ huy cao cấp ở khu căn cứ³⁴¹. Năm

³⁴¹ Theo Việt Nam những sự kiện Lịch sử 1945-1975 tr 280. NXB Giáo dục , năm 2002. Khu Z3 tương đương Sư đoàn, có "Nhiệm vụ xây dựng Sở chỉ huy cao cấp ở khu căn cứ"

1975, phục viên về địa phương làm Xã đội phó, Xã đội trưởng, Thường trực Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an xã. Từ tháng 10/1987 đến 6/1988, là Phó Bí thư Đảng uỷ- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã. Từ 6/1988, là Bí thư Đảng uỷ xã đến 4/1990 nghỉ công tác.

- Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba.

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba.

- Hiện nay gia đình ở xóm Đảng-xã Huống Thượng-Đồng Hỷ.

24- Đồng chí: Dương Xuân Viễn
Chủ tịch UBND xã từ 7/1988 đến 11/1989



- Sinh năm 1956, tại xóm Thông-xã Huống Thượng-huyện Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

-Vào Đảng 26/3/1982- Chính thức: 26/9/1983.

- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 5/1978, nhập ngũ vào Quân đội, đến 9/1982, ra quân về địa phương. Từ 3/1983-12/1986 làm đội trưởng sản xuất. Từ 12/1986-7/1988 làm Bí thư Chi bộ xóm Thông. Từ tháng 5/1987-5/1988 là đại biểu HĐND, phó trưởng Công an xã. Từ 5/1988-7/1988 làm Xã đội trưởng. Từ 7/1988-11/1989 làm Chủ tịch UBND xã. Từ 1990-1999, là Phó Bí thư và Bí thư Chi bộ xóm Thông và Chi bộ liên xóm Đảng-

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Thông; Từ 8/1999 đến 12/2000 là Phó Chủ tịch Mặt trận TQVN xã. Từ 11/2000-2010 Ủy viên Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND xã (2000-2004), Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo - Dân vận và Thường trực Đảng.

- Khen thưởng: Nhiều Bằng khen và Giấy khen.

25- Đồng chí: Trương Văn Tuy ***Chủ tịch UBND xã từ 11/1989-3/1992***



- Sinh ngày 17/7/1934 tại xã Cù Vân-huyện Đại Từ.
- Quê quán xã Quang Vinh- Ân Thi- Hải Dương.
- Trú quán xóm Đảng- xã Huống Thượng- Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu.
- Tóm tắt quá trình công tác: Nhập ngũ 3/1949 đến 10/1951. Từ 10/1951-11/1953. làm công tác Vận tải Quân sự, phó Bí thư Đoàn xã Cù Vân-Đại Từ. Từ 11/1953 tái ngũ vào Quân đội đến 2/1989 nghỉ hưu. Cấp bậc Trung tá, Phó Bí thư Đảng ủy phòng Hậu Cần-Trưởng ban Kinh tế Bộ CHQS tỉnh Bắc Thái. Tháng 11/1989, được bầu làm Chủ tịch UBND, Chủ tịch lâm thời BCH Hội CCB xã. Do mắc bệnh hiểm nghèo đồng chí từ trần ngày 13/3/1992 khi đang là Chủ tịch UBND xã.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

- Khen thưởng: Huân chương Quân công hạng Ba.
Huy chương Chiến thắng hạng Nhất.
Huân chương Kháng chiến hạng Nhì
Ba Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng
Nhất, Nhì, Ba
Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

26- Đồng chí: Nguyễn Thị Toàn
Bí thư Đảng uỷ từ 4/1990- 12/1994
Chủ tịch UBND xã từ 12/1994-11/1997

- Sinh năm 09/7/1951 tại xóm
Trám-xã Huống Thượng-huyện Đồng
Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Làm ruộng. Thường trú
ở xóm Trám - xã Huống Thượng -
Đồng Hỷ.



- Vào Đảng: 3/8/1973; Chính thức:
24/8/1974.

- Tóm tắt quá trình công tác: Từ 1967-1971, là Ủy
viên BCH chi đoàn, Bí thư Chi đoàn, đội phó sản xuất,
tiểu đội trưởng dân quân. Từ 11/1972-5/1979, là Ủy
viên thường vụ Đoàn xã, Ủy viên Ban quản trị kiêm Kế
toán trưởng HTX Bàu Trám. Từ 5/1979, Đảng uỷ viên,
đại biểu HĐND xã, Kế toán trưởng HTX toàn xã, đại
biểu HĐND huyện Đồng Hỷ (1989-1994). Từ 1991-1994,

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

là Bí thư Đảng uỷ; từ 2/1994 kiêm Chủ tịch UBMTTQ xã; Huyện uỷ viên (11/1991-2/1996). Từ 01/1995 đến 11/1997, Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND xã. Nghỉ việc từ 1997 đến năm 2000. Từ 4/2000-8/2007 là Bí thư chi bộ Bàu Trám. Từ 6/2003 kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận xóm. Từ năm 2003 đến 2010 là Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng

27- Đồng chí: Lê Viết Thạo

Chủ tịch UBND xã từ 3/1992 đến 12/1994

Bí thư Đảng uỷ từ 01/1995- 6/2001

- Sinh ngày 16/9/1947, tại An Đức-Ninh Thanh-Hải Dương. Thường trú tại xóm Trám-xã Huống Thượng-huyện Đông Hy. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu.

- Vào Đảng: 3/9/1976; Chính thức: 3/9/1977.



- Từ 2/1965, nhập ngũ công tác tại ngành Tình báo Quân sự đến 10/1989, nghỉ hưu về xóm Trám; Cấp bậc Đại úy, Phó Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện thuộc Tổng cục tình báo/Bộ Quốc phòng.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Từ 11/1989-11/1994, là Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND kiêm trưởng Công an xã (11/1989-1991), Chủ tịch UBND xã (1992-1994). Từ 12/1994, đến 10/2000 là Bí thư Đảng uỷ xã, Chính trị viên xã đội. Chủ tịch UBMTTQ xã (1995-1996). Ủy viên Ban pháp chế HĐND Huyện, tổ trưởng HĐND huyện (Hướng Thượng-Nam Hoà- Linh Sơn)

- Khen thưởng: Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba.

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.

Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam.

28- Đồng chí: Phạm Đức Nguyên

Bí thư Đảng uỷ từ 6/2001- 4/2010

Chủ tịch UBND xã từ 6/2010

- Sinh năm 1957, tại xóm Huống Trung- Huống Thượng-Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ xã.

- Vào Đảng: 17/4/1982; Chính thức: 17/4/1983.

- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 2/1975, nhập ngũ vào Quân đội, đi đào tạo tại trường



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

Quân cụ Gò Vấp. Ra trường về công tác tại Cục Kỹ thuật Quân khu II. Từ 01/1983-01/1984, học tại Trường Đảng Quân khu II. Từ 02/1984 đến 3/1990, qua các chức vụ Bí thư chi bộ, Đảng uỷ viên Tiểu đoàn, Phó Bí thư Đảng uỷ, Phó Chủ nhiệm Chính trị kho K13 Cục Kỹ thuật Quân khu II. Năm 1990, phục viên về địa phương, làm Bí thư Chi bộ Huống Trung (1994-1995), Văn phòng UBND xã (1994-1999). Từ 1999 là Chủ tịch HĐND xã khóa XVI, XVII. Tháng 6/2001 đến 4/2010, là Bí thư Đảng uỷ kiêm Chính trị viên xã đội. Tháng 4/2010, là Phó Bí thư Đảng uỷ và từ tháng 6/2010 Chủ tịch UBND xã.

- Khen thưởng: Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều Bằng khen, Giấy khen.

29- Đồng chí: Dương Trọng Văn
Chủ tịch UBND xã từ 4/1999- 6/2010.
Bí thư Đảng uỷ từ 4/2010



- Sinh năm 1961 tại xóm Cậy- xã Huống Thượng-Đồng Hỷ. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Cán bộ xã.

- Vào Đảng: 09/6/1988; Chính thức: 09/6/1989

- Tóm tắt quá trình công tác: Từ

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỠNG THƯỢNG (1946-2010)

tháng 3/1986, nhập ngũ vào Quân đội đến 3/1989, ra quân về địa phương. Tháng 11/1989, là Đại biểu HĐND xã, Văn phòng UBND xã. Tháng 6/1991, là Xã đội trưởng sau kiêm Phó Công an xã. Tháng 11/1994, là Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch UBND kiêm Trưởng công an xã. Từ 1996-1997, học Trung cấp Lý luận tại trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên. Từ 7/1997, Quyền Chủ tịch UBND xã, đến 4/1999 Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND xã. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ xã khoá XVIII tháng 4/2010, được bầu làm Bí thư Đảng uỷ xã. Hội đồng nhân dân xã họp 05/7/2010, đã bầu đồng chí làm Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã khóa XVIII.

- Khen thưởng: Nhiều Bằng khen và Giấy khen.

**ẢNH BÍ THƯ CHI BỘ XÃ, BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ CÁC THỜI KỲ**



Ông Trần Văn Thi
Chủ tịch UBNDLT xã
từ 8/1945-3/1946



Ông Phạm Bá Trục
Chủ tịch UBHC
từ 3/1946-12/1947



Đ.c Nguyễn Đình Cẩn
Bí thư Chi bộ xã
từ 4/1946-1/1947



Đ.c: Trần Văn Thành
Bí thư Chi bộ xã
từ 1/1947-3/1948



Ô.Dương Trọng Hường
Chủ tịch UBKC-HC xã
từ 12/1947-4/1949



Đ.c Mạc Đức
Bí thư Chi bộ xã
từ 3/1948-5/1949
và 9/1952-3/1953



Đ.c Vũ Ngọc Viện
Chủ tịch UBKC-HC xã
từ 4/1949-1950



Đ.c Nguyễn Văn Sở
Bí thư Chi bộ xã
từ 5/1949-1952



Đ.c Dương Văn Tuất
Chủ tịch UBKC-HC xã
từ 1950-1953

**ẢNH BÍ THƯ CHI BỘ XÃ, BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ CÁC THỜI KỲ**



Đ.c Tạ Văn Khuê
Q.Bí thư Chi bộ xã
từ 3/1953-10/1953



Đ.c Ôn Văn Thái
Q.Chủ tịch UBKC-HC xã
khoảng từ 510/1953



Đ.c Dương Văn Hỷ
Bí thư Chi bộ xã
từ 10/1953-6/1954



Đ.c Tạ Văn Đương
Chủ tịch UBKC-HC xã
từ 10/1953-6/1954



Đ.c Đinh Văn Soạn
Chủ tịch UBKC-HC xã
từ 6/1954-8/1954



Đ.c Cao Văn Thung
Bí thư Chi bộ xã
từ 8/1954-2/1957.



Đ.c Nguyễn Ngọc Hình
Bí thư Chi bộ xã
từ 2/1957-3/1963.
Bí thư Đảng ủy xã
từ 3/1963-4/1976



Đ.c Cao Văn Kỳ
Chủ tịch UBHC xã
từ 1961-1965



Đ.c Hùng Thế Úc
Chủ tịch UBHC xã
từ 1965-1969

**ẢNH BÍ THƯ CHI BỘ XÃ, BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ CÁC THỜI KỲ**



Đ.c Đinh Thuận Huyền
Chủ tịch UBHC xã
từ 1967-1976.
Bí thư Đảng ủy xã
từ 4/1976-4/1979



Đ.c Nguyễn Đình Ngu
Bí thư Đảng ủy xã
từ 4/1979-5/1981



Đ.c Ngô Văn Hào (HT)
Bí thư Đảng ủy xã
từ 5/1981-12/1987



Đ.c Ngô Văn Hào (S)
Chủ tịch UBND xã
từ 4/1976-5/1987.
Q.Bí thư Đảng ủy xã
từ 12/1987-6/1988



Đ.c Đặng Đình Cường
Chủ tịch UBND xã
từ 5/1987-6/1988.
Bí thư Đảng ủy xã
từ 6/1988-4/1990



Đ.c Dương Xuân Viễn
Chủ tịch UBND xã
từ 7/1988-11/1989



Đ.c Trương Văn Tuy
Chủ tịch UBND xã
từ 11/1989-3/1992



Đ.c Nguyễn Thị Toàn
Bí thư Đảng ủy xã
từ 4/1990-12/1994.
Chủ tịch UBND xã từ
12/1994-11/1997



Đ.c Lê Viết Thạo
Chủ tịch UBND xã
từ 3/1992-12/1994.
Bí thư Đảng ủy xã từ
12/1994-6/2001

LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN XÃ HIỆN NAY



Đ.c Dương Trọng Văn
Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch HĐND xã



Đ.c Phạm Đức Nguyên
Phó Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch UBND xã



Đ.c Dương Xuân Viễn
Ủy viên Ban Thường vụ
Thường trực Đảng



Đ.c Vương Xuân Bằng
Ủy viên BCH Đảng bộ,
Phó Chủ tịch UBND



Đ.c Nguyễn Thị Nền
Ủy viên BCH Đảng bộ,
Phó Chủ tịch UBND

HỘI THẢO KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ



Quang cảnh Hội thảo khoa học Lịch sử đảng bộ xã Hướng Thượng, ngày 12/11/2010.
Ảnh: Dương Kiều

**ẢNH LÃNH ĐẠO TIỀN THÂN CỦA XÃ,
PHÓ BÍ THƯ' CẤP ỦY, CHỦ TỊCH HÒND XÃ**



Ông Dương Trọng Hữu
Chủ nhiệm Việt Minh xã
Huống Thượng (miền Hòa
Úc) và Đồng Tiến
từ 7/1945-3/1948



Đ.c Nguyễn Văn Bổng
Chủ nhiệm Việt Minh
xã Huống Thượng
(miền Đông Gia)
từ 7/1945- cuối/1945



Ông Nguyễn Văn Quế
Chủ nhiệm Việt Minh
xã Huống Trung
từ 7/1945-3/1946



Ông Hoàng Đình Ba
Chủ tịch UBND lâm thời
xã Huống Trung
từ 8/1945-3/1946



Đ.c Đào Văn Viên
Phó Bí thư Chi bộ
xã Đồng Tiến
từ 10/1953-6/1954



Đ.c Trịnh Hồng Văn
Phó Bí thư Chi bộ
xã Đồng Tiến
từ 8/1954-1958



Đ.c Đào Thị Chí
Phó Bí thư Đảng ủy xã
từ 4/1976-10/1977



Đ.c Đào Văn Giang
Chủ tịch Hội đồng
nhân dân xã khóa XV
từ 1994-01/1996



Đ.c Nguyễn Văn Đô
Chủ tịch Hội đồng
nhân dân xã khóa XV
từ 01/1996-1999



Phụ lục 8:

**CÁC PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY XÃ, CHỦ TỊCH HĐND
XÃ TỪ NĂM 1946 ĐẾN NAY**

1- Đồng chí: Đào Văn Viên

Phó Bí thư Chi bộ xã từ 10/1953-6/1954

- Sinh năm 1910 tại xóm Già- Huống Thượng- Đồng Hỷ- Thái Nguyên.

- Tham gia hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 8/1945.

- Vào Đảng: 06/5/1949; Chính thức: 29/8/1949.



- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 8/1945 làm Tổ trưởng Nông dân cứu quốc; tháng 7/1946, làm Tiểu đội trưởng dân quân; tháng 8/1947, làm Trưởng xóm Già, Trưởng Tiểu ban tản cư thôn; tháng 3/1948, làm Ủy viên BCH Hội Nông dân (nông hội) và từ 10/1948 Bí thư Hội Nông dân. Năm 1951, Huyện uỷ chỉ định làm Trưởng ban tạm cấp công điền thổ và ruộng đất vắng chủ của Pháp và Việt gian. Từ 10/1953, là Phó Bí thư Chi bộ kiêm Bí thư Hội Nông dân. Từ 2/1955, là Huyện uỷ viên, Huyện trưởng công an, Ủy viên UBHC huyện Đồng Hỷ. Từ 1959, là Trưởng

ban Tổ chức Huyện uỷ Đồng Hỷ. Từ 10/4/1960, là Uỷ viên Uỷ Ban Kiểm tra tỉnh uỷ Thái Nguyên.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

- Từ trần năm 1978, tại xóm Già, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

2- Đồng chí: Trịnh Hồng Vân

Phó Bí thư Chi bộ xã từ 8/1954- 1958

- Sinh năm 1912 tại thôn Do Nhân, xã Tiên Phong, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc. Trú quán tại xóm Hóc, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

- Trong kháng chiến chống Pháp tham gia BCH Nông hội xã. Từ 1954-1959, làm Bí thư Hội Nông dân xã. Từ 8/1954, làm Phó Bí thư Chi bộ xã. Từ năm 1959, là Uỷ viên Ban công tác nông thôn và Ban vận động xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp. Được bầu vào Ban quản trị Hợp tác xã xóm Hóc và Hóc Sộp.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.

- Từ trần ngày 17/5/1977 (tức 30/3 âm lịch), tại xóm Hóc- xã Huống Thượng- huyện Đồng Hỷ- tỉnh Thái Nguyên.

3- Đồng chí: Đào Thị Chí
Phó Bí thư Đảng uỷ từ 4/1976- 10/1977

- Sinh năm 1927, tại xóm Già - xã Huống Thượng - huyện Đồng Hỷ.

- Vào Đảng: 01/11/1949; Chính thức 09/9/1950.

- Quá trình công tác: Từ 10/1945 đến 12/1950, làm tổ trưởng và Phó Bí thư Phụ nữ xã. Năm 1951, đi Thanh niên xung phong. Từ 8/1952, đi dân công Tây Bắc. Từ 11/1952 đến 12/1953, làm Bí thư Phụ nữ xã. Từ 01/1954 đến 4/1954, cán bộ phụ vận huyện Đồng Hỷ. Từ 4/1954 đến 7/1955, cán bộ cải cách ruộng đất (CCRD) tỉnh Bắc Giang. Từ 11/1955-2/1957, tổ trưởng thông tin xóm Già. Từ 3/1961, Ủy viên Ban quản trị xóm Già. Từ 2/1967 đến ngày 22/8/1974, là Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch, Thường trực Uỷ ban. Từ 4/1976 đến 10/1977, là Phó Bí thư Đảng uỷ xã Huống Thượng.



- Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

Huy hiệu 40, 50, 60 năm tuổi Đảng.

4- Đồng chí Đào Văn Giang
Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã
khóa XV (1994 -01/1996)

- Sinh ngày 15/10/1943, tại xóm Già- Huống Thượng
- Đồng Hỷ.

- Vào Đảng: 30/12/1967; Chính thức: 30/9/1968.

- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 7 năm 1961, nhập ngũ được Quân đội cử đi học văn hóa và đào tạo tại Học viện Công Binh-Trung Quốc. Cấp bậc chức vụ cao nhất trong Quân đội: Đại úy, Phó Bí thư Đảng ủy, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 72/Bộ Tư lệnh Công Binh. Tháng 3 năm 1983 về nghỉ hưu.



Từ 10/1985 đến 02/1988 là Phó Chủ nhiệm HTX Đồng Tiến. Từ 5/1987 là Đại biểu HĐND xã, Phó Chủ tịch UBND xã kiêm Phó Chủ nhiệm HTX. Từ tháng 12/1991 đến 01/1996 là Ủy viên Thường vụ Đảng ủy. Từ 3/1992 đến 01/1996 kiêm Chủ nhiệm HTX, kiêm Chủ tịch Hội Nông dân tập thể. Từ cuối 1992 đến 02/1994 kiêm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã. Từ 1994- 01/1996 là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã khóa XV.

- Khen thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

Huy hiệu 30 năm, 40 năm tuổi Đảng.

5- Đồng chí: Nguyễn Văn Đô
Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã
khóa XV (01/1996-1999)

- Sinh năm 1948 tại xóm Già- xã Huống Thượng Đồng Hỷ- Thái Nguyên.

- Vào Đảng: 09/4/1970; Chính thức 09/01/1971.

- Tóm tắt quá trình công tác: Tháng 11/1966, nhập ngũ, chiến đấu tại chiến trường B, K. Năm 1987, về nghỉ theo chế độ bệnh binh. Từ 1988 đến 1994, là Đảng uỷ viên, Uỷ viên Uỷ ban nhân dân xã, Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ, Thường trực Đảng. Từ 1994-1995, là Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã khóa XV. Từ 01/1996-1999, là Đảng uỷ viên, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã khóa XV. Từ 12/1999 đến 9/2003, là đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa XVI, cán bộ Văn hoá xã hội UBND xã. Từ 2003, là đảng viên Chi bộ xóm Già.



- Khen thưởng: Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba

Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.

** Ghi chú: Trong phụ lục 8, các đồng chí Phó Bí thư Chi bộ xã có thể chưa được đầy đủ, do từ năm 1946 – 1954 có rất ít thông tin hoặc tại liệu lưu trữ*

Phụ lục 9:**DANH SÁCH CẤP TRƯỞNG (QUYỀN TRƯỞNG)
CÁC BAN, NGÀNH CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ XÃ****I- Các Trưởng Công an.**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Nguyễn Kim Hường	1950-1951	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
2	Lê Quang Vinh	1951-1953	Trưởng Ban Công an
3	Nguyễn Ngọc Hình	1953-1954	Trưởng Ban Công an
4	Trần Văn Lương	1954-1957	Trưởng Ban Công an
5	Nguyễn Kim Tư	1958- 1963	Trưởng ban Công an
6	Hùng Thế Úc	1963 - 1965	Trưởng ban Công an
7	An Duy Hợp	1965-1967	Trưởng Ban Công an
8	Nguyễn Văn Chế	1967-1969	Phó Chủ tịch UB kiêm
9	Hùng Thế Úc	1969-1972	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
10	Ngô Văn Hào	1972-1975	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
11	Đặng Đình Chiến	1975-1977	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
12	Nguyễn Đình Sơn	1977-1981	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
13	Trần Kim Hùng	1981-1985	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
14	Đặng Đình Cường	1985-5/1987	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
15	Đặng Đình Chiến	5/1987-11/1989	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
16	Lê Viết Thạo	11/1989-1991	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
17	Lê Quang Hà	1992-1994	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
18	Dương Trọng Văn	1994-1997	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
19	Đoàn Bá Thu	1997-2004	Phó Chủ tịch UB xã kiêm
20	Nguyễn Minh Lợi	1994-nay	Trưởng Ban công an xã

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

II- Các xã đội trưởng, đại đội trưởng du kích

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Ôn Văn Thái	1947-1948	Ủy viên Quân sự kiêm XĐT
2	Cao Văn Thúc	1947-1948	Đại đội trưởng du kích
3	Nguyễn Sông	1948-1950	Ủy viên Quân sự kiêm XĐT
4	Nguyễn Văn Sở	1950-1952	Bí thư Chi bộ kiêm XĐT
5	Đặng Đình Ban	1952-1953	Xã đội trưởng
6	Tạ Văn Khay	1953-1954	Xã đội trưởng
7	Nguyễn Văn Ích	1954-1959	Phó chủ tịch UB kiêm
8	Lê Quang Vinh	1959-1961	Xã đội trưởng
9	Chưa xác định được tên ³⁴²	1961-1963	Xã đội trưởng
10	Đinh Thuần Huyền	1963-1969	Xã đội trưởng
11	Nguyễn Đình Sơn	1969-1977	Xã đội trưởng
12	Đặng Đình Cường	1977-1981	Xã đội trưởng
13	Trần Xuân Thắng	1981-1983	Xã đội trưởng
14	Đoàn Bá Lịch	1983-1987	Xã đội trưởng
15	Đặng Minh Sơn	1987- 5/1988	Bí thư Đoàn xã kiêm XĐT

³⁴² Có ý kiến cho là đồng chí Hùng Thế Trinh, nhưng Tổ sưu tầm biên soạn chưa tìm thấy tài liệu nào ghi chính thức tên đồng chí xã đội trưởng giai đoạn này, nên vẫn tạm thời để trống.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỠNG THƯỢNG (1946-2010)

16	Dương Xuân Viễn	5/1988-7/1988	Xã đội trưởng
17	Nguyễn Văn Tuấn	7/1988-3/1989	Xã đội trưởng
18	Dương Trọng Tường	3/1989-1990	Xã đội trưởng
19	Lê Quang Hà	1990-1992	Xã đội trưởng
20	Dương Trọng Văn	1992-1994	Xã đội trưởng
21	Vương Văn Bằng	1994-2004	Xã đội trưởng
22	Đoàn Bá Thu	2004-nay	Xã đội trưởng

III- Các Trưởng ban Mặt trận, Chủ tịch Mặt trận xã.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Dương Trọng Hữu	1946-1948	Chủ nhiệm Việt Minh Đồng Tiến
2	Dương Văn Tuất	1948-1950	Chủ nhiệm Việt Minh Đồng Tiến
3	Hùng Thế Hổ	1946-1949	Chủ tịch Liên Việt xã Đồng Tiến
4	Nguyễn Ngọc Hưng	1949-1951	Chủ tịch Liên Việt xã Đồng Tiến
5	Nguyễn Viết Quân	1951-1961	Trưởng ban Mặt trận xã ³⁴³
6	Nguyễn Văn Khấn	1961-1965	Trưởng ban Mặt trận xã
7	Trần Văn Ngà	1965-1971	Trưởng ban Mặt trận xã
8	Nguyễn Cát Lượng	1971-1974	Trưởng ban Mặt trận xã

³⁴³ Từ ngày 03 đến 07/3/1951, cấp Trung ương tổ chức Đại hội hợp nhất Việt Minh và Liên Việt lấy tên là Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Hội Liên Việt. Tại xã Đồng Tiến hợp nhất vào nửa cuối năm 1951.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

9	Cao Văn Thung	1974-1975	Trưởng ban Mặt trận xã
10	Nguyễn Ngọc Hinh	1976-1977	Trưởng ban Mặt trận xã
11	<i>Chưa xác định được tên</i>	1977-1982	Trưởng ban Mặt trận xã
12	Đình Chuyển Dục	1982-1988	Trưởng ban Mặt trận xã
13	Ngô Văn Hào	1988-1991	Chủ tịch Mặt trận xã
14	Dương Quang Lộc	1991-1992	Chủ tịch Mặt trận xã
15	Đào Văn Giang	1992-4/1994	Chủ tịch Mặt trận xã
16	Nguyễn Thị Toàn	4/1994-1995	BTDU kiêm Chủ tịch Mặt trận xã
17	Lê Viết Thạo	1995-2000	BTDU kiêm Chủ tịch Mặt trận xã
18	Đặng Đình Trần	2000-2004	Chủ tịch Mặt trận xã
19	Cao Văn Lợi	2004- nay	Chủ tịch Mặt trận xã

IV- Các Bí thư Chi đoàn, Bí thư Đoàn xã.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Đặng Đình Kien	1946-1948	Bí thư chi đoàn
2	Trần Văn Tam	1948-1949	Bí thư chi đoàn
3	<i>Chưa xác định được tên³⁴⁴</i>	1950-1953	Bí thư chi đoàn
4	Nguyễn Văn Chẽ	1953-1958	Bí thư chi đoàn

³⁴⁴ Theo các nhân chứng, đồng chí Bí thư Chi đoàn Đồng Tiến giai đoạn 1950-1953 là người thôn Linh Nham (cũ) nhưng không có ai nhớ được tên. Đồng chí này có đặc điểm bị bệnh gì đó ở vùng mũi gây chảy máu cam liên tục nhiều ngày và sau đó đã tử trần. Riêng đồng chí Kien ban đầu gọi là Chánh thư ký thanh niên.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

5	Nguyễn Thành Thái	1958-1959	Bí thư chi đoàn
6	Đỗ Ngọc	1959-1960	Bí thư chi đoàn
7	Nguyễn Đình Sơn	1960-1964	Bí thư Đoàn xã
8	Nguyễn Văn Du	1964-1967	Bí thư Đoàn xã
9	Vũ Thị Thuý Ёn	1967-1971	Bí thư Đoàn xã
10	Ngô Thị Viễn	1971-1972	Bí thư Đoàn xã
11	Trần Huy Thục	1972-1974	Bí thư Đoàn xã
12	Ngô Thuý Vần	1974-1978	Bí thư Đoàn xã
13	Nguyễn Song Thành	1978-1980	Bí thư Đoàn xã
14	Nguyễn Văn Chung	1980-1982	Bí thư Đoàn xã
15	Đặng Minh Sơn	1982-4/1988	Bí thư Đoàn xã
16	Nguyễn Thị Nền	4/1988- cuối 1988	Quyền Bí thư Đoàn xã
		cuối 1988-1990	Bí thư Đoàn xã
17	Nguyễn Minh Ứng	1990-1992	Bí thư Đoàn xã
18	Bùi Ngọc Lan	1992- 4/1994	Bí thư Đoàn xã
19	Trần Thị Hải	4/1994-1995	Chủ tịch Hội Phụ nữ kiêm
20	Đỗ Văn Nam	1995-1996	Bí thư Đoàn xã
21	Nguyễn Thị Nền	1996-2001	Bí thư Đoàn xã
22	Nguyễn Quốc Hùng	2001- nay	Bí thư Đoàn xã

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)**V- Các Bí thư, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã.**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Đặng Tuyết Vĩ	1946-1948	Bí thư Phụ nữ Cứu quốc
2	Nguyễn Thị Vịnh	1946-1950	Hội trưởng Hội LHPNVN xã
3	Dương Thị Sen	1948-1949	Bí thư Phụ nữ Cứu quốc
4	Dương Thúy Sen (Lan)	1949-1950	Bí thư Phụ nữ Cứu quốc
5	Nguyễn Thị Vịnh	1950-1952	Hội trưởng Hội LHPNVN xã ³⁴⁵
6	Đào Thị Chí	1952-1953	Hội trưởng Hội LHPNVN xã
7	Đoàn Thị Đảng	1953-1957	Hội trưởng Hội LHPNVN xã
8	Ngô Thuý Hoà	1957-1959	Hội trưởng Hội Phụ nữ xã
9	Nguyễn Thị Cấn	1959-1972	Hội trưởng Hội Phụ nữ xã
10	Đặng Tuyết Vĩ	1972-1979	Hội trưởng Hội Phụ nữ xã
11	Ngô Thuý Vần	1979-1989	Hội trưởng Hội Phụ nữ xã
12	Dương Thị Đàng	1990-2/1994	Hội trưởng Hội Phụ nữ xã
13	Trần Thị Hải	2/1994-1996	Chủ tịch Hội kiêm Bí thư Đoàn
14	Ngô Thuý Sửu	1996-2001	Chủ tịch Hội LHPNVN xã
15	Nguyễn Thị Ngân	2001- nay	Chủ tịch Hội LHPNVN xã

³⁴⁵ Trong kháng chiến chống Pháp, ở xã có 2 tổ chức Phụ nữ riêng là Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Phụ nữ Cứu quốc. Tháng 4 năm 1950, cấp Trung ương sáp nhập Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Phụ nữ Cứu quốc thành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Tháng 10 năm 1950 đồng chí Dương Thúy Sen, Bí thư Phụ nữ Cứu quốc xã Đồng Tiến, chuyển về quê chồng ở Cao Bằng; xã hợp nhất 2 tổ chức Phụ nữ thành Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đồng Tiến do đồng chí Nguyễn Thị Vịnh (là đảng viên) làm Hội trưởng.

VI- Các Bí thư, Chủ tịch Hội Nông dân xã.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	<i>Chưa xác định được tên</i>	1946-1948	Bí thư Nông dân (Nông hội)
2	Đào Văn Viên	1948-1951	Bí thư Nông dân (Nông hội)
3	Nguyễn Văn Bào	1951-1953	Bí thư Nông dân (Nông hội)
4	Đào Văn Viên	1953-1954	Bí thư Nông dân (Nông hội)
5	Trịnh Hồng Vân	1954-1960	Bí thư Nông dân (Nông hội)
6	Đinh Thuận Huyền	5/1979- 2/1988	Chủ nhiệm HTX kiêm CTNDTT ³⁴⁶
7	Ngô Văn Hào	5/1987-2/1988	Chủ tịch Hội Nông dân tập thể
8	Nguyễn Đình Ngự	2/1988-1991	Chủ nhiệm HTX kiêm CTNDTT
9	Đào Văn Giang	1991-1995	Chủ nhiệm HTX kiêm CTNDTT
10	Dương Trọng Nhã	1996-1998	Chủ tịch Hội Nông dân xã
11	Mai Thị Thu	1998-1999	Chủ tịch Hội Nông dân xã
12	Đặng Đình Chiến	1999-2002	Chủ tịch Hội Nông dân xã
13	Tạ Văn Minh	11/2002- 11/2007	Chủ tịch Hội Nông dân xã
14	Dương Thanh Hoàn	1/2008-5/2009	Chủ tịch Hội Nông dân xã
15	Nguyễn Văn Vĩnh	6/2009-nay	Chủ tịch Hội Nông dân xã

³⁴⁶ Chữ viết tắt Chủ tịch Nông dân tập thể (CTNDTT). Giai đoạn này đồng chí Đinh Thuận Huyền làm Chủ nhiệm HTX, kiêm Chủ tịch Nông dân tập thể. Đến tháng 5/1987 giao chức CTNDTT cho đồng chí Ngô Văn Hào, đến tháng 2/1988 lại do đồng chí Nguyễn Đình Ngự là Chủ nhiệm HTX kiêm nhiệm. Từ khi ông Dương Trọng Nhã làm Chủ tịch (1996) mới gọi lại là Hội Nông dân.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)**VII- Các Chủ tịch hội Cựu Chiến binh xã.**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Trương Văn Tuy	1990-11/1991	Chủ tịch lâm thời
2	Nguyễn Đình Ngự	11/1991-3/1996	Chủ tịch khoá I,II
3	Lê Hữu Hùng	3/1996-7/1998	Chủ tịch khoá III
4	Dương Văn Cầu	7/1998-9/2001	Chủ tịch khoá IV
5	Lê Quang Bình	10/2001-12/2006	Chủ tịch khoá V
6	Lê Hữu Hùng	12/2006-nay	Chủ tịch khóa VI

VIII- Chủ tịch, Hội trưởng các Hội tổ chức xã hội.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Đặng Đình Cừ	6/1994-2004	Chủ tịch Hội Người Cao tuổi
2	Nguyễn Lê Định	2004-12/2010	Chủ tịch Hội Người Cao tuổi
3	Đặng Đình Trân	từ 12/2010	Chủ tịch Hội Người Cao tuổi
4	Nguyễn Thị Toàn	2003-2010	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ
5	Nguyễn Văn Nguyên	3/2003- 2010	Chủ tịch Hội Khuyến học
6	Nguyễn Thị Nhung	1998-2009	Hội trưởng Hội cựu TNXP
7	Nguyễn Đình Ngạn	2009-2010	Hội trưởng Hội cựu TNXP
8	Tạ Văn Minh	2008-nay	Hội trưởng Hội nạn nhân Chất độc da cam

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

IX- Các Trưởng ban trong kháng chiến chống Pháp của xã.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Dương Văn Dục	1945-1954	Trưởng ban Giao thông đặc biệt
2	Nguyễn Văn Thảo	1945-1954	Trưởng ban Bình dân học vụ
3	Nguyễn Ngọc Hưng	1946-1949	Trưởng ban Di- tản cư Trưởng Ban Kinh tế
4	Tạ Văn Khay	1947-1948	Trưởng ban Phá hoại
5	Hùng Thế Hổ	1947-1950	Trưởng ban Bô lão
6	Đặng Đình Kiên	1948-1953	Trưởng ban Thống kê
7	Dương Đức Uyên	1947-1950	Trưởng ban Tiếp tế
8	Nguyễn Thị Vịnh ³⁴⁷	1947-1954	Hội trưởng Hội mẹ chiến sĩ
9	Chưa xác định được tên	1951-1954	Trưởng ban Thuế nông nghiệp
10	Chưa xác định được tên ³⁴⁸	1948-1951	Trưởng ban thông tin tuyên truyền

X- Các giáo viên phụ trách trường, Hiệu trưởng, Quyền Hiệu trưởng trường Tiểu học (cấp I) xã.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Thầy giáo Thái	1922-1925	Phụ trách trường	Quê Phố Hàng Vôi- Hà Nội
2	Thầy giáo Đản	1925-1928	Phụ trách trường	Quê Tiên Lữ- Hưng Yên
3	Nguyễn Văn Cầu	1928-1931	Phụ trách trường	Quê Thị xã Thái Nguyên Trú tại xóm Hóc

³⁴⁷ Cũng còn có ý kiến khác.

³⁴⁸ Có ý kiến cho là ông Dương Trọng Lý.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

4	Lê Văn Xuân	1931-1934	Phụ trách trường	
5	Trần Văn Hảo	1934-1935	Phụ trách trường	Quê Phù Liên-Thái Nguyên
6	Nguyễn Văn Bảng	1941-1945	Phụ trách trường	Xóm Hóc-Huống Thượng
7	Đào Văn Bảy	1946- 1951	Hiệu trưởng	Quê Bạch Hạc-Việt Trì
8	Nguyễn Đình Đại	1952-1955	Hiệu trưởng	
9	Nguyễn Văn Thụ	1955-1963	Hiệu trưởng	
10	Trần Tương Như	1963-1966	Hiệu trưởng	Lên trường phòng GD huyện
11	Vũ Sinh Hương	1966-1969	Hiệu trưởng	
12	Ngô Mạnh Chí	1969-1972	Hiệu trưởng	Xóm Già- Huống Thượng
13	Cao Xuân Hiệp	1972-1975	Hiệu trưởng	Xóm Cây- Huống Thượng
14	Nguyễn Hữu Nghi	1975-1976	Hiệu trưởng	Xóm Cây- Huống Thượng
15	Nguyễn Đình Thành	1976-1979	Hiệu trưởng	Chung trường cấp I+II
16	Nguyễn Vũ Lữ	1979-1981	Q. Hiệu trưởng	//
17	Phạm Xuân Mão	1981-1986	Hiệu trưởng	Chung trường cấp I+II
18	Lê Đảo	1986-1989	Hiệu trưởng	//
19	Nguyễn Bá Giảng	1989-1991	Hiệu trưởng	//
20	Dương Văn Việt	1991-1996	Hiệu trưởng	Tách ra trường Tiểu học
	Nguyễn Văn Nguyên	1996-2002	Hiệu trưởng	//
22	Đỗ Thuý Quỳnh	2002- nay	Hiệu trưởng	//

**XI- Các Hiệu trưởng, Quyền Hiệu trưởng trường
Trung học Cơ sở (cấp II) xã.**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Tường	1963-1964	Hiệu trưởng	Trường cấp II
2	Nguyễn Văn Lô	1964-1969	Hiệu trưởng	//
3	Trần Du	1969-1972	Hiệu trưởng	//
4	Dương Thuý Châu	1972-1976	Hiệu trưởng	//
5	Nguyễn Đình Thành	1976-1979	Hiệu trưởng	Chung trường cấp I+II
6	Nguyễn Vũ Lữ	1979-1981	Q.Hiệu trưởng	//
7	Phạm Xuân Mão	1981-1986	Hiệu trưởng	//
8	Lê Đảo	1986-1989	Hiệu trưởng	//
9	Nguyễn Bá Giảng	1989-1991	Hiệu trưởng	//
10	Trương Diễm Thuý	1991-1996	Hiệu trưởng	Tách ra trường THCS
11	Dương Văn Việt	1996-2006	Hiệu trưởng	//
12	Dương Thị Minh Hoà	2006-2010	Hiệu trưởng	//
13	Đỗ Viết Chung	2010- nay	Hiệu trưởng	//

(Từ 1977 sáp nhập thành Trường Cấp I+II, đến 1991 tách thành THCS và Tiểu học)

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

XII- Các lãnh đạo giáo dục mẫu giáo mầm non của xã

Nhà trẻ, mẫu giáo có từ thời kỳ các HTX nhỏ, từng HTX cử người trông coi trẻ và trả thù lao bằng công điểm. Từ 1979, HTX toàn xã mới có chức vụ Chủ nhiệm Nhà trẻ Mẫu giáo. Ngày 4/2/1998 Trường Mầm non bán công được thành lập đến năm 2010 trở thành trường công lập

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Dương Thị Đang	1979 – 1985 1994 – 1998	Chủ nhiệm nhà trẻ, mẫu giáo
2	Mai Thị Lịch	1985 - 1994	Chủ nhiệm nhà trẻ, mẫu giáo
3	Bùi Thị Lý	1998 – 2002	Hiệu trưởng Trường mầm non
4	Trần Mai Lan	2002 - nay	Hiệu trưởng Trườngmầm non

XIII- Các Trưởng ban Y tế- Trạm trưởng Y tế của xã.

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Y tá: Phạm Quang Căn	1947-1949	Trưởng ban Y tế xã (sau là Y sĩ)
2	Y tá: Đặng Đình Trụ	1949-1953	Trưởng ban Y tế xã
3	Y tá: Lê Quang Ất	1954-1959	Trưởng ban Y tế xã
4	Y tá: Đặng Đình Trụ	1960-1965	Trạm trưởng Y tế xã
5	Y sĩ: Nguyễn Đức Giáp	8/1965-1986	Trạm trưởng Y tế xã
6	Y sĩ: Phạm Minh Hưng	1986-7/1988	Trạm trưởng Y tế xã
7	Bác sĩ: Tô Văn Cầu	7/1988-10/1989	Trạm trưởng Y tế xã
8	Y sĩ: Tạ Văn Hải	10/1989-3/1990	Quyền Trạm trưởng Y tế xã
9	Y sĩ: Nguyễn Văn Như	3/1990-4/1998	Trạm trưởng Y tế xã
10	Bác sĩ: Tạ Văn Hà	4/1998- nay	Trạm trưởng Y tế xã

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)**Phụ lục 10:****DANH SÁCH CON EM XÃ HUỐNG THƯỢNG
THÀNH ĐẠT TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN HỌC**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Thuộc xóm	Bằng cấp, bậc học
1	Nguyễn Kim Ninh	1941	Trám	Tiến sĩ ngành Nông nghiệp
2	Dương Anh Phố	1941	Thông	Tiến sĩ ngành Khí tượng-Thủy văn
3	Đoàn Bá Ân	1938	Cậy	Giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Kinh tế-Tài chính; Đại học Lâm nghiệp và Đại học Ngoại ngữ.
4	Nguyễn Thị Lan	1955	Bầu	Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Thạc sĩ, Trưởng khoa nội viện ĐKTƯTN
5	Đào Văn Khiêm	1958	Già	Thạc sĩ - Giảng viên ĐH Thủy lợi Hà Nội
6	Dương Thị Lương	1975	Già	Thạc sĩ ngành Hóa học
7	Nông Thị Thu Hiền	1981	Cậy	Giải nhất Quốc gia cuộc thi Biển Đảo Việt Nam năm 2009 do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức 2009; Cao học Luật
8	Lê Quang Sơn	1975	Cậy	Thạc sĩ Văn học
9	Nguyễn Thị Bạch Kim	1959	Đảng	Thạc sĩ Toán học
10	Cao Thị Hoàn	1981	Đảng	Thạc sĩ Triết học
11	Cao Thị Phương Nhung	1984	Đảng	Thạc sĩ Triết học
12	Lê Thị Lan	1988	Đảng	Thủ khoa Đại học Y-Dược Thái Nguyên 2006

Phụ lục 11:

**DANH SÁCH CON EM XÃ HUỐNG THƯỢNG THÀNH ĐẠT
(là sĩ quan cao cấp và cán bộ lãnh đạo cấp sở, ngành
và tương đương)**

TT.	Họ và tên	Năm sinh	Thuộc xóm	Cấp bậc hoặc chức vụ
1	Hùng Thế Bằng (tức Bang)	1917	Bầu	Đại tá Quân đội.
2	Hùng Đô (tức Kim Sơn)	1936	Bầu	Phó Giám đốc Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Thái.
3	Nguyễn Trung Hòa	1937	Bầu	Đại tá Quân đội.
4	Dương Văn Hà	1957	Bầu	Thượng tá Quân đội.
5	Nguyễn Lê Trung	1960	Bầu	Thượng tá Công an
6	Đoàn Bá Khẩn	1932	Cậy	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Thái.
7	Nguyễn Đình Đăng ⁽¹⁾	1932	Cậy	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái.
8	Ngô Thúy Hòa ⁽¹⁾	1935	Cậy	Ủy viên TWHLHPNVN. Chủ tịch Hội LH Phụ nữ tỉnh Bắc Thái.
9	Nguyễn Thị Quỳnh Hương ⁽¹⁾	1970	Cậy	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên.
10	Lê Thành Đô	1949	Cậy	Phó Giám đốc sở Điện lực Bắc Kạn
11	Nguyễn Ngọc Lâm	1956	Cậy	Thượng tá Quân đội.
12	Vũ Ngọc Bàn ⁽²⁾	1948	Cậy	Phó Giám đốc Sở Nội vụ Thái Nguyên.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỠNG THƯỢNG (1946-2010)

13	Trần Thị Phú ⁽²⁾	1948	Gò Chè	Phó Bí thư Đảng ủy Cơ quan tỉnh Thái Nguyên.
14	Nguyễn Văn Thái	1960	Gò Chè	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.
15	Nguyễn Cát Trinh	1926	Già	Đại tá Quân đội.
16	Nguyễn Tiến Cử	1952	Già	Thượng tá Công an
17	Đào Văn Đồng	1960	Già	Thượng tá Công an.
18	Ngô Sơn Hà	1956	H.Trung	Đại tá Quân đội.
19	Trương Thanh Bình	1935	Sộp	Đại tá Quân đội.
20	Dương Văn Phương	1930	Thông	Đại tá Công an.
21	Dương Anh Phố	1941	Thông	Phó Giám đốc Đài khí tượng-Thủy văn khu vực (6 tỉnh phía bắc).
22	Nguyễn Văn Bình	1955	Trám	Thượng tá công an
23	Nguyễn Văn Chiến	1959	Trám	Thượng tá Quân đội
24	Nguyễn Kim Nghiêm	1954	Trám	Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ. Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

(1): Một gia đình (bố, mẹ và con gái)

(2): Hai vợ chồng

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TT	Tên Tài liệu	Tác giả- Cơ quan quản lý- Nhà xuất bản, người cung cấp
1	Đại Việt sử ký toàn thư	Ngô sĩ Liên
2	Việt Nam sử lược	Trần Trọng Kim
3	Địa chí Thái Nguyên	NXB Chính trị Quốc gia -2009
4	Thân Cảnh Phúc trong kháng chiến chống quân Tống	GS Phan Huy Lê
5	Nghê An ký	Bùi Dương Lịch, NXB KHXH-1997
6	Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại	Sở Văn hoá TT-TTNN & Viện Sử học - Thái Nguyên 1997
7	Về các cuộc khởi nghĩa Vũ trang	Nguyễn Văn Kiệm-Nghiên cứu
8	Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX thuộc từ Nghệ-Tĩnh trở ra	Viện Hán Nôm- NXB KHXH
9	Tên làng xã và Địa chí các tỉnh Bắc Kỳ năm 1925	Ngô Vi Liên-NXB VH-TT Hà Nội-1999
10	Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam	Hà Văn Thư &Trần Hồng Đức-VHTT-1999
11	Đại Nam chính biên liệt truyện	
12	Lịch sử Đảng bộ huyện Đông Hỷ	
13	Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên	
14	Huyện Đông Hỷ lịch sử kháng chiến chống xâm lược	
15	Các Tài liệu lưu trữ.	Văn phòng huyện uỷ huyện Đông Hỷ
16	Các Tài liệu lưu trữ	Văn phòng Tỉnh uỷ Thái Nguyên.
17	Các Tài liệu lưu trữ	Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên
18	Các Tài liệu lưu trữ tại Viện thông tin KHXH Việt Nam.	26- Lý Thường Kiệt-Hà Nội
19	Các Tài liệu tại Viện Sử học	38-Hàng Chuối- Hà Nội

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

20	Các Tài liệu tại Viện Hán Nôm	138- Đảng Tiến Đồng Hà Nội
21	Các Tài liệu lưu trữ	Phòng Lịch sử Đảng Thái Nguyên
22	Các Tài liệu lưu trữ	Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên
23	Các Tài liệu lưu trữ tại	Sở Văn hoá-DL-TT Thái Nguyên
24	Các Tài liệu lưu trữ tại Quân khu I	Bảo tàng Quân khu I
25	Hồ sơ chính trị xã Đồng Tiến	Công an huyện Đồng Hỷ-1968
26	Gia phả họ Lê (Xóm Cây-Hóc-Trám)	Lê Trung Đài
27	Gia phả họ Trần (Xóm Sộp)	Trần Văn Khuê
28	Gia phả họ Dương (Xóm Thông)	Dương Quang Lộc
29	Gia phả họ Dương Trọng (Xóm Cây)	Dương Trọng Xuân
30	Gia phả họ Dương Văn (Xóm Cây)	Dương Văn Minh
31	Gia phả họ Nguyễn Văn (Xóm Hóc)	Nguyễn Văn Lâm
32	Gia phả họ Nguyễn (Túc Duyên - Huống Thượng)	Nguyễn Ngọc Thìn
33	Gia phả họ Đỗ (Huống Trung)	Đỗ Văn Loan
34	Gia phả họ Phạm Viết (Huống Trung)	Phạm Viết Soi
35	Gia phả họ Nông (Nguyễn)	Nguyễn Văn Chúc
36	Gia phả họ Tạ (Xóm Trám)	Tạ Quang Cử
37	Nhật ký, sổ công tác của các đồng chí	Nguyễn Ngọc Hình Nguyễn Đình Sơn Nguyễn Đình Ngự Ngô Văn Hào (HT) Dương Trọng Căn Nguyễn Thị Nền Đặng Minh Sơn Cao Xuân Mai

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình xuất bản cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Hướng Thượng giai đoạn (1946-2010). Đảng uỷ xã đã nhận được sự quan tâm ủng hộ về kinh phí của các tập thể, cá nhân góp phần để cuốn Lịch sử được thành công tốt đẹp.

Đảng uỷ xin trân trọng cảm ơn các tập thể, gia đình các ông bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Quê xóm	Chỗ ở hiện nay	Số tiền (đồng)
1	Đại đức Thích Chúc Tiếp		Phú Nông tự xã Hướng Thượng	2.000.000
2	Đặng Thị Cường	Đảng	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	2.000.000
3	Nguyễn Văn Huy	Già	Đồng Anh- Hà Nội	2.000.000
4	Nguyễn Văn Phong	Bầu	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	1.000.000
5	Lê Thành Đô	Cây	Quận Ba Đình TP Hà Nội	1.000.000
6	Dương Văn Hùng (Thắng)	Cây	P. Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên	1.000.000
7	Ng. Quỳnh Hương (Trình)	Cây	P. Gia Sàng TP Thái Nguyên	1.000.000
8	Dương Thị Minh Hoà	Đảng	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	1.000.000
9	Nguyễn Ngọc Tĩnh	Đảng	Ảnh viện áo cưới Tĩnh Tuyết	1.000.000
10	Phan Tuấn Lâm	Già	P. Trưng Vương TP Thái Nguyên	1.000.000
11	Nguyễn Văn Thái	Gò Chè	P. Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên	1.000.000
12	Ngô Sơn Hà	H.Trung	P. Trưng Vương TP Thái Nguyên	1.000.000

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HƯỚNG THƯỢNG (1946-2010)

13	Nguyễn Thị Nguyệt	H.Trung	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	1.000.000
14	Đoàn Bá Quang	Trám	Xóm Trám Hướng Thượng	1.000.000
15	Trần Văn Quang	Sộp	P. Đồng Quang TP Thái Nguyên	1.000.000
16	Nguyễn Kim Thoa	Bầu	P. Trưng Vương TP Thái Nguyên	600.000
17	Nguyễn Thị Định	Bầu	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	500.000
18	Hùng Thị Thu	Bầu	Nhà hàng Thu Viên P.Hoàng Văn Thụ	500.000
19	Nguyễn Thanh Bình	Cây	Doanh nghiệp Nga Nguyên Xóm Cây – Hướng Thượng	500.000
20	Nguyễn Văn Dương	Cây	Doanh nghiệp Nga Nguyên Xóm Cây – Hướng Thượng	500.000
21	Nguyễn Thị Hà	Cây	P. Túc Duyên TP Thái Nguyên	500.000
22	Nguyễn Văn Hải	Cây	Quận Ba Đình TP Hà Nội	500.000
23	Ngô Thúy Hòa	Cây	Xóm Cây- Hướng Thượng	500.000
24	Nguyễn Hoàng	Cây	Xóm Cây-Hướng Thượng	500.000
25	Dương Đại Lộc	Cây	P. Giang Biên-Long Biên TP Hà Nội	500.000
26	Dương Trọng Nhân	Cây	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	500.000
27	Lê Thanh Nghị	Cây	P.Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên	500.000
28	Đoàn Bá Toán	Cây	P. Quang Trung TP Thái Nguyên	500.000
29	Trần Việt Thắng	Cây	TT Chùa Hang- Đồng Hỷ	500.000
30	Dương Văn Trịnh	Cây	TT Chùa Hang- Đồng Hỷ	500.000
31	Dương Trọng Văn	Cây	Xóm Cây- Hướng Thượng	500.000
32	Nguyễn Hữu Canh	Già	Xóm Già - Hướng Thượng	500.000

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

33	Nguyễn Xuân Phương	Già	Xóm Già - Huống Thượng	500.000
34	Dương Văn Yến	Già	Xóm Già - Huống Thượng	500.000
35	Nguyễn Văn Chung	H.Trung	Xóm Trám-Huống Thượng	500.000
36	Ngô Phú Bình	H.Trung	Xã Quyết Thắng TP Thái Nguyên	500.000
37	Nguyễn Văn Kiểm	H. Trung	Huống Trung Huống Thượng- Đồng Hỷ	500.000
38	Đoàn Thị Mùi	Sộp	P. Túc Duyên TPTN	500.000
39	Nguyễn Đình Sơn	Sộp	P.Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	500.000
40	Nguyễn Đình Xuyên	Sộp	Xóm Sộp- Huống Thượng	500.000
41	Nguyễn Trọng Thuỷ	Thông	P.Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	500.000
42	Nguyễn Kim Nghiêm	Trám	Tam Thái- Hoá Thượng Đồng Hỷ	500.000
43	Đoàn Bá Phụng	Cây	P. Túc Duyên TP Thái Nguyên	300.000
44	Lê Công Hào	Gò Chè	Tổ 13-TT Chùa Hang Đồng Hỷ	300.000
45	Nguyễn Tiểu Khương	Trám	Hương Mạc-Từ Sơn Bắc Ninh	300.000
46	Nguyễn Thị Nhung	Trám	Xóm Trám- Huống Thượng	300.000
47	Dương Hồ	Cây	P. Quán Triều TP Thái Nguyên	250.000
48	Dương Du Giang	Cây	Đồng Bầm TP Thái Nguyên	250.000
49	Nguyễn Hữu Tiết	Cây	P. Trung Vương TP Thái Nguyên	250.000
50	Lê Quang Hiến	Cây	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	200.000
51	Nguyễn Hữu Lễ	Cây	P. Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên	200.000
52	Dương Văn Minh	Cây	Xóm Cây-Huống Thượng	200.000

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HUỐNG THƯỢNG (1946-2010)

53	Trần Thu Viên	Sộp	Sơn Cẩm- Phú Lương Thái Nguyên	200.000
54	Tạ Văn Chiến	Trám	Võ Nai- Thái Nguyên	200.000
55	Trần Văn Tam (91 tuổi)	Cây	Xóm Cây- Huống Thượng	100.000
56	Chi bộ xóm Bầu	11 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	550.000
57	Chi bộ Xóm Cây	44 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	2.200.000
58	Chi bộ xóm Đảng	21 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	1.050.000
59	Chi bộ xóm Già	16 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	900.000
60	Chi bộ Gò Chè	11 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	600.000
61	Chi bộ Huống Trung	13 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	650.000
62	Chi bộ xóm Hóc	12 đv	Xóm Hóc xã Huống Thượng	600.000
63	Chi bộ xóm Sộp	17 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	850.000
64	Chi bộ xóm Thông	11 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	550.000
65	Chi bộ Xóm Trám	32 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	1.700.000
66	Chi bộ Cơ quan xã	17 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	1.150.000
67	Chi bộ Mầm Non	11 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	650.000
68	Chi bộ Trường Tiểu học	18 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	900.000
69	Chi bộ Trường THCS	18 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	1.000.000
70	Chi bộ Y Tế	4 đv	Đảng bộ xã Huống Thượng	200.000
	Tổng cộng			48.200.000

Đảng ủy rất mong được sự quan tâm đóng góp ý kiến phê bình xây dựng, cung cấp các tư liệu mà trong quá trình sưu tầm biên soạn chưa khai thác hết được để lần tái bản sau được tốt hơn. Mọi sự đóng góp xin gửi về Đảng ủy xã Huống Thượng-huyện Đông Hỷ-tỉnh Thái Nguyên; Điện thoại: 02803 650 066; Bí thư Đảng ủy Dương Trọng Văn (ĐD 0912 488 747); Dương Xuân Viên, Ủy viên Thường vụ (ĐD 0912 600 742) hoặc

Email: Lienlamlienlam@yahoo.com.vn

(ĐD 0127 453 0043).

MỤC LỤC

1.	Lời giới thiệu.	5
2.	Chương I: Điều kiện tự nhiên, dân cư – xã hội, truyền thống trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước.	9
3.	Chương II: Xã Huống Thượng trước, trong cao trào Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược.	61
4.	Chương III: Chi - Đảng bộ xã Đồng Tiến lãnh đạo nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	145
5.	Chương IV: Đảng bộ xã Huống Thượng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975 – 1985).	215
6.	Chương V: Đảng bộ xã Huống Thượng thời kỳ đổi mới (1986 – 2010).	247
7.	Kết luận.	339
8.	Phân phụ lục tổng hợp.	345
9.	Các tài liệu tham khảo.	417

In 550 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty cổ phần In Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 36/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên cấp ngày 05/8/2011. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10-2011.